

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

**HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN -
TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

**HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN -
TỔ CHỨC TIỀN THÂN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MÃ SỐ: 9 22 90 15

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học

1: PGS, TS. Nguyễn Mạnh Hà

2: TS. Vũ Ngọc Lương

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, không trùng lặp, sao chép của bất cứ ai. Các số liệu, kết luận trong luận án đảm bảo tính khách quan, trung thực, có nguồn rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Như Quỳnh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	8
1.1. Công trình nghiên cứu của các học giả trong nước.....	9
1.2. Công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài.....	27
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu.....	35
Chương 2. BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN (6/1925)	40
2.1. Bối cảnh lịch sử.....	40
2.2. Sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên	59
Chương 3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, CHUYỂN HÓA CỦA HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN (TỪ THÁNG 6 NĂM 1925 ĐẾN ĐẦU NĂM 1930)	70
3.1. Quá trình hoạt động, phát triển của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6/1925 – 8/1928).....	70
3.2. Từ quá trình chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đến Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (9/1928 – 2/1930)	96
Chương 4. NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM	116
4.1. Nhận xét	116
4.2. Một số kinh nghiệm	141
KẾT LUẬN	156
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	160

DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam
ĐDCSLĐ	Đông Dương Cộng sản Liên đoàn
GPDT	Giải phóng dân tộc
Hội VNCMTN	Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên
NXB.	Nhà xuất bản
QTCS	Quốc tế Cộng sản
TVCMD	Tân Việt cách mạng Đảng
tr.	Trang
VNQPH	Việt Nam Quang phục hội
VNQĐĐ	Việt Nam Quốc dân Đảng

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Cách mạng muốn thành công thì trước hết cần có gì? Trước hết cần có Đảng cách mạng. Tuy nhiên, Đảng đó chỉ hoàn thành nhiệm vụ khi có lý luận tiên phong dẫn đường. Nhưng lý luận của Mác chỉ là nền móng và những người xã hội xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt để phù hợp với đặc thù của từng quốc gia. Có như vậy thì cách mạng mới thành công và thành công đến nơi.

Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, cách mạng Việt Nam sẽ phải làm như thế nào để giải quyết hàng loạt những thử thách do lịch sử đặt ra nhằm giành độc lập cho dân tộc, tự do cho Tổ quốc khi có tới hơn 90% người dân mù chữ, cộng thêm vào đó là chính sách cai trị thực dân, phong kiến vô cùng tàn bạo của đế quốc Pháp và tay sai?

C.Mác từng nói: “Mỗi thời đại xã hội đều cần có những con người vĩ đại của nó và nếu nó không tìm ra những người như thế, thì... nó sẽ nặn ra họ” [113, tr. 88]. Và, Nguyễn Ái Quốc xuất hiện chính là sản phẩm sự vận động lịch sử của thời kỳ đó. Là một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc quyết tâm “...muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác... Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” [147, tr. 14]. Tháng 7 năm 1920, khi đọc được bản “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra được “cẩm nang” để GPDT: “Muốn cứu nước, GPDT không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30]. Đồng thời, Người cũng nhận định: “Làm cách mạng chẳng những phải có đường lối chính trị đúng đắn mà còn phải biết cách tổ chức” [46, tr. 68-69] ... và “các tổ chức cách mạng ngày nay không dựa trên nền tảng công nông thì khó mà vững mạnh” [46, tr. 69-70]. Theo đó, sau khi gặp nhóm thanh niên yêu nước người Việt của tổ chức “*Tâm Tâm xã*” tại Quảng Châu (Trung Quốc) vào cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thành viên xuất sắc của tổ chức này lập nên nhóm “*Cộng sản Đoàn*” (2/1925) và đến tháng 6/1925, Hội VNCOMTN được thành lập, cùng tờ báo “*Thanh niên*” – cơ quan ngôn luận của Hội, với hy vọng: “Nó là quả trứng, mà từ đó, nở ra con chim non cộng sản (Đảng Cộng sản)” [47, tr. 21].

Trên thực tế, lịch sử cách mạng Việt Nam đã diễn ra đúng như nhận định của Người. Từ khi ra đời cho đến đầu năm 1930, Hội VNCOMTN dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện xuất sắc công tác chuẩn bị đầy đủ các yếu tố cần thiết để thành lập ĐCSVN. Hay nói theo một cách khác, quá trình Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ cho sự thành lập của chính Đảng

vô sản ở Việt Nam cũng chính là hành trình Hội VNCMTN hoàn thành sứ mệnh lịch sử với tư cách là tổ chức tiền thân của ĐCSVN trong sự nghiệp cách mạng dân tộc.

Theo vtudien.com [232], “*Tiền thân*” là hình thức tổ chức trước kia trong quan hệ với hình thức phát triển về sau; là tổ chức có trước, biến ra tổ chức về sau.

Hay như informatik.uni-leipzig.de [234], “*Tiền thân*” là tổ chức có trước, biến ra tổ chức về sau.

Còn theo vi.wiktionary.org [233], “*Tiền thân*” là tổ chức có trước, trở thành tổ chức có sau.

Theo cuốn Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê do NXB. Hồng Đức phát hành năm 2021, tổ chức “*Tiền thân*” là “hình thức tổ chức trước kia trong quan hệ với hình thức phát triển về sau, là tổ chức có trước biến ra tổ chức về sau” [138, tr. 1248].

Như vậy, “*Tiền thân*” trong tổ chức tiền thân dùng để chỉ sự vận động trong quan hệ giữa tổ chức trước kia và hình thức phát triển về sau. Ở đây “sự vận động trong quan hệ” chính là sự vận động về bản chất tổ chức từ lúc tổ chức đó ra đời và phát triển đến hình thức tổ chức hoàn chỉnh. Đồng thời, việc “biến” từ tổ chức có trước thành tổ chức có sau là quá trình biến đổi về chất của tổ chức có trước. Và trong phạm vi nghiên cứu, luận án đề cập đến tính chất khác biệt để phân biệt tổ chức này với tổ chức khác bởi chứng minh Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN là chứng minh cho mối quan hệ về bản chất cũng như làm rõ quá trình biến đổi về chất đó. Cụ thể:

Trong Điều lệ của Hội VNCMTN, ngay tại mục Tôn chỉ đã phản ánh bản chất giai cấp công nhân của Hội. Biểu hiện trên thực tế của bản chất này về mặt tư tưởng, chính trị là Hội VNCMTN không chỉ lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm cốt mà các hội viên còn tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về trong nước; Biểu hiện về mặt tổ chức là Hội hoạt động theo nguyên tắc sinh hoạt Đảng kiểu mới của Lênin. Hơn nữa, Hội VNCMTN luôn luôn hoạt động và phát triển, quá trình vận động ấy đã tạo ra những tiền đề cần thiết để Hội có sự chuyên biến về cả số lượng và chất lượng hội viên. Từ đó, làm cho không chỉ tính nhân dân và dân tộc của Hội luôn được gìn giữ, phát huy mà bản chất giai cấp công nhân của Hội càng được tăng cường hơn. Tất cả những điều này chính là quá trình Hội VNCMTN thực hiện nhiệm vụ, mục đích để giải quyết nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ giai cấp mà Hội đã đề ra trên thực tế ở Việt Nam. Trong quá trình đó, sự gia tăng số lượng hội viên có xuất thân từ thành phần công nhân trong tổ chức Hội tỷ lệ thuận với sự giác ngộ về sứ mệnh của giai cấp mình đối với lịch sử dân tộc, đó là cách mạng muốn thành công trước hết cần có Đảng cách mạng, đã dẫn đến kết quả giữa năm 1929, Hội VNCMTN phân hóa thành các tổ chức cộng sản và đến đầu năm 1930, ĐCSVN ra đời. Với tất cả những hoạt động như vậy, thì ở Việt Nam đầu thế kỷ

XX, chỉ duy nhất Hội VNCMTN làm được. Tuy nhiên, ĐCSVN có bản chất như thế nào mà có thể khẳng định, Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân?

Điều lệ ĐCSVN khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam” [53, tr. 88]. Rất rõ ràng, ĐCSVN mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Điều đó cho thấy Hội VNCMTN thực sự là tổ chức có trước “*quan hệ với*” ĐCSVN – tổ chức có sau về bản chất giai cấp công nhân. Và, việc “*biến*” từ tổ chức có trước (Hội VNCMTN) thành tổ chức có sau (ĐCSVN) là chính quá trình gia tăng về số lượng hội viên là công nhân và biến đổi trình độ giác ngộ của hội viên (Đảng viên) cũng như hệ thống tổ chức (bao gồm cả hệ thống tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng).

Cho đến nay, trong khi số lượng tác phẩm nghiên cứu lịch sử Đảng từ khi ĐCSVN ra đời có rất nhiều, thì những tác phẩm nghiên cứu giai đoạn hình thành nên chính Đảng vô sản ở Việt Nam còn khá khiêm tốn. Trong đó, công trình nghiên cứu toàn diện tổ chức Đảng trên các phương diện: chính trị - tư tưởng, tổ chức – cán bộ thì lại càng ít hơn. Đặc biệt, công trình nghiên cứu dưới góc độ lịch sử Đảng về tổ chức cách mạng thực hiện vai trò là tổ chức tiền thân của ĐCSVN thì chưa có. Xuất phát từ yêu cầu “lấp đầy khoảng trống lịch sử”, đồng thời đảm bảo tính hệ thống trong công tác tìm hiểu lịch sử ĐCSVN, nghiên cứu Hội VNCMTN để phản ánh khách quan quá trình vận động của tổ chức từ “Hội” chuyển hóa thành ĐCSVN. Bên cạnh đó, bổ sung thêm các sự kiện cũng như nội dung nhằm làm sáng tỏ những đóng góp đặc biệt quan trọng của Hội và Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập chính Đảng vô sản ở Việt Nam. Từ đó, khẳng định Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

Cuối cùng, xuất phát từ nhu cầu của bản thân tác giả, là một người Việt Nam, là một người nghiên cứu và giảng dạy khoa học xã hội, với khao khát “tường gốc tích nước nhà Việt Nam” để không ngừng hoàn thiện kiến thức của mình và truyền lửa đến các thế hệ người học thông qua các bài giảng khoa học, giàu tính thuyết phục.

Từ những lý do cơ bản trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: “***Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên – Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam***” cho luận án tiến sĩ lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu và làm rõ sự ra đời cũng như quá trình hoạt động, chuyển hóa của Hội VNCMTN nhằm làm sáng tỏ những đóng góp có ý nghĩa quan trọng về tư tưởng, chính trị, tổ chức, cán bộ của Hội VNCMTN đối với lịch sử ĐCSVN nói riêng và lịch

sử dân tộc Việt Nam nói chung. Từ đó, khẳng định vai trò là tổ chức “tiền thân” của Hội đối với ĐCSVN và rút ra một số kinh nghiệm về công tác xây dựng tổ chức cũng như hoạt động đối với tổ chức Đảng hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất: Khái quát tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.

Thứ hai: Trình bày bối cảnh lịch sử sự ra đời của Hội VNCMTN và phân tích quá trình hoạt động, chuyển hoá của Hội VNCMTN.

Thứ ba: Làm rõ vị trí, vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời và vận động của Hội VNCMTN trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam

Thứ tư: Đưa ra những nhận xét về đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của Hội từ quá trình Hội hoạt động, chuyển hoá dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc. Trên cơ sở đó, đúc rút một số kinh nghiệm cũng như khẳng định Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là Hội VNCMTN – tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Toàn lãnh thổ Việt Nam và trên phạm vi quốc tế có liên quan.

Về thời gian: Từ khi Hội VNCMTN thành lập đến khi ĐCSVN ra đời (6/1925 – 2/1930). Trong quá trình nghiên cứu, luận án có đề cập khoảng thời gian những năm đầu thế kỉ XX, trước khi Hội ra đời.

Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu quá trình hình thành, hoạt động phát triển và chuyển hoá của Hội VNCMTN trên các mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Thông qua sự vận động của Hội trong tiến trình lịch sử dân tộc, khẳng định Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Tác giả dựa trên thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin cùng hệ thống các quan điểm của Hồ Chí Minh và đường lối của ĐCSVN về xây dựng Đảng trên các phương diện: tư tưởng, chính trị, tổ chức, cán bộ như:

Nghiên cứu sinh dựa trên những tư tưởng cơ bản về chính đảng được C.Mác – Ăngghen đề cập rõ nét trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Theo đó, Đảng được hiểu: Đảng là đội tiên phong, là bộ phận giác ngộ nhất của giai cấp vô sản. Kết hợp

nội dung đó cùng chuyển biến của thời đại nói chung và tình hình nước Nga đã trở thành nền tảng để V.I.Lênin đưa ra học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới. Biểu hiện trên thực tế đó là các tác phẩm được V.I.Lênin viết trước Cách mạng Tháng Mười năm 1917 như: *Những người bạn dân là thế nào và họ đã chống lại những người dân chủ ra sao; Làm gì; Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ trong cuộc cách mạng dân chủ; Một bước tiến hai bước lùi; Nhà nước và cách mạng; Cách mạng vô sản và tên phản bội Cauxky; Thư gửi người đồng chí và những nhiệm vụ của chúng ta; Về thái độ của Đảng công nhân đối với tôn giáo. . .* Bên cạnh đó là Chỉ thị, Nghị quyết của QTCS đối với phong trào cách mạng thế giới, trong đó đáng chú ý là *Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa; Điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản; Vấn đề thành lập và củng cố các Đảng cộng sản kiểu mới; Nội dung 21 điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản; Nghị quyết các Đại hội của QTCS. . .*

Mặt khác, tư tưởng Hồ Chí Minh - chủ nghĩa Mác Lênin ở Việt Nam có những nội dung chủ yếu như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về ĐCSVN, về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại... là những cơ sở lý luận không thể thiếu cho nghiên cứu sinh trong khi thực hiện luận án.

Tiếp theo, văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt các văn kiện của Đảng thời kì trước năm 1930, thể hiện bản lĩnh và tài năng của thế hệ học trò đầu tiên của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cũng như các chiến sĩ cách mạng ở trong nước trước những thử thách do lịch sử dân tộc đặt ra. Cùng với đó là chỉ đạo, chỉ thị thể hiện sự quan tâm sát sao từ QTCS đối với cách mạng Đông Dương. Những nội dung trên cũng là cơ sở lý luận quan trọng để tác giả có thể hoàn thành công trình nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp chủ yếu như phương pháp lịch sử, phương pháp logic, ngoài ra còn vận dụng các phương pháp phân tích hệ thống, tổng hợp, phương pháp thống kê, so sánh, tổng kết thực tiễn... để làm rõ nội dung nghiên cứu, trong đó:

+ Phương pháp lịch sử: Được sử dụng chủ yếu để trình bày tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án; Bối cảnh lịch sử quốc tế cũng như trong nước cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX tác động đến tình hình cách mạng Việt Nam làm nảy sinh những tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Hội VNCOMTN; Trình bày quá trình phát triển và chuyển hoá của Hội VNCOMTN từ khi Hội ra đời đến khi ĐCSVN được thành lập trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ; Hệ thống hoá các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ khi Người ra đi tìm đường cứu

nước, cũng như quá trình chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời của chính Đảng vô sản ở Việt Nam.

+ Phương pháp logic: Đây là phương pháp được sử dụng chủ yếu trong luận án này, cụ thể: Được sử dụng chủ yếu để khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan, chỉ ra những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu; Làm rõ quá trình vận động của Hội VNCMTN về tư tưởng, chính trị, tổ chức, cán bộ trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam. Xác định vị trí, vai trò cũng như đóng góp của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội VNCMTN khi Hội thực hiện sứ mệnh là tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Làm rõ sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc vào thực tiễn cách mạng Việt Nam – một nước thuộc địa – phong kiến của Nguyễn Ái Quốc. Trên cơ sở đó, khẳng định mối quan hệ biện chứng giữa Nguyễn Ái Quốc và Hội VNCMTN. Đồng thời, rút ra một số kinh nghiệm về chính trị, tư tưởng và tổ chức và công tác xây dựng tổ chức chính trị từ quá trình vận động của Hội VNCMTN.

- Đồng thời với hai phương pháp chủ yếu nêu trên, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khác như tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh, khảo sát tư liệu và các phương pháp nghiên cứu đặc thù của khoa học lịch sử Đảng là căn cứ vào các văn bản nghị quyết, chỉ thị của Đảng... để phân tích, đánh giá và rút ra những nhận xét, kinh nghiệm.

5. Đóng góp mới về khoa học

Thứ nhất, đây là luận án lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên nghiên cứu có hệ thống và toàn diện một tổ chức tiền thân của ĐCSVN trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ.

Thứ hai, luận án phân tích quá trình hoạt động và các bước chuyển hoá của Hội VNCMTN. Từ đó, làm rõ logic vận động của Hội VNCMTN về chính trị, tư tưởng là từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản; Về tổ chức là từ một tổ chức yêu nước phát triển thành một tổ chức cộng sản (ĐCSVN).

Thứ ba, luận án mong muốn làm rõ sứ mệnh lịch sử của Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân duy nhất của ĐCSVN.

Thứ tư, luận án góp phần làm rõ vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội VNCMTN trong quá trình Hội thực hiện sứ mệnh là tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Đồng thời, khẳng định sự kiện đầu năm 1930, ĐCSVN ra đời là minh chứng thuyết phục nhất tính sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng GPDT (ở nước thuộc địa – phong kiến). Từ đó, góp phần quan trọng hoàn thiện chủ nghĩa Mác – Lênin, làm cho học thuyết này phong phú về nội dung, đa dạng về đối tượng (hay nói theo cách

khác, giúp cho chủ nghĩa Mác – Lênin không chỉ đúng ở Châu Âu mà còn đúng ở Châu Á và với cả các nước thuộc địa trên toàn thế giới).

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

- Hệ thống hóa tư liệu toàn diện về sự ra đời, phát triển và chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (1925 – 1930).

- Làm rõ quá trình Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên thực hiện sứ mệnh là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ từ tháng 6/1925 đến đầu năm 1930.

- Góp phần làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa Nguyễn Ái Quốc và Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên trong tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cung cấp thêm tài liệu lưu trữ cũng như các cứ liệu khoa học nhằm làm sáng tỏ hơn vị trí, vai trò là tổ chức tiền thân của Hội, cùng những đóng góp to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án bổ sung nguồn tư liệu tham khảo cho các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách phát triển của đất nước nói chung và trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói riêng. Trong công tác xây dựng Đảng, ghi nhận vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc ra đời, phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, phản bác các luận điệu của các tổ chức chống phá cách mạng nhằm làm suy giảm uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

- Luận án mong muốn là nguồn tư liệu tham khảo cần thiết cho cán bộ, giảng viên, học viên và các nhà khoa học trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học lý luận chính trị khác.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung của luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Khi phân tích bất cứ vấn đề xã hội nào đều phải đặt trong bối cảnh lịch sử nhất định, vì chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết cơ bản của một thời đại, người ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước khác. Các cuộc đấu tranh cách mạng của các dân tộc, bất kỳ gần hay xa, to hay nhỏ, đều có quan hệ với nhau. Việt Nam là một bộ phận của thế giới và con thuyền cách mạng dân tộc luôn nằm trong dòng chảy tiến hóa của nhân loại. Theo đó, “Tình hình của nước ta có ảnh hưởng đến thế giới, mà tình hình thế giới cũng có quan hệ đến nước ta” [125, tr. 346]. Hơn nữa, Hội VNCMTN là mảnh ghép quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Vì vậy, khi nghiên cứu Hội VNCMTN không thể tách tổ chức này ra khỏi bức tranh tổng thể của xã hội Việt Nam nói riêng cũng như trên bản đồ lịch sử khu vực và thế giới. Mặt khác, Hội VNCMTN ra đời là kết quả của tổng hoà các mối quan hệ và sự chuyển biến biện chứng của kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Chính vì vậy, nghiên cứu Hội VNCMTN không thể không tìm hiểu các tài liệu về chủ đề trên cũng như tài liệu của các lĩnh vực liên quan. Có như vậy mới có thể làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của Hội VNCMTN đối với sự ra đời, phát triển của ĐCSVN.

Một lưu ý quan trọng khi nghiên cứu lịch sử ĐCSVN, đặc biệt là thời kì trước khi ĐCSVN ra đời, lịch sử cách mạng Việt Nam gắn liền với lịch sử sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúng như nhận định của Lê Duẩn trong tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập, tự do vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới* (1976): “Mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đời cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch” [37, tr. 12]. Nói theo cách khác, lịch sử cách mạng Việt Nam là hành trình đồng hành giữa lịch sử sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh và lịch sử ĐCSVN. Từ đó, muốn nghiên cứu lịch sử ra đời ĐCSVN toàn diện và sâu sắc cần nghiên cứu lịch sử sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ngược lại. Với tất cả các lý do trên, để phục vụ công tác viết luận án, nghiên cứu sinh tiến hành khảo cứu các tài liệu, tư liệu của các nhà khoa học trong và ngoài nước theo các hướng sau:

Thứ nhất là nhóm công trình nghiên cứu của các học giả trong nước

Thứ hai là nhóm công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài

1.1. Công trình nghiên cứu của các học giả trong nước

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

Suốt nhiều thập kỉ qua, Hội VNCMTN luôn là chủ đề nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học trong nước. Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến sự ra đời, quá trình phát triển của Hội VNCMTN, cụ thể:

Trước tiên, về sự ra đời của Hội VNCMTN: Có khá nhiều các tác phẩm lịch sử đề cập tới những biến đổi về chính trị - tư tưởng – tổ chức trên thế giới và khu vực diễn ra vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX như: Nguyễn Anh Thái (1999), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945* (quyển A) [153], Nguyễn Anh Thái (1999), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945* (quyển B) [154]; Hồ Thị Tố Lương (2007), *Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam* [109]; Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam, một cách nhìn* [79]... Những tác phẩm về lịch sử thế giới cận, hiện đại cung cấp cho nghiên cứu sinh nguồn tư liệu hữu ích để nhìn thấy sự vận động của Việt Nam trong sự vận động chung của các quốc gia trong khu vực và thế giới.

Tiếp theo, tình hình chính trị - xã hội ở Việt Nam vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX cũng được các nhà khoa học tái hiện trong nhiều tác phẩm lịch sử chung như: Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, một số vấn đề nghiên cứu* [94]; Viện Sử học (2007) *Lịch sử Việt Nam 1919-1930, tập VIII* [202]; Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (đồng chủ biên) (2003) *Đại cương lịch sử Việt Nam* [142]... Ngoài ra, nhiều *tác phẩm của Hồ Chí Minh* so sánh sự cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam với sự cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ, sự cai trị của các đế quốc khác ở Trung Quốc... đều là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị đối với nghiên cứu sinh ở mức độ khác nhau.

Trên các khía cạnh cụ thể: *chính trị - kinh tế - văn hoá – xã hội ở Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX* được các nhà khoa học tiến hành nghiên cứu và kết quả thu về các công trình tiêu biểu sau: Nguyễn Văn Khánh (1999), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)* [86], Nguyễn Văn Khánh (2019), *Việt Nam 1919 – 1930 – Thời kỳ tìm tòi và định hướng* [87], Nguyễn Văn Khánh (2019), *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc* [89]; Những tác phẩm của Tạ Thị Thúy như: Tạ Thị Thúy (2007), *Công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ hai của người Pháp (1919-1930)*[169], Tạ Thị Thúy (2005), *Về vấn đề đầu tư của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam* [170]; Trần Văn Giàu (1957), *Giai cấp công nhân Việt Nam, sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp “tự*

mình” đến giai cấp “cho mình”[60]; Ngô Văn Hoa và Dương Kinh Quốc (1978) *Giai cấp công nhân Việt Nam trước những năm thành lập Đảng* [72]. Dưới góc độ giáo dục có Trịnh Văn Thảo (2009), *Nhà trường Pháp ở Đông Dương* [161]; Đại học Huế (2021), *Giáo dục Pháp-Việt cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX* [44] đem lại cái nhìn tổng thể về quá trình hình thành và hoạt động của nền giáo dục Pháp-Việt cuối thế kỉ XIX - nửa đầu thế kỉ XX cùng một số nội dung trong chương trình giáo dục Pháp-Việt thời điểm ấy và sự tác động của nền giáo dục đó thúc đẩy và tạo điều kiện cho nhiều người vượt qua khỏi khuôn khổ thuộc địa, để tìm đến với quê hương của lí tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái”. Từ đó, tạo ra những chuyển biến của phong trào GPDT Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.

Đánh giá về tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có Trần Thị Thu Hoài (2015), *Sự biến đổi chính trị ở Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945* [74]. Bằng lý luận chính trị học, cuốn sách chỉ ra sự vận động có tính quy luật của chính trị ở Việt Nam từ 1858 đến 1945. Việc Pháp xâm lược Việt Nam là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự biến đổi chính trị ở Việt Nam từ chính trị phong kiến sang chính trị thực dân - phong kiến. Chính từ sự chuyển biến ấy “*đã vô tình tạo ra những yếu tố mang tiền đề cho một nền chính trị mới tiến bộ hơn thay thế chính trị thực dân – phong kiến*” [74, tr.189]. Đồng thời, chính sách tàn bạo của thực dân Pháp đã đánh thức cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam: “*Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến*” [120, tr. 40]. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định tính đúng đắn, cơ sở khoa học của con đường cách mạng của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN là đúng đắn. Đó không chỉ là sự lựa chọn của cá nhân Nguyễn Ái Quốc “*mà còn là sự lựa chọn của chính lịch sử, là một sản phẩm tất yếu do lịch sử tạo ra trên những tiền đề, cơ sở mang tính hiện thực*” [74, tr. 250]. Mặc dù cuốn sách có bàn về phương diện chính trị từ năm 1858 đến năm 1945 nhưng vấn đề tổ chức – cán bộ Đảng, cụ thể là quá trình hoạt động nhiệt tình nhưng vô cùng cẩn trọng của Nguyễn Ái Quốc cùng Tổng bộ Hội VNCMTN và các hội viên của Hội trên con đường cách mạng dẫn tới ra đời một chính Đảng vô sản ở Việt Nam chưa được tác giả đi sâu khảo sát.

Tiếp cận dưới góc độ lịch sử tư tưởng: Ở lĩnh vực này, tác phẩm xuất sắc nhất là bộ 3 cuốn: Trần Văn Giàu (2019), *Tập 1: Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám (Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử)* [62], Trần Văn Giàu (2019), *Tập 2: Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám (Hệ ý thức Tư sản và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ lịch sử)* [63], Trần Văn Giàu (2019), *Tập 3: Sự*

phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám (Thành công của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh) [64]; Phạm Đào Thịnh (2020), *Bước chuyển tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX: Giá trị và bài học lịch sử* [168]; Trương Thị Bích Hạnh (2015), *Sự vận động tư tưởng trong các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời kỳ cận đại* [71]; Trần Thị Hoa (2023), *Tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và hàm ý chính sách đối với nước ta hiện nay* (Sách chuyên khảo) [73]. Lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là giai đoạn lịch sử đặc biệt với những biến đổi sâu sắc về nhiều mặt. Sự xâm lược và thống trị của thực dân Pháp đã biến Việt Nam từ một nước phong kiến độc lập thành một nước thuộc địa, phong kiến. Trong bối cảnh ấy, dân tộc Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ: Một là, tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt; Hai là, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc. Trong đó, chống đế quốc, GPDT là nhiệm vụ hàng đầu. Trước yêu cầu cấp thiết của lịch sử, các nhà canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiêu biểu Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Đặng Huy Trứ, Phạm Phú Thứ, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh đã nhận thức rõ yêu cầu khách quan của lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ là phải tiến hành canh tân đất nước về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục..., làm cho đất nước phú cường, đủ sức chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mặc dù chỉ tồn tại trong xã hội Việt Nam thời gian ngắn và còn những hạn chế do điều kiện lịch sử - xã hội và quan điểm, lập trường giai cấp, nhưng tư tưởng canh tân lúc bấy giờ đã “*góp phần giải quyết những yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra cho giai đoạn lịch sử cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. Đồng thời, để lại ý nghĩa lịch sử sâu sắc đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay*” [73, tr.188]. Do tập trung làm rõ nội dung tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nên tác phẩm chưa đề cập tới sự chuyển biến về chính trị - tổ chức cách mạng thời điểm đó, nên các nội dung về cách mạng Việt Nam trong giai đoạn lịch sử tiếp theo như sự chuyển biến trên các lĩnh vực chính trị - tư tưởng – tổ chức từ hệ tư tưởng phong kiến qua hệ tư tưởng dân chủ tư sản, tới hệ tư tưởng vô sản, trong đó nổi bật là hoạt động của Nguyễn Ái Quốc cùng tổ chức Hội VNCMTN, chưa được tác giả nghiên cứu sâu và toàn diện.

Về phong trào chống chủ nghĩa thực dân từ những năm 1920 đến năm 1945 ở Việt Nam có Đinh Xuân Lâm (2015), *Phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam* [95]. Tập sách là một ấn phẩm khoa học xuất sắc. Là một nhà nghiên cứu sử dụng được tiếng Anh và có vốn tiếng Pháp uyên thâm, nhà nghiên cứu Đinh Xuân Lâm đã sưu tầm, tập hợp được nhiều tư liệu quý ở trong và ngoài nước, góp phần soi sáng một góc khuất của

lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ kinh nghiệm nghiên cứu phong phú, tác giả có nhiều ý kiến tổng kết rất xác đáng trên phương diện phương pháp luận; Nội dung cuốn sách được chia làm năm phần. Phần một với tiêu đề *Từ Cần vương đến Duy tân*, tuyển chọn những nghiên cứu xuất sắc của Đinh Xuân Lâm về âm mưu xâm lược của thực dân Pháp cũng như phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp của các thế hệ người Việt yêu nước. Phần hai – *Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam* – giúp người đọc có điều kiện nhận rõ các mốc lớn có tính quyết định, mang ý nghĩa bước ngoặt lịch sử trên con đường hoạt động yêu nước cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như một số đặc điểm nổi bật trong tư tưởng của Người. Không chỉ có vậy, nhà nghiên cứu còn cố gắng đi tìm và giải mã nguồn gốc sâu xa cũng như các yếu tố chi phối toàn bộ cuộc đời và tư tưởng của Hồ Chí Minh. Đặc biệt, phần ba của cuốn sách - *Khía cạnh quốc tế của cách mạng Việt Nam* - là một góc nhìn khác về phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam khi đặt nó trong các mối quan hệ quốc tế. Nhà nghiên cứu Đinh Xuân Lâm không chỉ quan tâm đến các mối liên minh chiến đấu của nhân dân Việt Nam với các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập (ở Lào, Campuchia, Madagascar...), mà còn đi sâu phân tích những ảnh hưởng và tác động của các nhân tố quốc tế như cách mạng Trung Quốc, cách mạng Nga và QTCS... đến cách mạng Việt Nam. Phần bốn của cuốn sách với tiêu đề *Những nhân vật lịch sử tiêu biểu*. Trên cơ sở tra cứu tư liệu từ nhiều nguồn, cả trong nước và nước ngoài, tác giả đã phát hiện và cung cấp thêm nhiều hiểu biết mới, không chỉ về quê hương, gia tộc, mà còn về vị trí, vai trò của các nhân vật đối với lịch sử Việt Nam. Phần cuối có nội dung *Máy vấn đề tư liệu, sử liệu học và nguyên tắc đánh giá nhân vật lịch sử*. Trong phần này, một số tư liệu quan trọng là các bài báo và tác phẩm do Chủ tịch Hồ Chí Minh viết, được giáo sư dịch sang tiếng Việt trong quá trình tác giả nghiên cứu tư liệu. Đây chính là nguồn tài liệu tham khảo đáng tin cậy phục vụ công tác nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, sự ra đời cũng như quá trình hoạt động của tổ chức tiền thân của ĐCSVN là Hội VNCOMVN chưa được tác giả nghiên cứu đầy đủ.

Đặng Huy Vận (2019), *Phong Trào Yêu Nước Chống Thực Dân Pháp Xâm Lược Của Nhân Dân Việt Nam Cuối Thế Kỷ XIX - Đầu Thế Kỷ XX* [180]. Bằng những sử liệu và luận giải khoa học, nhà nghiên cứu Đặng Huy Vận đã phác họa chân thực cuộc đấu tranh giữa các phái “chủ hòa” với những nhận thức, động cơ khác nhau, nhưng tựu trung đều lo ngại sức mạnh áp đảo của thực dân Pháp, đại diện là các vua nhà Nguyễn và một số cận thần với phái “chủ chiến”, đại diện là những vị quan yêu nước, chính trực, luôn tin vào sức mạnh của nhân dân, vào truyền thống anh hùng của dân tộc. Từ sự phân tích toàn diện thực tế lịch sử đất nước nửa cuối thế kỷ XIX, tác giả đã rút ra những nhận xét có

tính tổng kết sâu sắc “muốn chống thực dân Pháp xâm lược thì phải chống triều đình đầu hàng; cuộc đấu tranh chống triều đình đầu hàng và áp bức, bóc lột nhân dân là một bộ phận của cuộc kháng chiến cứu nước ở cuối thế kỷ XIX” [180, tr. 11]

Trong tập sách hơn 600 trang, phần có dung lượng nhiều nhất là các bài viết về phong trào yêu nước, chống Pháp của nhân dân ta. Tác giả đặc biệt chú trọng diễn tả, đề cao tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng của nghĩa quân, những tấm gương trung liệt của các sĩ phu tràn đầy nhiệt huyết cứu nước; sự nỗ lực liên kết, phối hợp chiến đấu, dù còn tự giác, giữa lực lượng yêu nước trên các địa bàn miền xuôi, miền ngược, giữa các dân tộc, tôn giáo, giữa các sĩ phu Việt Nam yêu nước với những người có tinh thần chống Pháp trong triều đình Nhà Thanh... “ở đâu có vết chân xâm lược thì ở đó có kháng chiến; đánh chỗ này, ứng chỗ kia, sóng này đã im, sóng khác lại nổi, không ngày nào không đánh” [180, tr. 12]. Từ đó, tác giả nhận định:

Tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của nhân dân ta không một vũ lực dựa trên một khoa học kỹ thuật hiện đại nào khuất phục nổi và mặc dù phong trào tạm lắng xuống nhưng lại bùng lên cao hơn, sôi nổi hơn theo phương hướng đổi mới, hòa nhập với sự phát triển chung của phong trào toàn quốc vào đầu thế kỷ XX [180, tr. 12].

Đây là những nội dung có giá trị mà nghiên cứu sinh có thể kế thừa. Song, thông tin về Hội VNCMTN chỉ dừng ở mức độ giới thiệu tổ chức cách mạng, chưa đề cập nhiều tới vai trò tiên thân của Hội đối với sự ra đời của ĐCSVN.

Về các công trình nghiên cứu đến quá trình hoạt động, phát triển Hội VNCMTN cũng như ĐCSVN và các tổ chức yêu nước ở Việt Nam thời kì đầu thế kỉ XX.

Ngay trong những năm 30 của thế kỉ XX đã có Hồng Thế Công (Bí danh của Hà Huy Tập) (1933), *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương* [77]. Tác phẩm trình bày các vấn đề lịch sử về sự ra đời của Đảng. Tuy nhiên, do nhận thức chưa đầy đủ và toàn diện của tác giả, nên nội dung tác phẩm còn có những nhận định phiến diện về Hội VNCMTN và Nguyễn Ái Quốc.

Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng) (1984), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo), Tập I (1920 - 1954)* [24]. Cuốn sách trình bày quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930). Cao trào cách mạng năm 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh. Khôi phục và phát triển phong trào cách mạng (1932-1935); vận động dân chủ (1936-1939); toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền (1939-1945); lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). Tuy nhiên, vì tác phẩm được trình bày dưới hình thức “sơ thảo” nên các chủ đề trên, bao gồm cả nội dung về Hội

VNCMTN cũng chỉ là những nét khái quát nhất chứ không phải là một công trình chuyên khảo về tổ chức này.

Phạm Tuyên (1985), *Tìm hiểu những yếu tố cấu thành Đảng Cộng sản Việt Nam* [173] gồm hai phần: Phần thứ nhất: Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân - Sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân; Phần thứ hai: ĐCSVN – Sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đáng chú ý là mục III trong phần thứ hai, tác giả đi sâu phân tích các yếu tố cấu thành ĐCSVN và sự kết hợp của các yếu tố ấy. Trên cơ sở đó, tác giả khẳng định quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về các yếu tố cấu thành ĐCSVN là một điểm mới, sáng tạo, vừa đảm bảo tuân theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, lại vừa phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam. Đến nay, công thức hình thành nên ĐCSVN của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vẫn giữ nguyên giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn đối với công cuộc xây dựng, củng cố các Đảng Cộng sản chân chính, trong đó có ĐCSVN.

Viện Lịch sử Đảng (2018), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, tập 1 (1930 - 1954) – quyển 1 (1930 - 1945)* [200] gồm: Chương I: Nguyễn Ái Quốc xác định con đường GPDT và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; chương II: Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng 1930 – 1931; chương III: Đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức đảng và phong trào cách mạng, Đại hội lần thứ I của Đảng (1932 – 1935); chương IV: Đảng lãnh đạo cao trào dân chủ, chống nguy cơ phát xít và chiến tranh (1936 – 1939); chương V: Đặt nhiệm vụ GPDT lên trước tiên, xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang (tháng 9-1939 – tháng 2-1945); chương VI: Lãnh đạo cao trào kháng Nhật, cứu nước, Tổng khởi nghĩa, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tháng 3-1945 – tháng 9-1945). Trong đó, đặc biệt từ trang 85 đến trang 103, cuốn sách tập trung bàn tới hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc và xây dựng tổ chức cách mạng của Hội VNCMTN. Đây là những mốc lịch sử và sự kiện để nghiên cứu sinh tiếp thu làm căn cứ cho hoạt động cơ bản của Hội VNCMTN. Nhưng, tác phẩm này mới chỉ dừng ở việc mô tả, tường thuật lại diễn biến quá trình phát triển của Hội VNCMTN, chưa đi sâu phân tích logic vận động của Hội trong tiến trình Hội thực hiện sứ mệnh là tổ chức tiền thân của ĐCSVN – Nội dung mà luận án muốn hướng tới.

Trần Huy Liệu – Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2003), *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* [101] đề cập tới lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945. Trong đó, cuốn có nội dung liên quan gần tới đề tài luận án là *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp* (Quyển thứ nhất). Trong nội dung của quyển thứ nhất là tác

giả làm rõ bối cảnh lịch sử Việt Nam từ khi còn là đất nước phong kiến độc lập đến lúc trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Từ đó tạo ra những chuyển biến sâu sắc trên mọi phương diện của đất nước. Ở Việt Nam, một xã hội thuộc địa – phong kiến được hình thành với sự xuất hiện của nhiều giai tầng mới cùng những mâu thuẫn xã hội mới cũng nảy sinh. Đã có rất nhiều cuộc đấu tranh với nhiều khuynh hướng, thậm chí có cả những tổ chức yêu nước được thành lập nhằm phục vụ sự nghiệp GPDT. Trong cuốn sách đã đề cập quá trình ra đời, hoạt động của các tổ chức yêu nước trước năm 1930 như: Hội VNCOMT, TVCMĐ, VNQĐĐ. Nhưng vì phạm vi thời gian nghiên cứu tác phẩm là 80 năm chống thực dân Pháp nên nội dung chỉ dừng ở mức sơ lược, điểm lại những hoạt động chính chứ không đi sâu phân tích logic vận động tổ chức. Vì vậy, cuốn sách chưa phải là công trình chuyên khảo về vấn đề tổ chức Đảng nói chung và Hội VNCOMT nói riêng.

Ngoài ra, còn có nhóm tác phẩm về các tổ chức chính trị như: Nhung Tống (1945), *Tân Việt cách mệnh đảng* [171]; Hoàng Văn Đào (1964), *Việt Nam Quốc dân Đảng (Lịch sử đấu tranh cận đại 1927 – 1954)* [45]; Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương (1977), *Các tổ chức tiền thân của Đảng* [47]; Đỗ Quang Hưng (2004), *Công hội Đỏ Việt Nam* [82]; Đinh Trần Dương (2006), *Tân Việt cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* [39]; Nguyễn Văn Khánh (2019), *Việt Nam Quốc dân Đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam (1927 - 1954)* [88]...

Về các công trình nghiên cứu có liên quan đến Nguyễn Ái Quốc và quá trình hoạt động, phát triển của Hội VNCOMT dưới sự chỉ đạo của Người để chuẩn bị thành lập ĐCSVN.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã được tiến hành khá sớm - từ hơn nửa thế kỷ về trước. Tuy nhiên, nghiên cứu sự nghiệp và tư tưởng của Người một cách toàn diện và có hệ thống, chủ yếu mới được đặt ra từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của ĐCSVN (năm 1991). Trong đó, vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự hình thành ĐCSVN là một trong những vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Có thể khái quát nội dung một số công trình tiêu biểu liên quan tới Nguyễn Ái Quốc và quá trình Người chuẩn bị các tiền đề đối với sự ra đời ĐCSVN thông qua các hoạt động của Hội VNCOMT, cụ thể:

Đức Vượng (1985), *Tìm hiểu quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin* [207] đã xác định mục đích của luận án là:

Từ góc độ sử học, luận án hệ thống hóa lại những diễn biến của một quá trình phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu

nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời chứng minh một cách khoa học cho những luận điểm đã được khẳng định, để rồi đi đến những kết luận cần thiết [207, tr. 13].

Điều quan tâm của nghiên cứu sinh đối với công trình này là tác giả Đức Vương, dưới góc độ sử học, đã nêu diễn biến của quá trình chuyển biến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách khái quát những sự kiện, những hoạt động của Người trong thời gian sống và hoạt động ở nước ngoài. Tác giả nêu ra 3 bước chuyển, trong đó bước chuyển thứ ba có tính chất quyết định việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, chính là việc Người gặp được tác phẩm “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*” của V.I. Lênin, (thường được gọi là *Sơ thảo luận cương* hay *Luận cương V.I.Lênin*). Có thể nói, trong chuyên khảo trên, tác giả đã trình bày khá chi tiết về các bước chuyển ở Hồ Chí Minh trong quá trình tìm đường cứu nước. Những bước chuyển trong tư tưởng ấy được Người hiện thực hoá trong thời kì 1920 – 1930 bằng các hoạt động bèn bí. Tuy nhiên, nội dung liên quan đến quá trình Nguyễn Ái Quốc cùng các học trò trong Hội VNCOMTN chuẩn bị cho sự ra đời của chính Đảng vô sản ở Việt Nam thì chưa được tác giả phân tích làm rõ.

Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (2000), *Hội thảo khoa học Kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 – 3/2/2000)* [43] ở phần I có những bài viết luận giải bản chất cách mạng và sứ mệnh lịch sử của ĐCSVN. Trong đó, các tác giả trình bày sơ lược hoạt động của Hội VNCOMTN nói riêng cũng như các tổ chức yêu nước nói chung trong quá trình vận động, ra đời của ĐCSVN. Đặc biệt, tham luận của nhà nghiên cứu Lê Mậu Hãn “*Cương lĩnh chiến lược cách mạng của Đảng rọi sáng con đường đến độc lập – tự do*” nhấn mạnh đến vai trò chủ động, quyết đoán độc lập và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc nhanh chóng thống nhất các tổ chức riêng lẻ để lập nên ĐCSVN. Tác giả kết luận:

ĐCSVN ra đời là kết quả của sự sàng lọc, chọn lựa nghiêm khắc của lịch sử đấu tranh dân tộc và giai cấp quyết liệt của nhân dân ta. Đây là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX [43, tr. 17].

Tại thời điểm năm 2000, đây là nhận thức sâu sắc, có ý nghĩa gợi mở cho những nghiên cứu toàn diện hơn về Hồ Chí Minh cũng như giá trị tư tưởng của Người đối với sự ra đời và phát triển của ĐCSVN. Những cống hiến vô giá ấy được thể hiện

qua các hoạt động không mệt mỏi của Người cũng như quá trình đi từ tổ chức yêu nước chân chính đến tổ chức cộng sản của Hội VNCOMTN.

Lê Văn Yên (2005), *Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam* [216] khái quát: Suốt từ cuối năm 1924 đến đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đem hết sức mình phục vụ công việc trọng đại, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam là đào tạo ra lực lượng cách mạng nòng cốt đầu tiên cho phong trào cách mạng Việt Nam, xây dựng tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Bước chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho việc thành lập ĐCSVN là vững chắc và cho thấy vai trò to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc sáng lập ĐCSVN. Điều này được tác giả bài viết đi sâu trên khía cạnh: Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một Đảng Cộng sản duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Trong quá trình vận động thành lập Đảng, thực tế chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lênin và những tư tưởng cách mạng của Nguyễn Ái Quốc thông qua những học trò của Người, đã “*thật sự thâm nhập sâu rộng vào phong trào công nhân, chiếm ưu thế trong phong trào yêu nước, tạo nên làn sóng cách mạng dân tộc, dân chủ mạnh mẽ, tạo điều kiện chín muồi cho sự ra đời của ĐCSVN*” [216, tr.12]. Mặc dù, bước đầu tác giả đã khắc họa những sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập ĐCSVN, tuy nhiên, tác giả chưa tập trung làm rõ sự sáng tạo, tính chủ động và kịp thời của Nguyễn Ái Quốc, dù chưa nhận được chỉ đạo của QTCS nhưng Người đã tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản trong khoảng thời gian cuối năm 1929 đầu năm 1930. Ngoài ra, nội dung Hội VNCOMTN – tổ chức tiền thân của ĐCSVN cũng chưa được tác giả phân tích kỹ.

Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh con người của sự sống* [163] khẳng định:

Hồ Chí Minh là người đấm mình trong các sự kiện trọng đại nhất của dân tộc Việt Nam và của các biến cố trên thế giới mà Người sống. Hồ Chí Minh đã để lại nhiều dấu ấn tích cực, quan trọng cho quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam và quá trình phát triển văn minh tiến bộ của nhân loại; không những cho thời kỳ Người sống mà cả quá trình về sau, khi Người qua đời. Hồ Chí Minh đã là một phần phát triển của lịch sử Việt Nam thời hiện đại và cũng là một phần trong lịch sử tiến hóa của xã hội loài người từ thế kỷ XX trở đi [163, tr. 14].

Với cách đặt vấn đề như vậy, hàm chứa những nội dung mới về tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả cho rằng:

Tư tưởng Hồ Chí Minh không đơn thuần là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, cũng không phải chỉ là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, không hẳn là kết quả cộng lại từ sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng Việt Nam hiện đại [163, tr. 16].

Chính vì thế, trong chương hai của cuốn sách, tác giả đã dành nhiều trang viết để làm rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đồng thời, nhà nghiên cứu Mạch Quang Thắng luận giải vì sao Hồ Chí Minh lại đưa yếu tố thứ ba - phong trào yêu nước vào tổ hợp các yếu tố dẫn tới sự ra đời và phát triển của ĐCSVN. Bên cạnh đó, tác giả còn phân tích và đưa ra quan điểm của riêng mình, rằng sự ra đời của ĐCSVN gắn liền với vai trò đặc biệt của Nguyễn Ái Quốc, và đây là yếu tố mới trong tổ hợp các yếu tố cấu thành ĐCSVN. Theo tác giả có hai lý do: *Một là*, Hồ Chí Minh có công lao to lớn đối với toàn bộ quá trình ra đời và phát triển của ĐCSVN. Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện ĐCSVN. *Hai là*, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của ĐCSVN thông qua năm 1991 đã ghi: ĐCSVN lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Với ý nghĩa đó, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành yếu tố tất yếu - yếu tố thứ tư - của quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của ĐCSVN. Tác giả đã khái quát hóa nhận định đó bằng một sơ đồ: Chủ nghĩa Mác - Lênin + Phong trào công nhân + Phong trào yêu nước + Tư tưởng Hồ Chí Minh = Sự hình thành và phát triển của ĐCSVN.

Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 năm xây dựng và phát triển (2010) [55] bao gồm các bài viết của một số lãnh đạo Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ và các nhà khoa học thuộc những lĩnh vực khác nhau. Các bài viết trong cuốn sách chủ yếu được sắp xếp theo diễn trình lịch sử kết hợp với chủ đề nghiên cứu, gồm ba phần: Phần thứ nhất: Đảng ra đời, lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Phần thứ hai: Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến hành đổi mới và hội nhập; Phần thứ ba: ĐCSVN với phong trào cách mạng thế giới. Đáng chú ý có chuyên khảo của nhà nghiên cứu Lê Mậu Hãn (2010), *Học thuyết cách mạng và sự chủ động, sáng tạo của Hồ Chí Minh với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam* [68] đã tóm tắt học thuyết cách mạng của Hồ Chí Minh thành 5 nội dung cốt lõi, trong đó ở nội dung thứ 5, tác giả đã viết:

Cuộc cách mạng GPDT đó phải do một đảng tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc, “được vũ trang bằng một hệ tư tưởng cách mạng sáng tạo, có đường lối chính trị đúng đắn, và tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ đảng viên tiên phong, gương mẫu, nguyện phấn đấu vì nhân dân, vì Tổ quốc [68, tr. 84-85].

Trong công trình này, tác giả Lê Mậu Hãn nhận định, Hồ Chí Minh đã xuất hiện đúng lúc, với những quyết định lịch sử trong việc thúc đẩy và thực hiện việc thống nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành một chính đảng duy nhất – ĐCSVN vào đầu năm 1930, với tên gọi ĐCSVN, đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử. Tác giả đã sắp xếp các thành tố dẫn tới sự ra đời của ĐCSVN, khi khẳng định: ĐCSVN là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc, sản phẩm của sự kết hợp học thuyết cách mạng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX. Đây là một đặc trưng về sự hình thành ĐCSVN: “ĐCSVN ra đời trên cơ sở học thuyết cách mạng sáng tạo, với một quyết định lịch sử của Hồ Chí Minh, thông qua sự thử thách, sàng lọc chọn lựa của lịch sử, là sự hiện thực hóa cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam theo “con đường cách mạng của Hồ Chí Minh” [68, tr. 89-90].

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng - Hội đồng Lý luận Trung ương (2020), *Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)* [78] tập hợp các bài viết của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các cơ quan Trung ương và địa phương, các nhà khoa học. Cuốn sách tập trung trình bày những chặng đường lịch sử 90 năm qua, khẳng định ĐCSVN ra đời là một tất yếu lịch sử, đáp ứng yêu cầu giành độc lập dân tộc và phát triển đất nước; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; khẳng định vai trò của Đảng đối với hệ thống chính trị ở Việt Nam và vị trí then chốt của công tác xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ cách mạng mới; làm rõ thêm những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đặc biệt trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; làm sáng tỏ tầm nhìn, định hướng chiến lược của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, toàn diện, phát triển, bảo vệ đất nước trong bối cảnh mới và hội nhập quốc tế. Trong đó, đáng chú ý là bài viết của tác giả Trần Trọng Thơ (2020) *Tinh tất yếu sự ra đời của Đảng và yếu tố Hồ Chí Minh trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* [167]. Tham luận gồm 2 nội dung: Một là, tác giả làm rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản là một tất yếu khách quan trong lịch sử

phát triển của nhân loại. *Hai là*, tác giả chỉ ra những đóng góp quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trên các lĩnh vực chính trị - tư tưởng, tổ chức, cán bộ đối với sự ra đời của chính Đảng vô sản ở Việt Nam. Qua đó, tác giả khẳng định:

Thực tiễn lịch sử cho thấy, ĐCSVN ra đời là một tất yếu lịch sử, có yếu tố Hồ Chí Minh thể hiện ở những nỗ lực không mệt mỏi, đặc biệt là ở những luận điểm cách mạng độc đáo và sáng tạo, xác lập Cương lĩnh chính trị đúng đắn, hình thành tổ chức một cách khoa học và hiệu quả. Nói cách khác, là ĐCSVN ra đời, là kết quả của sự kết hợp của Chủ nghĩa Mác — Lênin, tư tưởng cách mạng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước [167, tr. 7].

Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung (2022), *Hồ Chí Minh - Hành trình vì độc lập dân tộc (1911 - 1945)* [65] không miêu tả lại toàn bộ diễn biến nội dung lịch sử cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh thời kì 1911 – 1945 mà tập trung lý giải các sự kiện cụ thể có tính chất quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Người từ năm 1911 đến năm 1945. Đáng chú ý, nhóm tác giả đã giành gần 70 trang của cuốn sách để phân tích, làm rõ quá trình Nguyễn Ái Quốc cùng Hội VNCMTN chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời chính Đảng vô sản ở Việt Nam đầu năm 1930. Qua đó, các tác giả đã nhận định:

Hội VNCMTN đã cơ bản hoàn thành sứ mệnh, vai trò lịch sử của mình, đặc biệt là tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng cách mạng vô sản vào trong phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, làm thay đổi tính chất, định hướng cho phong trào đấu tranh cách mạng, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến các tổ chức chính trị cùng thời khác [65, tr. 121].

Trên cơ sở đó, các tác giả cuốn sách kết luận: “Sự thành lập Hội VNCMTN cùng với việc xuất bản báo Thanh niên, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động, tích cực chuẩn bị những điều kiện cơ bản về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN đầu năm 1930” [65, tr. 26].

Nghiên cứu quá trình thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc còn có một số đề tài khoa học cấp Nhà nước đi sâu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có nội dung liên quan đến quá trình thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc, như: Đề tài khoa học cấp Nhà nước mang mã số KX02-12 - *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc*. Sau này được xuất bản với Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam* [59]. Ngoài ra, còn nhiều bài viết khác về vấn đề này được đăng tải trên các báo, tạp chí khoa học. Trong số các tạp chí khoa học chuyên ngành, *Tạp chí Lịch sử Đảng* đã đi tiên phong

trong tuyên truyền và công bố kết quả nghiên cứu về sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và quá trình thành lập ĐCSVN của Nguyễn Ái Quốc như Đinh Xuân Lý (2015), *Những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam* [110]...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên - Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Có thể kể tới cuốn sách của Nguyễn Thành (chủ biên) (1985), *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội* [156]. Ngoài phần mở đầu và kết luận, sách có 3 chương. Chương I: Sự ra đời và những hoạt động bước đầu của Việt Nam cách mạng Thanh niên đồng chí hội; Chương II: Xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức đấu tranh để truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin ở Việt Nam; Chương III: Sự phát triển của các xu hướng cộng sản và hình thành các tổ chức cộng sản. Vai trò lịch sử của Việt Nam cách mạng Thanh niên đồng chí hội kết thúc. Cuốn sách đã phác thảo những nét cơ bản của Hội VNCOMTN trên các phương diện chính trị - tư tưởng – tổ chức- cán bộ. Bên cạnh đó, cuốn sách bước đầu chỉ ra vai trò cơ bản của Hội VNCOMTN trong tiến trình phát triển lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử ĐCSVN nói riêng:

Ở đất nước chìm ngập trong bóng đen dày đặc. Một đường lối GPDT và giải phóng xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lênin, một tổ chức cách mạng bảo đảm cho việc thực hiện đường lối ấy, bắt đầu từ VNTNCMĐCH, chuẩn bị những tiền đề lý luận, tư tưởng, tổ chức, đường lối chính trị và phương pháp hoạt động cho sự ra đời của chính Đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam [156, tr. 5-6]

Ngoài ra, nhóm tác giả đã trích dẫn một số đánh giá của: Nguyễn Ái Quốc, Lê Duẩn, Trường Chinh về Hội VNCOMTN. Tại phần Kết luận, cuốn sách khẳng định:

Có thể coi sự ra đời của một tổ chức quá độ để đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam như một tất yếu của lịch sử. Việc gộp gờ và thống nhất giữa tính tất yếu và sự ngẫu nhiên lịch sử, giữa đòi hỏi của sự phát triển xã hội Việt Nam và nhân vật lịch sử- Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, làm cho chủ nghĩa Mác – Lênin được lựa chọn thông qua hình thức tổ chức thích hợp, khéo léo là Việt Nam Cách mệnh Đồng chí Hội [156, tr. 300 – 301].

Như vậy, cuốn sách mới chỉ dừng lại ở mức độ trình bày quá trình ra đời, hoạt động, chuyển biến của Hội VNCOMTN đến sự xuất hiện của các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam thời điểm cuối năm 1929 đầu năm 1930. Còn logic vận động của Hội VNCOMTN trên tất cả các phương diện: chính trị - tư tưởng – tổ chức cán bộ, để từ đó

làm nổi bật lên vai trò là tổ chức “Tiền thân” của ĐCSVN thì nhóm tác giả chưa thể hiện được rõ.

Trần Thanh Nhân (2008), *Quan hệ giữa các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam với nước ngoài đầu thế kỉ XX (1904-1929)* [135] cung cấp một cách có hệ thống những hoạt động cứu nước của người Việt Nam ở hải ngoại từ khi tư tưởng dân chủ tư sản du nhập vào châu Á và Việt Nam, làm cho cả châu Á “thức tỉnh”, cho đến khi chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành con đường duy nhất đúng cho phong trào GPDT của nhân dân Việt Nam. Từ đó, góp phần làm sáng tỏ vấn đề quan hệ quốc tế trong phong trào yêu nước GPDT Việt Nam thời kỳ đầu thế kỉ XX, cụ thể: Trước và trong Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chịu ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, các sĩ phu cấp tiến Việt Nam đã hướng sự chú ý của mình sang những quốc gia “đồng chủng, đồng văn”. Duy Tân hội và VNQPH với vai trò sáng lập, lãnh đạo của Phan Bội Châu cùng những đồng chí của mình đã tìm ra tiếp điểm giữa phong trào dân tộc và quốc tế. Mặc dù những hoạt động của Phan Bội Châu và những người sáng lập, lãnh đạo Duy Tân hội và VNQPH không đạt kết quả (do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan), nhưng chính những nỗ lực này đã đưa phong trào yêu nước GPDT Việt Nam vượt khỏi biên giới quốc gia, nhân lên sức mạnh và làm phong phú thêm các phương thức đấu tranh trong bối cảnh phong trào đang bế tắc về đường lối và lực lượng lãnh đạo. Cũng chính từ bối cảnh đó, một số nhà ái quốc Việt Nam lại lựa chọn con đường khác. Sự ra đời của Hội Đồng bào thân ái với vai trò của Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh, từ mục tiêu tương thân tương ái ban đầu đã tạo ra tiền đề cho việc hình thành Hội những người Việt Nam yêu nước mang mục tiêu chính trị rõ ràng thời gian sau đó. Hội những người Việt Nam yêu nước đã gây dựng quan hệ mật thiết với nhiều tổ chức, cá nhân ở Pháp và những nhà yêu nước Triều Tiên. Từ đó, mở ra con đường mới cho những người yêu nước Việt Nam, trong đó có Nguyễn Ái Quốc. Khi đến với Liên Xô – Quê hương của Cách mạng Tháng Mười, Người trực tiếp đặt mối quan hệ với QTCS, Đảng Cộng sản Liên Xô. Mối quan hệ này đạt được kết quả tại Quảng Châu (Trung Quốc) với sự kiện thành lập Hội VNCOMTAN (6/1925). Hội VNCOMTAN đã tiến hành nhiều hoạt động trọng yếu, góp một phần không nhỏ trong quá trình chuẩn bị những tiền đề chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản. Tác giả kết luận:

Thông qua lăng kính của Duy Tân hội, VNQPH với các mối liên kết cùng Nhật Bản, Trung Quốc chỉ mới dừng lại ở tôn chỉ, mục đích chính trị và khát vọng để vươn tới tư tưởng cộng sản với vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thiết lập xác định con đường đấu tranh duy nhất đúng cho phong

trào đấu tranh GPDT Việt Nam, đưa phong trào cách mạng Việt Nam vận động và hòa cùng với phong trào cách mạng thế giới [135, tr. 194].

Nội dung của luận án đã phác thảo cơ bản hoạt động của Hội VNCOMTN cũng như Nguyễn Ái Quốc, nhưng tác giả lại chưa đi sâu phân tích quá trình chuyên hoá của Hội VNCOMTN về tổ chức, cán bộ ở trong nước. Từ đó, không thể nhận thức đầy đủ và hợp lý quá trình Hội VNCOMTN đóng vai trò là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

Trong Phạm Xanh (1990), *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam (1921-1930)* [211] đã khảo cứu sâu quá trình “từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản của Nguyễn Ái Quốc (giai đoạn 1911-1920); Quá trình Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam trên các khía cạnh: thời kỳ khởi đầu của quá trình, trong những năm Nguyễn Ái Quốc ở Pari; thời kỳ phác thảo những nét lớn về chiến lược của cách mạng Việt Nam trong những năm Nguyễn Ái Quốc ở Mátxcova; thời kỳ bắt tay xây dựng tổ chức cách mạng là Hội VNCOMTN trong những năm tháng Người hoạt động ở Quảng Châu, ở Xiêm. Từ đó, tác giả cuốn sách đi đến những kết luận quan trọng: *Một là*, từ lúc đứng vào đội ngũ những người cộng sản Pháp đến khi ĐCSVN ra đời, Nguyễn Ái Quốc hoạt động liên tục để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam. Sự hoạt động tích cực, liên tục của Nguyễn Ái Quốc và những học trò của Người ở trong Hội VNCOMTN đã dẫn đến kết quả là mùa xuân năm 1930, ĐCSVN ra đời. Sự ra đời của Đảng kiểu mới ở một nước thuộc địa - phong kiến chính là kết quả của cả một quá trình phấn đấu lâu dài của Hội VNCOMTN và Nguyễn Ái Quốc. Với sự ra đời của ĐCSVN, một nhân tố tiên quyết nhất cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam được hình thành. *Hai là*, nhân mạnh vai trò to lớn cùng năng lực lãnh đạo và uy tín của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong tâm tưởng, trong suy tư của toàn dân tộc, được biểu hiện trong những vai trò mà Người đã thực hiện và thực hiện rất xuất sắc: Là người tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc; Là người truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong quần chúng bị áp bức, bóc lột; Là người sáng lập ĐCSVN đội tiên phong chiến đấu của toàn dân tộc - người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; sự xuất hiện đúng lúc của Người đã rút ngắn con đường dẫn đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam; uy tín và tài năng của Người đã góp phần giải quyết nhanh chóng và có hiệu lực những sự kiện trọng đại, có tính chất vạch mốc. Tác phẩm làm rõ được công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc khi tiến hành truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin thông qua hoạt động của Người cũng như của Hội VNCOMTN (Xuất bản báo Thanh niên), qua đó giúp cho chủ nghĩa này đóng vai trò chủ đạo trong hệ tư tưởng dân tộc Việt Nam. Qua những lát cắt về báo chí và công tác tuyên truyền của Hội VNCOMTN, độc giả đã hiểu

một phần về Hội trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng. Tuy nhiên, những nội dung tiền đề về cán bộ cũng như xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng cho sự ra đời của ĐCSVN thông qua hoạt động của Hội VNCMTN lại chưa được tác giả thể hiện cụ thể trong cuốn sách.

Đức Vương (2010), *Hồ Chí Minh đào tạo cán bộ và trọng dụng nhân tài* [209] có 554 trang, cuốn sách đã trình bày một cách có hệ thống về quá trình đào tạo cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các giai đoạn cách mạng, phân tích những gương mặt của những cán bộ lãnh đạo cách mạng đã được Người đào tạo trực tiếp hoặc gián tiếp như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp... trong đó đáng chú ý, tác giả đã dành gần 100 trang viết về quá trình Hồ Chí Minh cùng Hội VNCMTN thực hiện đào tạo cán bộ cũng như trọng dụng cán bộ trong quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của ĐCSVN từ năm 1924 đến năm 1930. Vì là một cuốn sách chuyên khảo về vấn đề cán bộ nên tác phẩm đã hoàn thành xuất sắc trong việc cung cấp thông tin đa dạng và phong phú về công tác cán bộ của Hội VNCMTN cũng như Nguyễn Ái Quốc thời kỳ trước khi ĐCSVN thành lập. Còn những nội dung và logic vận động của Hội VNCMTN về tư tưởng, chính trị, tổ chức thì chưa được tác giả đề cập tới nhiều.

Đình Trần Dương (2015), *Vai trò lịch sử của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên* [40], ngoài phần mở đầu và kết luận, sách có 3 chương với nội dung, cụ thể:

- Chương I: Sự hình thành và phát triển của Hội VNCMTN có nội dung làm rõ bối cảnh Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX - một giai đoạn quan trọng trong tiến trình lịch sử thành lập. Trên cơ sở đó, tác giả nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của Hội VNCMTN, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề tổ chức của Hội.

- Chương II: với chủ đề vai trò lịch sử của Hội VNCMTN, toàn bộ nội dung của chương. tác giả trình bày vai trò lịch sử của tổ chức này thông qua các hoạt động như truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam, tiến hành đào luyện một đội ngũ những người lãnh đạo cách mạng; đấu tranh để thiết lập tư tưởng cách mạng vô sản ở Việt Nam; tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống ách nô dịch của thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

- Chương III: Thống nhất phong trào cộng sản Việt Nam từ cuối năm 1929 đến đầu năm 1930.

Tác giả Đình Trần Dương giới thiệu giai đoạn phát triển tiếp theo của Hội VNCMTN khi “*phải trải qua một cuộc đấu tranh về tư tưởng không chỉ riêng của Kỳ bộ Bắc Kỳ, của Đại hội Thanh niên (5/1929), của Đảng Tân Việt mà còn cả sự quan*

tâm của QTCS” [40, tr. 270 – 271]; xuất hiện sự phân liệt trong nội bộ tổ chức hội. Từ đó, tác giả làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản. Đề “*đầu năm 1930, các nhóm Cộng sản đã thống nhất vào một Đảng*” [40, tr. 341]. “*Tuy bị nhiều mật thám truy lùng và chính quyền thực dân Pháp đàn áp tàn khốc nhưng “với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng”*” [40, tr. 341].

Có thể thấy, tác giả đã làm rõ Hội VNCMTN làm tròn sứ mệnh lịch sử là chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của ĐCSVN. Nhưng vì phân tích sâu về vấn đề tổ chức Hội nên ít đề cập tới sự chuyển biến về chính trị - tư tưởng của Hội – đây là nội dung đặc biệt quan trọng, bởi có phát triển trong nhận thức tư tưởng thì mới tạo ra những chuyển hoá về tổ chức. Biểu hiện rõ nét nhất trên thực tế là Hội VNCMTN hoàn thành sứ mệnh lịch sử trở thành tổ chức tiền thân của ĐCSVN chính là kết quả của quá trình phát triển cả về chính trị - tư tưởng (chuyển biến từ chủ nghĩa dân tộc chân chính đến chủ nghĩa Mác – Lênin) cũng như tổ chức – cán bộ (từ tổ chức yêu nước đến tổ chức cộng sản – ĐCSVN). Do đó, cuốn sách chưa tập trung đánh giá sâu vị trí, vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của ĐCSVN.

Vô sản hóa (Hội ký cách mạng), (1972) [205] tập hợp những bài viết ghi lại ký ức của các nhân chứng lịch sử trực tiếp tham gia phong trào “Vô sản hóa” của Hội VNCMTN. Qua đó, tái hiện lại thời kỳ lịch sử đấu tranh sôi nổi của những người yêu nước ở Việt Nam mà không có sự phân biệt đẳng cấp, giàu nghèo, giới tính, tôn giáo... Chính những hoạt động của phong trào đã thức tỉnh, giác ngộ một bộ phận không nhỏ người Việt Nam yêu nước nói chung và công nhân, thợ thuyền nói riêng. Từ đây, họ tự nguyện tham gia vào các cuộc đấu tranh để thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình đối với dân tộc. Tuy nhiên, do được tổng hợp từ hồi ký của các cá nhân đã từng tham gia phong trào Vô sản hoá nên cuốn sách chưa làm rõ vai trò tiền thân của Hội VNCMTN cũng như công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự ra đời của ĐCSVN.

Song Thành (Chủ biên) (2018), *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 - 1927)* [158] gồm 5 chương trình bày chi tiết những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu từ 1924-1927. Từ mở lớp huấn luyện chính trị, thành lập Hội VNCMTN, ra báo Thanh niên cho đến những hoạt động của Người trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phần Phụ lục, trong đó có danh sách học viên (chưa đầy đủ) đã tham gia ba khóa huấn luyện do Người trực tiếp giảng dạy. Thông tin đó giúp độc giả càng hiểu rõ hơn về sự cố gắng bền bỉ của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng những đóng góp to lớn của Người trong quá trình trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo Hội VNCMTN thực hiện chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời chính đảng vô sản ở Việt Nam (từ

năm 1924 đến năm 1927). Cuốn sách thật sự là tài liệu chất lượng để nghiên cứu sinh khai thác tư liệu, phục vụ cho luận án. Tuy nhiên, chính vì phạm vi nghiên cứu về thời gian của tác phẩm là từ năm 1924 đến năm 1927 nên quá trình chuyển hoá, phân liệt của Hội VNCOMTN về cả tư tưởng, chính trị và tổ chức, con người thời kỳ từ sau tháng 4/1927 đến đầu năm 1930 chưa được tập thể tác giả trình bày, phân tích, làm rõ. Do đó, cuốn sách chỉ có thể là tài liệu tham khảo chứ không phải là tài liệu nghiên cứu chuyên sâu về Hội VNCOMTN.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu, còn nhiều bài báo có nội dung liên quan tới Hội VNCOMTN và vai trò “tiền thân” của Hội đối với sự ra đời của ĐCSVN như: Phạm Ngọc Anh (2014), *Hồ Chí Minh với việc vận dụng, phát triển và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin thời kỳ ở Quảng Châu (1924 - 1927)* [3]; Nguyễn Văn Hoan (1970), *Tìm hiểu phong trào “vô sản hóa” năm 1930* [76]; Bài viết Tâm Vu (1978), *Thanh niên”- Tờ tuần báo đầu tiên của vận động truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin trên đất nước Việt Nam* [206]; Nguyễn Thế Huệ (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh với Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội* [81]; Phạm Xanh (2005), *Thanh niên – tờ báo khởi nguồn của dòng báo chí cách mạng Việt Nam* [213]; Phạm Xanh (2006), *Trường Đại học Phương Đông một nơi đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam* [214]; Phạm Xanh (2009), *Về việc đào tạo đội ngũ cán bộ quân sự cách mạng đầu tiên của Việt Nam* [215]...

Sẽ là thiếu sót khi nghiên cứu về Hội VNCOMTN mà không tìm hiểu những công trình viết về các đồng chí cách mạng Việt Nam: Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc - một tấm gương cộng sản mẫu mực* [28]; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2008), *Nguyễn Đức Cảnh – Người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất* [152]; Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Ninh Bình (2013), *Đồng chí Tạ Uyên – Người chiến sĩ cộng sản ưu tú của Đảng* [21]; Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Ngô Gia Tự - Tiểu sử* [33]; Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Nguyễn Phong Sắc – tiểu sử* [32]; Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Phùng Chí Kiên – tiểu sử* [29]; Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Hồ Tùng Mậu - Tiểu sử* [30]; Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Lê Hồng Phong – Chiến sĩ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta* [31]; Học viện Chính trị

quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2006), *Hà Huy Tập – Một số tác phẩm* [77]... Thông qua các thông tin về tiểu sử và sự nghiệp của các đồng chí, đã cung cấp những sử liệu quan trọng về quá trình hoạt động cũng như phát triển của Hội VNCOMTN.

Đồng thời, hệ thống các cơ quan nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng ở các địa phương trong cả nước có cơ sở của Hội VNCOMTN thành lập cũng cung cấp nhiều thông tin, chi tiết lịch sử giá trị về tổ chức Hội VNCOMTN thông qua lịch sử Đảng bộ. Có thể kể tới như Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2022), *Tóm tắt lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang (1927 - 2005)* [4]; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2010)* [5]; Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An (1998), *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An – Tập I (1930 – 1954)* [6]; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2017), *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Bến Tre (1930 - 2015)* [7]; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1930 – 1945)* [8]; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019), *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)* [14]; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình (1999), *Lịch sử đảng bộ tỉnh Thái Bình tập 1 (1927 – 1954)* [15]; Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng, Tập 1 (1925 - 1954) (Sơ thảo)* [48]; Tỉnh ủy Nam Định (2001), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định 1930-1975* [148]; Tỉnh ủy Quảng Ninh (1985), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh – Tập 1 (1928 – 1945) (Sơ thảo)* [149]... là những mảnh ghép quan trọng về hệ thống tổ chức cơ sở của Hội VNCOMTN từ cấp Kỳ bộ đến chi bộ, góp phần làm cho bức tranh tổng quát về Hội VNCOMTN thêm hoàn chỉnh và toàn diện. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh có thêm tư liệu phục vụ công tác viết luận án.

1.2. Công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài

1.2.1. Công trình nghiên cứu liên quan đến Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

Từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, bối cảnh lịch sử thế giới, khu vực được khá nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài tìm hiểu. Có thể kể tới như: Mary Somers Heid Hues (2007), *History of the Development of Southeast* [116]; D. G. E. Hall (1997), *A history of Southeast Asia (Lịch sử Đông Nam Á)* [66]... Ngoài ra, nhiều tác phẩm của Mác trong bộ Mác - Ăngghen toàn tập cũng như các tác phẩm của Lênin bàn về sự cai trị của thực dân Anh ở Ấn Độ, tình cảnh của người dân ở Đông Dương... Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng, có giá trị đối với nghiên cứu sinh ở mức độ khác nhau.

Về tình hình Việt Nam cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX được các nhà nghiên cứu thế giới đề cập trong các công trình khoa học như: Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt*

Nam từ nguồn gốc đến giữa Thế kỉ XX [92]. Đây là sự kết hợp hai chuyên khảo về lịch sử và văn hóa Việt Nam của Giáo sư Lê Thành Khôi. Tác phẩm tạo được tiếng vang lớn về chủ đề Đông Dương trong thời gian gần đây là Pierre Brocheux & Daniel Hémery (2022), *Đông Dương – Một nền thuộc địa nhập nhằng, Đông Dương – Một nền thuộc địa nhập nhằng* [137]. Cuốn sách được đánh giá là “Một tác phẩm nền – đầy rẫy biểu đồ, bản đồ và phụ lục – về Đông Dương thuộc địa” [137, tr. 11] cùng với cách cuốn sách dựa trên những tư liệu về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, lịch sử dân tộc Việt Nam để soi rọi tình trạng nhập nhằng về một thời kỳ Đông Dương thuộc địa. Từ đó, giúp độc giả có cái nhìn tổng quát về tiến trình lịch sử mà Đông Dương đã trải qua từ khi được người Pháp xâm chiếm ở nửa sau thế kỉ XIX cho đến năm 1954. Vì phạm vi nghiên cứu của cuốn sách rất đồ sộ (Về nội dung: trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hoá, lịch sử; Về không gian: Toàn cõi Đông Dương; Về thời gian: 1858 – 1954 (96 năm), nên các vấn đề chỉ trình bày những nét chung nhất. Vì vậy, nội dung liên quan trực tiếp đến đề tài luận án chiếm dung lượng hạn chế.

Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu *trên từng phương diện: chính trị - kinh tế - văn hoá – xã hội ở Việt Nam thời kỳ đầu thế kỉ XX* cũng xuất hiện các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học người nước ngoài như: Trong năm 1952, hai công trình của hai nhà sử học nổi tiếng người Pháp cùng được xuất bản: Phillippe Devillers (1952), *Histoire du Vietnam de 1940-1952* [227] và Paul Mus (1952), *Vietnam: Sociologie d'une guerre* [226]. Trong khi Devillers tiếp cận những biến cố của lịch sử Việt Nam dưới góc độ lịch sử chính trị thì Paul Mus lại tiếp cận dưới góc độ xã hội học. Buttinger J. (1968), *Vietnam A Political Histor* [218] nghiên cứu lịch sử chính trị Việt Nam từ truyền thống đến năm 1967 - khi tác giả hoàn thành bản thảo. Có thể coi đây là bộ sử chính trị Việt Nam công phu nhất vào thời điểm nó được xuất bản. Trong đó, phần 2 có tựa đề *From Colonialism to Viet Minh (Từ chủ nghĩa thực dân đến Việt Minh)* tác giả đã tái hiện và lý giải đặc điểm chính trị ở Việt Nam thời Pháp thuộc, các phong trào chống Pháp (bao gồm các đảng phái), sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản và Mặt trận Việt Minh. Tuy nhiên, tác giả quá nhấn mạnh vào yếu tố bên ngoài khi lý giải sự thắng lợi của Việt Minh và sự thất bại của các chính đảng phi vô sản do mô hình cai trị của Pháp không tạo điều kiện cho tầng lớp trung lưu, sự kiện chiến tranh Thế giới thứ hai, Đức chiếm Pháp và tấn công Liên Xô...

Trên thế giới, lĩnh vực lịch sử tư tưởng Việt Nam đầu thế kỉ XX có Hue Tam Ho Tai (1992), *Radicalism and the Origins of Vietnamese Revolution* [223]. Đúng như tên gọi của tác phẩm, tác giả nghiên cứu nguồn gốc của cách mạng Việt Nam

thông qua sự phát triển của chủ nghĩa cấp tiến những năm 1920 và giải thích tại sao nó lại bị thay thế bởi chủ nghĩa Marx-Lenin trong vai trò lãnh đạo phong trào GPDT. Tuy phạm vi thời gian nghiên cứu trong công trình này chỉ gói gọn trong thập niên 1920, nhưng đó là thập niên có tính chất quyết định (decisive decade) đối với cách mạng Việt Nam. Nhờ nguồn tư liệu phong phú, từ tài liệu lưu trữ đến hồi ký, hồi ức của các nhân chứng, cuốn sách cũng đem lại những kiến thức khái quát nhưng không kém phần sâu sắc về các dòng chảy tư tưởng, chính trị ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 1930. Trong chương 6 với tiêu đề “Organizing Revolution” (Tổ chức cách mạng), tác giả hệ thống một số đảng phái chính trị ở Việt Nam như Hội VNCOMTN, VNQDD, Thanh niên Cao vọng đảng. Cuốn *Vietnam du confucianisme au communisme (Việt Nam từ Khổng giáo đến Chủ nghĩa Cộng sản)*, xuất bản tại Paris năm 1990, được dịch và xuất bản tại Việt Nam với Trịnh Văn Thảo (2013), *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954) - Nghiên cứu lịch sử xã hội* [162]. Điểm nổi bật của tác phẩm này là tác giả đã tiếp cận lịch sử dưới góc độ xã hội học. Tác giả tập hợp từ những sách báo lịch sử và văn học (từ thời kỳ thực dân Pháp bắt đầu xâm lược Việt Nam cho tới Cách mạng Tháng Tám năm 1945) khoảng 650 cái tên. Từ đó, tác giả chọn ra 222 nhân vật được coi là nhóm-bằng chứng (groupe- témoin) với một số dữ kiện tiểu sử giống nhau: tên, năm sinh, quê quán, nguồn gốc xuất thân, học vấn, nghề nghiệp (chức vụ), tác phẩm. Tác giả chia số nhân vật này thành những thế hệ khác nhau: thế hệ 1862, thế hệ 1907, thế hệ 1925. Trong đó, tác giả đã phân tích nhiều vấn đề có liên quan tới nội dung nghiên cứu bằng phương pháp xã hội học, từ đó, đưa ra những nhận xét về quá trình chuyển biến tư tưởng ở Việt Nam cận đại: từ Khổng giáo đến chủ nghĩa Cộng sản. Nhà nghiên cứu Philippe M.F.Peycam lại chọn hướng tiếp cận khác, thông qua góc nhìn của báo chí chính trị tại Sài Gòn với Philippe M. F. Peycam (2012), *The Birth of Vietnamese Political Journalism: Saigon 1916-1930*. Công trình này sau được dịch và xuất bản bằng Trần Đức Tài (2015), *Làng báo Sài Gòn 1916 – 1930* [146]. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu đầu tiên bằng tiếng Anh về sự hình thành, phát triển dòng báo chí chính trị Việt Nam và vai trò của nó đối với phong trào chống chủ nghĩa thực dân. Tác phẩm ghi nhận quá trình phát triển của tư tưởng báo chí Việt Nam qua 3 giai đoạn: tìm chỗ đứng chính trị (1916-1923), vận động quần chúng (1923-1926) và tìm đường tranh đấu (1926-1930). Peycam đề cao vai trò của báo chí trong tạo ra không gian công (public sphere) để các tư tưởng chính trị cạnh tranh phát triển, làm tiền đề cho những chuyển biến chính trị, xã hội ở Việt Nam.

Về chủ đề phong trào chống chủ nghĩa thực dân, có Shiraishi Masaya (2000) (người dịch Nguyễn Như Diễm, hiệu đính Chương Thâu), Phong trào dân tộc Việt

Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á: Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới [143] gồm hai tập. Trong tác phẩm này, tác giả xem xét tư tưởng chính trị Phan Bội Châu trong thời kỳ ông ở Nhật Bản về nhiều vấn đề, trong đó nhấn mạnh đến những quan niệm như nhà nước, nhân dân, nhận thức của Phan Bội Châu về tình hình trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, G. Boudarel (1997) (Chương Thâu, Hồ Song dịch), *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông* [58] bàn đến những vấn đề về dân chủ, về tổ chức Duy Tân hội... trong tư tưởng Phan Bội Châu.

Như vậy, mặc dù không trực tiếp nghiên cứu về các đảng phái chính trị, nhưng những nghiên cứu về lịch sử/lịch sử chính trị/lịch sử tư tưởng/ lịch sử báo chí Việt Nam nói trên của những nhà nghiên cứu nước ngoài đã đem lại nhiều nhận thức quan trọng. Nhìn chung, giới sử học phương Tây rất đề cao vai trò của tầng lớp trí thức trong phong trào GPDT Việt Nam. Khi xem xét nguồn gốc của phong trào dân tộc nói chung, các phong trào chính trị nói riêng, họ thường có xu hướng nhấn mạnh các yếu tố du nhập từ bên ngoài mà không đánh giá đầy đủ những yếu tố bên trong, đặc biệt là tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.

Về các công trình nghiên cứu các tổ chức yêu nước, *Đảng Cộng sản Việt Nam/Đông Dương* cũng là chủ đề được nhiều học giả nước ngoài lựa chọn nhằm làm rõ quá trình truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin vào Việt Nam, lý giải vì sao khuynh hướng vô sản và Đảng Cộng sản lại thắng thế trong cuộc đấu tranh với các tư tưởng, phe nhóm khác giành quyền lãnh đạo phong trào GPDT Việt Nam. Có thể kể tới Alexandre Woodside (1976), *Community and Revolution in Modern Vietnam* [217]. Hệ thống các đảng phái, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các hệ thống tổ chức làng xã v.v... được Woodside giới thiệu một cách có hệ thống trong tác phẩm. Tuy nhiên, do đề cập đến quá nhiều vấn đề trong một khoảng thời gian dài (trải dài suốt lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại) cuốn sách thiếu sự chuyên sâu cần thiết. Đây là một tài liệu tốt phục vụ cho người nước ngoài tìm hiểu và nghiên cứu về Việt Nam, nhưng đối với nhà nghiên cứu Việt Nam, tác phẩm này còn quá sơ lược.

Cũng theo hướng các đảng chính trị, còn có công trình William Duiker (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam 1900-1941* [219] và William Duiker (1981), *The Communist Road to Power in Vietnam* [221]. Tác giả cố gắng tái hiện sự chuyển biến về chất của phong trào chống thực dân ở Việt Nam những năm 1920, vẽ lại bản đồ chính trị các tổ chức yêu nước, sự phân liệt trong các tổ chức này, sự thất bại của các đảng phái chính trị tư sản và sự thắng lợi của ĐCSĐD. Về cơ bản, các tác giả đã bước đầu đạt được những mục tiêu trên. Tuy nhiên, do có sự khác biệt về ý thức hệ, thiếu những hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa Việt Nam, cũng như khó khăn trong khai

thác nguồn tư liệu, nên những công trình này vẫn còn những hạn chế nhất định. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng sự truyền bá chủ nghĩa Marx-Lenin vào Việt Nam là sự lựa chọn của cá nhân lãnh tụ, chứ không phải là kết quả của sự vận động tự thân của phong trào GPDT Việt Nam. Ảnh hưởng của QTCS cũng như các luồng tư tưởng từ bên ngoài đến cách mạng Việt Nam cũng được nhấn mạnh quá mức, trong khi những chuyển biến kinh tế - xã hội Việt Nam dưới tác động của sự cai trị của người Pháp không được khảo cứu đầy đủ. Duiker trong tác phẩm *The Communist Road to Power in Vietnam* đã gọi thời kỳ 1930-1941 là “The Stalinist Years” và cho rằng những chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn này đều được hình thành tại Moscow.

Bên cạnh các nghiên cứu về ĐCSDD, đã xuất hiện những chuyên khảo về các đảng phái khác, dù số lượng không nhiều như *The Vietnam Nationalist Party (1927-1954)* (Đảng Quốc Dân Việt Nam (1927-1954)) của Nguyễn Văn Khánh do NXB. Springer Singapore xuất bản tháng 1 năm 2016, ISBN: 978-981-10-0073-7, <https://doi.org/10.1007/978-981-10-0075-1/> được chính tác giả xuất bản bản thảo tiếng Việt với Nguyễn Văn Khánh (2019), *Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam* [88]. Bài viết R.B.Smith (1969), Bui Quang Chiêu and the Constitutionalist Party 1917- 1930 [231] và công trình của Megan Cook (1977), *The Constitutionalist Party in Cochinchina: The year of decline, 1930-1942* [225]. là sự bổ sung hoàn hảo cho nhau khi khảo sát về Đảng Lập hiến từ buổi đầu thành lập đến khi mất hết ảnh hưởng. Năm 2012, nhà sử học người Pháp François Guillemot cho ra mắt cuốn *François Guillemont (2012), Đại Việt indépendance et révolution au Vietnam, l'échec de la troisième voie (1938-1955)* [228], Đây là công trình khảo cứu chuyên sâu nhất về Đảng Đại Việt cho đến nay.

Tiếp theo, trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã sớm được bạn bè năm châu biết đến như vị cứu tinh của dân tộc Việt Nam, nhất là, từ sau thắng lợi của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến vĩ đại GPDT, Việt Nam - Hồ Chí Minh luôn được coi là biểu tượng của phong trào GPDT. Đó là lí do giải thích tại sao lại xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu thể hiện sự ngưỡng mộ Người, không chỉ của những người tiến bộ yêu chuộng hoà bình, công lý, của lãnh tụ các nước anh em, mà còn của cả những người đã từng đối đầu với Hồ Chí Minh.

Nghiên cứu về Hồ Chí Minh cũng là đề tài lớn của nhiều học giả quốc tế. Đặc biệt, sau sự kiện Hồ Chí Minh được UNESCO (Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hợp quốc) công nhận danh hiệu kép - *Anh hùng GPDT, nhà văn hóa kiệt xuất* (1987), ngày càng xuất hiện nhiều nhà Việt Nam học công bố những công trình nghiên

cứu của mình về tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó đề cập đến những khía cạnh khác nhau về vai trò của Người đối với việc hình thành ĐCSVN.

Đó là học giả nổi tiếng E. Cô-bê-lép với E. Cô -bê-lép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh* [34]. Trong tác phẩm này, tác giả người Nga E. Cô - bê - lép, chuyên gia nghiên cứu về các vấn đề lịch sử và chính trị của các nước Đông Dương, từng học tập tại Khoa Văn - Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội (1958-1960), phóng viên Thông tấn xã Liên Xô (Tass) tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời kỳ 1964 -1967, đã viết về Hồ Chí Minh - người con ưu tú của dân tộc Việt Nam, người sáng lập ĐCSVN, cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Cuốn sách là một công trình khoa học, được nghiên cứu công phu, đồng thời được viết khá rõ ràng, cung cấp cho người đọc những hiểu biết khá tường tận về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh, gắn với thời kỳ huy hoàng của lịch sử dân tộc và những biến cố của thời đại.

Trong mục: “*Thành lập Đảng*”, E. Cô - bê - lép đã phân tích quá trình chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản của Nguyễn Ái Quốc, thông qua cung cấp những hoạt động của Người ở Xiêm (Thái Lan), ở Quảng Châu (Trung Quốc), ở Liên Xô... Tác giả đã phản ánh các cuộc trao đổi, vận động cách mạng trong Việt kiều Thái Lan, dựng lại hành trình hoạt động trên đất Thái, cùng việc phân tích những chuyển biến trong phong trào cách mạng ở trong nước và quá trình ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam, cũng như tình trạng xung đột, tranh giành ảnh hưởng của các tổ chức đó, làm cho các đảng giảm sút sức chiến đấu và không thể hoạt động có kết quả trong quần chúng. Được báo cáo về hiện tình đó, Nguyễn Ái Quốc lập tức từ Thái Lan đi Hồng Kông. Tác giả cho biết, khi đến Trung Quốc, Người thành lập ngay một nhóm chủ trì việc chuẩn bị cho hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước. Tại Hội nghị thành lập ĐCSVN, những người tham gia đã quyết định chấm dứt ngay xung đột, bắt đầu trước kia và chân thành hợp tác thực hiện những biện pháp cụ thể nhằm thống nhất các tổ chức cộng sản từ Trung ương đến cơ sở... “Hội nghị thành lập Đảng có tầm quan trọng như một Đại hội Đảng vì đã đề ra đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam và những nguyên tắc xây dựng ĐCSVN, vạch ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng” [34, tr. 204 - 205].

Alain Ruscio (2019), *Hồ Chí Minh - Những bài viết và những cuộc tranh đấu*, (Người dịch: Nguyễn Đức Truyền, Người hiệu đính: Lê Trung Dũng) [1]. Tác giả là nhà báo, nhà sử học người Pháp, đã dành phần lớn cuộc đời nghiên cứu về lịch sử chủ nghĩa thực dân Pháp, Đông Dương, Việt Nam và đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nội dung cuốn sách bao quát toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người theo trình tự

thời gian kể từ khi Người đặt chân đến nước Pháp (năm 1919) cho đến khi Người đi xa (02/9/1969), trên cơ sở tổng hợp những bài viết của chính Chủ tịch Hồ Chí Minh và những tư liệu quý được lưu trữ tại các cơ quan lưu trữ của Pháp. Cuốn sách chứa đựng nhiều tư liệu của các nhân vật chính trị và bạn bè viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, giúp nghiên cứu sinh có thêm nhiều sử liệu quý phục vụ cho quá trình viết luận án.

Nghiên cứu về Hồ Chí Minh không thể tách rời nghiên cứu về sự ra đời của ĐCSVN. Nổi bật trong số này có công trình Sophia Quinn-Judge (2001), *The Communist International and the Vietnamese Communist Movement, 1919-1941* [229] – Đây là luận án tiến sĩ của Sophia Quinn-Judge được bảo vệ tại Đại học SOAS Luân Đôn năm 2001 (DOI: <https://doi.org/10.25501/SOAS.00028517>). Với nguồn tư liệu từ kho lưu trữ của QTCS ở Moscow và các kho lưu trữ thuộc địa của Pháp tại Trung tâm d'Archives d'Outre-Mer ở Aix-en-Provence, luận án nghiên cứu vai trò của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) trong việc truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam trong giai đoạn giữa Thế chiến thứ nhất và Thế chiến thứ hai. Trong đó, đáng chú ý là Chương IV và V kể về chuyến trở lại châu Á của Người vào giữa năm 1928, việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào năm 1930 và phong trào nổi dậy ở Việt Nam những năm 1930-1931.

William Duiker (2000), *Hochiminh - A Life* [210] là cuốn sách tiểu sử về Hồ Chí Minh công phu và chi tiết, nghiên cứu Hồ Chí Minh trong mối liên hệ chặt chẽ với lịch sử Việt Nam thế kỷ XX. Duiker sử dụng rất nhiều nguồn tài liệu bằng nhiều thứ tiếng (Anh, Pháp, Việt, Trung), trong đó có nhiều tài liệu có giá trị từ tình báo Pháp. Đặc biệt hơn so với những người nghiên cứu nước ngoài khác, Duiker sử dụng khá nhiều các văn kiện từ Việt Nam, kể cả văn kiện Đảng và những tài liệu chính thống từ chính phủ Việt Nam.

Tương tự, Sophie Quinn – Judge (2002), *Ho Chi Minh: The Missing Years 1919 - 1941* [144] có điểm mạnh nhất là dựa trên rất nhiều tài liệu khai thác được từ nhiều nguồn lưu trữ, đặc biệt là lưu trữ tại Pháp và Nga. Tác giả của cuốn sách không chỉ dựa vào tài liệu lưu trữ mà còn đối chiếu với nhiều tài liệu khác, trong đó có cả các sách, bài báo nghiên cứu của Việt Nam. Các tài liệu trong tác phẩm này đều tập trung vào nhân vật trung tâm là Hồ Chí Minh. Điều này rất quan trọng và có giá trị đối với những người nghiên cứu. Ngoài một số sự kiện thiếu chính xác và một số sự kiện còn chưa chắc chắn, cần được xác minh thêm, đa số các sự kiện được đưa vào cuốn sách là đáng tin cậy. Đây là cuốn sách làm rõ nhất mối quan hệ phức tạp giữa QTCS và cách mạng Việt Nam nói chung, với cá nhân Hồ Chí Minh nói riêng. Tuy

nhiên, những tài liệu lưu trữ chưa hoàn toàn là sự thật vì bao giờ cũng bị chế định bởi hoàn cảnh lịch sử và các yếu tố chủ quan, khách quan khác.

Ngoài ra, còn có những bài viết của các nhà nghiên cứu trên thế giới khẳng định vị trí, vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử ĐCSVN nói riêng. Cụ thể: Sudhir Kumar Singh (2009), *Ho Chi Minh and Vietnam's struggle for freedom* [230]. Bài viết Vladimir N. Kolotov (2018), *Hệ tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam* [204]...

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên - Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đề cập đến vai trò “tiền thân” của Hội VNCMTN đối với sự ra đời của ĐCSVN, có các chuyên khảo của những nhà nghiên cứu nước ngoài về đề tài này. Tài liệu thuộc dạng sớm nhất đó là cuốn Louis Marty (1933), *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française: Vol. No.1 - Le Tan Viet Cach Mênh Dang ou Parti révolutionnaire du jeune Annam (1925-1930)* [104]; *Vol. No.2 - Le Viet Nam Quoc dan dang ou Parti national annamite au Tonkin (1927-1932)* [105]; *Vol. No.3 - Le Viet Nam Quoc dan dang ou Parti national annamite des émigrés en Chine (1930-1933)* [106]; *Vol. No.4 - Le Dong Duong Cong san dang ou Parti communiste indochinois (1925-1933)* [107]. Cuốn sách đã cung cấp những tư liệu quan trọng về hoạt động của các đảng phái, các phong trào chính trị, trong đó Louis Marty giành trọn vẹn tập 4 để nói về Hội VNCMTN. Tuy nhiên, do được xây dựng dựa trên lời khai của tù chính trị cũng như quan điểm cá nhân tác giả là Giám đốc An ninh Đông Dương nên các nội dung liên quan tới Hội VNCMTN không khách quan và rất phiến diện, thậm chí có những nội dung trong cuốn sách không đúng, nên trong quá trình tham khảo cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng.

Cùng hướng nghiên cứu này còn có Hoàng Tranh (1987), *Hồ Chí Minh với Trung Quốc* [176] ... Solokov A. A. (1999), *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam* [145] viết về quá trình đào tạo cán bộ chính trị cho Việt Nam ở các trường Cộng sản ở Liên Xô trong những năm 20-30 của thế kỷ XX... Ngoài ra, còn có Huỳnh Kim Khánh (1986), *Vietnamese Communism, 1925-1945* [224]; Duiker, W. J. (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam 1900-1941* [220]; Duiker, W. J. (1981), *The Communist Road to Power in Vietnam* [210]. Cả hai tác giả đều cố gắng tái hiện sự chuyển biến về chất của phong trào chống thực dân ở Việt Nam những năm 1920, vẽ lại bản đồ chính trị các tổ chức yêu nước, sự phân liệt trong các tổ chức này, sự thất bại của các đảng phái chính trị tư sản và sự thắng lợi của ĐCSĐD. Về cơ bản, các tác giả đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, do có sự khác biệt về ý thức hệ, thiếu những hiểu biết

sâu sắc về lịch sử, văn hóa Việt Nam, cũng như khó khăn trong khai thác nguồn tư liệu, nên những công trình này vẫn còn những hạn chế nhất định.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu về Hội VNCOMTN, còn có những bài viết chuyên khảo về tổ chức cách mạng này, dù số lượng không nhiều, trong đó tiêu biểu nhất là bài viết Duiker, W. J. (1972), *The Revolutionary Youth League: Cradle of Communism in Vietnam* [219]; Hay HanyaThip Sripana (2013), *Tracing Hồ Chí Minh's Sojourn in Siam* [222]...

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình có liên quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

1.3.1. Kết quả của các công trình đã tổng quan đối với đề tài luận án

** Về tư liệu*

Các công trình nghiên cứu liên quan tới nội dung Hội VNCOMTN – Tổ chức tiền thân của ĐCSVN ở Việt Nam và trên thế giới đa dạng về thể loại, gồm: các sách, báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, luận án tiến sĩ... đã thể hiện rõ sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, các nhà khoa học trong và ngoài nước về Hội VNCOMTN – Tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Các công trình tiến hành khảo cứu đã cung cấp nhiều tài liệu, tư liệu, số liệu thống kê, sơ đồ tổ chức về các tổ chức chính trị nói chung và Hội VNCOMTN nói riêng. Từ đó, giúp nghiên cứu sinh có được nguồn sử liệu phong phú để tham khảo, kế thừa trong quá trình thực hiện đề tài luận án của mình.

** Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu*

Các công trình nghiên cứu về Hội VNCOMTN đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau như chính trị học, báo chí học, quan hệ quốc tế, triết học, sử học và lịch sử ĐCSVN. Các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, so sánh, logic, lịch sử và thống kê đã được sử dụng để phân tích, luận giải vấn đề Hội VNCOMTN. Những cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trên, giúp nghiên cứu sinh có thêm lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu một cách khoa học và đúng chuyên ngành về Hội VNCOMTN – Tổ chức tiền thân của ĐCSVN ở Việt Nam.

** Về nội dung nghiên cứu*

Từ nội dung các nghiên cứu, nghiên cứu sinh kế thừa một số điểm cơ bản:

Thứ nhất, những tác phẩm về lịch sử thế giới cận, hiện đại cung cấp nguồn tư liệu hữu ích để nhìn Việt Nam trong bức tranh chung, nhìn sự vận động của Việt Nam trong sự vận động chung của các quốc gia trong khu vực và thế giới. Những ảnh hưởng và tác động của các nhân tố quốc tế đến cách mạng Việt Nam (trước hết là Nhật Bản, cách mạng Trung Quốc, cách mạng Nga và QTCS...). Các mối liên minh chiến đấu của nhân dân Việt Nam với các dân tộc bị áp bức trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ

nghĩa thực dân, giành độc lập (ở Lào, Campuchia, Madagascar...) Những kinh nghiệm trong quan hệ quốc tế đối với Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế.

Thứ hai, các công trình đã trình bày được bối cảnh lịch sử Việt Nam từ khi còn là đất nước phong kiến độc lập đến lúc trở thành thuộc địa của thực dân Pháp. Một xã hội thuộc địa – phong kiến được hình thành với sự xuất hiện của nhiều giai tầng mới cùng những mâu thuẫn xã hội mới cũng nảy sinh. Đồng thời, nhiều công trình đã chỉ ra sự xâm lược và thôn tính Việt Nam của thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có sự lạc hậu, yếu kém của nền chính trị phong kiến nhà Nguyễn. Sự lạc hậu, yếu kém đó đã làm cản trở việc tạo ra những tiền đề cho một phong trào canh tân đất nước - lối thoát hữu hiệu khỏi sự thôn tính của phương Tây. Đặc biệt, các nhà khoa học đã bước đầu chỉ ra bước chuyển trong hệ tư tưởng của dân tộc Việt Nam từ phạm trù yêu nước phong kiến sang phạm trù dân chủ tư sản đến phạm trù cách mạng vô sản.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đã phản ánh tương đối đầy đủ về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, đồng thời khảo cứu sâu tiểu sử Hồ Chí Minh trên những lĩnh vực chủ yếu: Các mối quan hệ từ gia đình, quê hương, nhà trường, xã hội, dân tộc, thời đại; từ bạn bè, đồng chí, đến kẻ thù; các hoạt động đấu tranh từ trong nước, ra nước ngoài, từ đời sống chung của nhân loại đến đời sống riêng của dân tộc; các lĩnh vực đời sống tinh thần, như tư tưởng, lý luận, đạo đức, phong cách, lối sống... Đáng chú ý, các nhà khoa học đã hệ thống hóa được bước chuyển trong sự phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin trên hành trình tìm đường cứu nước.

Thứ tư, các tác giả đã nghiên cứu quá trình Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị điều kiện và thành lập ĐCSVN. Có những công trình đã đề cập tới vai trò chủ động, quyết đoán, độc lập và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc lập nên ĐCSVN. Trên cơ sở đó, một số nhà nghiên cứu đã mạnh dạn đưa ra nhận định Hồ Chí Minh là yếu tố không thể thiếu đối với sự ra đời của ĐCSVN.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu đã phác thảo được những nét cơ bản của quá trình hình thành, sự ra đời, các hoạt động của Hội VNCMTN trên các phương diện chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Từ đó, các nhà nghiên cứu bước đầu chỉ ra vị trí, vai trò của Hội VNCMTN trong tiến trình phát triển lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử ĐCSVN nói riêng.

Cuối cùng, các công trình đã cung cấp nhiều tư liệu mới, cả trong nước và nước ngoài. Không chỉ về quê hương, gia tộc, mà còn về vị trí, vai trò của các nhân vật lịch sử trong tiến trình cách mạng Việt Nam; Các bài báo và tác phẩm do Chủ tịch Hồ Chí

Minh viết; Những ký ức của các nhân chứng lịch sử trực tiếp tham gia phong trào cách mạng. Ngoài ra, hệ thống các cơ quan nghiên cứu lịch sử đảng các địa phương cũng cung cấp nhiều thông tin, chi tiết lịch sử giá trị.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Có thể nói, những công trình được công bố đều rất công phu và có sự đầu tư nghiên cứu nghiêm túc. Đây là nguồn tài liệu quý giá với nhiều cấp độ và cách tiếp cận, thể hiện sự đa dạng, phong phú trong nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước. Trên cơ sở những nội dung từ các công trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa, vận dụng vào quá trình hoàn thiện luận án.

Tuy nhiên, đến nay chưa có luận án chuyên ngành lịch sử ĐCSVN nào nghiên cứu toàn diện, có hệ thống trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và vai trò của Hội VNCMTN. Hơn nữa, cũng chưa có công trình nào làm rõ một cách có hệ thống vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời, phát triển và chuyển hoá của Hội VNCMTN. Đặc biệt, chưa có công trình nào đề cập chuyên sâu tới vấn đề quá trình vận động của Hội VNCMTN trên hành trình thực hiện sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của ĐCSVN chính là quá trình những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam được hình thành và kiểm nghiệm trên thực tiễn. Chính kết quả từ hành trình đó của Hội VNCMTN là minh chứng thuyết phục nhất cho sự phù hợp, đúng đắn, sáng tạo về vấn đề cách mạng GPDT ở một nước thuộc địa – phong kiến như Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc. Qua đó, góp phần làm sáng tỏ đóng góp của Nguyễn Ái Quốc vào kho tàng lý luận cách mạng thế giới nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng.

Xuất phát từ ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu, đồng thời với mong muốn luận án có thể là nguồn tư liệu tham khảo cho cán bộ, giảng viên, học viên và các nhà khoa học trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử dân tộc, lịch sử ĐCSVN, tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học lý luận chính trị khác, nghiên cứu sinh tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, trên cơ sở làm rõ chuyển biến bối cảnh lịch sử thế giới về chính trị, tư tưởng, tổ chức cách mạng cũng như những chuyển biến về chính trị - xã hội ở Việt Nam thời điểm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, luận án chỉ ra những tác động của bối cảnh lịch sử đến sự ra đời của Hội VNCMTN.

Thứ hai, luận án tiến hành hệ thống các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Hội VNCMTN và chỉ đạo Hội hoạt động, phát triển đến khi Hội chuyển hoá thành ĐCSVN nhằm làm rõ quá trình hình thành, kiểm nghiệm nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam trên thực tế.

Thứ ba, trình bày quá trình ra đời, hoạt động cũng như sự phát triển của Hội VNCMTN. Từ đó, làm rõ logic vận động của Hội trong tiến trình Hội thực hiện sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Đồng thời, góp phần khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội VNCMTN trong hành trình Hội thực hiện sứ mệnh lịch sử đó.

Thứ tư, luận án nêu lên một số nhận xét từ quá trình Hội thực hiện sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của ĐCSVN. Qua đó, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm lịch sử từ trong quá trình thành lập và hoạt động của Hội VNCMTN.

Tiểu kết chương 1

Liên quan đến đề tài “*Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên – Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam*” có rất nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước. Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thức rõ: bối cảnh lịch sử thế giới cũng như những chuyển biến chính trị - xã hội ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và tác động của nó đến phong trào cách mạng của dân tộc; Hồ Chí Minh và quá trình Người chuẩn bị thành lập ĐCSVN; Về Hội VNCOMTN và vai trò “tiền thân” của Hội đối với sự ra đời của ĐCSVN.

Trong các công trình nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng rất đa dạng, góc độ tiếp cận và quan điểm của học giả trong nước và nước ngoài rất phong phú. Đây là nguồn tài liệu quý giá với nhiều cấp độ và cách tiếp cận. Trên cơ sở những nội dung từ các công trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh tiếp thu, kế thừa, vận dụng vào quá trình hoàn thiện luận án.

Mặt khác, hiện nay đang tồn tại một thực tế là trong khi số lượng tác phẩm nghiên cứu lịch sử xây dựng Đảng từ khi ĐCSVN ra đời có khá nhiều, nhưng những tác phẩm nghiên cứu giai đoạn hình thành nên chính Đảng vô sản ở Việt Nam lại khá khiêm tốn. Xuất phát từ yêu cầu “lấp đầy khoảng trống lịch sử”, đồng thời đảm bảo tính toàn diện trong nghiên cứu lịch sử ĐCSVN, việc nghiên cứu Hội VNCOMTN để thấy logic vận động của Hội về chính trị - tư tưởng – từ chủ nghĩa dân tộc chân chính đến chủ nghĩa Mác - Lênin và tổ chức - từ một tổ chức yêu nước đến tổ chức cộng sản (ĐCSVN) là cần thiết. Từ đó, bổ sung thêm các sự kiện cũng như nội dung quan trọng nhằm làm sáng tỏ những đóng góp đặc biệt về mặt chiến lược và sách lược của tổ chức này, cũng như của Nguyễn Ái Quốc đối với việc thành lập một chính Đảng vô sản ở Việt Nam. Từ đó, khẳng định vị trí cũng như vai trò không thể thay thế của Hội với tư cách là tổ chức tiền thân cho sự ra đời của ĐCSVN.

Chương 2

BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN (6/1925)

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.1. Tình hình thế giới cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là một giai đoạn có nhiều chuyển biến lịch sử quan trọng, những sự kiện ấy đã tác động đến tất cả các nước trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam, cụ thể:

* Về chính trị

Với thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản, chủ nghĩa tư bản từng bước xác lập sự tồn tại của mình ở nhiều nước phương Tây (trước hết là Tây Âu và Bắc Mỹ) bằng việc thiết lập chế độ tư bản chủ nghĩa cùng nền dân chủ tư sản, tạo nên bước chuyển từ chế độ quân chủ sang dân chủ, từ quân quyền sang pháp quyền.

Đến khoảng những năm 70 của thế kỉ XIX, thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ 2 cho phép sử dụng máy móc chạy bằng năng lượng điện để sản xuất hàng loạt thay vì sản xuất đơn lẻ. Sự kiện này mở ra kỉ nguyên điện khí hoá trong công nghiệp, qua đó giúp cho chủ nghĩa tư bản “tạo ra được một lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của các thế hệ trước gộp lại” [112, tr. 603]. Những bước tiến đó không chỉ làm cho giai cấp tư sản có thể đứng vững trên cơ sở vật chất do chính bản thân nó tạo ra mà còn mở đường cho hành trình “giai cấp tư sản xâm lấn khắp toàn cầu. Nó phải xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp nơi” [112, tr. 601]. Hay nói cách khác, thời điểm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, “chủ nghĩa tư bản đã tạo một thế giới theo hình dạng của nó” [112, tr. 602]. Không chỉ mở rộng phạm vi đường biên giới đơn thuần mà chủ nghĩa đế quốc còn xác lập sự thống trị thế giới thông qua công cuộc quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa một cách toàn diện, từ việc buộc các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư bản đến việc áp đặt tất cả các dân tộc phải du nhập cái gọi là văn minh châu Âu, nghĩa là phải trở thành tư sản, nếu không sẽ bị tiêu diệt. Rất rõ ràng, hành động khai hóa văn minh, “dù là của Pháp, của Hà Lan hay của Anh thì thực chất đều là khai thác, bóc lột thuộc địa, mà hành động cụ thể là tiến hành nô lệ hóa các dân tộc yếu thế và bóc lột các dân tộc này lâu chùng nào hay chùng ấy” [112, tr. 674]. Cũng chính vì “lâu chùng nào hay chùng ấy” nên đã “đánh thức” quyền làm người của những con người bị bóc lột, chèn ép lâu ngày. Điều này lý giải tại sao ở các nước thuộc địa nảy sinh mâu thuẫn mới – mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc thuộc địa với đế quốc và tay sai, bên cạnh mâu thuẫn

giai cấp đã tồn tại trước đó. Biểu hiện của sự thức tỉnh nhân quyền về mặt xã hội chính là các phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa nhằm chống lại sự cai trị tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc. Từ đây, đòi hỏi các nước ở phương Đông ngoài các nhiệm vụ cũ của quốc gia, dân tộc, còn phải giải quyết hai nhiệm vụ mới: (1) bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia dân tộc; (2) cải cách, duy tân, tự cường phát triển đất nước về mọi mặt (kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng, giáo dục, quân sự...) nhằm tăng cường sức mạnh nội lực và từng bước nâng cao uy tín, vị trí, vai trò quốc gia dân tộc trên trường quốc tế. Hai nhiệm vụ này cần phải giải quyết song song với nhau vì chúng có quan hệ biện chứng với nhau, nhiệm vụ này là điều kiện tiền đề, cơ sở cho nhiệm vụ kia. Tuy nhiên, ở phương Đông, ngoại trừ Xiêm và Nhật Bản, các nước còn lại đều không giải quyết được bài toán này và hệ quả là bị rơi vào tay tư bản nước ngoài, Việt Nam cũng chịu chung số phận.

** Về tư tưởng:*

Cùng với bước chân xâm lược của các nước đế quốc phương Tây trong hành trình quốc tế hóa tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản tiến hành truyền bá nền *văn minh phương Tây tới các quốc gia phương Đông nói chung và Việt Nam nói riêng*. Những nội dung về văn hóa – tư tưởng phương Tây được phổ biến, tác động vào các nước thuộc địa dưới nhiều góc độ, phương diện như khoa học, kỹ thuật, tư tưởng tiên bộ... Trong đó, nội dung nổi bật và có ảnh hưởng nhất là trào lưu tư tưởng của phong trào Khai sáng Pháp thế kỷ XVII, XVIII, tiêu biểu là các nhà tư tưởng Vôn-te (Voltaire, 1694 - 1778), Môngtexkiơ (Montesquieu, 1689 – 1755), Rút-xô (Rousseau, 1712 – 1778)... Đặc biệt, tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái hay quản lý xã hội bằng pháp luật như luồng gió mới, kích thích các nhà tư tưởng phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng phải thay đổi tư duy truyền thống để tìm ra một con đường mới, với hệ tư tưởng tiên bộ và phù hợp với yêu cầu của lịch sử đặt ra.

Thời điểm này, ở Châu Á, một số *cuộc cải cách đất nước của các nước Đông Á và Đông Nam Á diễn ra khá thành công*, tạo nên những bước chuyển trong tư tưởng các nước thuộc địa, nửa thuộc địa (trong đó có Việt Nam).

Tiêu biểu nhất là cuộc cải cách ở Nhật Bản. Với khẩu hiệu “Phú quốc cường binh”, “Quyết theo kịp phương Tây”, Thiên hoàng Minh Trị đã tiến hành một cuộc cải cách toàn diện xã hội về: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục, xã hội. Nhờ đó, lần đầu tiên trong lịch sử, Nhật Bản - một nước phong kiến Châu Á nhanh chóng vươn lên thành tư bản chủ nghĩa, sánh ngang với các nước tư bản phương Tây. Từ sự nghiệp cải cách của Nhật Bản đã thôi thúc các nhà tư tưởng Việt Nam đi tìm lời giải

đáp cho dân tộc về vấn đề độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phát triển đất nước, tiếp thu văn minh phương Tây.

Đất nước thứ hai ở Châu Á thoát khỏi số phận trở thành thuộc địa là *Thái Lan*. Mặc dù bị Anh và Pháp can thiệp nhưng do sớm nhận thức được cục diện chính trị thế giới, thấy trước nguy cơ bị phương Tây xâm lược nên những người đứng đầu Thái Lan đã nhanh chóng tiến hành cải cách đất nước theo hướng tư bản chủ nghĩa. Nhờ những biện pháp phát triển đất nước linh hoạt và phù hợp cùng đường lối ngoại giao mềm dẻo, Thái Lan đã bảo vệ được nền độc lập của dân tộc.

Tại Trung Quốc, cuộc đụng độ giữa chế độ phong kiến Trung Quốc và chủ nghĩa tư bản đã biến Trung Quốc thành một nước phong kiến, thuộc địa và ngày càng rơi vào cảnh bị các nước thực dân xâu xé. Trước thực trạng trên, nhiều nhà tư tưởng tiên bộ đề xuất chủ trương duy tân, tiêu biểu là phong trào Duy tân cuối thế kỷ XIX do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu khởi xướng. Những tư tưởng tiên bộ của phong trào Duy Tân đã có ảnh hưởng rất lớn đến các nhà nho yêu nước và tiên bộ Việt Nam, đặc biệt là tư tưởng tư sản phương Tây qua sách báo Trung Quốc và các tác phẩm của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.

Đầu thế kỷ XX, *cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911* do nhà cách mạng Tôn Trung Sơn lãnh đạo thành công. Đó là thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản đầu tiên tại các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á, từ đó động lực Duy tân Trung Quốc vang dội bốn phương và có ảnh hưởng sâu sắc đối với các nhà tư tưởng tiên bộ ở Việt Nam.

Cùng với các cuộc canh tân đất nước ở Nhật Bản, Thái Lan và Trung Quốc là *thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917)*. Cuộc cách mạng này đã giải quyết một cách triệt để mâu thuẫn giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc; mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản, nhân dân lao động với giai cấp tư sản, địa chủ. Từ đây, mở ra cho phong trào cách mạng thế giới một khuynh hướng đấu tranh mang tên cách mạng vô sản: “Mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại GPDT” [126, tr. 164]

Có thể thấy, tất cả các sự kiện trên đã dội vào Việt Nam, góp phần thức tỉnh khả năng đấu tranh và tinh thần đoàn kết dân tộc của mọi người dân Việt Nam trong sự nghiệp giành lại độc lập cho dân tộc, tự do cho Tổ quốc.

** Về tổ chức cách mạng:*

Cuộc cách mạng đầu tiên của giai cấp vô sản trong lịch sử nhân loại diễn ra ở Pháp (1871). Mặc dù Công xã Paris tồn tại không lâu nhưng đã ghi lại dấu ấn quan trọng trong tư duy không chỉ của lịch sử nước Pháp mà của cả nhân loại. Sau đó, nhiều tổ chức đảng của giai cấp công nhân ra đời. Đồng thời, sự đoàn kết giữa công

nhân ở chính quốc với nhân dân các nước thuộc địa, nửa thuộc địa cũng bắt đầu hình thành và phát triển.

Cuối thế kỉ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp 2.0 làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển, dẫn tới mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân hiện đại với giai cấp tư sản lỗi thời. Hệ quả là hàng loạt các cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại áp bức của giai cấp tư sản diễn ra.

Năm 1917, dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, sự ra đời của chế độ xã hội chủ nghĩa trên thực tế ở đất nước chiếm 1/6 diện tích thế giới đã trở thành điểm nhấn quan trọng trong lịch sử nhân loại. Từ đây, ngọn lửa đấu tranh của giai cấp công nhân đã được thổi bùng lên khắp thế giới. Ngay trong năm 1918, một loạt đảng cộng sản của giai cấp công nhân được thành lập ở nhiều quốc gia trên thế giới như: Phần Lan, Áo, Hà Lan, Hunggari, Đức, Balan... Bên cạnh đó, các nhóm, các tổ chức cộng sản cũng được thành lập ở nhiều nơi trên thế giới trong năm 1918-1919 như: Tiệp Khắc, Rumani, Italia, Trung Quốc, Triều Tiên, Nam Phi, Úc, Achentina...

Tháng 3 năm 1919, tại Matxcova, để bảo vệ thành quả cách mạng cũng như giúp phong trào cách mạng thế giới phát triển, đã diễn ra Hội nghị (được coi như Đại hội) thành lập Quốc tế III. Những văn kiện được thông qua tại Đại hội thành lập Quốc tế III khẳng định sức sống của chủ nghĩa Mác trong thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời, đáp ứng được yêu cầu của lịch sử đặt ra đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và phong trào GPDT trên thế giới. Đánh giá ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của việc thành lập Quốc tế Cộng sản, V.I.Lênin viết:

Việc thành lập Quốc tế III, tức Quốc tế Cộng sản, ở Mátxcova, ngày 2 tháng Ba 1919, là sự ghi lại những cái không những do quần chúng vô sản Nga, quần chúng vô sản toàn nước Nga, mà còn do quần chúng vô sản các nước Đức, Áo, Hung, Phần Lan, Thụy Sĩ, tóm lại, do quần chúng vô sản quốc tế, đã giành được. Chính vì vậy việc thành lập Quốc tế III tức Quốc tế Cộng sản, là một sự nghiệp bền vững [98, tr. 624]

Từ nội dung bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, được Đại hội II của QTCS (1920) thông qua, đã giúp các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới tìm thấy con đường của độc lập – tự do – hạnh phúc. Qua đó, tạo nên một bước chuẩn bị tư tưởng cho phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa trên thế giới. Đồng thời, QTCS còn đào tạo được đội ngũ đông đảo các nhà cách mạng cho sự nghiệp cách mạng của các dân tộc phương Đông, góp

phần thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ. Khẳng định vai trò của QTCS đối với cách mạng Việt Nam, trong bài *Đệ Tam Quốc Tế* viết năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “An Nam muốn cách mệnh thành công, thì tất phải nhờ Đệ tam quốc tế” [121, tr. 312] và lịch sử đã chứng minh đúng như vậy.

Tóm lại, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, hoàn cảnh lịch sử của thế giới có nhiều chuyên biến mạnh mẽ: Chủ nghĩa tư bản ở phương Tây phát triển vượt bậc, đẩy chế độ phong kiến vào quá khứ. Trong quá trình ấy, đối với các nước tư bản, trước những nhu cầu của sự phát triển mới, nhu cầu xâm lược nước ngoài để tìm kiếm thị trường ngày càng trở nên cấp bách. Từ đó, hầu hết các nước nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển (bao gồm cả Việt Nam) đều trở thành mục tiêu của các nước đế quốc phương Tây. Lúc này, ở Châu Á, các cuộc canh tân đất nước của Nhật Bản, Trung Quốc... tạo ra sự phát triển kinh tế xã hội, làm biến đổi bộ mặt đất nước, thay đổi căn bản chế độ chính trị. Đặc biệt, khi Cách mạng Tháng Mười Nga giành thắng lợi (1917) đã làm cho hệ tư tưởng của giai cấp công nhân ngày càng ảnh hưởng rộng khắp trên phạm vi thế giới, phong trào đấu tranh GPDT phát triển nhanh chóng. Với những gì diễn ra trong những năm đầu thế kỷ XX, châu Á đã thực sự “thức tỉnh”. Đặc biệt, “Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng, hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương” [120, tr. 40]. Thực tiễn sinh động ấy đặt câu hỏi cho dân tộc Việt Nam là phải đi con đường cách mạng nào để bảo vệ độc lập dân tộc cũng như phát triển đất nước theo kịp các nước trong khu vực?

2.1.2. Tình hình Việt Nam

2.1.2.1. Chính sách cai trị của thực dân Pháp và hệ quả của nó

* Về chính trị:

Trước khi thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là một nước phong kiến độc lập và mô hình nhà nước của triều đình nhà Nguyễn là mô hình một nhà nước quân chủ chuyên chế tuyệt đối dựa trên học thuyết Nho giáo. Thời điểm đầu thế kỉ XX, mô hình này thể hiện sự bất cập khi quyền lực nhà nước tập trung trực tiếp trong tay các ông Vua. Từ sự lạc hậu về chính trị đã dẫn đến sự yếu kém của Việt Nam trên nhiều phương diện khác của đất nước.

Ngày 01/09/1858, thực dân Pháp mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nổ súng tiến công bán đảo Sơn Trà - Đà Nẵng. Sau đó, thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược vào Nam rồi lan nhanh ra khắp cả nước. Sự kiện hoà ước Giáp Thân (Hiệp ước Patenôtre) được kí kết giữa nhà Nguyễn với thực dân Pháp vào ngày 6 tháng 6 năm 1884 tại kinh đô Huế, đã chính thức mở đầu thời kỳ Việt Nam mất độc lập, tự do và trở thành quốc gia lệ thuộc vào nước Pháp. Cùng với quá trình thâm tóm

dần quyền lực nhà nước từ vua quan nhà Nguyễn về tay mình là quá trình thực dân Pháp hành động để chấm dứt ảnh hưởng của triều đình Bắc Kinh.

Sau năm 1884, quá trình tổ chức cai trị theo lãnh thổ ngày càng được thực dân Pháp củng cố và hoàn thiện. Thực dân Pháp chia Việt Nam thành 3 Kỳ với 3 chế độ chính trị cai trị khác nhau, trong đó cả ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp thực chất nằm trong tay thực dân Pháp, triều đình phong kiến nhà Nguyễn chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, không còn quyền lực thực tế, đúng như nhận định của Mác, Ph.Ăngghen: “Bất cứ ở chỗ nào mà giai cấp tư sản chiếm được chính quyền thì nó đập đổ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và điền viên” [112, tr. 599 - 600]. Theo đó, nguyên tắc tập trung quyền lực trong tay Vua nhà Nguyễn trước đây, sau khi bị thực dân Pháp thôn tính, đặc biệt sau khi Liên bang Đông Dương ra đời, đã chuyển sang “nguyên tắc tập trung quyền lực trong tay người Pháp” [175, tr. 145]. Mô hình nhà nước phong kiến đã dần chuyển sang một mô hình nhà nước có tính chất tư sản (đặc biệt ở Nam Kỳ) với những nét đặc thù trong điều kiện tồn tại ở một nước thuộc địa. Nhà nước quân chủ phong kiến chuyên chế đã nhường chỗ cho nhà nước thực dân phong kiến - một nhà nước “lưỡng thể về chính trị”, một nhà nước có sự kết hợp và pha trộn của hai tính chất phong kiến và tư sản. Cách tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước có nhiều thay đổi so với thời kỳ phong kiến trước đây. Nhà nước từ chỗ là công cụ của giai cấp địa chủ phong kiến để nô dịch và bóc lột nhân dân (chủ yếu là nông dân) trở thành công cụ của thực dân, phong kiến nô dịch, áp bức toàn thể nhân dân Việt Nam, làm giàu cho thực dân xâm lược và phong kiến bản xứ. Năm 1887, Liên bang Đông Dương ra đời - Đó là “mốc chuyển hoá của chính quyền phong kiến vào phạm trù chính quyền thuộc địa” [41, tr. 275]. Việt Nam từ một quốc gia thống nhất với một bộ máy nhà nước duy nhất trong cả nước dưới thời nhà Nguyễn độc lập, giờ đây bị chia thành “ba quốc gia” tương ứng với ba Kỳ với các quy chế cai trị khác nhau, với ba hệ thống chính quyền cho mỗi Kỳ, là bộ phận của chính quyền Liên bang Đông Dương.

* Về kinh tế:

Trước khi thực dân Pháp xâm lược, dù theo chính sách trọng nông, ức thương song nhà Nguyễn không quan tâm đến chính sách khuyến nông một cách thoả đáng, nên xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX hoàn toàn vẫn là một xã hội nông nghiệp lạc hậu và nền kinh tế tài chính rơi vào tình trạng suy đốn trầm trọng về mọi mặt. Hệ quả là “các yếu tố tư bản chủ nghĩa mới nảy sinh trong nền kinh tế, đang trên đà phát triển tự nhiên và tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hồi đó, đều bị bóp nghẹt” [74, tr. 78]. Trên cơ sở đó, nền tài chính quốc gia ngày một kiệt quệ. Đời sống nhân dân ngày càng cực khổ.

Bước sang thế kỉ XX, bức tranh kinh tế thế giới lúc này là: “Đại công nghiệp đã tạo ra thị trường thế giới... Nó buộc tất cả các dân tộc phải thực hành phương thức sản xuất tư bản” [112, tr. 602]. Vì vậy, song song với quá trình xác lập quyền thống trị về chính trị, thì thực dân Pháp cứ xâm chiếm được một bước lại tiến hành khai thác một bước, hay nói theo cách khác đó chính là “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ là sự đan xen tồn tại của các yếu tố của nền kinh tế truyền thống mang tính chất phong kiến với các yếu tố của nền kinh tế phụ thuộc mang tính chất tư bản chủ nghĩa. Các quan hệ sản xuất phong kiến bị thu hẹp, phá vỡ tính thuần nhất của sản xuất nông nghiệp truyền thống, thay vào đó là sự phát triển của các nhà máy công nghiệp, hầm mỏ, đồn điền, mạng lưới giao thông, các dịch vụ thương nghiệp, các cơ sở sản xuất mới ra đời. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn ở trình độ thấp, các lực lượng sản xuất của xã hội cũ vẫn chiếm vị trí quan trọng, sự cọ xát gay gắt giữa cái cũ và cái mới còn tồn tại dai dẳng, tính chất, trình độ phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa còn yếu ớt và chậm chạp. Rất rõ ràng, công cuộc khai hóa văn minh của “nước mẹ Pháp” đối với các thuộc địa thực chất là “nhằm rút rìa quyền lợi vật chất trước mắt” [168, tr. 52] chứ không phải như những gì đế quốc Pháp tuyên truyền. Chính điều đó đã trở thành mảnh đất màu mỡ, mới mẻ, tạo điều kiện cho các trào lưu tư tưởng mới ở bên ngoài xâm nhập vào cũng như làm biến đổi ý thức tư tưởng của người dân.

* Về văn hóa – tư tưởng – xã hội:

Trước khi thực dân Pháp xâm lược, tư tưởng Việt Nam là hệ tư tưởng phong kiến thuần nhất, đó là tam giáo Nho – Đạo – Phật đồng hành với dân tộc, thậm chí tư tưởng Nho giáo hay Phật giáo cũng có ảnh hưởng trong tư tưởng chính trị của một số nhà yêu nước, “tạo nên những phong trào đấu tranh, phong trào khởi nghĩa mang tính chất tôn giáo vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” [93, tr. 92 - 93]. Bên cạnh đó, xã hội phong kiến Việt Nam cũng có kết cấu đơn giản bao gồm: giai cấp thống trị là địa chủ - phong kiến và giai cấp bị trị là nhân dân (trong đó chủ yếu là nông dân). Theo đó, mâu thuẫn cơ bản của xã hội phong kiến xảy ra giữa lực lượng phong kiến thống trị với nông dân. Mâu thuẫn này trở nên ngày càng gay gắt và đã bộc lộ một cách sâu sắc với hàng loạt các cuộc khởi nghĩa nông dân suốt cả mấy đời vua triều Nguyễn. Để ổn định tình hình, triều Nguyễn đã thi hành những chính sách đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc khởi nghĩa của nông dân trong bể máu.

Bước sang thế kỉ XX, trên thế giới, chủ nghĩa đế quốc đang bành trướng, mở ra các cuộc xâm lược, từ đó tạo nên những ảnh hưởng lớn đến các dân tộc. Ở Châu Á, Nhật Bản vươn lên “thần kỳ” trở thành đế quốc kinh tế. Năm 1911, cuộc cách mạng

Tân Hợi thành công đưa Trung Quốc theo con đường dân chủ tư sản. Những thành công ấy đều gắn với liền với giai cấp tư sản của đất nước đó. Điều này là đúng với qui luật phát triển của nhân loại khi mà quá trình tư bản quốc tế hóa của chủ nghĩa tư bản đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới thì sự “thức tỉnh” ở châu Á cũng mang tính chất tư sản. Chính điều đó đã tạo tiền đề cơ bản cho sự chuyển biến về tư tưởng cũng như trách nhiệm xã hội của mỗi giai tầng đối với vận mệnh dân tộc ở Việt Nam, cụ thể: Vì chưa có sự thức tỉnh của vô sản nên không có một nhà yêu nước ở phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng lại có tư tưởng đi ra ngoài khuôn khổ của cách mạng dân chủ tư sản cũng là điều có thể hiểu được.

Một sự cai trị chính trị không chỉ cần cơ sở kinh tế mà còn cần một nền tảng tư tưởng tinh thần cho sự tồn tại và hoạt động của nó. Vậy nên, thực dân Pháp chủ trương cải cách mạnh mẽ nền văn hóa, giáo dục phù hợp với công cuộc khai thác thuộc địa. Nội dung chương trình giáo dục tập trung nhiều đến “*on khai hoá của mầu quốc*” nhằm gây dựng ở người học lòng trung thành với nước Pháp và chế độ cai trị thuộc địa. Điều đó có tác dụng như bệ đỡ tinh thần cho sự cai trị chính trị của chúng ở Việt Nam, làm cho người Việt hướng tới và ngưỡng mộ văn hoá Pháp và văn minh phương Tây (ở đây là một thứ văn hoá phản động chứ không phải tư tưởng dân chủ tư sản tiến bộ của Pháp) hay ít nhất chấp nhận “sự đô hộ của Pháp là một thực tế mà chúng ta không thể làm gì chống lại nó và chúng ta phải coi nó là một yếu tố. Hãy chấp nhận nó với tất cả các hậu quả của nó, và hãy tìm cách rút ra từ đó cái khả năng có lợi nhất” [141, tr. 329]. Ngoài ra, bằng những quy định về báo chí, xuất bản, thực dân Pháp đã ra sức truyền bá tư tưởng, văn hoá thực dân, phủ nhận văn hoá, truyền thống bản địa của Việt Nam. Chúng cố gắng tạo ra những con người (cả người Việt và người Pháp) có “tâm hồn thực dân” làm cơ sở cho sự cai trị về tư tưởng, văn hoá của chúng. Hệ quả là một xã hội thuộc địa – phong kiến được hình thành với nhiều giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện cùng sự nảy sinh thêm mâu thuẫn trong lòng xã hội Việt Nam, cụ thể: cơ cấu giai cấp và vai trò các giai cấp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có sự phân hóa, biến đổi theo sự tác động của nền kinh tế thuộc địa - phong kiến. Theo đó, chế độ chính trị thực dân - phong kiến thay thế cho chế độ chính trị phong kiến. Từ đây, làm cho kết cấu xã hội Việt Nam có sự phân hóa sâu sắc, bên cạnh mâu thuẫn xã hội cũ còn tồn tại (mâu thuẫn giữa nhân dân (trong đó chủ yếu là nông dân) với địa chủ phong kiến) thì xã hội nảy sinh mâu thuẫn mới - mâu thuẫn dân tộc (đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai). Hai mâu thuẫn này tồn tại song song và đan xen với nhau, trong đó mâu thuẫn dân tộc bao trùm lên tất cả. Mặt khác, trong bản chất mỗi giai cấp, tầng lớp xã

hội đều mang đặc điểm chung, đặc điểm riêng và cả nét đặc thù. Song, vào thời điểm đầu thế kỷ XX, họ đều có chung một mẫu số là chịu thân phận người nô lệ, người dân mất nước và ai ai cũng đều có nguyện vọng “Dân tộc được độc lập” và “Tổ quốc được tự do”. Và, tất cả những chuyển biến này đã trở thành mảnh đất màu mỡ để hạt giải phóng có điều kiện nảy mầm, phát triển đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến” [120, tr. 40]. Hay nói theo cách khác, chính từ chính sách cai trị của thực dân Pháp đã tạo ra những biến đổi nhất định trong nhận thức của dân tộc. Sự giao thoa cũ - mới, đan xen giữa các yếu tố truyền thống và hiện đại trên tất cả mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có tư tưởng - văn hoá, đang giai đoạn diễn ra một cách mạnh mẽ và nằm ngoài ý muốn của thực dân. Bởi cùng với việc truyền bá tiếng Pháp, chữ quốc ngữ cũng được truyền bá rộng rãi và được đưa vào trường học để giảng dạy. Từ đó, tạo điều kiện cho các tờ báo, các cơ sở in ấn, các nhà xuất bản xuất hiện. Chẳng hạn như báo *La Cloche fêlée* (Tiếng chuông rền), *L’Annam* (Nước Nam), *Jeune Annam* (Nước Nam trẻ), *Le Nhaque* (Người Nhà quê) tích cực công khai truyền bá những tư tưởng tiên bộ, tư tưởng dân chủ tư sản, tư tưởng mácxít, đồng thời phản đối chính sách bóc lột của chủ nghĩa thực dân và phong kiến. Qua đó, một bộ phận trí thức tiên bộ nhanh chóng tiếp thu những tri thức khoa học phương Tây. Họ có thêm nhiều hiểu biết mới về thế giới xung quanh, về chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học, kỹ thuật mà trong nền giáo dục Nho học không có. Từ đó, góp phần tạo nên sự chuyển biến trong tư tưởng của nhân dân ta nói chung và bộ phận trí thức Việt Nam nói riêng. Các sĩ phu yêu nước tiên bộ đã chủ trương phải kết hợp cứu nước, cứu dân với duy tân tức là học hỏi theo văn minh tư sản phương Tây, xây dựng một nước Việt Nam mới theo hình ảnh các nước tiên tiến bây giờ. Đặc biệt, khi phong trào Cần Vương thất bại, rồi cuộc đấu tranh của nông dân Yên Thế cũng thất bại đã đánh dấu chấm hết cho vai trò lịch sử của lực lượng phong kiến cùng hệ tư tưởng Nho giáo đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Điều này làm cho nhu cầu canh tân đất nước trở nên cấp thiết và cấp bách.

Trong số những con người yêu nước thời điểm đó có Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Huỳnh Thúc Kháng... từng bước gắn kết chủ nghĩa yêu nước truyền thống với các giá trị dân chủ, nhân văn tiên bộ từ phương Tây, tạo nên bước chuyển mạnh mẽ trong nhận thức người dân và hệ tư tưởng dân tộc. Các ông từng bước đoạn tuyệt với hệ tư tưởng Nho giáo để chuyển dần sang hệ tư tưởng dân chủ tư sản. Tuy nhiên, lịch sử Việt Nam không diễn ra như các nước phương Tây, bản thân giai cấp địa chủ phong kiến, vì lợi ích giai cấp, nên không muốn từ bỏ vai trò của mình. Giai cấp

tư sản mới ra đời còn non yếu, chưa đứng vững và chưa có vị trí nhất định đảm đương vai trò lãnh đạo xã hội để giương cao ngọn cờ tư sản. Vậy nên, tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam giai đoạn này cũng chưa định hình là một ý thức hệ tư sản hoàn chỉnh với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp tư sản Việt Nam. Lực lượng tiếp nhận và hoạt động chính trị theo tư tưởng tư sản ở nước ta thời kỳ đầu là những trí thức Nho học, thời kỳ sau là những trí thức Tây học. Trên thực tế, Phan Bội Châu đóng vai trò là người mở đường cho quá trình chuyển biến căn bản từ tư tưởng quân chủ sang dân chủ trong tư tưởng chính trị của người dân, còn Phan Châu Trinh cố gắng thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền móng cho tư tưởng dân chủ tư sản phát triển trong xã hội Việt Nam. Nguyễn An Ninh, và Huỳnh Thúc Kháng cũng có những hoạt động đảm bảo cho hệ tư tưởng tư sản phát triển mở rộng trong nhận thức của nhân dân Việt Nam thời điểm những năm đầu thế kỉ XX.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười – Nga thành công có tác động sâu sắc đến mọi quốc gia trên thế giới, ở châu Á và cả Việt Nam. Với sự nhạy bén về chính trị và tấm lòng yêu nước nhiệt thành, các nhà tư tưởng đã “giới thiệu” một số vấn đề của chủ nghĩa Mác – Lênin với xã hội Việt Nam như dịch *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* trên báo *La Cloche fêlée* của Nguyễn An Ninh, tác phẩm *Liệt ninh lược truyện* (năm 1921), *Truyện Phạm Hồng Thái* (năm 1924) và *Xã hội chủ nghĩa* (năm 1928) của Phan Bội Châu. Mặc dù, các nhà tư tưởng ấy chưa đứng trên lập trường giai cấp vô sản mà đang đứng trên lập trường dân chủ tư sản nhưng nội dung những tác phẩm ấy có tác dụng cộng hưởng với quá trình tuyên truyền hệ tư tưởng vô sản của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, làm cho những vấn đề lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá vào đời sống tinh thần của xã hội, tạo ra bầu không khí mới, có ý nghĩa định hướng cho quần chúng nhân dân Việt Nam đi theo hệ tư tưởng vô sản. Đây là một tiền đề quan trọng cho việc hình thành tổ chức cách mạng lựa chọn chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động trên con đường GPDT Việt Nam.

Như vậy, các nhà tư tưởng Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn An Ninh... đã hoàn thành sứ mệnh của giai đoạn lịch sử đó và những đóng góp của các ông vào sự phát triển tư tưởng dân tộc có ý nghĩa quan trọng: “Sự tìm tòi thể nghiệm có thể đạt đến thành công, có thể thất bại, song lại tạo ra tiền đề cho sự hình thành cái mới, cái phù hợp hơn tới tiến trình vận động của lịch sử” [160, tr. 152]. Bên cạnh đó, thái độ, hành động cởi mở tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Các ông đồng tình về con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn

Ái Quốc lựa chọn. Năm 1920, khi biết có Hội nghị của các Đảng Cộng sản họp tại Trung Quốc, Phan Bội Châu đã tìm đến để tìm hiểu cách mạng vô sản. Năm 1925, ông đã gặp Nguyễn Ái Quốc để nghe góp ý về chương trình của tổ chức *VNQDD*, treo ảnh Lênin trong nhà và bản thân Phan Bội Châu tin tưởng vào sự lựa chọn của Nguyễn Ái Quốc. Phan Châu Trinh viết thư động viên, khuyên Nguyễn Ái Quốc từ bỏ con đường “cũ kỹ” và trở về nước thực hiện con đường cách mạng vô sản, đem chủ nghĩa Mác – Lênin cổ vũ, động viên tinh thần yêu nước đánh đuổi thực dân Pháp cứu dân, cứu nước, GPDT. Nguyễn An Ninh, ngoài việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lênin, còn tích cực tham gia hoạt động ủng hộ các phong trào yêu nước, giới thiệu những đảng viên của Đảng Thanh niên Cao vọng cho Đảng Cộng sản Đông Dương. Những tư tưởng và hành động của các ông đối với chủ nghĩa Mác – Lênin và cách mạng vô sản đã có tác dụng cổ động rất lớn trong đời sống tinh thần của người dân tộc Việt Nam giai đoạn những năm 1920. Mặc dù, tất cả hoạt động này mới chủ yếu chỉ dừng ở tư tưởng chứ chưa biến thành hành động nên các phong trào yêu nước thời kỳ này đều chung một kết cục là thất bại. Tuy nhiên, đây là sự thất bại của cái mới, cái tiên bộ trước cái lỗi thời còn đang khá mạnh. Hơn nữa, sự thất bại đó còn do trong lòng xã hội Việt Nam chưa xuất hiện một trào lưu đổi mới thực sự - một giá đỡ tư tưởng thực sự, hay nói một cách khác là bản thân toàn bộ xã hội nước ta thời điểm đó chưa tự ý thức thực sự nếu chỉ dựa vào một vài nhà tư tưởng thì việc thực hiện bước chuyển từ tư tưởng, phong kiến sang dân chủ tư sản rồi tới cách mạng vô sản là điều hết sức khó khăn. Mặt khác, muốn chuyển sang một hệ tư tưởng mới không chỉ cần có thiện cảm mà cần phải có cả thời gian để nghiên cứu, tìm hiểu. Vậy nên, về cơ bản, các nhà tư tưởng đã hoàn thành nhiệm vụ khi dẫn dắt người dân từ hệ tư tưởng phong kiến sang hệ tư tưởng tư sản, làm tiền đề tiệm cận với hệ tư tưởng vô sản.

2.1.2.2. Sự chuyển biến trong phong trào cách mạng và tổ chức cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX

Dưới sự cai trị của thực dân Pháp đã làm nảy sinh trong lòng xã hội Việt Nam mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai. Yêu cầu khẩn cấp đặt ra lúc đó là phải giành lại nền độc lập cho dân tộc.

Đến đầu thế kỷ XX, ở phía Bắc, phong trào Cần Vương đã thất bại, lãnh tụ nông dân Hoàng Hoa Thám cố gắng duy trì cuộc chiến đấu trong vô vọng; thì ở phía Nam, “tinh thần nghĩa hội” trong các tầng lớp nhân dân vốn là các nghĩa binh năm xưa lại tiếp tục khởi phát với khuynh hướng cách mạng mới đầu thế kỷ XX - khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản với xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo và xu hướng cải cách do Phan Châu Trinh đề xướng.

Trong tư tưởng chính trị của những sĩ phu yêu nước mặc dù chưa xuất hiện khái niệm về đảng chính trị, nhưng từ nhu cầu thực tiễn để lãnh đạo cách mạng cũng như tiếp thu tư tưởng tiên bộ “Tân thư”, “Tân văn”, các ông đã suy nghĩ và thành lập các tổ chức nhằm tập hợp lực lượng, phát động phong trào đấu tranh.

Năm 1904, Phan Bội Châu cùng Đặng Thái Thân liên lạc với các sĩ phu ở Quảng Nam là Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển, Lê Vĩnh Huy, Châu Thượng Văn... thành lập *Duy Tân hội* tại Thăng Bình, Quảng Nam và đề cử Cường Để làm Hội trưởng. Tổ chức này có những đặc điểm sau:

- Mục đích phát triển: GPDT
- Hệ tư tưởng: Dân chủ tư sản
- Phương pháp cách mạng: Bạo động cách mạng
- Lực lượng: Tầng lớp nho sỹ, đại diện cho tầng lớp trí thức tiên bộ
- Phạm vi hoạt động: Trên cả ba miền đất nước: Bắc, Trung, Nam.

Đề ra mục đích, cương lĩnh hành động, có tổ chức cụ thể, có sự phân công quản lý chặt chẽ, không tự giác.

Tuy nhiên, Duy Tân hội cũng có những hạn chế: lực lượng của Hội đại diện cho giai cấp suy tàn của xã hội, không có nông dân hay công nhân, trong khi đó giai cấp công nhân đã ra đời, nông dân chiếm 90% dân số, cho nên Hội chưa huy động được đông đảo lực lượng xã hội tham gia; coi cầu viện Nhật Bản để đánh Pháp là một trong những nhiệm vụ trọng yếu. Đầu năm 1905, Phan Bội Châu, Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ lo công việc “cầu viện” bằng cách lên đường sang Nhật. Trong quá trình hoạt động ở nước ngoài, Phan Bội Châu nhận ra, muốn cứu nước không chỉ bằng con đường bạo động thuần túy mà phải kết hợp với duy tân, chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, xuất bản sách báo, nâng cao lòng yêu nước căm thù giặc trong nhân dân. Đến đây, Phan Bội Châu chuyển từ tư tưởng “cầu viện” sang “cầu học”, biểu hiện rõ nét nhất cho sự chuyển biến này là năm 1906, Phan Bội Châu phát động phong trào Đông Du. Sang năm 1907, ông thành lập tổ chức Công hiến hội ở Hương Cảng nhằm giải quyết những vấn đề lưu học sinh Việt Nam ở Nhật Bản, đánh dấu sự chuyển biến từ một tổ chức có mối liên hệ trong phạm vi dân tộc sang một tổ chức có mối liên hệ quốc tế.

Năm 1907, Trường Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập ở Hà Nội. Trường có lớp học bình thường và cũng có những buổi bình văn diễn thuyết được nhân dân ưa thích. Chính hành động đó đã thu hút sự chú ý của thực dân Pháp, bởi chúng thấy phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục là một mối nguy cơ đe dọa sự thống trị của chúng. Cho nên, thực dân Pháp đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục và bắt giam nhiều người chủ

chốt của phong trào văn hóa yêu nước và tiến bộ này. Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa ít lâu thì xảy ra vụ Hà Thành đầu độc, một cuộc mưu khởi nghĩa của binh lính người Việt Nam.

Cùng lúc này, phong trào chống thuế sưu ở Trung Kỳ phát triển từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1908, bắt đầu từ Quảng Nam. Hàng nghìn người từ các làng kéo đến tòa xứ Hội An đòi trị tội một viên tri phủ và đòi giảm thuế. Sau đó, lan ra các địa phương khác trong tỉnh Quảng Nam. Có nơi, nhân dân bắt quan huyện, chánh tổng, cường hào để trị tội. Ở kinh thành Huế cũng có biểu tình, xung đột, nhưng bị thực dân Pháp và phong kiến nhà Nguyễn đàn áp dữ dội. Hàng nghìn người bị bắt, hàng trăm người bị giết, nhiều nhà Nho yêu nước bị xử tử và bị cầm tù.

Đến tháng 10/1911, cách mạng tư sản Trung Quốc thành công đã chứng minh trên thực tế, chủ nghĩa quân chủ không còn phát huy tác dụng đối với phong trào cách mạng GPD.T. Phan Bội Châu nhận thấy không thể duy trì một tổ chức chính trị theo đường lối quân chủ, nên trong “Đại hội nghị” (6/1912) với sự góp mặt nhiều đại biểu, Duy Tân hội đã quyết định cải tổ tổ chức này và thành lập *Việt Nam Quang phục hội*. Tôn chỉ duy nhất của Hội là “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam” [26. tr.151]. So với Duy Tân hội thì VNQPH có sự phát triển hơn nhiều, cả về tư tưởng chiến lược và tổ chức chính trị. Bên cạnh đó, một chính phủ lâm thời như một nhà nước Cộng hòa dân chủ, có lực lượng vũ trang được gọi là Quang phục quân, với chương trình hành động, đường lối chiến lược cách mạng, tổ chức biên chế quân đội và một số nhiệm vụ cụ thể. VNQPH hoạt động trong và ngoài nước tạo nên những ảnh hưởng trong đời sống tinh thần của Việt Nam lúc bấy giờ. Nhiều cuộc bạo động cách mạng đã làm cho không khí cách mạng sục sôi, khơi dậy tinh thần yêu nước của dân tộc.

Tuy nhiên, năm 1913, Hoàng Hoa Thám bị địch ám sát, căn cứ Yên Thế bị giải tán. Quang phục hội mặc dù có chính phủ lâm thời nhưng vẫn không gây dựng được phong trào quần chúng trong nước như Duy Tân hội mấy năm trước đó. Hơn nữa, trong khi Chiến tranh Thế giới Thứ nhất bùng nổ thì Phan Bội Châu và một số lãnh tụ Quang phục hội bị thế lực quân phiệt tỉnh Quảng Đông bắt giam. Với tình hình trên, từ năm 1914 đến năm 1918, ở Việt Nam chỉ có những cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, quan trọng nhất là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1916, cuộc vận động của Trần Cao Vân và vua Duy Tân năm 1916 ở miền Trung Trung Kỳ, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên cùng binh lính năm 1917 do Trịnh Văn Cấn đứng đầu. Tất cả đều thất bại, bị nhấn chìm trong máu.

Cho đến những năm 20 của thế kỷ XX, khi Phan Bội Châu tiếp cận chủ nghĩa Mác – Lênin cùng sự ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) thì

quan điểm đảng chính trị của ông có sự chuyển hướng sang cách mạng vô sản. “Ông tích cực chuẩn bị cải tổ VNQPH thành VNQDD (tổ chức này khác với VNQDD – do Nguyễn Thái Học thành lập năm 1927)” [156, tr. 63]. Trong văn kiện của tổ chức này nêu mục đích của đảng là lấy quyền con người và chủ nghĩa quốc gia làm nền tảng, mọi người từ 18 tuổi trở lên được vào đảng. Như vậy, lúc này, quan điểm về đảng chính trị của Phan Bội Châu đã ngã theo khuynh hướng cách mạng vô sản, thành phần tham gia cũng mở rộng hơn VNQPH và chương trình cũng khá hoàn thiện. Nhưng, Phan Bội Châu chưa kịp chỉnh lý thì bị thực dân Pháp bắt (năm 1925). Những cơ sở cách mạng trong tổ chức chính trị do Phan Bội Châu xây dựng, sau này được Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận trong thời gian Người về Trung Quốc hoạt động (11/1924).

Song song với xu hướng bạo động, còn xuất hiện và phát triển xu hướng cứu nước bằng phương pháp cải cách do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... tiến hành khởi xướng. Họ phát động phong trào Duy Tân với chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” kết hợp cứu nước với duy tân, phát triển đất nước theo con đường văn minh tư sản, theo hình mẫu của các nước phương Tây tiên tiến. Cuộc vận động duy tân diễn ra trên nhiều lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, kinh tế, xã hội... bao gồm hoạt động rất đa dạng. Các lãnh tụ của phong trào Duy Tân lập ra nhiều tổ chức hội để tập hợp quần chúng và thực hành duy tân cải cách như hội nông, hội thương, hội học, hội trồng quế, hội nuôi tằm - dệt vải, diễn thuyết hội, tài thọ hội (hội trồng cây), hội cắt tóc ngắn, hội mặc đồ Tây... Đồng thời, các ông mở trường học, tiến hành vận động bãi trừ phong tục tập quán hủ bại, truyền bá những tư tưởng về mục đích, nội dung và phương thức duy tân, vấn đề tự cường, vấn đề dân chủ, dân quyền, vận động đời sống mới như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu... Từ vùng đất Quảng Nam, phong trào Duy Tân lan rộng ra toàn quốc, tạo thành một cuộc vận động cải cách dân chủ rộng lớn trên phạm vi cả nước ở đầu thế kỷ XX. Qua đó, đã làm trỗi dậy ý thức dân tộc, dân chủ; người dân giác ngộ được quyền và lợi ích của mình; trên cơ sở đó, trực tiếp châm ngòi cho các phong trào đấu tranh diễn ra sôi nổi, trong đó tiêu biểu là phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908). Đây không phải đơn thuần là một phong trào đấu tranh chống sưu thuế mà thực chất là một vụ dân biến. Nét đặc sắc trên đây cùng với những biểu hiện phong phú, đa dạng của nó đã trở thành một dấu hiệu mới đe dọa thật sự nền thống trị của thực dân Pháp.

Bên cạnh đó, Phan Châu Trinh kịch liệt phản đối phương pháp bạo động. Ông ra sức kêu gọi, giải thích để nhân dân đi theo phương pháp đấu tranh hòa bình, bởi theo ông, phương pháp bạo động là “hết sức sai lầm, chỉ hãm quốc dân vào chỗ chết, không hợp thời thế, không sát lý luận” [178, tr. 67]. Còn, phương pháp đấu tranh hòa

bình thì không gây ra tổn thất về tính mạng và vật chất, mà ngược lại, nó làm cho nhân dân thức tỉnh, vươn lên làm cách mạng, phê phán chế độ quân chủ, tố cáo quan lại Pháp vi phạm quyền dân chủ của nhân dân, tuy nhiên, hiệu quả của phương pháp này không cao và không triệt để.

Tháng 4/1908, Phan Châu Trinh bị bắt tại Hà Nội và bị đày ra Côn Đảo. Đến giữa năm 1910, ông được trả tự do và bị quản thúc tại Mỹ Tho. Từ năm 1911 đến năm 1925, ông sống, làm việc, hoạt động nhằm tìm con đường GPDT ở Pháp. Tại đây, Phan Châu Trinh nhận ra bản chất của chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, đồng thời ông cũng được tận mắt nhìn thấy cách mạng Nga thành công, Đảng Cộng sản Pháp và một loạt các đảng Cộng sản và tổ chức công nhân các nước đã xuất hiện trong cao trào cách mạng châu Âu từ năm 1918 – 1923. Phan Châu Trinh nhận ra muốn đánh thắng kẻ thù thì phải sử dụng bạo động cách mạng. Chính vì vậy, trong bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc (năm 1922), ông đã chia sẻ: “Tôi thành tâm mong mỏi anh thay đổi cái phương pháp cũ kĩ đi để mưu đồ đại sự. Tôi cầu chúc anh thành công và hi vọng bọn mình cùng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở” [102, tr.7].

Đầu năm 1926, một năm sau khi về nước, do bệnh nặng nên Phan Châu Trinh đã từ trần vào đêm 24 tháng 3 tại số nhà 54 đường Peloranh, Sài Gòn (nay là đường Pasteur, thành phố Hồ Chí Minh).

Tóm lại, để hoàn thành các nhiệm vụ, các mục tiêu cứu nước được đặt ra, trước hết phải tạo ra thực lực về kinh tế, văn hóa, quân, sự... phải nâng cao được dân trí, chấn hưng được dân khí, bồi dưỡng được nhân tài và phát triển bền vững dân sinh dưới các hình thức công khai và hợp pháp. Vì vậy, bên cạnh hình thức đấu tranh vũ trang của thời kỳ trước vẫn được duy trì, các sĩ phu yêu nước thời kỳ này đã lập các hội yêu nước, kết hợp nhiều biện pháp mới trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá, ngoại giao... Dù không đi đến thành công do ở Việt Nam lúc này chưa hội tụ đầy đủ các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chín muồi, nhưng quá trình chuyển biến của phong trào yêu nước trong 20 năm đầu thế kỷ XX đã tạo ra những tiền đề tư tưởng, kinh tế, xã hội vững chắc đưa phong trào dân tộc, dân chủ tiếp tục chuyển biến, bước vào giai đoạn phát triển mới với con đường cách mạng mới và khuynh hướng đấu tranh mới.

2.1.2.3. Nguyễn Ái Quốc và hành trình đi tìm một giải pháp mới cho nền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam.

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chính sách cai trị: chuyên chế về chính trị, độc quyền về kinh tế, nô dịch về văn hóa – xã hội của thực dân Pháp đã làm hình thành một xã hội thuộc địa – phong kiến với nhiều giai cấp, tầng lớp mới, đồng thời nảy

sinh thêm mâu thuẫn ngay trong lòng xã hội Việt Nam. Hệ quả tiếp đó, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra liên tục và mạnh mẽ ở cả ba miền Bắc – Trung – Nam, nhưng đều thất bại. GPDT là yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản và cấp bách của nhân dân Việt Nam. Những yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết đó được người thanh niên Nguyễn Tất Thành nhận thức và từng bước giải đáp một cách triệt để, toàn diện, sâu sắc.

Mặc dù rất khâm phục thể hệ đi trước, song Người không tán thành con đường cứu nước của các bậc tiền bối, Nguyễn Tất Thành đi theo một con đường khác. Ngày 5/6/1911, tại bến cảng Sài Gòn, người thanh niên Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba xin làm phụ bếp trên tàu Đô đốc Latouche-Tréville ra đi tìm một giải pháp mới cho quê hương. Có một chi tiết không thể bỏ qua đó là trước khi xuất dương sang Pháp, Nguyễn Tất Thành có theo học một thời gian ngắn tại trường kỹ nghệ thực hành Sài Gòn (Chợ Cũ, gần xưởng Ba Son) [82, tr. 149]. Một nhà sử học nước ngoài tinh tế nhận xét rằng:

Việc chuyển từ một thầy giáo thành một học sinh trường kỹ nghệ và nghề thợ là một kỳ lạ ở một nước vốn khinh rẻ công nghệ. Cho nên anh thanh niên cách mạng ấy đến với trường kỹ nghệ không phải để tập sự một nghề mà chủ yếu để tiếp xúc với kỹ thuật phương Tây, với những con người tiến hành kỹ thuật đó, nghĩa là với giai cấp công nhân [82, tr. 149 – 150].

Đó là cơ sở bước đầu để Người hiểu được cuộc sống của giai cấp công nhân - người lao động trên các châu lục. Đây cũng là dấu hiệu chứng tỏ Người muốn tiếp xúc thực sự với kỹ thuật phương Tây như một người thợ. Còn gì tuyệt vời và đúng đắn hơn khi thâm nhập vào Châu Âu – công xưởng thế giới, để thấy rõ được bản chất của chủ nghĩa tư bản ở vị trí xuất phát điểm là một người lao động. Hành trang mang theo của anh Ba chính là truyền thống yêu nước, tinh thần cố kết dân tộc, am hiểu sâu sắc về văn hóa phương Đông, một số kiến thức về văn hóa phương Tây. Đó cũng chính là nguồn vốn quý để Người tiếp tục tiếp thu, kế thừa những giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại.

Trên hành trình đến Pháp, tiếp xúc và chứng kiến cuộc sống cần lao của công nhân ở châu Phi... Nguyễn Tất Thành nhận thấy ở tất cả các xã hội đó có hai loại người: kẻ thống trị và người bị trị. Điều kiện sống của hai loại người đó cũng giống như ở Việt Nam. Đặt chân lên đất Pháp, Người ngạc nhiên khi ở nơi văn minh này cũng tràn ngập các tệ nạn xã hội: gái điếm, ăn mày, ăn xin, những khu nhà ổ chuột bẩn thỉu, tối tăm và hôi hám. Vậy là, ngay tại vùng đất hoa lệ bậc nhất Châu Âu cũng xuất hiện hai loại người: người bị áp bức và kẻ áp bức. Những người dân nghèo khổ ở

Pháp cũng đáng thương như những người dân nghèo khổ ở Việt Nam. Đến đây, Nguyễn Tất Thành thắc mắc: Tại sao người Pháp lại không “khai hóa” cho đồng bào họ mà lại mất công đi nửa vòng trái đất để “khai hóa” dân tộc khác? Phải chăng khẩu hiệu “Tự do, bình đẳng, bác ái” chỉ là cái bánh vẽ của giai cấp tư sản?

Tiếp tục hành trình, Người có dịp được chứng kiến sự áp bức của chủ nghĩa thực dân và sự đau khổ của nhân dân các nước thuộc địa. Người thấy nhân dân Pháp ở chính quốc phần nhiều là tốt, song những tên thực dân Pháp xâm lược lại rất hung ác và vô nhân đạo. Trên đường đến nước Anh (1913), Người tận mắt chứng kiến kẻ thống trị đã hành hạ dã man người da đen bằng cách thiêu sống, Người nhận thấy “tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu” [147, tr. 25]. Đến đây, Nguyễn Tất Thành càng thấm thía hơn thực chất của cái gọi là “khai hóa văn minh” của chủ nghĩa đế quốc là “phản động và tàn ác”, là “ăn cướp và giết người”, chứ không phải “Tự do, bình đẳng, bác ái”.

Nguyễn Tất Thành từng bị thu hút bởi “Tự do, bình đẳng, bác ái”, bị hấp dẫn bởi những tư tưởng triết học của các nhà Khai sáng Pháp. Từ tư tưởng cao đẹp của các nhà Khai sáng Pháp đã khai mở cho các cuộc cách mạng Anh, Pháp, Mỹ. Nhưng, tại sao các cuộc cách mạng Anh, Pháp, Mỹ sau khi thành công lại phản bội những giá trị đích thực đó? Họ thừa nhận quyền tự do, bình đẳng, kêu gọi tinh thần bác ái nhưng sao lại bóc lột các dân tộc khác? Qua quá trình bôn ba, học hỏi, tìm kiếm, bằng những dẫn chứng sự kiện cụ thể trong hoạt động thực tiễn sinh động và tư duy chính trị sắc bén, Nguyễn Tất Thành đã rút ra một kết luận hết sức khoa học:

Cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ, nghĩa là cách mạng tư bản, cách mạng không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mạng đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hãng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mệnh An Nam nên nhớ điều ấy [120, tr. 274].

Trên hành trình tìm hướng đi mới cho cách mạng Việt Nam phù hợp với xu hướng thời đại và quy luật phát triển xã hội, Nguyễn Tất Thành tiếp tục hòa mình vào thế giới của giai cấp cần lao để tự “vô sản hóa” mình. Điều đó làm cho người thanh niên Nguyễn Tất Thành có một bước chuyển sâu sắc về tư tưởng và hành động. Từ lập trường của người yêu nước sang lập trường của giai cấp công nhân. Với sự trưởng thành trong nhận thức đó, khi đến Pháp, Nguyễn Tất Thành tham gia vào Đảng Xã hội Pháp – một đảng tiến bộ hơn cả ở giai đoạn lịch sử đó ở Pháp. Việc tham gia hoạt động thực tiễn đã hình thành ở Nguyễn Tất Thành những phẩm chất, tính cách, lý

tương, tâm lý giai cấp công nhân. Đó là nhân tố hết sức quan trọng để Nguyễn Tất Thành đứng vững trong hàng ngũ công nhân.

Tháng 6 năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt *Hội những người Việt Nam yêu nước*, ký tên và gửi *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Hoà bình Quốc tế họp ở Vécxây (Pháp). Tuy nhiên, Bản yêu sách không được chấp thuận và Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra “Chủ nghĩa Uyn - xon chỉ là một trò lừa bịp bợm” [120, tr. 416]. Vì thế, mỗi dân tộc muốn được độc lập và tự do theo đúng nghĩa của nó, các dân tộc phải trông cậy trước hết vào lực lượng, thực lực của mình, người Việt Nam phải biết tự giải phóng lấy mình. Tư duy và hành động này của Nguyễn Ái Quốc rất khác so với các bậc tiền bối đi trước nhưng lại rất gần gũi với quan điểm của Lênin: “Trong khi giải quyết tất cả những vấn đề thuộc địa và dân tộc, không phải xuất phát từ những khái niệm trừu tượng, mà từ những hiện tượng thực tế cụ thể” [100, tr. 141]. Mặc dù thời gian trước ngày 16/7/1920, Người chưa được đọc tác phẩm nào của Lênin [207, tr. 56]. Thêm nữa, khi hòa mình vào đời sống của các dân tộc thuộc địa, gia nhập với giai cấp công nhân ở chính quốc, làm đủ các nghề để sống và đi, đã làm cho Người nhận ra: ở đâu bọn đế quốc cũng dã man, tàn bạo và ở đâu giai cấp công nhân cũng bị áp bức, bị bóc lột nặng nề. Dù màu da, kiểu tóc có khác nhau thì trên đời chỉ có hai giống người: “giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”. Nhưng trên thế giới cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi, đó là tình hữu ái vô sản.

Tháng 7 năm 1920, Người đọc được bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin. Nội dung của Luận cương đã giải đáp cho Nguyễn Ái Quốc những băn khoăn về con đường giành độc lập, tự do cho dân tộc, trả lời câu hỏi ai là người lãnh đạo, lực lượng tham gia và mối quan hệ giữa cách mạng GPDT ở các nước thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc... Giống như người đi đường đang khát gặp nguồn nước mát, như người đã vượt qua đêm tối để thấy được ánh sáng mặt trời, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của cách mạng GPDT, trong đó có cách mạng Việt Nam. Với tinh thần say mê, lòng nhiệt huyết cùng trí tuệ thông minh, Người đã nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người tìm thấy những giá trị thiết thực cho cách mạng GPDT Việt Nam, cụ thể:

Thứ nhất, Người đã xác định rõ đâu là kẻ thù của giai cấp, của dân tộc và phải chĩa mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù. Nội dung bản Luận cương của V.I. Lênin đã đánh giá đúng tình hình lịch sử cụ thể; phân biệt rõ lợi ích giai cấp của những người lao động, những người bị bóc lột, làm sáng tỏ bức tranh của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Chính giai cấp tư bản đã áp bức, bóc lột nhân dân lao động chính quốc đồng thời đô hộ áp bức các nước thuộc địa.

Thứ hai, Nguyễn Ái Quốc thấy được động lực to lớn và lực lượng chủ yếu của cách mạng là giai cấp công nhân và nông dân. Từ ý chí tìm lại độc lập, tự do cho nhân dân, từ thực tiễn hoạt động cách mạng, thấy được sức mạnh to lớn của nhân dân trong các cuộc đấu tranh, nhất là cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga lại được lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin soi đường, Nguyễn Ái Quốc xác định động lực của cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân. Đây cũng chính là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

Thứ ba, hướng đi của cách mạng GPDT ở các nước thuộc địa mà Luận cương của V.I.Lênin vạch ra, đó là: “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [127, tr. 563] và sau này Người cũng khẳng định: “Muốn cứu nước và GPDT không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30].

Thứ tư, Luận cương của V.I.Lênin đã chỉ ra tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa, mối quan hệ và đặc điểm giữa cách mạng chính quốc với các nước thuộc địa. V.I.Lênin viết:

Với các quốc gia, dân tộc chậm tiến hơn... nhất thiết phải có sự giúp đỡ của tất cả các đảng cộng sản đối với phong trào giải phóng dân chủ tư sản của những nước ấy; công nhân của một nước đang thống trị một dân tộc chậm tiến về mặt thuộc địa hoặc về mặt tài chính phải có nhiệm vụ trước tiên ủng hộ tích cực nhất phong trào giải phóng của dân tộc ấy [100, tr. 203]

Như vậy, Luận cương của V.I.Lênin đã mở ra con đường đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và bản Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước, GPDT, đó là con đường cách mạng vô sản. Đây là kết quả tất yếu khách quan của nhiều năm bôn ba tìm kiếm, phát hiện chân lý và sự tinh tế cảm nhận; hoàn toàn không phải là sự tình cờ, ngẫu nhiên, sự may mắn như ai đó đã nói, đã viết. Tin tưởng đi theo Chủ nghĩa Mác-Lênin và lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại là bước nhảy vọt về chất trong nhận thức của Người, là một sự kiện đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa chính trị và nhân văn sâu sắc, quyết định tâm nhìn, quan điểm, lập trường; sự lựa chọn con đường cứu nước, cứu dân của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Lý luận khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin cùng kinh nghiệm thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười Nga đã giúp Người nhìn nhận, đánh giá, phân tích, tổng kết cách mạng thế giới, qua đó, Người chọn lọc những gì tinh túy nhất, đúng đắn

nhất, cần thiết nhất, khắc phục căn bản sự khủng hoảng về chính trị và sự bế tắc về đường lối GPDT để “gieo mầm cộng sản” vào Việt Nam.

Tháng 12/1920, Người bỏ phiếu tán thành gia nhập QTCS (Quốc tế III) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Sự kiện này đã đánh dấu bước ngoặt căn bản về chất trong sự phát triển nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc: từ chủ nghĩa yêu nước đến Chủ nghĩa Mác - Lênin, từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp, từ người yêu nước trở thành người cộng sản. Sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã bắt tay vào chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời một chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam: “Trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập” [120, tr.151]. Tuy nhiên, làm thế nào để truyền bá học thuyết cách mạng và khoa học vào Việt Nam - một nước có trình độ dân trí thấp với 95% dân số bị mù chữ, lại chịu sự kìm kẹp bởi chế độ thực dân, phong kiến?

2.2. Sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

2.2.1. Từ bộ phận “nhóm trẻ” của Việt Nam Quang phục hội hình thành nên tổ chức Tâm Tâm Xã

Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập VNQPH để thay thế cho Duy Tân hội. Trong quá trình tồn tại, VNQPH đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh vũ trang khắp Trung, Nam, Bắc và kéo dài hoạt động đến những năm 1917 - 1918. Tuy nhiên, những nỗ lực ấy cuối cùng cũng không giúp cách mạng Việt Nam thành công. Mặc dù vậy, các hoạt động của VNQPH đã đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong phong trào cách mạng Việt Nam, bởi đây là tổ chức đầu tiên trong lịch sử Việt Nam đưa ra đường lối xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau thời kỳ Duy Tân hội, Phan Bội Châu cũng như các thành viên trong Hội đã đoạn tuyệt với con đường phong kiến. Thay vào đó, Phan Bội Châu và các thành viên trong VNQPH đề ra việc đấu tranh “vì đồng bào”, vì dân tộc, vì khôi phục “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Rõ ràng, so với thể hệ cách mạng giai đoạn trước thì thể hệ của Phan Bội Châu đã tiến thêm một bước.

Ngoài ra, trong quá trình đấu tranh, VNQPH biết tận dụng các mối quan hệ với các tổ chức cách mạng Trung Quốc như Đồng Minh hội, Chân Hoa hưng Á hội... để tiến hành nhiều hoạt động vũ trang. Mặc dù sự kết hợp với tổ chức bên ngoài không đem lại thắng lợi cho VNQPH, nhưng cũng giúp Phan Bội Châu cùng ban lãnh đạo của hội nghiệm ra rằng muốn thắng được chủ nghĩa đế quốc đang bành trướng khắp năm châu thì

các dân tộc bị áp bức phải liên kết lại (tức là cách mạng dân tộc phải là một mắt xích của cách mạng thế giới).

Đồng thời, việc VNQPH kiên trì đường lối “vũ trang cách mạng” (đã được đề ra từ thời kỳ Duy Tân hội) để lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến là đường lối đấu tranh đúng đắn, bởi vì “nước đã mất chủ quyền”, “giáo dục cũng nằm trong tay giặc” thì “bạo động là chỗ dựa để đẩy mạnh hành động và tư tưởng cách mạng của nhân dân trong nước” [30, tr.158]. Có bạo động mới xúc tiến được công cuộc cách mạng, mới tổ chức và rèn luyện được quần chúng, nhưng tiếc rằng VNQPH lại không đề ra được một chiến lược đoàn kết dân tộc đúng đắn để thực hiện tới cùng mục tiêu đó nên chưa đạt được thành công như mong muốn.

Trước sự truy lùng gắt gao của thực dân Pháp và đặc biệt sau sự cố “Pháp - Việt đề huề chính kiến thư” của Phan Bội Châu, hầu hết những người trong tổ chức VNQPH ở nước ngoài đã tới Quảng Châu (Trung Quốc) - một địa phương có nhiều thuận lợi để về Việt Nam. Họ đang lâm vào cảnh bế tắc và có sự phân hóa về lứa tuổi, về chính kiến, nên trong nội bộ của tổ chức đã hình thành hai nhóm có khuynh hướng khác nhau và thuộc hai thế hệ khác nhau: “nhóm già” và “nhóm trẻ”. Sự khác biệt căn bản giữa hai nhóm này là nhóm già vẫn ủng hộ chủ trương của Phan Bội Châu thì nhóm trẻ, với sự nhiệt tình, hăng hái và nhạy bén với thời cuộc, họ nhận thấy sự dao động và bế tắc trong lập trường cũng như đường lối đấu tranh của tổ chức, nên mặc dù rất tôn kính “nhóm già” nhưng “nhóm trẻ” quyết định phục quốc theo cách riêng. Sự kiện này đánh dấu sự tan rã của VNQPH. Đồng thời cũng là thời điểm tổ chức Tân Việt Thanh niên Đoàn (tức Tâm Tâm xã) ra đời, những người đứng ra thành lập Tâm Tâm xã chính là những hội viên thuộc “nhóm trẻ” của VNQPH.

Mùa xuân năm 1923, trong không khí cách mạng sục sôi ở Quảng Châu, Hồ Tùng Mậu cùng một số người khác là Lê Hồng Sơn, Nguyễn Giảng Khanh (con nuôi cụ Nguyễn Thiện Thuật; có 1 số tài liệu ghi tên là Nguyễn Giảng Khanh), Đặng Xuân Hồng, Trương Quốc Huy, Lê Cầu và Nguyễn Công Viễn (tức Lâm Đức Thọ) đã thành lập tổ chức Tân Việt Thanh niên Đoàn [30, tr. 82]

Địa điểm được lựa chọn làm trụ sở của tổ chức Tâm Tâm xã là nhà của Nguyễn Giảng Khanh ở Quảng Châu. Ngay từ ngày đầu thành lập, tôn chỉ của Tâm Tâm xã đã cố gắng định hướng con đường hoạt động cách mạng của tổ chức. Những người sáng lập Tâm Tâm xã đã có sự chuyển biến ít nhiều trong tư tưởng. Họ chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản (tư tưởng quân chủ lập hiến đến dân chủ cộng hòa tư sản) của Phan Bội Châu (1867-1940), hoặc chịu ảnh hưởng tư tưởng cải lương, bất bạo động

của Phan Châu Trinh (1872-1926). Nhưng trước con đường không có lối ra của các bậc tiền bối cách mạng cũng như tình hình thời cuộc thay đổi, với nhãn quan tuổi trẻ đã thúc đẩy họ đã chọn con đường mới và tự đứng ra lập tổ chức riêng.

Mặc dù Tâm Tâm xã chưa xác định được một đường lối hoàn chỉnh nhưng cũng không bị ảnh hưởng tư tưởng đấu tranh của Phan Bội Châu. Điều này được chính cụ Phan thừa nhận, ít ra có hai sự kiện làm kích động lòng người do những thanh niên Tâm Tâm xã tiến hành mà cụ không được biết. Một là việc ám sát tên việt gian Phạm Bá Ngọc. Trong ngàn tiếng pháo tre, nghe ba tiếng súng lục, tức khắc có người chết nằm giữa đất... người đó đã tuyệt mệnh... Người ấy là ai? Người Việt Nam đó là tên Phan Bá Ngọc. Ai giết người này? Chính là người thanh niên sắc sảo đáng gọi tên: Lê Tấn Anh [47, tr. 317]. Lê Tấn Anh chính là Lê Hồng Sơn, một trong bảy thanh niên trí thức Việt Nam tham gia thành lập Tâm Tâm xã. Cũng chính anh đã kết hợp với Phạm Hồng Thái thực hiện ám sát Toàn quyền Méc – Lanh tại Sa Diện ngày 19 tháng 6 năm 1924. Khi sự kiện này diễn ra thì Phan Bội Châu đang ở nhà biên tập, mở báo xem, thấy các báo Thượng Hải đăng những điện văn ở Quảng Đông... Cụ vừa đọc đến, chân tay rung động... Cụ tuy không dự tri vào việc này nhưng theo cụ, việc này thiệt là một cái mỡ truyền thanh rất lớn. Nó không chỉ làm rung chuyển tình hình chính trị ở Quảng Châu mà còn lan tỏa về Việt Nam, làm cho nhân dân ta và nhân dân thế giới cảm phục. Đồng thời, đó là tiếng chuông thức tỉnh những người dân mất nước, nhất là tầng lớp trẻ tuổi đang bị ru ngủ bởi rượu cồn, thuốc phiện và chính sách “ngu dân” của thực dân Pháp.

Trong Điều lệ của Tâm Tâm xã nêu mục đích của tổ chức cách mạng này là “khôi phục quyền làm người của người Việt Nam” [47, tr. 319] và muốn đạt được mục tiêu ấy thì phải “Liên hiệp những người có trí lực trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới đảng phái, miễn là có quyết tâm hy sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân đem hết sức mình tiến hành mọi việc” [47, tr. 319]. Nội dung tôn chỉ và mục đích mà Tâm Tâm xã đề ra chưa thể hiện rõ mục đích chính trị của tổ chức là gì nhưng ban lãnh đạo của Tâm Tâm xã đã đề ra được những hành động rất cụ thể. Để bắt liên lạc với các cơ sở cách mạng ở trong nước, Lê Hồng Sơn đã cầm lá thư của Phan Bội Châu và nhân danh là phái viên của Phan Bội Châu đi về nước gặp các nhà cách mạng ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam kỳ. Cuối năm 1923, tổ chức quyết định phái Hồ Tùng Mậu về nước để hỗ trợ cho Lê Hồng Sơn tuyển thanh niên đưa sang Trung Quốc và phân phát thư từ, tài liệu cách mạng. Như vậy, tuy tổ chức đã có quyết định thoát ly đường lối “quân chủ” nhưng mọi hoạt động của Tâm Tâm xã đều nhờ vào uy tín và những mối quan hệ mà Phan Bội Châu đã xây dựng trước đó nhằm phát triển tổ

chức. Qua đó, cho thấy “tàn dư” của hệ tư tưởng Nho giáo vẫn còn tồn tại trong tư tưởng những thành viên của Tâm Tâm xã.

Mặc khác, từ người sáng lập đến các hội viên đều là trí thức tiểu tư sản yêu nước. Từ mục đích, tôn chỉ và lập trường tư tưởng của Tâm Tâm xã có bước phát triển hơn, rõ ràng hơn, nhiệm vụ cũng được xác định là nghiên cứu làm thế nào để “đánh thức đồng bào”, thế nhưng những thành viên của Tân Việt thanh niên Đoàn vẫn “là một nhóm người trí thức, đứng xa quần chúng” [47, tr. 317]. Tiếng bom Sa Diện (1924) và sự hi sinh của Phạm Hồng Thái (1895-1924) là một biểu hiện cụ thể nhất. Dù là phiêu lưu, mạo hiểm nhưng sự hi sinh dũng cảm của liệt sĩ Phạm Hồng Thái thật đáng trân trọng, bởi xuất phát từ một trái tim yêu nước nồng cháy, thiết tha với ước muốn độc lập tự do. Đó là tình yêu quê hương, đất nước - mẫu số chung của người dân Việt Nam và mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, chính truyền thống yêu nước chân chính đó đã trở thành động lực to lớn nhất để dân tộc Việt Nam đánh bại kẻ thù xâm lược.

Thêm vào đó, những người tổ chức Tâm Tâm xã cũng nhận ra trong một cuộc chiến mà kẻ đi xâm lược chiếm ưu thế tuyệt đối về trình độ văn minh công nghiệp cũng như vũ khí quân sự, thì chỉ dựa vào tinh thần yêu nước, vào đường lối chung chung sẽ không thể đưa phong trào đấu tranh giành thắng lợi. Nhưng, cứu dân, cứu nước theo con đường dân chủ tư sản liệu có thành công? Khi mà phong trào Đông Du (1906-1908) do Phan Bội Châu lãnh đạo và phong trào Duy Tân (1908) do Phan Châu Trinh khởi xướng cũng đều thất bại? Rõ ràng, trong tư tưởng của những người sáng lập Tâm Tâm xã đã có sự phân hoá, không thuần túy là lập trường “quân chủ lập hiến” của Duy Tân hội (1904), hoặc “cộng hòa dân quốc tư sản” của Quang Phục Hội (1912). Vậy, con đường nào sẽ giúp Tâm Tâm xã tiến hành phong trào đấu tranh thành công? Mặc dù, những người đứng đầu Tâm Tâm xã chưa tìm ra câu trả lời chính xác nhưng chắc chắn đó phải là có đường lối mới, có tổ chức mới, phù hợp với dân tộc và thời đại thì mới có thể giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân.

Trong nội dung Hy vọng của tổ chức có ghi: “Thời kỳ này là thời kỳ bước đầu, Đoàn đang lo tìm cách tiến hành khôi phục quyền làm người của người dân Việt Nam. Còn sau này chính thể đã lập ra như thế nào, đến lúc ấy sẽ do toàn thể đoàn viên và toàn quốc dân quyết định sao cho hợp với trào lưu thế giới và tình thế của nước ta mà được đại đa số tán thành” [47, tr. 321]. Có thể thấy, tuy chưa rõ ràng nhưng tổ chức này cũng thể hiện trạng thái sẵn sàng tiến hành cách mạng vô sản khi có điều kiện. Đặc biệt, mục đích “khôi phục quyền làm người của người Việt Nam” chính là tiền đề thuận lợi để Tâm Tâm xã tiếp nhận các chuẩn mực cơ bản của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa cũng như những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin dễ dàng.

Như vậy, truyền thống tốt đẹp của phong trào cách mạng trong thời kỳ cách mạng dân tộc là chủ đạo đã được kế thừa một cách rất logic trong phong trào cách mạng thời kỳ chủ nghĩa Mác - Lênin. Tâm Tâm xã là minh chứng rõ nét cho sự chuyển biến đó khi tổ chức này *chuyển từ lập trường yêu nước dân tộc chân chính sang lập trường yêu nước vô sản*. Từ nhóm 7 người trí thức Việt Nam xuất dương sang Trung Quốc, những hoạt động tích cực của Tâm Tâm xã đã làm cho những người có tâm huyết hiểu rõ “cách mạng phải có tổ chức rất vững bền thì mới thành công” [121, tr. 297]; phải đào thải hết những bọn không cách mệnh, phản cách mệnh; giả cách mệnh; phải lấy bọn thanh niên làm chủ; phải có nội ngoại bố trí cho chu tất... Từ đó, nhóm cộng sản Đông Dương xuất hiện và người đã hiện thực hóa điều đó chính là Nguyễn Ái Quốc.

2.2.2. Nhóm Cộng sản Đoàn – Hạt nhân của Hội VNCOMTAN.

Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Lý Thụy (có lúc tên là Vương) đến Quảng Châu thực hiện nhiệm vụ QTCS giao, đó là xúc tiến mọi điều kiện để xây dựng một tổ chức cộng sản ở Đông Dương và giúp đỡ các đại biểu cách mạng ở các nước Đông Nam Á. Lúc này ở Quảng Châu có nhiều thanh niên Việt Nam đang hoạt động, trong số đó có những người thân cận với Phan Bội Châu. Sau khi gặp, trao đổi những nét đại cương tư tưởng của mình với Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc được Phan Bội Châu tin tưởng trao cho một bản danh sách gồm 14 người [156, tr. 74]. Đó là những người mà Phan Bội Châu đang hi vọng, họ có chung một tinh thần yêu nước, muốn GPDT, nhưng lại có những nhận thức khác nhau về lập tổ chức và phương pháp cứu nước. Có người ủng hộ chủ trương thành lập VNQDD của Phan Bội Châu, có người lại nhận thấy phong trào cách mạng hiện nay không thể bó hẹp như trước được nữa... Qua đối thoại cởi mở, chân thành, Lý Thụy đánh giá cao tinh thần cứu nước của những con người trẻ tuổi, đầy nhiệt huyết này. Song, Người cũng nhận thấy có sự phân hóa trong khuynh hướng chính trị của họ. Từ đó, Người lưu ý: muốn GPDT thì chỉ nghĩa khí cao như núi, lòng yêu nước sâu rộng như biển cả thôi chưa đủ, cần có cả “kiến thức cứu nước” nữa. Vì, núi cao đứng vững đời đời là nhờ chân núi rộng, liên hết thành từng dãy lớn; đó là tổ chức của núi. Biển sâu rộng mà không bao giờ cạn voi là nhờ góp được nước của muôn sông; đó là tổ chức của nước. Làm cách mạng cũng vậy, ngoài nghĩa khí, lòng yêu nước, phải vạch ra đường lối chính trị đúng đắn và biết cách vận động, tổ chức quần chúng. Nhưng, những kiến thức cứu nước đó, thanh niên Việt Nam lại chưa có. Yêu cầu cần ngay lúc này là phải giác ngộ cách mạng cho lớp người trẻ tuổi này. Điều đó được Người nói rõ trong bức thư gửi Chủ tịch Đoàn QTCS: “Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Chúng tôi sẽ gửi họ trở về Đông Dương hoạt động sau 3 tháng học

tập; và chúng tôi sẽ lấy ra một đoàn khác. Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất” [121, tr. 9]. Ngay sau đó, một lớp huấn luyện chính trị đặc biệt với các học viên trẻ tuổi yêu nước được Người tổ chức ở Quảng Châu.

Từ những thử thách qua huấn luyện và công tác, Người huấn luyện cho họ về quan điểm cách mạng mới và con đường phát triển tất yếu của cách mạng thế giới cũng như cách mạng Việt Nam. Trong số các thành viên của Tâm Tâm xã tham gia lớp huấn luyện, Người nhận thấy có một số người bảo thủ, một số khác tiếp nhận nửa vời, một vài cá nhân lại có ý đồ lập chính phủ lưu vong, chỉ có một số người tiến bộ nhất đã nhận thức rõ chủ nghĩa cộng sản phải là lý tưởng của mình.

Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ ràng cách mạng không phải là việc của một hay hai người; không phải của một bộ phận xã hội riêng lẻ mà là sự nghiệp của cả dân tộc. Nhưng, chỉ từ một nhóm người yêu nước tiến bộ trong Tâm Tâm xã mà thành lập luôn Đảng Cộng sản liệu có đảm bảo cách mạng thành công? Vì vậy, Người đã lựa chọn một số thanh niên tích cực để lập ra một nhóm bí mật, làm hạt nhân cho một tổ chức rộng lớn hơn sau này. Nhóm bí mật tự xác định đó là một đoàn thể cách mạng, không phân biệt tôn giáo, giai cấp và một chừng mực nào đó không phân biệt chính kiến đảng phái. Những người tham gia đoàn thể cách mạng này tuy có lúc quan điểm khác nhau nhưng vẫn phải coi nhau là đồng chí để bàn giải với nhau, cùng nhau tìm ra lẽ phải... Nhóm bí mật lấy tên là Cộng sản Đoàn, thành lập vào tháng 2 năm 1925, trong đó Lý Thụy là Bí thư (Nam Đàn – Nghệ An), các thành viên còn lại lần lượt là:

1. Lê Hồng Sơn (tức Lê Văn Phan), quê Nam Đàn, Nghệ An.
2. Lê Hồng Phong (tức Lê Huy Doãn), quê Hưng Nguyên, Nghệ An.
3. Hồ Tùng Mậu (Hồ Bá Cự), quê Quỳnh Lưu, Nghệ An.
4. Lê Quảng Đạt (Lê Doạt), quê Nam Đàn, Nghệ An.
5. Vương Thúc Oánh, quê Nam Đàn, Nghệ An.
6. Lưu Quốc Long (tức Long), quê Thanh Chương, Nghệ An.
7. Trương Văn Lĩnh (tức Lệnh), quê Nghi Lộc, Nghệ An.
8. Trần Phú (tức Lý Quý), quê Đức Thọ, Hà Tĩnh.
9. Lâm Đức Thụ (Nguyễn Chí Viễn), quê Kiến Xương, Thái Bình [6, tr.43]

Trong số này, Người đã kết nạp năm đảng viên cộng sản dự bị, trong đó có Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong. Đây là những hạt nhân nòng cốt ban đầu của cách mạng Việt Nam. Nội dung của bức thư ngắn mà Nguyễn Ái Quốc gửi tới QTCS đã nói rõ điều này:

Chúng tôi đã lập một nhóm bí mật gồm 9 hội viên, trong đó có: 2 người đã được phái về nước. 3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).

1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc Dân Đảng). Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản. Chúng tôi còn có 2 đoàn viên dự bị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin) [121, tr. 152].

Như vậy, vào cuối năm 1924, tại Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi được mệnh danh là Matxcova của phương Đông, đã diễn ra cuộc gặp gỡ lịch sử giữa người đang khao khát đi tìm mảnh đất để gieo mầm cách mạng về nước và một tổ chức của những người thanh niên Việt Nam yêu nước đang sẵn sàng tiếp nhận những điều mới mẻ nhất, tích cực nhất, cách mạng nhất vào chương trình hành động của mình. Cuộc hội ngộ lịch sử đó đã đẩy nhanh quá trình vận động lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam tới đỉnh cao là tư tưởng Mác-Lênin kết hợp với chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc để hình thành tư tưởng chủ nghĩa Cộng sản sau này.

2.2.3. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ra đời (6/1925)

Trên cơ sở nhóm Cộng sản Đoàn được thành lập và hoạt động, Nguyễn Ái Quốc tiến hành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng lớn hơn nhằm tập hợp các thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Theo đó, tháng 6/1925, *Hội VNCOMTAN* ra đời. Tổ chức này đã công bố *Chương trình* và *Điều lệ*. Sau đây là đoạn đầu của bản Điều lệ thứ nhất của tổ chức cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc sáng lập và là lãnh tụ:

I- Tên hội: Việt Nam Cách mạng Thanh niên Hội.

II- Mục đích: Hy sinh tư tưởng, quyền lợi, tính mệnh để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản).

III. Chương trình

a) Lựa người giác ngộ, huấn luyện họ, tổ chức họ vào Hội.

b) Cử những hội viên đã được đào tạo vào trong nhân dân để tuyên truyền điều phải và tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ...

c) Cơ hội đầu tiên là tập hợp lực lượng của những đoàn thể quốc gia để đập tan bọn Pháp và lấy lại chính quyền.

d) Thành lập chính phủ nhân dân gồm đại biểu của các đoàn thể công nhân, nông dân và binh sĩ.

e) Áp dụng những nguyên tắc tân kinh tế chính sách để thúc đẩy sự phát triển các cơ quan sản xuất trong nước, bãi bỏ tư sản tư nhân và sự giao lưu những tài nguyên quốc gia.

g) Đoàn kết với những giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản... [49, tr. 82]

Về *điều kiện* vào Hội, bản *Điều lệ* năm 1926 ghi rõ: người Việt Nam nào từ 17 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, tán thành mục đích, chương trình và kỷ luật của Hội và được hai hội viên giới thiệu thì được gia nhập Hội sau khi đã được chi bộ đồng ý; chỉ trừ 5 đối tượng không được gia nhập Hội, được tách thành mục sau cùng [49, tr. 83]

Về *tổ chức*, trong bản *Điều lệ* năm 1926 không ghi rõ nhưng trên thực tế được tổ chức theo nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Cấu trúc tổ chức của Hội là một hệ thống gồm năm cấp: tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ.

Nếu đem so sánh tôn chỉ, mục đích và chương trình của *Hội VNCOMTN* với những chính đảng cùng thời như *Tân Việt Đảng* và *VNQDD*, có thể thấy có những quan điểm cách mạng rõ ràng, đúng đắn biểu hiện trên những vấn đề sau:

- Cuộc cách mạng Việt Nam bao gồm hai giai đoạn kế tiếp nhau liên tục: cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới.

- *Về đối nội*: Hội chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập *chính phủ công - nông - binh* và chính phủ đó sẽ áp dụng *chính sách kinh tế mới* để phát triển đất nước và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

- *Về đối ngoại*: Hội chủ trương *đoàn kết với tất cả giai cấp vô sản các nước và xây dựng xã hội cộng sản*.

Phải thừa nhận là vào giữa những năm 20 của thế kỷ XX mà nêu ra được những vấn đề trên là điều hết sức quan trọng về mặt tư tưởng và chính trị. Chính ở điểm này đã thu hút các lực lượng chính trị và tổ chức cách mạng của mình và có ảnh hưởng tốt, tích cực đến chương trình của các tổ chức chính trị khác cùng thời.

Sau khi thành lập Hội, Nguyễn Ái Quốc đã cho xuất bản tờ báo *Thanh niên*. Báo xuất bản được 208 số, số đầu tiên ra ngày 21/6/1925. Thời gian đầu ra, báo ra mỗi tuần một kỳ trên 100 bản. Về sau, do gặp nhiều khó khăn nên số sau cách số trước từ 3 đến 5 tuần. Măng sét của báo viết hai chữ Thanh niên bằng Hán văn và Việt văn. Số mỗi tờ báo viết trong ngôi sao năm cánh. Phần lớn mỗi số báo có hai trang cỡ trung bình 13cm x 19cm, một số ít ra 4 trang.

Nội dung chính trị cơ bản của báo *Thanh niên* là: Vạch rõ mâu thuẫn giữa dân tộc ta và các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc là không thể điều hoà được; Khẳng định con đường của cách mạng Việt Nam; Lực lượng cách mạng là toàn dân, lấy công nông làm nền tảng; Người cách mạng phải hy sinh vì sự nghiệp và phải có phương pháp cách mạng đúng; Cần có Đảng Cộng sản lãnh đạo và tổ chức quần chúng cách mạng; Cách mạng Việt Nam đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga mới giành thắng lợi. Báo *Thanh niên* được bí mật chuyển về Việt Nam bằng

đường tàu thủy, lưu hành trong các chi bộ của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội, trong các cơ sở cách mạng của Việt kiều tại Pháp, Thái Lan, Trung Quốc. “Cần phải nói ngay rằng, tờ báo của Nguyễn Ái Quốc được tất cả các đảng viên trong và ngoài nước cùng nhiều cảm tình viên đọc và chép đi chép lại nhiều lần” [107, tr.181 - 182]. Từ Quảng Châu, báo *Thanh niên* đã góp phần tạo nên sự chuyển biến trong hệ tư tưởng của người dân ở trong nước từ chủ nghĩa yêu nước phát triển sang chủ nghĩa vô sản.

Bước cuối cùng gắn với quá trình thành lập tổ chức chính trị nói trên là việc Nguyễn Ái Quốc đặt nó trong mối liên hệ với phong trào cách mạng thế giới, mà trước hết là phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam Á. Ngày 9/7/1925, dưới sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ra đời, do Liêu Trọng Khải, lãnh tụ phái tả Quốc dân Đảng Trung Quốc làm Hội trưởng. Đoàn thể này có sự tham gia của các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Indônêxia, Việt Nam, Ấn Độ. Mỗi nước có một phân bộ. Phân bộ Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo và Lê Hồng Sơn giữ con dấu của phân bộ Việt Nam. Bức điện của Toàn quyền Môngghiô (Montghillot) gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pari cho biết thêm điều đó:

Bộ Thuộc địa Pari.

1195. Cá nhân và tối mật. Chỉ một mình cá nhân Ngài được đọc.

Trong tổ chức “Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu” mà tôi đã báo cho Ngài biết trong bức điện của tôi số 1016 ngày 26-7, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành một cuộc vận động vô cùng khôn khéo phù hợp với điều kiện của người An Nam nhằm giáo dục cách mạng cho nông dân và công nhân An Nam và tổ chức cách mạng Việt Nam và ý định to lớn của Nguyễn Ái Quốc đối với phong trào cách mạng Đông Nam Á [156, tr. 80-81]

Một vấn đề đặt ra ở đây là tại sao Nguyễn Ái Quốc không thành lập ngay một Đảng Cộng sản mà chỉ thành lập một tổ chức cách mạng quần chúng mang tính chất quá độ? Để lý giải được vấn đề này cần phải trở lại với những hoàn cảnh lịch sử của các nước trong vùng và của Việt Nam lúc đó.

Xem xét sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước trong vùng ta thấy rằng sự xuất hiện của các Đảng Cộng sản gắn chặt với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

Ở Trung Quốc, sau phong trào Ngũ Tứ (4/5/1919) với sự hoạt động tích cực của các đại diện QTCS, đặc biệt của G.N.Vôitinxki, xuất hiện các nhóm cộng sản tại Thượng Hải và Hoa Bắc, mà trên cơ sở đó Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời vào tháng 7/1921.

Ở Indônêxia, trong hoàn cảnh phong trào công nhân và phong trào chống đế quốc phát triển mạnh mẽ, ngày 23-5-1920, Đại hội của Đảng xã hội dân chủ ở

Xêmarang đã quyết định đổi tên tổ chức này thành Đảng Cộng sản Indônêxia.

Ở Philíppin, Đảng Cộng sản ra đời ở Manila ngày 7-11-1930 trên cơ sở Đảng Công nhân được thành lập từ cuối năm 1924 và dưới sự hoạt động tích cực của những đại biểu Đảng Cộng sản Mỹ.

Còn ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã xuất phát từ thực trạng của đất nước, nơi mà 95% dân số là nông dân, tuyệt đại bộ phận còn mù chữ, ít học, không một ai biết chủ nghĩa cộng sản là gì, đã vận dụng một cách sáng tạo về lý luận xây dựng Đảng Cộng sản vào hoàn cảnh đó bằng việc thành lập một tổ chức tiền thân để qua đó đưa chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và khi chủ nghĩa Mác - Lênin được kết hợp với phong trào công nhân thì mới xây dựng Đảng Cộng sản. Rõ ràng, ở Việt Nam, trừ một số rất ít người Việt Nam sang du học bên châu Âu ra thì “không một ai biết chủ nghĩa cộng sản là gì cả và không thể thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương khi không một ai hiểu được ý nghĩa của từ “cộng sản” [107, tr. 179]. “Chỉ có thể thành lập được một Đảng Xã hội - quốc gia Việt Nam mà các lãnh tụ của nó có nhiệm vụ dần dần đưa các hội viên của mình tới chủ nghĩa Mác” [107, tr. 180]. Vì vậy, “Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCOMTAN - một tổ chức cách mạng thích hợp, vừa tầm với điều kiện lịch sử cụ thể nước ta lúc đó” [211, tr. 120] - là một chủ đích, một hướng sáng tạo, khác với những mô hình thành lập Đảng Cộng sản ở các nước trong khu vực, nhưng hoàn toàn phù hợp với Việt Nam thời điểm đầu thế kỉ XX.

Tiểu kết chương 2

Quá trình xâm nhập của chủ nghĩa tư bản và sự xâm lược của thực dân Pháp dẫn đến xã hội Việt Nam mang “hình dáng” của xã hội tư bản với sự xuất hiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, kết cấu giai cấp biến đổi và làm xuất hiện những mâu thuẫn mới. Sự biến đổi đó của xã hội Việt Nam là cơ sở để nảy sinh và cách thức tiếp nhận các tác động của tình hình quốc tế.

Với chính sách cai trị: chuyên chế về chính trị, độc quyền về kinh tế, nô dịch về văn hóa – xã hội của thực dân Pháp đã làm hình thành nên một xã hội thuộc địa – phong kiến với nhiều giai cấp, tầng lớp mới, đồng thời nảy sinh thêm mâu thuẫn ngay trong lòng xã hội Việt Nam. Hệ quả tiếp đó, nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp diễn ra liên tục và mạnh mẽ ở cả ba miền Bắc – Trung - Nam với những khuynh hướng khác nhau nhưng đều chung một kết quả, đó là thất bại. Mặc dù, rất khâm phục thể hệ đi trước, song, không tán thành con đường cứu nước của các bậc tiền bối, Nguyễn Tất Thành đi theo một con đường khác. Khi đọc được bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của Lênin (7/1920), Người nhận thấy Chủ nghĩa Mác – Lênin thật sự là cuốn “cẩm nang thần kỳ” cho nhân dân các dân tộc thuộc địa trên thế giới, trong đó có Việt Nam đang từng ngày, từng giờ bị đọa đày đau khổ. Ngay sau đó, Người đã bắt tay vào chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho sự ra đời một chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam. Năm 1923, ở Quảng Châu (Trung Quốc), nhóm thanh niên yêu nước với quyết tâm khôi phục quyền làm người của người Việt Nam đã thành lập Tâm Tâm xã. Trên cơ sở huấn luyện chính trị, Nguyễn Ái Quốc đã chọn được những học viên xuất sắc và thành lập Hội VNCOMTAN (6/1925).

Việc Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội VNCOMTAN - một tổ chức cách mạng thích hợp, một hướng sáng tạo, khác với những mô hình thành lập Đảng Cộng sản ở các nước trong vùng. Thực chất toàn bộ công việc mà Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành là tổ chức lực lượng truyền bá tư tưởng cách mạng mới trong một tổ chức cách mạng thích hợp, là sự chuẩn bị về mặt tổ chức cho Đảng mácxít trong tương lai. Toàn bộ sự vận động của Hội VNCOMTAN từ tháng 6-1925 đến tháng 5-1929 đã minh chứng sự đúng đắn đó.

Chương 3

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, CHUYÊN HÓA CỦA HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN (TỪ THÁNG 6 NĂM 1925 ĐẾN ĐẦU NĂM 1930)

3.1. Quá trình hoạt động, phát triển của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (6/1925 – 8/1928)

3.1.1. Về chính trị - tư tưởng (6/1925 – 8/1928)

3.1.1.1. Huấn luyện chính trị, đào tạo đội ngũ cán bộ tuyên truyền

Được sự giúp đỡ bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc ở Quảng Châu, từ cuối năm 1925 đến tháng 4 năm 1927, các lớp huấn luyện chính trị được tổ chức tại số nhà 13 và 13B đường Văn Minh (nay là số nhà 248 và 250) [200, tr. 86], đối diện với Trường Đại học Trung Sơn. Trước cửa nhà có gắn tấm biển đề "Chính trị đặc biệt huấn luyện Ban" bằng chữ Hán. Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp mở ba lớp huấn luyện chính trị cách mạng cho lớp thanh niên ưu tú của Việt Nam.

Thành phần lớp học: Giảng viên chính của lớp huấn luyện là Nguyễn Ái Quốc, trợ giảng có: Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn... Ngoài ra, còn có một số giảng viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Liên Xô như vợ chồng M.M. Bô - rô - đin, Liêu Trọng Khải... Học viên là những thanh niên Việt Nam yêu nước đang ở Quảng Châu và những thanh niên ở trong nước sang. Đó là những thanh niên tây học, học sinh trung học, thầy giáo, viên chức, con cháu nhà khá giả chứ hầu như không có mấy ai là công nhân hay bần nông, họ đều yêu nước và "quyết tâm đem hết sức mình tiên hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam" [47, tr. 109]. Trong quá trình nung nấu tìm kiếm một con đường cứu nước, chính chủ nghĩa yêu nước đã hướng họ đến chủ nghĩa cộng sản vì chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới có thể đem lại sức mạnh mới giúp họ GPDT, nhưng tùy vào trình độ nhận thức của từng cá nhân nên mỗi người lại có những nhận thức khác nhau về lập tổ chức và phương pháp cứu nước, dẫn đến xu hướng cứu nước khác nhau. Vậy nên, trong thư gửi Chủ tịch Đoàn QTCS, Nguyễn Ái Quốc viết: "Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức.... Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất" [121, tr. 9 - 10]. Thời gian học tại các lớp huấn luyện chính trị cũng chính là quá trình chuyển biến trong tư tưởng của những thanh niên trí thức từ chủ nghĩa dân tộc (chất dân tộc) hình thành lập trường vô sản giai cấp (chất giai cấp) đến chủ nghĩa cộng sản (chất nhân loại).

Chương trình huấn luyện: Tư tưởng về cuộc cách mạng của Nguyễn Ái Quốc rất sâu sắc. Người mang tư tưởng đó truyền đạt, huấn luyện cho lớp thanh niên Việt

Nam yêu nước. Tài liệu sử dụng tại các lớp học là tập Đề cương bài giảng do Nguyễn Ái Quốc biên soạn có tên là *Đường cách mạng*. Đầu năm 1927, tập bài giảng đó được “Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông” xuất bản thành sách, khổ giấy 13x18cm, in trên giấy nê, kiểu chữ viết thường. Cuốn sách đã vạch ra con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc Việt Nam: “Muốn cứu nước, GPDT không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30]. Từ đó, “giác ngộ” cho người dân ở một cấp độ cao hơn trong hành trình xác lập hệ tư tưởng – chính trị khoa học, đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

Ngoài giờ lý thuyết, các học viên còn thực hiện những buổi thảo luận hay buổi diễn đàn có sự tham gia của giáo viên phụ trách lớp nhằm trao đổi, làm rõ những vấn đề học viên chưa hiểu hoặc hiểu chưa thấu đáo, qua đó sẽ có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Trước khi khoá học kết thúc, các học viên còn được đi thực tế hoặc tiến hành các hoạt động gắn chặt với thực tiễn, đó là những vấn đề về vận động và tổ chức quần chúng như công hội, nông hội...

Vì sự phức tạp trong cấu trúc ý thức của các tầng lớp trong xã hội lúc đó nên học viên không những chỉ được trang bị về lý luận mà còn được trang bị kỹ năng thực hiện các phương pháp tuyên truyền phù hợp với hệ ý thức của mỗi đối tượng để họ thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi, nhằm tất cả cùng “đích đồng”, “chí đồng”, “tâm đồng”, đoàn kết đứng lên làm cách mạng.

Từ cuối năm 1925 đến tháng 4 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp phụ trách 3 lớp với 75 học viên được huấn luyện. Kết thúc mỗi khoá học, các học viên đều được kết nạp vào Hội VNCMTN. Theo sự sắp xếp của Nguyễn Ái Quốc, phần lớn học viên được cử về nước để tuyên truyền lý luận cách mạng và xây dựng tổ chức cho Hội. Họ trở thành *phương tiện tuyên truyền sống* rất cơ bản đối với việc phổ biến, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trong quần chúng lao động ở Việt Nam. Từ đây, các “hạt giống đỏ” đã tỏa theo nhiều hướng để nhân lên những hạt nhân cách mạng cho phong trào đấu tranh yêu nước của Việt Nam.

3.1.1.2. Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, xây dựng lập trường chủ nghĩa cộng sản cho nhân dân ở trong nước.

Tháng 6/1925, Hội VNCMTN thành lập. Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo vừa mở các lớp huấn luyện những thanh niên ưu tú đưa từ trong nước sang, vừa cho xuất bản báo *Thanh niên* – Cơ quan ngôn luận của Hội. Ngày 21/6/1925, số đầu tiên của tuần báo được phát hành. Trong báo cáo gửi QTCS ngày 3/6/1926 của Nguyễn Ái Quốc đã cho biết điều đó: “Ở đây, chúng tôi đã xuất bản tờ báo hàng tuần *Thanh niên*” [121, tr. 239].

Trong lịch sử báo chí vô sản Việt Nam, đây là tờ báo cách mạng đầu tiên viết bằng tiếng Việt do Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Một trong những người tâm huyết nghiên cứu về tờ *Thanh niên* là nhà sử học Huỳnh Kim Khánh (Ông là người Việt kiều ở Canada, nay đã mất), *tuần báo* gồm 208 số (số cuối cùng, tháng 5/1930) [224, tr. 69], tương ứng với hai thời kỳ lịch sử phát triển của báo: Thời kỳ thứ nhất, từ số 1 đến số 88, do Nguyễn Ái Quốc chỉ đạo biên tập, in, phát hành, ngoài ra có sự cộng tác của Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn cùng một số thành viên của nhóm Cộng sản Đoàn. Thời kỳ thứ hai bắt đầu từ tháng 4/1927, khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu, những thành viên thuộc ban biên tập của Tổng bộ Hội Thanh niên tiến lên trực tiếp chỉ đạo.

Sau báo *Thanh niên*, Nguyễn Ái Quốc lập ra báo *Kông Nông* (Tháng 12/1926 đến đầu năm 1928); Ngày 1/10/1929, báo *Búa Liềm* - cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản Đảng ra số đầu tiên. Tháng 8/1929, chi bộ An Nam Cộng sản ở Thượng Hải ra *báo Đỏ* viết tay trên giấy sếp. Kể từ tờ *Thanh niên* mở đường đến cuối năm 1929, báo chí cách mạng Việt Nam đã có trên 50 tờ báo và tạp chí là cơ quan của các cấp hội của Hội VNCOMTN và 2 tổ chức Cộng sản là: Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng. Với vai trò là “người tổ chức tập thể”, báo *Thanh niên* trở thành sợi dây kết nối gắn kết mọi người dân yêu nước (trong đó có cả các thành viên của Hội) thành một khối đoàn kết thống nhất. Đối với phong trào chống thực dân ở Việt Nam, lần đầu trong lịch sử chống thực dân Pháp ở Việt Nam, lực lượng cách mạng đã xuất bản đều đặn một ấn phẩm định kì để giải thích những nguyên tắc, những mục tiêu chỉ đạo, luôn quan tâm đến công tác cách mạng, tuyên truyền tư tưởng cách mạng và đào tạo cán bộ - Các nội dung này đều có ảnh hưởng lớn tới hoạt động của các chính đảng cùng thời như Hưng Nam - Tân Việt và VNQDD. Trên thực tế, “cả Tân Việt và Quốc dân Đảng đều mượn những khẩu hiệu cách mạng và kĩ thuật tổ chức như đã bàn luận trên các trang báo *Thanh niên*. Điều đó có thể chỉ rõ rằng báo *Thanh niên* đã có ảnh hưởng nhất định trong đảng đó” [205, tr.11]. Với tất cả những việc làm đó đã góp phần giúp cho tuần báo *Thanh niên* thực hiện trọn vẹn sứ mệnh lịch sử của mình - “Tuyên truyền, chuẩn bị về tư tưởng, lý luận và tổ chức cho việc ra đời các nhóm cộng sản vào cuối năm 1929 và thành lập ĐCSVN đầu năm 1930” [129, tr. 27].

Trong khi Tân Việt không xuất bản báo, VNQDD phát hành được 01 số báo *Hòn nước* rồi ngừng hẳn, thì việc Hội VNCOMTN sử dụng thành công, có hiệu quả cơ quan ngôn luận làm phương tiện truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam chính là điểm khác biệt vượt trội so với các tổ chức chính trị cùng thời. Không có báo thì không thể chuyển tải các chủ trương, quan điểm đến tận các tổ chức cơ sở, các hội

viên, đặc biệt là trong điều kiện hoạt động bí mật, trong sự căm đoán gắt gao của thực dân Pháp. Ngoài ra, Tổng bộ (Trung ương Hội) còn xuất bản sách giới thiệu về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên... Đáng kể nhất là cuốn *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc, do Bộ Tuyên truyền của *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản đầu năm 1927.

Nếu như ở *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc bóc trần và lên án những hành động xấu xa, bỉ ổi ở những thuộc địa của thực dân Pháp, thì trong phần tiếp theo - *Đường cách mệnh*, người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã trình bày bản chất của học thuyết Mác - Lênin và phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, tạo điều kiện cho việc kết hợp phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác. Nói một cách khác, ở cuốn sách đầu là thức tỉnh, ở cuốn sách sau là định hướng cho hành động. Ví thế, E.G.Côbêlêp đã có lý khi nhận định: “Tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc đã đóng vai trò tựa như cuốn *Làm gì?* của Lênin trong phong trào cách mạng nước Nga” [34, tr. 144].

Nội dung bao trùm của cả báo *Thanh niên* và cuốn *Đường cách mệnh* đều phản ánh những tư tưởng chủ đạo: (1) Quan niệm về cách mạng; (2) Quan niệm về Đảng cách mạng - Đảng Cộng sản, cụ thể:

(1) *Quan niệm về cách mạng*

Trong *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc trình bày một cách rõ ràng và hết sức mới mẻ khái niệm về cách mạng: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt” [121, tr. 284]. Từ luận điểm này, có thể thấy cách mạng là một giai đoạn phát triển hợp với quy luật của xã hội, cách mạng mở ra bước ngoặt căn bản trong sinh hoạt của xã hội, bước ngoặt này đưa tới sự lật đổ chế độ đã lỗi thời và thiết lập một chế độ mới, tiến bộ; chính quyền chuyển từ tay một giai cấp này sang tay một giai cấp khác tiến bộ hơn. Đây cũng chính là luận điểm có tính chất phát minh về quy luật vận động xã hội mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu ra. Trong xã hội có giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, cách mạng nổ ra là điều không thể tránh được, vì các giai cấp thống trị đã dùng luật pháp và bộ máy nhà nước để giữ vững những quan hệ sản xuất cũ. Muốn mở đường cho xã hội phát triển hơn nữa, những giai cấp mới phải xoá bỏ chế độ nhà nước đang tồn tại, đồng thời tiêu diệt hoàn toàn mọi hình thái của ách áp bức xã hội, tiêu diệt tình trạng người bóc lột người, tiến tới xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là cách mạng.

Những bài viết trên tờ *Thanh niên* cũng đồng quan điểm như vậy về cách mạng. Theo tuần báo, một cuộc cách mạng diễn ra phải thực hiện hai hành động: vừa xoá bỏ chế độ cũ, vừa xây dựng trên chỗ đó một chế độ mới, một xã hội mới. Nói

cách khác, cuộc cách mạng bao gồm sự cải biến toàn bộ trật tự chính trị, kinh tế và xã hội. Tại *báo Thanh Niên* số 2, ngày 28/6/1925 diễn giải như sau:

Cách mạng là sự biến đổi xấu thành tốt, đó là căn nguyên của mọi hoạt động, nhờ đó mà một dân tộc bị áp bức được giải phóng, trở nên giàu mạnh. Lịch sử các nước đã dạy chúng ta rằng chỉ bằng con đường cách mệnh thì mới có thể tiến tới hình thành được một chính thể có nền giáo dục, công nghiệp, tổ chức phục vụ xã hội tốt đẹp hơn [224, tr. 11].

Tiếp đó, *báo Thanh niên* chỉ rõ cách mạng bao gồm hai thời kỳ: “Thời kỳ tiêu vong” và “Thời kỳ tái thiết” và nội dung chủ yếu của mỗi thời kỳ: Mục đích của thời kỳ đầu là lật đổ chính phủ chuyên chế. Ở An Nam nơi mà nhân dân bị làm cho ngu độn, bị đối xử như con vật, bị bóc lột và bị áp bức cần phải dùng lối tuyên truyền khéo léo để thức tỉnh những người vô sản nam lẫn nữ, khắc sâu trong họ nỗi khổ nhục nô lệ và tình đoàn kết, thống nhất họ thành một khối vững mạnh, thôi thúc họ chống lại những tên bạo chúa và đưa họ giành lại những quyền của họ.

Mục đích của thời kỳ thứ hai là phát huy có chủ đích thắng lợi của cách mệnh, vì vậy, sau khi đánh đuổi người Pháp ra khỏi bờ cõi, cần phải tiêu diệt những phần tử phản cách mạng, xây dựng đường xá giao thông, phát triển thương mại và kỹ nghệ, giáo dục nhân dân sống trong hoà bình và hạnh phúc [224, tr. 69].

Bên cạnh nội dung cách mạng, *báo Thanh niên* cũng chỉ ra nguyên nhân người mình chưa làm cách mạng được, đại ý là do: *Một là*, nhân dân chỉ biết có vua, ý niệm về Tổ quốc xa lạ đối với họ. Họ chỉ nói với mình rằng nhà Đinh bị nhà Lê thay thế, nhà Lê kế tục nhà Trần, cuối cùng nhà Nguyễn thay thế nhà Lê. Vua này bị vua khác thay thế nhưng Tổ quốc không được thay thế; *Hai là*, nhân dân luôn tin rằng khách mệnh là điều gì đó nguy hiểm, họ không hiểu rằng khách mệnh có thể được tiến hành hoặc là bằng bạo lực hay là bằng đấu tranh kinh tế. *Ba là*, nhân dân ta không biết rằng mỗi người dân đều có nghĩa vụ với Tổ quốc. Họ cho rằng chỉ những người có bằng cấp, hiểu biết thơ văn mới có khả năng làm khách mệnh. *Bốn là*, người An Nam không tháo vát lắm. Họ dễ dàng thoả mãn. Họ luôn đổ cho số phận, hay luôn luôn chờ đợi tất cả ở trời phật. Từ việc chỉ ra cách mạng là gì, qua đó xác định một cách cụ thể đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng và con đường đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam.

Trước hết là vấn đề xác định kẻ thù, hay nói một cách khác là vấn đề: *Phải đánh ai? (Đối tượng cách mạng)*

Đối với nhân dân Việt Nam, muốn GPDT thì phải đánh đế quốc Pháp và tay sai phong kiến. Nhưng đánh kẻ thù nào trước thì chủ trương của những nhà cứu nước đương thời chưa nhất trí. Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào thực dân Pháp để đánh phong kiến trước rồi mới đánh thực dân Pháp sau. Còn Phan Bội Châu chủ trương đánh thực dân Pháp, nhưng lúc đầu ông lại muốn dựa vào phong kiến để tập hợp lực lượng đánh Pháp, rồi trong quá trình bị thất bại mới chuyển từ quân chủ lập hiến sang dân chủ tư sản. Rõ ràng, tất cả các chủ trương này đều lỗi thời và ảo tưởng. Quần chúng nhân dân lao động luôn quyết tâm đánh thực dân Pháp xâm lược, nhưng từ khởi nghĩa Yên Thế đến khởi nghĩa Thái Nguyên đều thất bại vì chưa có một nhà lãnh đạo chân chính, chưa có một đường lối cách mạng đúng đắn.

Để làm cách mạng, cần đánh đổ ai? Câu trả lời có trong bài “*Cấm đi ra ngoài*” đăng trên báo *Thanh niên* số 63 ra ngày 3/10/1926, cụ thể:

Pháp cướp nước mình cốt là rút của dân mình. Nó coi dân mình như là người ta nuôi gà nuôi lợn vậy. Người ta nuôi gà, nuôi lợn cốt là để lấy trứng, lấy thịt. Nếu để chó, gà cùng lợn chạy đi mất con nào thì lỗ vốn con ấy, nên phải nhốt cho kỹ, không cho nó chạy ra ngoài. Bây giờ nếu Pháp có cho người An Nam chạy ra ngoài thì nó lấy ai nộp sưu cho nó, nộp thuế cho nó, vắc gỗ cho nó, làm thuê cho nó. Cái sự cực khổ của dân An Nam đã rất mực rồi, không có dân nước nào mà khổ sở như vậy [25, tr. 1].

Tác phẩm *Đường cách mệnh* ra đời cũng chỉ rõ ràng vấn đề đánh ai?: “Bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với Việt Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do còn hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tội chúng nó áp bức mình đi, ấy là dân tộc cách mệnh” [121, tr. 286]

Rất rõ ràng, đối tượng của cách mạng Việt Nam là thực dân Pháp và phong kiến tay sai, trong đó thực dân Pháp là kẻ thù nguy hiểm, trực tiếp nhất đe dọa đến sự tồn vong của dân tộc Việt Nam nên cần phải tiêu diệt trước tiên. Vậy, ai sẽ đánh thực dân Pháp? Lực lượng cách mạng nào sẽ đảm nhận nhiệm vụ đầy khó khăn, gian khổ này?

Lịch sử hỏi thì báo *Thanh niên* có câu trả lời: “Đương khi mất nước, bước đầu cách mạng là ai đánh đuổi đế quốc chủ nghĩa đi mà muốn cho dân tộc mình được tự do giải phóng. Lực lượng dân tộc cách mạng là ở về toàn quốc dân, nên quốc dân giác ngộ chừng nào thì lực lượng cách mạng to lớn chừng ấy” [155, tr. 62]; “Công nông là số nhiều trong nhân dân và lại mục đích cách mạng của công nông là làm lợi ích cho toàn dân chúng, nên công nông mà người nào giác ngộ thì làm mới triệt để cách mạng” [155, tr. 62]

Đường cách mệnh cũng lên tiếng ủng hộ chủ trương trên của báo *Thanh niên*:

Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị Phong kiến áp bức cho nên nó kách mệnh. Bây giờ Tư bản lại đi áp bức công-nông nên công – nông là chủ kách mệnh.

1. Là vì công - nông bị áp bức nặng hơn
2. Là vì công - nông là đông nhất nên sức mạnh hơn hết
3. Là vì công - nông là tay chân không rời, nếu thua chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới cho nên họ gan góc.

Vì những cơ ấy nên công - nông là chủ kách mệnh, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị Tư bản áp bức song không cực khổ bằng công - nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn kách mệnh của công - nông mà thôi [121, tr. 288]

Đoạn trích dẫn trên của *Đường kách mệnh* đã chỉ ra lực lượng cách mạng là đông đảo quần chúng dân lao khổ, những người chịu áp bức trong đó công - nông là chủ cách mạng, công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Tiếp theo, Hội VNCOMTN tiến hành kêu gọi mọi người đoàn kết, thống nhất ý chí, xây dựng ý thức đoàn kết quốc tế: “Hội VNCOMTN xin đồng bào, thợ thuyền, dân cày, binh lính và tất cả dân chúng bị áp bức, bị bóc lột mau mau đoàn kết lại, chia rẽ hẳn với tụi địa chủ, quan lại và tư bản, kịch liệt tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và tụi chó săn của chúng nó mà tự cứu lấy mình” [49, tr. 98]; Trong lịch sử cận đại Việt Nam, khi bàn tới lực lượng GPDT, chưa có một người hay tổ chức nào lại đánh giá đúng như Hội VNCOMTN. Đây là quan điểm rất mới so với các nhà yêu nước tiên tiến. Cả Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều chưa xác định được tầm quan trọng của vấn đề sắp xếp lực lượng, chưa thấy vai trò nòng cốt của quần chúng công nông. Đến Nguyễn Ái Quốc, Người và những học trò của mình đã xác định được lực lượng cách mạng bao gồm nhiều giai cấp - xã hội khác nhau, thành phần cách mạng được mở rộng tới mức tối đa, đáp ứng được đòi hỏi về nội dung của cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ. Những hiểu biết quan trọng mà Hội VNCOMTN và Nguyễn Ái Quốc thông qua báo *Thanh niên* và *Đường kách mệnh* đưa lại, đã tạo ra những tiền đề lý luận cho việc xây dựng khối liên minh công nông và Mặt trận dân tộc thống nhất trong cuộc cách mạng sắp tới.

Sau khi xác định đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng, hội viên Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc thông qua các phương tiện tuyên truyền chỉ rõ đường lối phát triển của cách mạng Việt Nam: trước hết là làm cuộc cách mạng dân tộc đánh đổ bọn cướp nước, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, tiếp đó

muốn có hạnh phúc, tự do thực sự thì tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa như giống nước Nga đã từng làm.

Từ định nghĩa “cách mạng”, Nguyễn Ái Quốc tiến hành phân loại, biên tập, phân loại và đánh giá có tính chất so sánh các cuộc cách mạng trên thế giới để hướng người đọc tới một sự lựa chọn duy nhất:

Trong thế giới, chỉ có cách mạng Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do và bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam. Cách mạng Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mạng để đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới [121, tr. 304].

Trên cơ sở đó, Hội VNCOMTN xác định Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng nào? Muốn GPDT, cách mạng Việt Nam phải đoàn kết tất cả nhân dân bị áp bức, bóc lột để vùng dậy, đứng lên thực hiện cuộc cách mạng dân tộc, cách mạng chính trị nhằm lật đổ chính quyền của thực dân Pháp và tay sai. Báo *Thanh niên* số 6 ngày 26/7/1925 cũng xác định rõ tinh thần đó: “Cách mạng chính trị diễn ra khi “nhân dân của một nước bị chính phủ chuyên chế áp bức vùng lên giành tự do và trở thành độc lập” [224, tr. 70]. Cách mạng xã hội diễn ra khi “nông dân và công nhân bị những ông chủ của họ từ chối tăng lương, họ quyết định làm cách mạng chống lại sự phi lí đó và phân phối thu nhập công bằng hơn giữa tư bản và vô sản...” [224, tr.70]. Trong hàm ý đó, Ban biên tập báo *Thanh niên* muốn nói với người đọc là “Hoàn cảnh hiện thời buộc người Việt Nam phải cách mạng quốc gia chứ không phải làm cách mạng giai cấp” [96, tr.70]. Khái niệm “Cách mạng quốc gia” và “Cách mạng giai cấp” trên chừng mực nào đó, trùng với khái niệm “Cách mạng chính trị” và “Cách mạng xã hội” đã nói ở trên, và trùng với khái niệm “Cách mạng GPDT” cũng như “Cách mạng xã hội chủ nghĩa” mà ta vẫn dùng hiện nay. Phải thừa nhận là vào nửa cuối những năm 20 thế kỷ trước, những hiểu biết xung quanh khái niệm “Cách mạng” mà Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc đưa ra, là bước tiến vượt bậc trong lịch sử phát triển tư tưởng chính trị của đất nước, giúp nhân dân hiểu một cách chính xác khái niệm “Cách mạng”, biết phân biệt đâu là cách mạng triệt để nhất, từ đó định hướng chính xác hành động của mình.

Trên con đường thực hiện cách mạng cần phải trả lời cho câu hỏi mà lịch sử dân tộc lúc này đang đặt ra, đó là “Đánh như thế nào? Đánh bằng cách nào?”.

Lịch sử nhân loại đã chứng minh, trong sự nghiệp giành và giữ chính quyền, chỉ có thể sử dụng bạo lực cách mạng chống lại hành động bạo lực phản cách mạng

của kẻ thù là một tất yếu lịch sử. Đầu thế kỉ XX, trào lưu tư tưởng Dân chủ tư sản phương Tây vào Việt Nam từ nhiều “hương” và ảnh hưởng mạnh mẽ đến các phong trào đấu tranh của nhân dân đang diễn ra, trong đó có cả phong trào Duy Tân do chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh lãnh đạo. Mặc dù là nhà tư tưởng lớn nhưng Phan Châu Trinh cũng không vượt qua được sự hạn chế trong nhận thức về con đường cách mạng, phương pháp tiến hành cách mạng. Ông giương cao ngọn cờ “Khai dân trí, Chấn dân khí, Hậu dân sinh” với ý đồ tiến hành cải cách đất nước, xây dựng thực lực về kinh tế để đi tới giành độc lập, tự chủ về chính trị cho quốc gia, dân tộc. Kể cả khi chính bản thân Phan Châu Trinh trải nghiệm trên thực tế chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp thời gian ông bị bắt và đày ra Côn Đảo làm tù khổ sai từ năm 1908 đến 1912, Phan Châu Trinh vẫn kiên trì với tư tưởng “Bất bạo động, bạo động tắc tử”.

Đối với một dân tộc yêu chuộng hoà bình, người dân lương thiện, cần cù, chăm chỉ lao động, thì giáo mác hay súng ống là thứ mà họ không bao giờ muốn dùng tới. Nhưng, đối với kẻ không có nhân đạo, ngang nhiên dùng mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả xương máu của người dân vô tội ở các nước thuộc địa để làm giàu cho giai cấp tư sản chính quốc, thì cải cách là phi thực tế, phi giá trị. Trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam đầu thế kỉ XX, mâu thuẫn của dân tộc ta và thực dân Pháp đã lên đến đỉnh điểm, không thể điều hoà được, giữa ranh giới của sự sống và cái chết, để trước thì bảo vệ bản thân, sau bảo vệ sự tồn vong của dân tộc, thì bạo lực cách mạng là sự lựa chọn duy nhất, đúng đắn nhất của những người dân yêu nước. Lịch sử của một dân tộc có thời gian giữ nước nhiều hơn thời gian dựng nước như dân tộc Việt Nam đã xác nhận điều đó. Vì vậy, tư tưởng đấu tranh mang tính chất “điều hoà mâu thuẫn” của Phan Châu Trinh là ảo tưởng và thất bại là điều không thể tránh khỏi.

Do khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng, cùng những thất bại liên tiếp đã nảy sinh ra các hành động phiêu lưu, mạo hiểm, coi hành động ám sát cá nhân là một phương sách kách mệnh. Trong phong trào yêu nước Việt Nam đó là hành động ám sát tên tay sai của thực dân Pháp như Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn (Thái Bình)... hay mưu sát Toàn quyền Đông Dương Mec-lanh (19/6/1924) của Phạm Hồng Thái là minh chứng điển hình... Qua đó, lộ rõ sự khủng hoảng về đường lối cách mạng và cả phương pháp cách mạng. Mặc dù báo *Thanh Niên* (số 69 ngày 14/11/1926) không phê phán hành động ám sát cá nhân của Phạm Hồng Thái như các hành động ám sát cá nhân ở Việt Nam trước đó, mà còn ca ngợi hành động đó là “cứu vinh dự Việt Nam, làm thức tỉnh người Việt Nam”, nhưng về phương pháp cách mạng thì ám sát cá nhân là không thể tồn tại và phát triển được bởi cách mạng là sự nghiệp rất to lớn, không phải một vài người làm nổi được, cũng không phải mấy ngày, mấy tháng làm ngay

được. Để bổ sung thêm chính kiến đó, *Đường kách mệnh* đã thẳng thắn phê phán, đồng thời chỉ rõ phương pháp đấu tranh khoa học là phải đoàn kết quần chúng - đúng theo chỉ đạo của Chủ nghĩa Mác- Lênin:

Ám sát là làm liều và kết quả ít, vì giết thẳng này còn thẳng khác, giết sao cho hết? Kách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cái giai cấp áp bức mình chứ không phải chỉ nhờ 5,7 người giết 2,3 anh vua, 9,10 anh quan mà được...phải liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền là cả kinh tế và chính trị kách mệnh [121, tr. 299].

Dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác, thông qua báo *Thanh niên*, Hội VNCOMTN đã vạch ra phương pháp tiến hành cách mạng đúng đắn: “Trước hết phải biết chính sách của Tây, sau phải biết bí mật mà sắp đặt những công việc mình” [155, tr. 63]. Việc gì làm trước, việc gì làm sau theo một kế hoạch, “đừng chăm chăm chỉ biết cách làm bạo động” [155, tr. 63].

Một vấn đề nữa đặt ra cho cách mạng Việt Nam lúc này là vấn đề “Dựa vào ai, đoàn kết với ai trên trường quốc tế?”.

Đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước Việt Nam nhận thức được rằng “có đoàn kết mới mau thắng lợi”. Ngay Phan Bội Châu từ trong thất bại cũng rút ra được những kinh nghiệm quý báu là “phải liên kết với những người đồng bệnh” tức là những dân tộc cùng bị đế quốc áp bức, bóc lột thì sự nghiệp cách mạng GPDT mới nhanh chóng giành được thắng lợi. Nhưng, liên minh với ai? Ai là “Bạn gần? Bạn xa?” thì các phong trào yêu nước lúc đó vẫn còn rất mơ hồ. Trong khi Phan Bội Châu chủ trương dựa vào Nhật và sau này là giai cấp tư sản dân tộc nhỏ yếu ở Trung Quốc, thì Phan Châu Trinh lại chủ trương dựa vào Pháp....thì mong sao có hiệu quả? Sự ra đời của *Thanh Niên* và *Đường kách mệnh* đã chỉ rõ lực lượng quốc tế mà cách mạng Việt Nam cần đoàn kết là cách mạng vô sản thế giới, là cách mạng Nga và Đệ tam quốc tế:

Trong thế giới bây giờ, chỉ có kách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt Nam. Kách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra sức cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm kách mệnh để đập đổ tất cả Đế quốc chủ nghĩa và Tư bản trong nước ngoài....Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã khắc tư và Lê - Nin [121, tr. 304].

Sau các cuộc cách mạng chính trị xã hội, có thể vẫn tồn tại người bị áp bức, còn có tình trạng khác biệt giữa các dân tộc. Lúc đó cần phải có cuộc cách mạng toàn thế giới. Sau cuộc cách mạng đó, nó ở khắp bốn phương trời trên trái đất sẽ là bạn của nhau. Đó là thời đại của tình hữu nghị quốc tế [205, tr. 11].

Chúng ta có đoàn kết, có tổ chức, có đoàn thể cách mạng lãnh đạo thì đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp cũng chẳng khó gì. Và lại, cách mạng Việt Nam là một bộ phận cách mạng thế giới, nên trong khi chúng ta tranh đấu, nhất định có cách mạng thế giới hưởng ứng cùng và anh em vô sản bị áp bức giúp đỡ [49, tr. 98-99].

Như vậy, việc nhìn ra thế giới tìm lực lượng ủng hộ dân tộc mình thì Nguyễn Ái Quốc cùng các học trò của Người đã có một bước tiến dài, họ đã tìm thấy lực lượng đông đảo của giai cấp công nhân và sự hợp lực tất yếu của “các dân tộc bị áp bức”. Với *tuần báo Thanh niên* cùng tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hội VNCMTN và Nguyễn Ái Quốc đã từng bước giải quyết những vấn đề chiến lược vô cùng quan trọng của cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX.

(2) *Quan niệm về Đảng cách mạng, Đảng Cộng sản*

Thực tế cách mạng Việt Nam trong những năm hai mươi của thế kỉ XX đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về đường lối và về phương pháp cách mạng.... Đây là con đẻ sinh đôi của khủng hoảng về tổ chức cách mạng. Chính sự lộn xộn, ấu trĩ đó đã đưa đến sự khủng hoảng của đường lối cách mạng Việt Nam và kéo dài nhiều thập kỉ. Đã đến lúc cần có một tổ chức cách mạng hoạt động một cách khoa học để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên. Trong bối cảnh đó, Hội VNCMTN sử dụng phương tiện tuyên truyền là báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường cách mệnh*, vạch cho cách mạng Việt Nam phương hướng xây dựng một tổ chức cách mạng chân chính có thể đem lại thắng lợi và trả lời câu hỏi của lịch sử là “Kách mệnh trước hết phải làm gì?”

Trước hết phải có đảng kách mệnh để trong thì vận động, tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững kách mệnh mới thành công cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng có vững phải có chủ nghĩa làm nòng cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam [121, tr. 289].

Như vậy, để đoàn kết và lãnh đạo cuộc cách mạng đi đến thắng lợi, điều kiện tiên quyết là phải có một đảng cách mạng với tư cách là bộ tham mưu, chịu trách

nhiệm vận động và tổ chức dân chúng trong nước, giữ mối liên hệ với phong trào cách mạng thế giới. Để tập hợp những người cùng chí hướng đi theo sự nghiệp cách mạng của Đảng, thì Đảng cách mạng phải thống nhất về chính trị, tư tưởng, Đảng cần được vũ trang bằng một chủ nghĩa tiên bộ, đúng đắn, phù hợp với yêu cầu cách mạng Việt Nam. Hội VNCOMTN dưới sự chỉ dẫn của Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện sứ mệnh trọng đại của lịch sử là trang bị học thuyết chân chính cho Đảng: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, khách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-Nin” [121, tr. 289]. Những nội dung này được báo *Thanh niên*, số 60 ra ngày 8/5/1926 chỉ ra một cách dứt khoát khi nói đến chính đảng: “Hỡi đồng bào thân mến, như vậy chỉ còn có một con đường chân chính là phải theo cái đảng duy nhất kiên quyết trong hành động, đó là Đảng Cộng sản” [121, tr. 289]. Số 100 của báo *Thanh niên* đã nhắc lại: “Để đưa cách mạng đến thắng lợi cần phải có một đảng cách mạng được tổ chức tốt, có khả năng tổ chức và động viên quần chúng giám sát thân, dẫn dắt họ ra tranh đấu” [155, tr. 65].

Có thể thấy, Đảng cách mạng - Đảng Cộng sản phải được vũ trang bằng học thuyết khoa học Mác - Lênin và được tổ chức chặt chẽ, trong đó bao gồm các phần tử có đầy đủ những tiêu chuẩn phẩm chất đạo đức và trình độ nhất định đáp ứng được đòi hỏi của cách mạng. Chính vì thế, ngay bài học đầu tiên trong tập bài giảng *Đường khách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã đặt ra yêu cầu “Tư cách người khách mệnh”. Lênin trong tác phẩm “Làm gì?” cũng đề cao chủ trương này:

Riêng đối với người lãnh đạo, nhiệm vụ của họ là phải học tập ngày càng nhiều hơn tất cả các vấn đề lý luận, phải tự giải thoát ngày càng nhiều hơn khỏi ảnh hưởng của những câu cổ truyền của thế giới quan cũ và không bao giờ được quên rằng Chủ nghĩa xã hội từ khi đã trở thành một khoa học đòi phải được coi là một khoa học nghĩa là phải được nghiên cứu....Kinh nghiệm cách mạng và tài khéo léo về tổ chức là những điều có thể học tập được [224, tr. 73].

Chỉ cần người ta có ý muốn trau dồi cho mình những đức tính tốt cần thiết, chỉ cần người ta có ý thức về những khuyết điểm của mình, như thế trong hoạt động cách mạng là đã sửa chữa được quá nửa rồi.

Thông qua *Thanh niên* và *Đường khách mệnh* đã hoàn bị nhiều tư tưởng chỉ đạo cách mạng Việt Nam, hợp thành những vấn đề chỉ đạo chiến lược và sách lược cho Đảng mác-xít trong tương lai. Từ đó đoàn kết hết thảy mọi người dân yêu nước và có tinh thần dân tộc vô sản vào một tổ chức cách mạng để họ có những hành động đúng đắn nhất.

Năm 1926, Hội VNCOMTN công bố *Chương trình và điều lệ*. Trong đó, mục đích của Hội được xác định “Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)” [49, tr. 118]. Với nội dung trên, so với buổi đầu thành lập, Hội VNCOMTN đang chuyển mình sang tổ chức cộng sản. Tính chất cộng sản ngày càng được thể hiện rõ nét hơn trong số đặc biệt 5 trang của báo *Thanh niên* nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng 10 Nga năm 1926. Trên trang bìa số đặc biệt vẽ hình Lenin đứng trên quả địa cầu, chiếm cả trang báo. Liên tiếp sau đó, các chủ đề về Đảng Bolshevik, về các lãnh tụ QTCS như Lenin, Stalin, Rosa Luxemburg... cũng như các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thường xuyên xuất hiện trong các trang báo *Thanh niên*.

3.1.1.3. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tiến hành hoạt động chính trị - tư tưởng ở Xiêm – Ai Lao (1925-1928)

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Hội VNCOMTN đã cử Võ Mai, Nguyễn Tài, Đặng Văn Cáp, Hồ Tùng Mậu... sang gây cơ sở tại Xiêm, Ai Lao. Hồ Tùng Mậu cùng với Đặng Thúc Hứa tổ chức *Chi bộ Thanh niên* đầu tiên ở Phi Chịt, lúc đó gọi là “Đệ nhất chi bộ” và xây dựng những trạm giao liên đóng vai trò như những trạm trung chuyển giữa Quảng Châu và trong nước. Khác với các tổ chức *Thanh niên* trong nước, *Chi bộ Thanh niên* trong Việt kiều ở Xiêm trực thuộc thẳng Tổng bộ đóng ở Quảng Châu không qua các cấp trung gian khác. Ngoài ra, Phòng Nam Á của QTCS vừa mới thành lập do Hilaire Noilens (Ruee) – đảng viên Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo, đặt trụ sở tại Băng Cốc - đang đợi Nguyễn Ái Quốc [206, tr. 191]. Do đó, sau sự kiện tháng 4/1927, vùng Đông Bắc nước Xiêm là cơ sở thứ hai có đầy đủ điều kiện cho Hội VNCOMTN tiến hành những hoạt động của mình.

Mặc dù vậy, ở Xiêm không có nhiều điều kiện để tiến hành các hoạt động cách mạng mạnh mẽ như thời kỳ ở Quảng Châu. Tuy nhiên, chi bộ Hội VNCOMTN vẫn có những hoạt động chính trị - tư tưởng để định hướng đúng cho kiều bào ở Xiêm. Hội tiếp tục xuất bản báo để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác - Lenin, gửi tài liệu về nước và tổ chức các buổi diễn giảng chính trị. Mùa thu năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm hoạt động với bí danh Thầu Chín. Theo sự thu xếp của cơ quan huấn luyện Thanh niên ở đây, Nguyễn Ái Quốc tham gia vào mọi hoạt động của Hội.

- *Mở các lớp “diễn giảng” chính trị ngắn hạn*: Hội VNCOMTN mở lớp đào tạo ngắn hạn cho cán bộ cách mạng. Nội dung của lớp học là nghiên cứu về tình hình thế giới, trong nước, về chủ nghĩa Mác-Lenin, về công tác quần chúng, công tác bí mật...

- *Giáo dục cho cán bộ về công tác vận động quần chúng*: Hội VNCOMTN tiến hành vận động hội viên làm công tác dân vận. Ở đâu thành viên của Hội VNCOMTN cũng hòa mình với đồng bào, bà con Việt kiều. Qua đó, Hội vận động, giáo dục Việt kiều lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, chống mê tín dị đoan, chữa bệnh cho người ốm, chăm lo việc học tập cho con em Việt kiều. Chỉ trong một thời gian ngắn, tinh thần yêu nước của kiều bào được phổ cập và nâng cao, đời sống văn hóa cũng đổi mới, tinh thần tương thân tương ái gắn kết, thói mua giành bán cướp, trộm cắp mất dần... Kiều bào được nhân dân và nhà cầm quyền địa phương yêu mến.

- *Xuất bản báo Thân Ái và dịch các tài liệu để tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin*: Cuối năm 1926, tờ báo *Đông Thanh* – Cơ quan ngôn luận của Hội VNCOMTN tại Thái Lan ra đời, báo chữ Quốc ngữ dành cho người Việt Nam đầu tiên tại đây. Tờ báo in thô trên khuôn thạch, phát hành bằng cách nhân bản sao chép tay rồi chuyển tới người có trách nhiệm đọc cho bà con Việt kiều nghe. Báo *Đông Thanh*, có các mục: Tin tức, Tự do diễn đàn, giúp đỡ học vấn, phụ nữ đàm, văn uyển. Nội dung phong phú, cung cấp nhiều thông tin quý báu về lịch sử đấu tranh dân tộc, về phương pháp cách mạng, kinh nghiệm hoạt động bí mật; vạch trần tội ác của đế quốc Pháp và phong kiến Việt Nam, phản ánh nỗi thống khổ của đồng bào, khuyên nhủ đồng bào đoàn kết cứu nước, giúp đỡ lẫn nhau... Cách viết theo kiểu kể chuyện, đơn giản, dễ hiểu, hàm chứa nhiều ý nghĩa, vừa gợi mở, vừa giáo dục tuyên truyền cho đồng bào ta đang sinh sống làm ăn ở Xiêm.

3.1.2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên xây dựng tổ chức – cán bộ.

3.1.2.1. Đào tạo cán bộ cách mạng

Muốn Đảng cách mệnh làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong thì mỗi thành viên của Đảng phải là một cán bộ cách mạng chuyên nghiệp để trong thì tuyệt đối trung thành với công cuộc GPDT, ngoài thì tuyên truyền, thức tỉnh, giác ngộ đồng bào về sự nghiệp cách mạng ấy. Vì vậy, trong quá trình chuẩn bị những điều kiện trực tiếp cần thiết cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành huấn luyện cán bộ thông qua công tác cán bộ của Hội VNCOMTN ở Trung Quốc cũng như Liên Xô theo cách phù hợp với điều kiện lịch sử nước nhà. Từ đó, hình thành nên đội ngũ cán bộ nhuần nhuyễn về lý luận, vững vàng về tuyên truyền và thật sự chất lượng trong hoạt động thực tiễn. Trong toàn bộ những hoạt động bước đầu của Hội VNCOMTN, việc huấn luyện và đào tạo cán bộ được tiến hành sớm nhất; có hệ thống, có tổ chức, nhằm tạo ra một đội ngũ cán bộ được trang bị học thuyết tiên tiến nhất của thời đại – học thuyết Mác – Lênin, để từ đó giác ngộ và giáo dục quần chúng, tổ chức họ lại và đưa họ ra đấu tranh cho độc lập dân tộc. Việc đào tạo đội ngũ

cán bộ là một hoạt động làm cho Hội VNCOMTN khác căn bản với các tổ chức chính trị trước đó và cùng thời với nó. Đây là điểm nổi bật, dễ nhận thấy, làm cho tổ chức chính trị này gắn với một đảng Mác-xít kiểu mới cả về nội dung giảng dạy, cả về phương pháp học tập. Trong hoạt động của Hội VNCOMTN thấy rõ hai phương thức đào tạo: Một là, tự đào tạo, tức là Hội tự tổ chức trường đào tạo với đầy đủ các yếu tố của một trường học như trường sở, đội ngũ giáo viên, học viên, chương trình học tập, phương pháp học tập, hoạt động của các học viên tốt nghiệp; Hai là, gửi học viên học tập ở những trường khác, cụ thể:

- *Phương thức tự đào tạo tại Quảng Châu (Trung Quốc)*

Trong báo cáo gửi Chủ tịch Đoàn QTCS (18/12/1924), Nguyễn Ái Quốc viết:

Sau khi đã tán thành kế hoạch này, ông ta (tức Phan Bội Châu – Nghiên cứu sinh chú thích) đã đưa cho tôi một bản danh sách của 14 người Việt Nam đã cùng ông ta hoạt động bấy lâu. Tôi đã chọn 5 người quê ở 5 tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ cử một người Việt Nam đưa họ tới Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức - Chúng tôi sẽ gửi họ trở về Đông Dương hoạt động sau ba tháng. Lúc này, đây là biện pháp duy nhất [121, tr. 152].

Lớp huấn luyện được tổ chức và thực hiện trước khi Hội VNCOMTN ra đời (6/1925). Học viên là những người yêu nước Việt Nam đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc (bao gồm cả thành viên của Tâm Tâm xã). Từ lớp huấn luyện đã đào tạo ra được một đội ngũ cán bộ mới, và hình thành nên Cộng sản Đoàn (2/1925). Trên cơ sở đó, Hội VNCOMTN ra đời (6/1925). Kết thúc khoá học, các học viên về nước để vận động và tổ chức những lớp thanh niên khác sang học tập ở Quảng Châu. Trước tháng 4/1927, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp mở ba lớp huấn luyện chính trị cách mạng cho các thanh niên ưu tú của Việt Nam. Sau khi học xong, các “hạt giống đỏ” đã tỏa theo nhiều hướng để nhân lên những hạt nhân cách mạng cho phong trào đấu tranh của Việt Nam.

+ *Nội dung giảng dạy:*

(1) *Về vai trò của lý luận cách mạng:* Nhận thức rõ tầm quan trọng của lý luận tiên phong, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu học viên phải nhập tâm lời di huấn của Lênin: “Không có lý luận khách mệnh, thì không có khách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận khách mệnh tiên phong, đảng khách mệnh mới làm nổi trách nhiệm khách mệnh tiên phong” [121, tr. 11]. Muốn vậy, từng cán bộ phải nắm vững nội dung lý luận tiên phong, thì Đảng cách mạng mới hoàn thành nhiệm vụ mà lịch sử dân tộc giao phó.

(2) *Về đạo đức cách mạng*: ở trang đầu tiên của cuốn *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã đặt ngay vấn đề đạo đức tư cách của người cán bộ cách mạng. Vì sao Người lại đặt vấn đề đạo đức tư cách người cách mạng lên trên hết, trước hết? Với nhãn quan chính trị của một nhà cách mạng chuyên nghiệp, Người sớm nhận ra đây là vấn đề gốc của mọi vấn đề. Muốn cán bộ đi làm cách mạng, trước hết cán bộ phải thấm nhuần đạo đức tư cách người cách mạng. Khi trong tư tưởng đã được trang bị vấn đề này rồi, thì mọi cái khó khăn, vướng mắc khác sẽ gỡ ra được. Đây chính là cái gốc của người cán bộ.

(3) *Nội dung về cách mạng*: Từ nội dung các môn học: Nhân loại tiến hoá sử, chủ yếu tập trung vào nghiên cứu từ thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa đế quốc; Lịch sử đấu tranh giải phóng của một số nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên; Lịch sử Việt Nam; Lịch sử QTCS; Lịch sử Cách mạng Tháng Mười Nga; Các chủ nghĩa: Gandhi, Tam dân, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa Mác – Lênin; các học viên được trang bị kiến thức về cách mạng là gì? Có mấy thứ cách mạng: Cách mạng Mỹ, cách mạng Pháp, cách mạng Tháng Mười Nga...; Quốc tế là gì? Có mấy quốc tế: Đệ nhất, Đệ nhị, Đệ tam quốc tế; Các chính thể: Lập hiến, đại nghị, ủy viên chế; Các tổ chức: Quốc tế phụ nữ, Quốc tế thanh niên, Quốc tế công nhân, Quốc tế cứu tế đỏ; Các tổ chức quần chúng: Công hội, Nông hội...

(4) *Phương pháp thực hành cách mạng*: Ngoài giờ học lý thuyết, các học viên tham gia thực hành như tập diễn thuyết, tập giảng bài vận động, giải thích một vấn đề chính trị. Nguyễn Ái Quốc yêu cầu học viên dùng ngôn ngữ thích hợp với người nghe để bài diễn thuyết dễ hiểu. Ngoài ra, học viên chia tổ thảo luận, tiến hành trao đổi những vấn đề về cách mạng Việt Nam phải giải quyết. Sau mỗi tuần học viên đều phải viết “báo cáo học vấn” ở các tiểu tổ và tham gia viết báo tường, học thêm văn hóa, ngoại ngữ; đi tìm hiểu thực tế, tham quan Trường Quân sự Hoàng Phố, đi viếng mộ 72 liệt sĩ (trong đó có mộ Phạm Hồng Thái) ở Hoàng Hoa Cương. Đây thật sự là điều cần thiết khi về nước để khi về nước có thể tiến hành công tác độc lập trong quần chúng, trong phong trào.

+ *Về tổ chức lớp học*: Công tác tổ chức các lớp học rất chặt chẽ. Mỗi lớp đều lập các tiểu tổ, có tiểu tổ trưởng phụ trách. Mỗi học viên đều phải viết “ngôn chí”, nói rõ nghề nghiệp, động cơ đi học của mình và những lời hứa khi học xong trở về nước vận động quần chúng đấu tranh và xây dựng phong trào cách mạng. Trong các lớp huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc là giảng viên chính. Những bài giảng của Người được tập hợp in thành sách *Đường cách mệnh*. Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu vừa giúp Nguyễn Ái Quốc giảng một số bài, vừa chăm lo nơi ăn, chốn ở cho học viên. Bôrôđin

- Trường đoàn cố vấn chính trị của Liên Xô ở Quảng Châu tham gia giảng dạy với nội dung Lịch sử Đảng Bôn-sê-vich Nga. Ngoài ra, một số giáo viên Liên Xô ở trường Quân sự Hoàng Phố như các Tướng Bliukhe, Páp-lốp, Quy-bi-sep, Primacóp... cũng được mời đến giảng bài cho các lớp huấn luyện chính trị do Hội VNCOMTN tổ chức.

+ *Kết quả*: Lớp đầu tiên được khai mạc vào khoảng đầu năm 1926 do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách. Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi QTCS ngày 3/6/1926 cho biết: “Tổ chức một trường tuyên truyền. Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu. Kết thúc một tháng rưỡi học tập, học viên tốt nghiệp khóa học đều được kết nạp vào Hội VNCOMTN. Sau đó, họ trở về nước. Khóa thứ nhất được 10 học viên, khóa thứ hai sẽ mở vào tháng 7 tới, sẽ có khoảng 30 người” [91, tr. 75 -76]. Từ giữa năm 1926 đến đầu năm 1927, Nguyễn Ái Quốc mở thêm 2 lớp nữa, mỗi lớp hơn 30 người. Đến tháng 3 năm 1927, số thanh niên trong nước sang Trung Quốc học tập lên đến hàng trăm người, nhưng do khó khăn nên không đến được Quảng Châu. “Hồ Tùng Mậu cùng Lê Hồng Sơn phải về tận biên giới tổ chức một lớp huấn luyện riêng ở Công Chạp (gần biên giới Trung Quốc – Việt Nam). Đây cũng là lớp huấn luyện cuối cùng của Tổng bộ Thanh niên” [30, tr. 94]. Như vậy, đến trước tháng 4 năm 1927, trường đã mở được tất cả 10 lớp, huấn luyện được từ 250 đến 300 người, trong đó phần lớn là thanh niên trí thức, cũng có một số thiếu nhi như Lý Tự Trọng mới 15 tuổi. Đó là vốn quý báu mà Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc đã chuẩn bị cho cách mạng Việt Nam.

- *Phương thức gửi học viên đi đào tạo ở những cơ sở giáo dục của QTCS.*

Ngoài công tác tự đào tạo, Hội VNCOMTN đã có kế hoạch liên kết đào tạo cán bộ. Hai trường có mối quan hệ và giúp đỡ nhiều nhất là Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông (hay còn gọi là Trường Đại học Phương Đông) và Trường Quân Chính Hoàng Phố. Nhờ có sự liên kết này mà Hội VNCOMTN vừa tiết kiệm được khoản kinh phí đào tạo lại giúp học viên tiếp cận được hệ thống kiến thức mới – những nội dung không có trong các lớp huấn luyện chính trị ngắn hạn ở Quảng Châu. Với phương thức này, Hội VNCOMTN giữ được mối liên hệ chặt chẽ với QTCS và phong trào cách mạng Trung Quốc.

+ *Tại Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông*

Từ năm 1926, Nguyễn Ái Quốc cùng với M.M.Bô-rô-đin (đại diện của QTCS tại miền Nam Trung Quốc) tuyển chọn và làm những thủ tục cần thiết cho thanh niên Việt Nam sang Mát-xcơ-va học tập. Những học viên đầu tiên được cử đi là Trần Phú, Lê Hồng Phong (bí danh Lit-vi-nốp, lúc đầu học tại Trường Không quân Lê-nin-grát, năm 1928 chuyển sang học tại Trường Đại học Phương Đông). Ngoài việc chọn và gửi người đi học, Tổng bộ Hội VNCOMTN cũng rất quan tâm tới việc học tập, sinh

hoạt của học viên Việt Nam tại trường. Theo tiên sử sử học Alain Ruscio, thì số mật thám Pháp thống kê từ 1923-1931 đã có 75 người Việt Nam đi học ở những trường đó. Nhưng theo nghiên cứu của A.A. Solokov có ghi trong cuốn *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam* thì từ năm 1925 cho đến khi trường đóng cửa, năm 1938, đã có 54 sinh viên Việt Nam học tập tại trường Đại học Phương Đông.

Những học viên được Trường Đại học Phương Đông đào tạo cho cách mạng Việt Nam, về sau đều có những số phận khác nhau. Trong cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù, do nhiều lý do khác nhau, có một số người đã thoái hoá, biến chất, thậm chí đầu hàng địch, khai báo với địch, trở thành những tên chỉ điểm để kẻ thù lùng bắt những người có một thời là đồng chí của mình và phá hoại phong trào cách mạng. Nhưng số đó rất ít, chỉ đếm trên đầu ngón tay. Đa số họ là những người tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng đã lựa chọn, một lòng một dạ chiến đấu vì lý tưởng dù phải đối mặt với kẻ thù trong những hoàn cảnh khác nghiệt nhất.

- Tại trường Quân Chính Hoàng Phố ở Trung Quốc

Nhìn thấy ở Trường Hoàng Phố khả năng đào tạo đội ngũ cán bộ quân sự cho cách mạng Việt Nam nên Hội VNCOMTN đã gửi học viên tham gia học tại đây. Không chỉ gửi người theo học mà Hội còn chú ý chỉ đạo việc giáo dục chính trị tư tưởng cho học viên. Lần đầu tiên dưới mái Trường Hoàng Phố, những thanh niên yêu nước Việt Nam được tiếp thu những kiến thức cơ bản về nghệ thuật quân sự theo quan điểm Mác-Lênin và những quan điểm mác-xít về chiến tranh hiện đại, đồng thời nắm vững những nguyên tắc cơ bản về tổ chức quân đội theo mô hình Hồng quân Liên Xô và những kinh nghiệm tác chiến trong mọi điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Từ khóa III, đã có thanh niên yêu nước Việt Nam theo học tại trường này.

Họ là những thanh niên trí thức yêu nước chịu ảnh hưởng tư tưởng của Phan Bội Châu, xuất dương sang Quảng Châu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong đó có:

Lê Hồng Sơn, Trương Văn Lĩnh và Lê Quảng Đạt, những người đồng hương với Phùng Chí Kiên; sau đó đến Lê Thiết Hùng, Quý Mộng Sơn, Hồ Lân Sơn (khóa IV). Học khóa V, khóa cuối cùng có cố vấn quân sự Xô viết giảng dạy. Khóa này, ngoài Phùng Chí Kiên, còn có Lý Đức Lan (Nguyễn Sơn), Vương Sĩ Hùng (Đỗ Huy Liêm), Hòa Long, Lý Tuy Anh, Lê Duy Chính, Lê Duy Nghĩa, Lưu Phong, Hồ Nhất Chí, Trương Chính Học, Mạc Trần Á (Nguyễn Tường Loan), Vũ Trần Nam, Ngô Quốc Việt, Nguyễn Văn Sáng, Võ Tòng, Lê Khắc Trung. Càng về sau, học viên Việt Nam ngày càng đông [29, tr. 53 – 54]

Như vậy, tính đến khoá đào tạo thứ V của nhà trường đã có gần 30 học viên là người Việt Nam, và tiếp tục tăng vào những năm sau đó. Điều này đã được giáo viên của họ là A.I. Trê-rê-pa-nốp đã xác nhận:

Trong số học viên chúng tôi có khoảng 30 người Việt Nam. Họ rất nghiêm chỉnh, cần cù lao động, dốc hết sức lao động bởi lẽ họ biết rằng để giành chính quyền về tay công nông phải cầm lấy vũ khí chiến đấu và có tri thức quân sự mới giúp họ bảo vệ được cách mạng khỏi thù trong giặc ngoài [29, tr. 104].

Tuy nhiên, theo hồi kí của Lê Thiết Hùng – học viên khoá IV là thanh niên Việt Nam tham gia học trực tiếp tại trường thì nhận định: “Tôi học bộ binh...Ba đồng chí học pháo binh... Khoá sau có hơn hai trăm đồng chí học về xe tăng, thiết giáp...” [56, tr. 298].

Một số học viên Việt Nam tốt nghiệp Trường Quân Chính Hoàng Phố đã trực tiếp gia nhập đội quân cách mạng dân tộc của chính phủ Quảng Châu, cùng kề vai sát cánh với các chiến sĩ Xô-viết và những người Cộng sản Trung Quốc, cùng tham gia vào những cuộc Đông phạt 1, Đông phạt 2, Bắc phạt. Một số đã ngã xuống trong các trận đấu ở chiến trường Quảng Châu. Một số còn lại về nước, sau này trở thành những cán bộ nòng cốt của ĐCSVN như Phùng Chí Kiên, Trương Văn Lĩnh, Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn...

Tóm lại, về vấn đề cán bộ cách mạng: Nhờ vào sự hỗ trợ của chính phủ Trung Hoa Dân Quốc và Đoàn cố vấn Liên Xô, Hội VNCOMTN đã tiến hành huấn luyện và đào tạo cán bộ thông qua 3 cơ sở: Trường “Huấn luyện chính trị” (hay Trường “Tuyên truyền” hoạt động ngay tại Quảng Châu dưới giúp đỡ của chính phủ Tôn Dật Tiên và Đoàn cố vấn Liên Xô), Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông và Trường Quân Chính Hoàng Phố. Có thể nói, rất nhiều cán bộ trụ cột của cách mạng Việt Nam đã được đào tạo thông qua sự hợp tác này. Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc đã làm thay đổi được ý thức hệ cho lớp cán bộ cách mạng đầu tiên ở Việt Nam, đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhiều người được Nguyễn Ái Quốc giảng dạy đã trở thành rường cột trong phong trào cách mạng Việt Nam. Những cây đời do Người trồng đầu tiên đã đơm hoa kết trái, xanh tốt. Lịch sử đã, đang và sẽ mãi mãi ghi nhận công lao đó.

3.1.2.2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức ở trong nước

Theo sự phân công của Nguyễn Ái Quốc, các đồng chí Nguyễn Công Thu và Nguyễn Danh Thọ về Bắc Kỳ hoạt động; Trần Phú cùng Phan Trọng Quảng và

Nguyễn Ngọc Ba về Trung Kỳ; còn Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về Nam Kỳ, qua đó mở ra khả năng lớn nhất cho việc đặt chỗ đứng chân đầu tiên của Hội VNCOMTN ở trong nước, và các hội viên được cử về sẽ tận dụng mối quan hệ bạn bè, họ hàng tiến hành gây dựng cơ sở cho Hội.

- *Tại Bắc Kỳ*: Cuối năm 1926, Nguyễn Công Thu và Nguyễn Danh Thọ về tới Bắc Kỳ. Thông qua các mối quan hệ bạn bè, tháng 3/1927, Ban Lãnh đạo Kỳ bộ Hội VNCOMTN Bắc Kỳ được thành lập, gồm Nguyễn Danh Đới, Mai Lập Đôn, Nguyễn Công Thu, Dương Hạc Đỉnh và Mai Ngọc Thiệu, do Nguyễn Danh Đới làm Bí thư. Địa bàn hoạt động của Kỳ bộ Bắc Kỳ gồm các tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, khu mỏ Quảng Ninh, Kiến An, Hải Dương, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Đông, Hà Nam, Sơn Tây, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng...

Ngày 28/9/1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ quyết định triệu tập Đại hội lần thứ nhất. Vì bị lộ nên Đại hội đã chuyển từ nhà số 72 phố Huế (Hà Nội) [172, tr. 289] sang nhà Ngô Gia Tự (ở làng Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi xem xét, đánh giá các hoạt động của Kỳ bộ, Đại hội nhấn mạnh các hội viên *Thanh niên* cần đi vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ thực hiện “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở và cùng làm), với người lao động, qua đó tuyên truyền, cổ động, tổ chức quần chúng. Đại hội toàn Kỳ lần thứ nhất đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm Trần Văn Cung (Bí thư), Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Nguyễn Phong sắc, Đỗ Ngọc Du, Trịnh Đình Cửu, Dương Hạc Đỉnh. Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh chịu trách nhiệm vận động công nhân toàn Kỳ. Cơ quan đặt tại Hà Nội.

Sau đây là sơ lược hoạt động của một số tỉnh bộ tiêu biểu:

Hà Nội: Cuối năm 1926, Nguyễn Công Thu đã thành lập được Chi hội Hội VNCOMTN đầu tiên của Hà Nội (tại thôn Tiên, xã Dịch Vọng, Hà Nội) gồm 11 người. Tháng 6/1927, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN (viết tắt là Tỉnh bộ Hà Nội) được thành lập. Nguyễn Danh Đới được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Hà Nội. Đến năm 1928, Tỉnh bộ Hà Nội được đổi tên là Thành bộ Hà Nội [172, tr. 286 -287].

Thái Bình: Đầu năm 1927, Chi bộ Hội VNCOMTN được thành lập tại Thị xã Thái Bình và Trình Phố - Kiến Xương. Tháng 12/1927, Nguyễn Danh Đới về làm Bí thư Tỉnh bộ Thái Bình, thành lập thêm Chi bộ Trương Minh Thanh (gồm 10 người). Đến năm 1928, Tỉnh bộ Thái Bình được thành lập bao gồm 5 chi bộ: thị xã Thái Bình, Kiến Xương, Thân Duyên, Thư Vũ, Tiên Hải [15, tr. 98-99].

Hải Phòng: Năm 1927, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Hải Phòng được thành lập, do Nguyễn Tường Loan làm Bí thư. Các ủy viên là Lê Ngọc Du, Lê Mạnh Hiến. Trụ sở Tỉnh bộ đặt tại số 7 ngõ Quảng Lạc, phố Cầu Đất [159, tr. 139].

Quảng Ninh: Cuối năm 1928, hai nhóm Thanh niên Cẩm Phả và Cửa Ông ghép lại thành một chi bộ do đồng chí Đặng Châu Tuệ làm bí thư, đây là chi bộ Hội VNCOMTN đầu tiên ở Quảng Ninh [149, tr. 56].

Bắc Ninh: Giữa năm 1927, bốn chi hội của Hội VNCOMTN đã ra đời ở Bắc Ninh. Sang năm 1928, Kỳ bộ Hội VNCOMTN Bắc Kỳ quyết định thành lập Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Bắc Ninh - Bắc Giang do Ngô Gia Tự làm Bí thư, đặt trụ sở tại xóm Giàu (gia đình Nguyễn Tuân - Thị Cầu) [5, tr. 13].

Nam Định: Tháng 9/1928, Tỉnh bộ lâm thời triệu tập Hội nghị đại biểu Tỉnh bộ Hội VNCOMTN Nam Định. Tại hội nghị này, bầu Ban Chấp hành Tỉnh bộ chính thức gồm các đồng chí Nguyễn Văn Hoan (Bí thư), Đào Gia Lựu, Vũ Huy Hào [148, tr. 45].

Hà Nam: Cuối năm 1928, Hội VNCOMTN đã phát triển tổ chức đến hầu khắp các huyện, thị trong tỉnh Hà Nam (trừ châu Lạc Thủy). Trên cơ sở đó, Tỉnh bộ lâm thời của Hội VNCOMTN Hà Nam được thành lập gồm có: Đào Gia Lựu, Vũ Đức Thọ, Lương Văn Thái [69, tr. 20].

Ninh Bình: Tháng 10/1927, Nguyễn Văn Hoan về Côi Trì kiểm tra tình hình phong trào cách mạng, thấy cơ sở bảo đảm điều kiện cho việc thành lập tổ chức cách mạng, kết nạp Tạ Uyên và 7 thanh niên yêu nước được giác ngộ vào Hội VNCOMTN, thành lập chi bộ Hội VNCOMTN thôn Côi Trì, chỉ định đồng chí Tạ Uyên làm Bí thư chi bộ [20, tr. 17].

Theo Lịch sử Đảng bộ một số tỉnh như Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Lạng Sơn, Lào Cai, Sơn La, Hòa Bình, Thái Nguyên thì cơ sở của Hội VNCOMTN chưa có điều kiện thành lập. Hay như tỉnh Hưng Yên, do có sự hoạt động khá mạnh của tổ chức VNQDD nên thời gian trước tháng 9/1928, các hội viên của Hội VNCOMTN mới len lỏi thâm nhập vào hoạt động, chứ chưa thành lập được chi bộ của Hội. Nhờ có phong trào “*Vô sản hoá*” thì Hội VNCOMTN mới xây dựng được căn cứ đứng chân ở địa phương này.

- *Tại Trung Kỳ:*

Thanh Hoá: Tháng 4/1928, thi hành Chỉ thị của Kỳ bộ Thanh niên Trung Kỳ, Tỉnh bộ lâm thời Hội VNCOMTN triệu tập Hội nghị đại biểu các tiểu tổ toàn tỉnh tại chùa Quán Thánh (núi Nhồi, Đông Sơn). Hội nghị đã cử ra Ban Chấp hành Tỉnh bộ chính thức gồm 7 ủy viên do đồng chí Lê Hữu Lập làm Bí thư Tỉnh bộ [16, tr. 42].

Nghệ An: Mặc dù TVCMĐ hoạt động mạnh, nhưng Hội VNCOMTN vẫn có cơ hội để gây dựng cơ sở. Từ tiểu tổ Hội VNCOMTN đầu tiên được tổ chức tại nhà Nguyễn Văn Lợi vào tháng 1/1927. Tháng 3/1927, tại nhà thờ họ Hoàng (Vinh), Kỳ bộ Trung Kỳ đã chỉ định Ban Lãnh đạo Tỉnh bộ Nghệ An gồm: Nguyễn Văn Lợi (Bí

thư), Phan Trọng Quảng phụ trách ngoại giao, Nguyễn Ngọc Tuyết phụ trách công tác tuyên truyền, tài chính và tổ chức [6, tr. 43-44].

Thừa Thiên Huế: Tháng 7/1927, cùng với Lê Duy Điểm đang hoạt động ở Huế, Tổng bộ Thanh niên phái Vương Thúc Oánh vào đây để tuyên truyền và kết nạp Nguyễn Đức Tịnh, Phó Đức Trục, Lê Dung vào tổ chức Thanh niên, đồng thời thành lập Tỉnh bộ lâm thời Thanh niên ở Huế do Nguyễn Đức Tịnh làm Bí thư. Đầu năm 1928, Kỳ bộ Trung Kỳ cử thêm ba cán bộ vào Huế để đẩy mạnh phong trào yêu nước phát triển hơn nữa tại đây [151, tr. 276].

Quảng Trị: Đầu năm 1928, Kỳ bộ Trung Kỳ chỉ thị cho Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị xúc tiến hội nghị đại biểu Thanh niên để thành lập Tỉnh bộ chính thức. Hội nghị đại biểu Thanh niên được tổ chức trong năm 1928. Hội nghị đã đánh giá tình hình của Hội trong thời gian qua và quyết định xuất bản tờ báo *Phấn đấu* làm cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ, do Hoàng Hữu Đoàn làm chủ bút. Hội nghị đã bầu ra Ban Chấp hành của Tỉnh bộ Thanh niên Quảng Trị gồm bốn ủy viên: Nguyễn Đình Cương, Nguyễn Xuân Luyện, Trịnh Đức Tân, Hoàng Hữu Đoàn, do Nguyễn Đình Cương làm Bí thư [19, tr. 77].

Phú Yên: So với một số tỉnh ở miền Bắc, hoạt động của chi bộ Hội VNCMTN ở Phú Yên không mạnh và không đều ở khắp các huyện. Song đối với khu vực Nam Trung bộ thì Hội VNCMTN ở Phú Yên hoạt động khá tốt. Tháng 6/1928, chi bộ Hội VNCMTN chính thức ra đời gồm 3 đồng chí: Nguyễn Trung Hanh, Nguyễn Giao, do Nguyễn Văn Nguyên làm Bí thư, hoạt động tại Sông Cầu [22, tr. 31].

Quảng Nam: Tháng 9/1927, chi bộ đầu tiên của Hội VNCMTN Quảng Nam được thành lập ở Đà Nẵng, do đồng chí Đỗ Quang làm bí thư. Đầu năm 1928, tại Giếng Bộng (Đà Nẵng), hội nghị giữa các chi bộ Hội VNCMTN địa phương đã thống nhất bầu ra Ban Chấp hành Tỉnh bộ Hội VNCMTN Quảng Nam, đồng chí Đỗ Quang làm Bí thư [174, tr. 104].

Đà Nẵng: Tháng 9/1927, chi bộ đầu tiên của Hội VNCMTN Đà Nẵng được thành lập ở Đà Nẵng, do Nguyễn Văn Tường (Bí thư), phát triển vào bưu điện và nhóm lái xe Phan Văn Định, Nguyễn Hữu Tự, Nguyễn Văn Giao. Đầu năm 1928, đồng chí Đỗ Quang triệu tập hội nghị thành lập Hội VNCMTN tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng [48, tr. 37].

Quảng Ngãi: Mùa hè năm 1927, Nguyễn Thiệu với danh nghĩa là đại diện Tổng bộ Hội VNCMTN phụ trách Kỳ bộ Trung Kỳ về Quảng Ngãi. Tại cuộc họp được tổ chức tại bờ biển Mỹ Khê (Tỉnh Khê), gồm các đồng chí Hồ Độ, Trương Quang Trọng, Nguyễn Nghiêm, Lê Trọng Kha, Phạm Viết My, Huỳnh Tấu, Đặng

Tòng... với sự tham dự của đồng chí Nguyễn Thiệu, tổ chức Đảng Tân Việt ở Quảng Ngãi chính thức tuyên bố chuyển sang Hội VNCOMT. Đồng chí Trương Quang Trọng được bầu làm Bí thư Tỉnh bộ Hội VNCOMT tỉnh Quảng Ngãi [14, tr. 31].

Bình Định: Năm 1928, chi hội Thanh niên Cứu Lợi được Nguyễn Thiệu, đại diện cho Kỳ bộ Hội VNCOMT Trung Kỳ công nhận. Khoảng giữa năm 1928, Nguyễn Trân lập các chi hội Thanh niên ở An Đổ (Hoài Sơn) và Tài Lương (Hoài Thanh). Công ty Kim Thạch ở Sa Huỳnh (Đức Phổ, Quảng Ngãi) - một hãng buôn do một số người Hoài Nhơn và Sa Huỳnh lập từ năm 1927, được chọn làm nơi liên lạc bí mật của tổ chức Hội VNCOMT Hoài Nhơn. Từ Cứu Lợi, An Đổ và Tài Lương, cơ sở Thanh niên nhanh chóng lan ra nhiều vùng ở Bình Định [8, tr. 5].

Trên địa phận Trung Kỳ, ngoài những địa phương đã kể ở trên, ở một số tỉnh có tổ chức TVCMB; VNQDD phát triển mạnh, một số tỉnh ở vùng sâu, vùng xa, Hội VNCOMT không gây dựng được cơ sở như Hà Tĩnh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Kon Tum...

- *Tại Nam Kỳ:* Theo sự phân công của Tổng bộ, Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về Nam Kỳ xây dựng hệ thống tổ chức Hội. Sau khi chấp nối liên lạc và thu nhận tổ chức Công hội bí mật của Tôn Đức Thắng, hệ thống tổ chức Kỳ bộ *Thanh niên* Nam Kỳ được nhanh chóng xây dựng. Những cơ sở đầu tiên được thành lập ở Gò Công, Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Cần Thơ, Long Xuyên, Sa Đéc, Trà Vinh... Năm 1927, có 100 hội viên rải rác ở 11 tỉnh, trong đó có Thành phố Sài Gòn [165, tr. 30]. Giữa năm 1927, Kỳ bộ *Thanh niên* lâm thời được thành lập gồm Phan Trọng Bình (Bí thư), Ngô Thiêm và Nguyễn Văn Lợi. Năm 1928, số người gia nhập Hội lên tới 500 hội viên. Sau vụ án Barbiê, thực dân Pháp khủng bố mạnh, 59 người bao gồm đảng viên của Tân Việt, VNQDD và chủ yếu là hội viên Hội *Thanh niên* bị bắt, trong đó có Ngô Thiêm - Bí thư Kỳ bộ. Số hội viên *Thanh niên* ở Nam Kỳ chỉ còn 100 người (60 người chính thức, 40 người có “cảm tình”). Trước tình hình đó, Tổng bộ điều động Phan Trọng Bình từ miền Trung trở lại Sài Gòn để ổn định tổ chức. Tháng 3/1929, Kỳ bộ Nam Kỳ tổ chức Đại hội bầu Ban lãnh đạo mới gồm: Phạm Văn Đồng (Bí thư), Trần Ngọc Qué, Nguyễn Văn Côn, Nguyễn Kim Cương, Trần Ngọc Giải và Châu Văn Liêm. Trụ sở của Kỳ bộ được đặt ở nhà số 4, hẻm Calaze (nay là đường Nguyễn Tri Phương).

Sau đây là sơ lược hoạt động của một số tỉnh bộ tiêu biểu:

Long Xuyên - Châu Đốc: Tháng 2/1928, Tỉnh bộ Thanh niên Long Xuyên được thành lập gồm Trần Văn Thanh, Nguyễn Văn Cung, Nguyễn Văn Tây, Châu Văn Liêm (Bí thư). Tỉnh bộ lấy tiệm may Mỹ Quang là nơi liên lạc (nay là căn nhà số 16, đường Phạm Hồng Thái, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang) [4, tr. 20-21].

Mỹ Tho, Gò Công: Cuối năm 1927, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN ở Mỹ Tho được thành lập do Trần Ngọc Giải làm Bí thư, cơ quan Tỉnh bộ đóng tại thị xã Mỹ Tho; Tỉnh bộ Hội VNCOMTN ở Gò Công được thành lập do Nguyễn Văn Côn làm Bí thư, cơ quan Tỉnh bộ đóng tại tỉnh lỵ Gò Công. Sau đó các cơ sở Hội được phát triển rộng rãi trong tỉnh [17, tr. 18].

Bến Tre: Đầu năm 1927, Tỉnh bộ Hội VNCOMTN được thành lập gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Ngọc (Vương Hoài Nghĩa), Trương Minh Tài (thầy giáo Tài, quê ở Mỏ Cày), Hồ Thả (thợ bạc thị xã), Tám Trừ (thợ bạc ở Giồng Trôm), Phạm Văn Minh (tức Minh Thọ) và Mai Văn Đăng (Ba Đăng), do Nguyễn Văn Ngọc làm Bí thư, đặt trụ sở tại hiệu ảnh “Tướng Quân” trên đường Clémăngxô (Clémanceau) (nay là đường Lê Lợi, phường 2, thành phố Bến Tre), tỉnh lỵ Bến Tre [7, tr. 29].

Bình Phước (Chi bộ Phú Riêng): Tháng 4/1928, Chi bộ Hội VNCOMTN đồn điền Phú Riêng được thành lập gồm 5 hội viên Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Tạ và Hòa; do Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư. Đây là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản đầu tiên, đã lãnh đạo công nhân Phú Riêng cho đến cuối tháng 10/1929. Tháng 6/1928, cơ sở nghiệp đoàn công nhân được hình thành do đồng chí Hồng làm thư ký. Qua đó, tăng cường sức mạnh cho phong trào cách mạng ở đây [9, tr. 29].

Đồng Tháp: Cuối năm 1927, bốn hạt giống đỏ đầu tiên của tỉnh Đồng Tháp được Tổng bộ Hội VNCOMTN cho trở về nước hoạt động. Qua hơn 6 tháng vận động, Tổ đã gây dựng được cơ sở ở Cái Tàu Thượng, Mỹ An Hưng, Cao Lãnh, Bình Thành (thuộc tổng Phong Thạnh Thượng) [12, tr. 90].

Biên Hoà – Đồng Nai: Tháng 10/1926, các đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về Sài Gòn xây dựng cơ sở. Sau khi bắt liên lạc và thu nhận tổ chức công hội bí mật của đồng chí Tôn Đức Thắng, mạng lưới Kỳ bộ Hội VNCOMTN phát triển nhanh chóng ở Sài Gòn và ở các tỉnh Nam bộ với khoảng hơn 500 hội viên. Tại Biên Hoà, một số tiểu tổ Hội VNCOMTN được tổ chức ở đồn điền cao su Cam Tiêm đê-pô xe lửa Dĩ An. Từ đó, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển trong phong trào đấu tranh của công nhân Biên Hoà nói riêng và công nhân ở cả ba kỳ nói chung [11, tr. 26].

Có thể thấy, ở Nam Kỳ có nhiều tỉnh có cơ sở của Hội VNCOMTN được thành lập và phát triển mạnh mẽ. Nhưng, ở Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu hay Sóc Trăng thì Hội VNCOMTN chưa thể xây dựng được cơ sở.

3.1.2.3. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên xây dựng và phát triển hệ thống tổ chức ở Xiêm – Ai Lao

Đào tạo thanh thiếu niên: tại Xiêm đã có một trường huấn luyện thiếu niên. Trường có 18 học sinh, phần lớn là con em Việt kiều và một số thiếu niên từ Nghệ Tĩnh sang. Nội dung học tập chủ yếu là văn hóa xen lẫn các bài giảng về tinh thần yêu nước. Mục đích đào tạo là bồi dưỡng cho học sinh lòng yêu nước, căm thù giặc Pháp, có ý chí cách mạng để sau này trở thành cán bộ cách mạng.

Tổ chức quần chúng: Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Hội VNCOMTN, Việt kiều ở Thái Lan được tổ chức theo hai hình thức chủ yếu đó là *Hội Hợp tác* và *Hội Thân ái*. Hội Thân ái là một tổ chức quần chúng rộng rãi của Hội VNCOMTN, mục đích đoàn kết Việt kiều và đoàn kết giữa người Việt với người Thái; nhắc nhở kiều bào yêu Tổ quốc và giúp kiều bào học chữ quốc ngữ. Bên cạnh đó, các tổ chức như Hội phụ nữ, Hội thiếu nhi, đều có hội viên của Hội VNCOMTN giúp đỡ, hướng dẫn. Thanh niên từ trong nước sang được tổ chức lại thành *Hội Hợp tác*. Họ vỡ hoang, làm ruộng hoặc làm thợ. Hội viên hợp tác gần nghìn người. *Hội Hợp tác* tuy chưa đề ra được nguyên tắc tự nguyện, quản lý dân chủ, nhưng có thể nói đã có nội dung xã hội chủ nghĩa. Nhờ có cách tổ chức và phân phối hợp lý, lại có tinh thần đoàn kết cao, biết cần kiệm liêm chính vì cách mạng mà các hội viên lao động tích cực. Do đó, không những Hội giải quyết được những vấn đề chi phí lớn mà làm gương cho kiều bào Việt cách sống, làm ăn, tinh thần hy sinh vì nước, được kiều bào mến yêu và tin tưởng. Sau này, Hội Việt kiều thân ái lần lượt được tổ chức ở những nơi có đông kiều bào như U-đôn, Sa-kôn, Na-khôn, Pha-nom. Ở những nơi đó, *Hội Hợp tác* cũng được thành lập. Hội VNCOMTN cũng đã tổ chức được 3 chi bộ, do Tổng bộ Hội VNCOMTN lãnh đạo.

Củng cố cơ sở - tổ chức Đảng: Năm 1926, khi Nguyễn Ái Quốc phái người về Xiêm thành lập Hội VNCOMTN thì Đặng Thúc Hứa đã trở thành một trong những người lãnh đạo có rất uy tín của chi Hội VNCOMTN và trong Việt kiều ở Xiêm [75, tr. 59]. Khi Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm, sau một thời gian nghiên cứu, Người đã đề nghị lập tỉnh ủy U-đôn để thống nhất việc lãnh đạo. Theo Hoàng Văn Hoan:

Tỉnh ủy gồm 5 đồng chí: Đặng Thái Thuyên tức Canh Tân, Võ Văn Kiêu tức Đình, Trần Văn Chấn tức Tăng, Nguyễn Văn Dụ tức Hải và tôi (Hoàng Văn Hoan tức Nghĩa). Các đồng chí Võ Tông tức Sáu, Lê Mạnh Trinh tức Tiên đều ở Phi-chật để duy trì cơ sở cũ. Đặng Thúc Hứa đã đi Xiêng-mày, Lăm-pang để xây dựng cơ sở mới nên không tham gia tỉnh ủy [75, tr. 61].

Từ 1926-1929, Hội VNCOMTN đã tổ chức được 5 chi bộ ở những nơi có đông Việt kiều, tập trung tại các tỉnh Đông Bắc Xiêm. Chi bộ Phi-chật là trung tâm lãnh đạo Việt kiều thuộc Tổng bộ ban đầu ở Quảng Châu (sau ở Hương Cảng). Nhiệm vụ của chi bộ là tổ chức giáo dục kiều bào ở địa phương về mọi mặt. Hội viên hầu hết được

chọn từ những người tích cực trong số thanh niên ở trong nước mới sang, tất cả chừng 200 đồng chí [75, tr.102]. Trong thời gian ở Xiêm (1928-1929), Nguyễn Ái Quốc cũng như các thành viên của Hội VNCMTN được nhân dân, sư sãi cứu mang, cho cơm ăn dọc đường. Thầu Chín còn được nhà chùa che chở khi bị lộ tung tích. Các thành viên của Hội VNCMTN được nhân dân Xiêm giúp đỡ hết lòng.

Đối với Ai Lao (Lào), như Chủ tịch Ủy ban khoa học xã hội Xixana Xixan cho biết: “Có lần, Người triệu tập các đồng chí hoạt động ở Viên Chăn tới Noong Khai để nghe báo cáo tình hình và chỉ đạo phương hướng đẩy mạnh hoạt động ở Lào” [103, tr.23]. Mùa thu năm 1928, Người từ Thái Lan sang Pắc Xế, lên Savanna Khẹt, đến Xiêng Vang (phía Nam tỉnh lỵ Thà Khẹt) để trực tiếp tìm hiểu thực tế tình hình đời sống nhân dân Lào. Nhờ những cố gắng không ngừng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các hội viên Hội VNCMTN những hạt giống cách mạng ở Lào đã nhanh chóng nảy mầm và phát triển. Từ các tổ chức quần chúng cách mạng trong những năm 1928 - 1929 đến năm 1930 đã hình thành 6 chi bộ cộng sản ở các địa phương như: Viên Chăn, Pắc Xế, Thà Khẹt, Savanna Khẹt, Phônchiu, Bô Nèng. “Riêng chi bộ Viên Chăn có khoảng 7,8 người, ra tờ bao lấy tên là “*Guong chung*”. Nhiều tổ chức quần chúng như công hội, thanh niên, phụ nữ, hội tương tế, đồng minh, phản đế... đã ra đời và phát triển ở nhiều thành phố và các cơ sở công nghiệp” [103, tr.23].

Ở Campuchia, đầu năm 1930, chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập ở trường trung học Xi-xô-vát (Phnôm-pênh) [208, tr. 102].

Nhìn chung, từ đầu năm 1927, Hội VNCMTN đã xây dựng được hệ thống tổ chức ở trong nước. Tất cả các Kỳ bộ đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương (Tổng bộ). Tổng bộ bao gồm 3 kỳ bộ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) và 1 tỉnh bộ (Xiêm) trực thuộc. Năm 1927, các kỳ bộ và tiếp đó là các tỉnh bộ, chi bộ được thành lập. Có tỉnh có 60% số huyện có cơ sở, riêng Thái Bình cả 12 phủ, huyện đều có cơ sở. Trong vòng bốn năm 1926 -1929, cơ sở của Hội đã lan tỏa khắp ba kỳ và Đông Bắc Xiêm. Hệ thống tổ chức của Hội VNCMTN được hình thành theo phương thức từ phân tán đi đến tập trung; từ những nhóm hoặc cá nhân riêng biệt không liên hệ với nhau đến chỗ thống nhất trong một hệ thống từ trên xuống dưới trong việc xây dựng và phát triển tổ chức của Hội, mối quan hệ bạn bè và thân tộc giữ một vai trò quan trọng, nhất là trong buổi đầu. Những hạt giống đỏ mà Nguyễn Ái Quốc tự tay gieo trồng đã nảy mầm, bén rễ và phát triển khắp nước.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng hệ thống tổ chức, Hội VNCMTN lấy cấp tỉnh bộ làm cơ sở, ít chú trọng kiện toàn cấp chi bộ. Chi bộ không lấy đơn vị sản xuất hoặc địa bàn dân cư trú làm cơ sở tổ chức, mà lại bao gồm hội viên ở nhiều nơi gộp lại. Thêm nữa,

khi bắt đầu gây dựng cơ sở, Hội VNCOMTN chủ yếu là xây dựng và phát triển tổ chức của Hội mà chưa quan tâm xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng như yêu cầu và mục đích Hội đã đề ra lúc đầu. Dẫn tới tổ chức thiếu gắn bó chặt chẽ với nhân dân, từ đó gây trở ngại lớn cho việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Về chất lượng hội viên: Các cơ sở của Hội được hình thành từ mối quan hệ bạn bè, họ hàng nên số lượng hội viên có xuất thân không phải từ công nhân chiếm số đông. Đó là lực lượng “có tinh thần yêu nước và tinh cảm dân tộc mạnh” [205, tr.7], nhưng bộ phận này lại có nhược điểm: dao động, tách rời quần chúng, cá nhân chủ nghĩa... Cho nên, “Chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam... mà không lan rộng vào công nhân, nông dân thì không thể hướng phong trào theo con đường cách mạng vô sản” [205, tr. 7] và làm cho những cơ sở này chưa thực sự là tổ chức Cộng sản mà chỉ mới có xu hướng Cộng sản.

3.2. Từ quá trình chuyển hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đến Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (9/1928 – 2/1930)

3.2.1. Quá trình chuyển biến của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (9/1928 – 5/1929)

3.2.1.1. Về chính trị - tư tưởng

* Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên phát động phong trào Vô sản hoá (9/1928):

Tháng 9/1928, nhận thấy cần phải đẩy mạnh tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và nhu cầu đi “vô sản hóa” trở nên cấp bách, từ ngày 28 đến ngày 29/9/1928, Đại hội đại biểu toàn Bắc Kỳ lần thứ nhất đã tiến hành họp tại số nhà 72 - phố Huế - Hà Nội. Đại hội vừa họp được một tối thì bị lộ nên các đại biểu chuyển về họp tại nhà đồng chí Ngô Gia Tự ở làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Tam Sơn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Đại hội kiểm điểm công tác những năm qua, đề ra nhiệm vụ cho năm tới và bầu Ban Chấp hành Kỳ bộ chính thức. Hội ấy, anh em gọi Đại hội này là Hội nghị cải tổ [205, tr. 10]. Đại hội thảo luận và đối chiếu với đường lối tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã chỉ dẫn trong lớp học chính trị (ở Trung Quốc): “Người cách mạng phải hoà mình với quần chúng công nông, để tự cải tạo mình thành người vô sản thì mới hiểu được chủ nghĩa cộng sản và mới có thể tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, giáo dục đấu tranh” [179, tr. 39]. Trên cơ sở đó, đại biểu của chi bộ Hải Phòng là Nguyễn Đức Cảnh đề xuất: “Chỉ có đi vào giai cấp công nhân, người cách mạng mới tìm ra được chủ trương và phương pháp đấu tranh đúng” [28, tr.180]. Đại hội quyết định: phải lấy “công nông làm gốc”; Cần phải chú trọng công tác vận động công nhân ở các vùng tập trung kỹ nghệ như vùng mỏ than, các thành phố công nghiệp.

Đồng thời, phải đưa cán bộ vào làm công nhân ở các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền, lợi dụng triệt để mọi hình thức hợp pháp để tập hợp quần chúng rộng rãi hơn nữa. Nội dung này được báo *Thanh niên* số ra ngày 29/1/1929 giải thích rất rõ ràng:

Để chấm dứt tình trạng thiếu kỷ luật của bọn thất bại và bọn giả danh... tất cả các đồng chí phải “tự” vô sản hóa, tự vô sản hóa để có cùng một ý nghĩa, một lối sống, một ngôn ngữ... Các đồng chí phải thâm nhập vào quần chúng, mang những điều đúng đắn tới các làng quê, xưởng máy, trường học và trại lính. Các đồng chí phải từ bỏ những bộ quần áo sang trọng và mặc những bộ quần áo rách rưới của người vô sản, trở thành công nhân, nông dân, những người dân thường... Chỉ có bằng cách như vậy thì các đồng chí của chúng ta mới có thể mang lại sức mạnh và lòng nhiệt thành, quả cảm cho các chi bộ chưa định hình và rụt rè ở đất nước chúng ta. Một khi các đồng chí và những người vô sản tạo thành một cơ thể và một tâm hồn thì không có một cái gì có thể sẽ phá vỡ nổi Đảng ta và thắng lợi của cách mạng đã gần kề đến nơi [152, tr. 322].

Bắc Kỳ là nơi đầu tiên thực hiện “vô sản hóa”. Ban Chấp hành Kỳ bộ đưa các hội viên thuộc thành phần tiểu tư sản trí thức hòa mình vào hầm mỏ, xí nghiệp để “ba cùng” với công nhân nhằm rèn luyện, cải tạo tư tưởng tiểu tư sản trí thức chuyển thành tư tưởng giai cấp vô sản. Thông qua lực lượng này đưa chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân, tuyên truyền vận động, tổ chức và lãnh đạo công nhân đấu tranh, làm cho anh em công nhân sớm giác ngộ sứ mệnh lịch sử của mình.

Tại Hà Nội, đồng chí Nguyễn Thị Nghĩa đi làm công nhân nhà máy gạch Năm Điện, Nguyễn Thị Lựu đi làm công nhân nhà máy Hommel. Lều Thọ Nam đi làm công nhân ở gara Trường Xuân, Trần Học Hải đi làm công nhân ở xưởng Aviat, “Nguyễn Phong Sắc và Nguyễn Văn Phúc đi kéo xe tay, Mai Lập Đôn, Mai Thị Vũ Trang và Khuất Duy Tiến đi về Nam Định làm công nhân trong các nhà máy, Ngô Gia Tự đi làm công nhân khâu vá ở Sài Gòn, Nguyễn Văn Cừ đến mỏ than Mạo Khê...” [152, tr. 286 – 287]. *Hải Phòng* là một trong những địa bàn chủ yếu để “vô sản hóa”. Các đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hạ Bá Cang vào xưởng cơ khí Carông; Lương Khánh Thiện vào Nhà máy Chai; Bùi Bá Đẳng vào Nhà máy Tơ; Hoàng Văn Đoài vào Nhà máy Điện Cửa Cấm; Nguyễn Như Đoan vào Sáu Kho (Cảng); Phạm Đường vào Nhà máy Đèn; Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Bá Biên (Tur Già) làm phụ kéo xe tay; Nguyễn Thị Mai ra vùng mỏ... [159, tr. 139]. *Địa bàn Mạo Khê – Quảng Ninh* cũng nhận được sự quan tâm đặc biệt của Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ. Những hội viên *Thanh niên* có từ trước ở mỏ và các hội viên mới đến cùng những công nhân

được giác ngộ ở đây tiến hành truyền bá Chủ nghĩa Mác – Lênin tới công nhân trong khu mỏ này.

Tại Nam Kỳ, được sự phân công của Kỳ bộ, Ngô Gia Tự, Lê Văn Lương, Lê Quang Sung... đi “vô sản hóa” ở hăng rượu Bình Tây, dầu Nhà Bè hoặc kéo xe tay. Cuối năm 1928, nhiều tỉnh bộ ở Nam Kỳ hưởng ứng thực hiện chủ trương vô sản hóa như: *Tỉnh bộ Cần Thơ* “cử các đồng chí thâm nhập vào xưởng sửa chữa, xí nghiệp, khu công nghiệp tại địa phương” [10, tr. 33]. Ở *Bến Tre*, dưới sự chỉ đạo thống nhất của Tỉnh bộ với các hoạt động chủ yếu là tuyên truyền, giác ngộ cách mạng. Đến năm 1929, ảnh hưởng của Hội VNCOMTN đã lan rộng trong quần chúng, nhất là trong giới công – nông [7, tr. 29]. Chi bộ Hội VNCOMTN đồn điền *Phú Riêng (Bình Phước)* bắt liên lạc với công nhân tại các đồn điền cao su ở *Biên Hoà* để kết hợp cùng đấu tranh. Tại *Đồng Tháp*, khoảng cuối tháng 02/1929, Tỉnh bộ lâm thời Sa Đéc thành lập, đồng chí Nguyễn Văn Phát được chỉ định làm Bí thư [12, tr. 90]. Từ đây, phong trào yêu nước của nhân dân các khu vực thuộc tỉnh Đồng Tháp đã có bước phát triển mới.

Tại Trung Kỳ, Hội VNCOMTN chủ trương: “Còn ai trung thành nên thoát ly đi “Vô sản hóa” và “Lao động hóa”, tức là từng đồng chí nên đến các nơi đông người như đồn điền, nhà máy, hầm mỏ cùng lao động và vận động quần chúng đấu tranh đòi quyền lợi” [205, tr. 7]. Theo đó, Tỉnh bộ *Thừa Thiên Huế* đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giác ngộ các tầng lớp nhân dân cũng như công nhân trong địa bàn tỉnh. Ở *Nghệ An*, tính đến cuối năm 1928, Hội *Thanh niên* đã có cơ sở đều khắp các nhà máy, xí nghiệp, trường học và một số công sở trên địa bàn Vinh - Bến Thủy, ở các thị trấn và nhiều thôn xã trong tỉnh. Vinh - Bến Thủy trở thành trung tâm chỉ đạo của Kỳ bộ Hội *Thanh niên* Trung Kỳ. Uy tín và ảnh hưởng của Hội *Thanh niên* ngày một cao, làm cho các đoàn thể yêu nước chuyển dần sang hàng ngũ cách mạng. Ở *Quảng Trị*, Tỉnh bộ triển khai phát triển việc học tập chính trị cho các hội viên, họ bí mật chuyền tay nhau đọc các loại sách, báo như Báo *Thân Ái* xuất bản ở Xiêm, *Điều lệ Hội VNCOMTN*, *Chủ nghĩa xã hội sơ giản*, *Đấu tranh giai cấp*, *Lịch sử tiến hoá nhân loại*... Từ đó, làm cho chủ nghĩa Mác – Lênin xác lập được vị trí vững chắc trong hệ tư tưởng, chính trị của các hội viên cũng như quần chúng có cảm tình với cách mạng. Tại *Quảng Nam*, Tỉnh Hội VNCOMTN Quảng Nam kết hợp chặt chẽ các hoạt động tuyên truyền, cổ động với tổ chức và đấu tranh. Nhờ đó, uy tín của Hội VNCOMTN ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân.

Có thể thấy, “Vô sản hóa” đã tạo cho mỗi người tham gia phong trào điều kiện tốt tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin một cách có cơ sở thực tế nhất. Tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá trực tiếp qua những chiến sĩ cách mạng bằng

xương, bằng thịt. Họ hòa nhập với quần chúng tuyên truyền, giác ngộ, khơi dậy lòng yêu nước, ý thức giai cấp trong người lao động, vạch rõ nguồn gốc của sự bất công, áp bức xã hội, trên cơ sở đó thấy rằng muốn giải phóng bản thân, giành độc lập dân tộc thì tất cả phải đứng lên làm cách mạng. Hơn nữa, muốn trở thành chiến sĩ vô sản tiên phong, họ phải tạo điều kiện để cho chủ nghĩa Mác – Lênin đi vào giai cấp công nhân một cách nhanh chóng nhất. Mặt khác, phong trào “Vô sản hóa” còn là biện pháp sàng lọc, thử thách có hiệu quả đối với các hội viên Hội VNCOMTN. Một số hội viên không chịu gian khổ, hiểm nguy đã bỏ hoạt động.

** Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đấu tranh chính trị - tư tưởng với Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam Quốc dân Đảng*

Đối với tổ chức yêu nước tiên tiến như TVCMĐ (tên khởi đầu là Hội Phục Việt), theo đánh giá của những người cùng thời thì đó là một nhóm chính trị tự do cấp tiến, họ nhận rằng chủ nghĩa cộng sản thì quá cao và chủ nghĩa Tam dân thì quá thấp; họ chỉ muốn đấu tranh giải phóng Việt Nam, theo chủ nghĩa gì thì sau sẽ hay. Họ chưa quán xuyến được tư tưởng cách mạng của thời đại - của giai cấp vô sản; thái độ ngập ngừng ấy cũng làm phân tán lực lượng cách mạng, quần chúng mong muốn được giải phóng cần có độc lập dân tộc, nhưng đời sống kinh tế - chính trị sẽ ra sao? Làm cách mạng dân tộc rồi lại bị bóc lột hay tiến lên một kiểu chiết trung trong tư tưởng thực tế cũng không phải tư tưởng triệt để cách mạng. Tuy nhiên, ưu điểm cơ bản của Đảng Tân Việt là có tinh thần dân tộc, là luôn vươn tới hội nhập với cái mới, tiên tiến và do nó “nửa vơi về mặt giai cấp”, Hội VNCOMTN cũng cần hết sức tranh thủ, giúp Đảng Tân Việt vượt qua thời kỳ non nớt về chính trị, rồi đưa nó vào quỹ đạo của cách mạng vô sản.

Đối với TVCMĐ, Hội VNCOMTN ghi nhận: “Đảng ấy là kết quả của sự giác ngộ của dân chúng An Nam khi còn non nớt, nên công nhận rằng Đảng ấy có thể đi lên đường cách mạng được” [49, tr. 131] và “trách nhiệm của bản Hội đối với Đảng ấy là phải hết sức dẫn đạo và giúp đỡ cho đi lên đường cách mạng chân chính” [49, tr. 132]. Trên thực tế, những người trong tổ chức Tân Việt, ngay lần gặp đầu tiên do Lê Duy Điểm làm đại biểu liên hệ, sau đó là Trần Phú, Hà Huy Tập... ngay từ đầu đã chấp nhận “sự chuyển hóa” về chính trị tinh thần của mình theo Hội VNCOMTN. Ngay tại nơi khai sinh của tổ chức Tân Việt là Quảng Bình, từ năm 1925, mặc dù Tân Việt cũng thành lập được một số cơ sở nhỏ trong địa bàn tỉnh, nhưng theo như nhận định của đồng chí Võ Mai (tức Quốc Hoa) là đặc phái viên Kỳ bộ *Thanh niên* đã nhiều lần đến Quảng Bình kiểm tra tình hình, bắt liên lạc, “thì với hoạt động tích cực, Hội VNCOMTN đã có nhiều hội viên hoạt động ở Quảng Bình” [18, tr. 38 – 39]. Mặc dầu

chưa hình thành được tổ chức nhưng hoạt động của hội viên Hội VNCOMTN thông qua các nhóm đọc sách báo tiến bộ đã góp phần tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo đó, thu hút được đông thanh niên, học sinh ở một số nơi trong tỉnh có cảm tình cách mạng với Hội VNCOMTN. Trong quá trình trao đổi, bàn thảo về việc chọn người và tạo nguồn cho Hội VNCOMTN, Tân Việt đã làm “hết sức mình” vì mục tiêu chung GPDT. Trong sáu tháng cuối năm 1929, đảng viên Tân Việt đã “sang” Đông Dương Cộng sản Đảng và số còn lại đã hóa thân thành ĐDCSLĐ.

Giữa Hội VNCOMTN và VNQDD, cũng đã có nhiều lần gặp nhau từ cấp trung ương đến cấp cơ sở để làm rõ “mục đích và phương pháp cách mạng”, làm rõ khuynh hướng tư tưởng vô sản và khuynh hướng tư sản, giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa Tam dân. Ở Nam Định cũng xảy ra một số cuộc đấu tranh tương tự. Từ năm 1928, ở các trường học có đông hội viên Hội VNCOMTN như Trường Thành Chung, Cửa Bắc đã nổ ra các cuộc tranh luận gay gắt giữa hội viên *Thanh niên* với đảng viên VNQDD về quan điểm, chủ trương và phương pháp cách mạng. Trong quá trình đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của tổ chức mình, các hội viên Hội *Thanh niên* với lý lẽ sắc bén đầy sức thuyết phục đã tranh luận sôi nổi khẳng định “chủ thuyết” của mình. Nhiều đảng viên VNQDD và một số học sinh yêu nước đang hăm hở định đi theo VNQDD đã nhận ra con đường cách mạng đúng đắn và đứng sang hàng ngũ của Hội VNCOMTN như Nghiêm Tử Trình, Phạm Tuân... Tại Hải Phòng, Nguyễn Đức Cảnh và các đồng chí khác đấu tranh trực tiếp với khuynh hướng tư sản của VNQDD. Tiêu biểu là cuộc tranh đấu giữa tổ *Thanh niên* với chi bộ VNQDD ở Nhà máy Carông.

Với cách thức khơi dậy lòng yêu nước, vạch rõ nguồn gốc của sự bất công, giác ngộ ý thức giai cấp, kêu gọi đoàn kết mọi người cùng đấu tranh để xoá bỏ chế độ người bóc lột người, từ đó, chủ nghĩa Mác – Lênin đã được phổ biến rộng rãi trong quần chúng lao động một cách sinh động, cụ thể, trực tiếp và số lượng công nhân lao động tự nguyện tham gia vào tổ chức cách mạng ngày càng đông [152, tr. 33]

Năm 1929, Hội VNCOMTN tiếp tục phân tích sai lầm của VNQDD và khuyến cáo: “Với lý thuyết mờ hồ, tổ chức lỏng lẻo, đảng viên pha tạp thì chỉ có thất bại” [40, tr. 244]. Muốn để cho cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi thì những người cách mạng Việt Nam phải luôn luôn nhắc nhở lý thuyết cách mạng duy nhất mang lại hạnh phúc cho nhân loại là chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, những người vô sản cần tạo thành lực lượng chính của đạo quân cách mạng và những người nông dân phải là những người bạn đồng minh chân thành của vô sản mà không phải chỉ là binh lính. Chính sự thất bại của VNQDD đã là cái mốc chấm hết cho khuynh hướng đấu tranh

theo khuynh hướng tư sản ở Việt Nam. Chỉ trong khoảng thời gian từ năm 1924 đến năm 1930, tỷ lệ người dân có ý thức nhận thức về cách mạng dân tộc và quyền lợi giai cấp rõ ràng hơn ngày càng tăng, còn tỷ lệ người dân hưởng ứng khẩu hiệu đoàn kết chung chung của VNQDD ngày càng giảm. Bên cạnh đó, các tầng lớp học sinh trí thức, tiểu tư sản trên con đường cứu nước cũng có những băn khoăn trăn trở, nhưng do có tri thức văn hóa, lại tiếp xúc nhiều với sách báo tiến bộ của thế giới và đã tiếp nhận được sự vận động mang tính thời đại, họ hướng về nước Nga - nơi đã bùng nổ cuộc Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, nơi áp bức con người, áp bức dân tộc đã bị xóa bỏ. Họ nhận thấy ở Việt Nam, Hội VNCOMTAN là tổ chức duy nhất lúc đó tin vào Lênin và đi theo đường lối của Cách mạng Tháng Mười, nên đại bộ phận dân cư đã hướng theo và đoàn kết với giai cấp công nhân cũng như Hội Thanh niên. Trên nền tảng truyền thống yêu nước vĩ đại làm cho sức mạnh dân tộc có tính chất mới (chất vô sản), qua đó tạo nên động lực to lớn giúp cho giai cấp vô sản và dân tộc Việt Nam vững bước vào thời kỳ lịch sử mới.

3.2.1.2. Về tổ chức – cán bộ

Song song với công tác giác ngộ tư tưởng- chính trị cách mạng, *tổ chức cơ sở của Hội* được hình thành ở đâu thì những người cán bộ tiểu tư sản cũng bí mật xây dựng nhiều *tổ chức đoàn thể quần chúng* tới đây. Theo đó, số lượng hội viên chính thức và người cảm tình đã lên con số hàng nghìn. Trong thư của Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Trung Quốc - mà thành viên chủ chốt là các đồng chí trong Tổng bộ *Thanh niên* - gửi cho QTCS, tính đến Đại hội lần thứ nhất của *Thanh niên* (5/1929), “ở Bắc kỳ có 700 hội viên chính thức, 1000 người cảm tình; ở Trung kỳ có 1000 hội viên trong đó có 500 hội viên chính thức, ở Nam kỳ có 100 hội viên, trong đó có 40 hội viên chính thức” [49, tr. 375]. Ở bất kỳ nơi nào có đồng chí đi “vô sản hóa” thì ở đó có tổ chức *Thanh niên*, công hội đỏ, hội tương tế, hội cứu tế, hội đọc sách báo... Theo đó, tư tưởng Mác - Lênin tiếp tục được tuyên truyền, nâng cao ý thức chính trị cho công nhân và quần chúng. Ở Trung Kỳ, có một số chi bộ xí nghiệp ở công và tư sở ở Vinh, có trại cày ở Anh Sơn, có một số trường truyền bá quốc ngữ. Đáng chú ý, ở Quảng Nam, ngoài hoạt động xây dựng và phát triển các tổ chức hội quần chúng hỗ trợ thì công tác vận động phụ nữ cũng phát triển mạnh với sự ra đời của Đà Thành Nữ công học Hội gồm 40 hội viên do Thái Thị Bôi phụ trách. Ở đồn điền Phú Riềng, ngoài chi bộ *Thanh niên*, còn tổ chức các hội thể thao, tương tế, cứu tế, nghiệp đoàn và đội xích vệ... Tháng 11/1929, đồng chí Hồng – phụ trách nghiệp đoàn đã tổ chức thành công cuộc đấu tranh đưa yêu sách cho bọn cai quản xưởng cơ khí đòi tăng lương, chống đánh đập, trợ cấp cho phụ nữ hậu sản... Chính nhờ tổ chức này mà Chi bộ Phú Riềng dù chưa đến 10 đảng viên nhưng vẫn đủ sức lãnh đạo các cuộc đấu

tranh từ nhỏ đến lớn. Nghiệp đoàn còn phát hành tờ báo “*Giải thoát*” để bí mật tuyên truyền giác ngộ công nhân và quần chúng, qua đó chỉ cho họ biết con đường để đấu tranh giành thắng lợi. Tại Bình Định, trong năm 1929, huyện bộ *Thanh niên* Hoài Nhơn cho phát hành bí mật 2 tờ tin: *Lao động* và *Lời bày vẽ*. Ở Sài Gòn – Chợ Lớn và một số tỉnh ở Nam Kỳ, tổ chức *Thanh niên* và công hội phát triển mạnh mẽ. Thậm chí, các hội viên ở Tiểu tổ Sa Đéc còn thành lập trường tư thục “Sa Đéc học đường” với sự tham gia giảng dạy của Châu Văn Liêm và những người bạn... Hội VNCOMTN ở Mỹ Tho ra tờ báo đầu tiên lấy tên *Lao Nông*, in và phát hành bí mật ở Mỹ Tho, kích thước nhỏ (loại bỏ túi), nội dung ngắn gọn, chủ yếu tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ lý tưởng cộng sản cho các tầng lớp nhân dân yêu nước, tiên bộ ở địa phương.

Trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, lẫn lộn với cuộc sống lao động, hội viên Hội VNCOMTN thấu hiểu “vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết” [121, tr. 288] nên công nhân là lực lượng có khả năng xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng xã hội tương lai tốt đẹp hơn xã hội cũ. Từ đó, các hội viên chuyển hẳn sang lập trường giai cấp vô sản.

Mặc dù chỉ diễn ra trong khoảng thời gian không quá dài nhưng phong trào “vô sản hóa” của Hội VNCOMTN rất phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đến giữa năm 1929, trong tư tưởng của hội viên Hội VNCOMTN cùng các bộ phận của giai tầng công nông có sự chuyển biến về chất, cụ thể là *giúp họ nâng cao lập trường tư tưởng, từ chủ nghĩa dân tộc chân chính tiến lên chủ nghĩa dân tộc vô sản*. Chính bước chuyển biến về chất trong nhận thức chính trị - tư tưởng này đã đẩy tới sự chín muồi nhu cầu về sự cần thiết phải thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Toàn bộ hoạt động tiếp theo của tổ chức này đã chứng minh điều đó.

3.2.1.3. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tổ chức phát triển phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân yêu nước.

Do thực hiện nghiêm túc chủ trương “vô sản hóa” của Kỳ bộ, nên chỉ trong một thời gian ngắn đã “đem lại tính chất giai cấp ngày càng rõ cho Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội” [60, tr. 411]. Các anh em công nhân có sự chuyển biến tích cực: “Chúng ta là vô sản giai cấp! Vô sản giai cấp là người đào mồ chôn bọn tư bản đế quốc” [72, tr. 334]. Bộ phận tiểu tư sản trí thức đã thực sự thấm nhuần tư tưởng “công nông là gốc cách mạng”. Tổ chức của Hội phát triển đến đâu, công tác huấn luyện tiến hành ngay tới đó, đúng như con đường cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc vạch ra trước đó. Nhờ đó mà bước đi của phong trào công nhân trong hai năm 1928-

1929 càng vững vàng hơn và phong trào công nhân cũng càng lên cao hơn. Năm 1928, bãi công lớn nổ ở Sài Gòn - Chợ Lớn – Nhà Bè, Hải Phòng, Vinh - Bến Thủy, Nam Định... Qua năm sau, 1929, bãi công liên tiếp nổ ra ở Hải Phòng, xe lửa Trường Thi - Vinh, Hà Nội, Phú Mỹ - Bà Rịa, Sài Gòn, Nam Định, Đà Nẵng, Hòn Gai – Quảng Ninh, Phú Riềng – Bình Phước, Bắc Ninh, Kiến An – Hải Phòng... Trong hai năm, đã xảy ra trên 40 cuộc đấu tranh của công nhân, so với hai năm trước 1926-1927 là 17 cuộc. Như vậy, cùng trong thời gian, số lượng những cuộc đấu tranh của hai năm sau đã nhiều hơn hai năm trước gần 2,5 lần và số người tham gia cũng đã tăng lên hơn trước nhiều. Trong cuộc đấu tranh trực diện và gay gắt với kẻ thù tư bản, tình thương yêu giai cấp càng trở nên nồng thắm, sâu sắc hơn, tình đoàn kết giai cấp được củng cố thêm nữa. Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của thời kỳ này đã khẳng định điều đó.

Ngoài ra, trong các hội viên Hội *Thanh niên*, tinh thần quốc tế vô sản được biểu lộ một cách trong sáng và đẹp đẽ. Nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động và Cách mạng Tháng Mười Nga - 1917, nhiều nơi được rải truyền đơn, treo cờ đỏ. Ngày 12/12/1929, lần đầu tiên những người cộng sản Việt Nam đã tổ chức cuộc mít – tinh quần chúng ở Bắc Kỳ và phát truyền đơn ở Nam Kỳ để kỷ niệm Công xã Quảng Châu (Trung Quốc). Điều đó cho thấy đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng cũng như lập trường của các hội viên Hội *Thanh niên* thực sự đã vươn lên tầm một cán bộ cách mạng chuyên nghiệp để cùng với giai cấp công nhân chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam. Các hoạt động trên đã tạo tiền đề tốt đẹp cho công cuộc đoàn kết quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. *Đây cũng chính là những biểu hiện đầu tiên của ý thức vươn lên hệ tư tưởng chủ nghĩa quốc tế vô sản.* Điều đó nói lên quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và sự thành lập các chi bộ *Thanh niên* đã đáp ứng yêu cầu bức thiết của phong trào công nhân, phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử. Mặt khác, các hầm mỏ, đồn điền, xí nghiệp - nơi tập trung công nhân bị áp bức bóc lột nhất và có truyền thống đấu tranh vẻ vang, là “mảnh đất” tốt cho hạt giống tư tưởng Mác - Lênin đâm chồi, nảy lộc.

Song song với hoạt động tiến hành phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản, Hội VNCMTN thông qua giai cấp công nhân lãnh đạo phong trào yêu nước ở trong nước.

Tuyên truyền giác ngộ và tổ chức quần chúng nhằm đưa quần chúng vào cuộc đấu tranh để “đập vỡ cái lồng Tây nó nhốt người mình” giành tự do, giành quyền sống. Đó là mục đích cuối cùng của công cuộc giải phóng. Nhưng việc thực hiện mục tiêu đó là một quá trình, trong đó phải tập hợp, diu dắt người nông dân vào con đường

cách mạng. Hội VNCOMTN đã tích cực đưa quần chúng nhân dân vào phong trào đấu tranh dân tộc và dân chủ.

Tại Bắc Kỳ: các phong trào diễn ra sôi nổi. Có thể kể tới ở *Hải Dương*, phong trào đấu tranh của nhân dân diễn ra mạnh mẽ, nổi bật là trong năm 1927, nông dân Bình Giang giết tên địa chủ Nguyễn Hữu Tước vì tội ác mà tên địa chủ này gây ra. Đến năm 1928 - 1929, chi bộ Hội VNCOMTN lãnh đạo nông dân các vùng Thanh Hà, Vĩnh Bảo, Tứ Kỳ (*Hải Dương*) chống địa chủ cướp ruộng đất và bãi sa bồi đã thu được kết quả tốt. Ở *Hải Phòng*, năm 1926, nông dân vùng Tú Đồi, Kiến Thụy đấu tranh chống địa chủ cướp ruộng; vùng Kiến An nổ ra cuộc đấu tranh quyết liệt của nông dân chống sưu cao thuế nặng, chống cường hào áp bức. Tại *Thái Bình*, trong năm 1926, 1927, nông dân xã Vũ Thuận (Vũ Tiên, Thái Bình) đấu tranh đòi tên chủ thầu không được lấy gạch cũ của dân; Cuộc đấu tranh “giăng co” diễn ra suốt buổi chiều, cuối cùng nông dân đã giành thắng lợi. Cũng tại đây, mấy chục gia đình mang gậy gộc, thúng mủng lên tìm chủ thầu đấu tranh đòi bồi thường tiền “phát hoàn” (tiền hoa màu trên đất bị trưng dụng đắp đê) chủ thầu sợ hãi xin khất và gửi tiền hoàn bồi cho nông dân. Năm 1928, nông dân các xã cỗi Khê, Cổ Việt, Liên Môn (Vũ Tiên) đấu tranh đòi chia công điền công thổ, đòi tăng công gặt và chống tô thuế... Ở *Nam Định*, ngày 28/11/1928, Tỉnh bộ Nam Định đã cho rải truyền đơn vạch rõ tội ác của chính quyền thực dân đối xử tàn nhẫn đối với những người bị chúng bắt đi phục dịch và vận động nhân dân đấu tranh. Phong trào nông dân Nam Định có tác dụng thúc đẩy nhân dân các huyện Nho Quan, Yên Mô (Ninh Bình) đấu tranh.

Tại các tỉnh Trung Kỳ, Hội VNCOMTN đã tổ chức đấu tranh cho nông dân các tỉnh Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Bình Định. Ở Đà Nẵng, các chi bộ *Thanh niên* rải truyền đơn nhân kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động (1/5), từ Trường nữ qua trại lính khổ xanh đến bắt tù; từ chợ Hàn xuống Sở Bưu điện đến gần đồn lính khổ đỏ Đà Nẵng. Đến ngày 28/6/1928, phát truyền đơn kêu gọi Hoa kiều đánh điện về nước đòi Lý Tế Thâm phải trả số cán bộ lãnh đạo của Hội VNCOMTN ở Quảng Châu. Đầu năm 1929, vận động giúp đỡ công nhân Hãng Staca đấu tranh chống chủ cúp phạt thắng lợi...

Tại các tỉnh Nam Kỳ, Hội VNCOMTN tỏa về nông thôn để tập hợp nông dân, hướng nông dân vào cuộc đấu tranh GPDT và giải phóng cho bản thân họ. Ở tỉnh bộ Thanh niên Tiền Giang chủ trương vận động nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ với các khẩu hiệu: Chống bắt canh tuần ban đêm; Chống bắt đi xâu, bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác. Ở Nam Bộ, những tỉnh có cơ sở của Hội VNCOMTN đều tổ chức rải truyền đơn vận động Hoa kiều gửi thư đòi Chính phủ Tưởng Giới Thạch trả tự do cho các hội viên Hội VNCOMTN bị chính quyền địa phương giam giữ. Bên

cạnh đó, Hội VNCOMTN cũng chú ý hướng quần chúng, nông dân đấu tranh đòi những quyền lợi cơ bản của con người hay đấu tranh chống các hủ tục ma chay, cưới xin ở làng xã và chống chính sách ngu dân của thực dân Pháp.

Từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã tiên đoán người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm khi thời cơ đến. Chính Người đã góp phần to lớn để tạo ra “bộ phận ưu tú” (Hội VNCOMTN) và khẳng định “bộ phận ưu tú phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến”. Hội VNCOMTN ra đời trở thành đạo quân chủ lực làm chuyên hóa nội dung và sắc thái tư tưởng cứu nước GPDT của nhân dân Việt Nam; kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước truyền thống với chủ nghĩa xã hội khoa học. Hội đã thu hút được các tầng lớp nhân dân làm lung lay bộ máy cai trị của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương. Năm 1929, Đông Dương đã bùng nổ những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các trung tâm kinh tế - chính trị; những cuộc khởi kiện, biểu tình chống sưu cao thuế nặng ở các vùng nông thôn. Ảnh hưởng của Hội VNCOMTN trong giới thanh niên và học sinh ở các thành phố, thị xã ngày càng được mở rộng. Tất cả phong trào đó đang tạo ra chất liệu mới cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chuyển từ “tự giác” lên “tự giác”, đồng thời tạo nên những điều kiện khách quan và chủ quan cho việc thống nhất phong trào cộng sản cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỉ XX ở Việt Nam

3.2.2. Sự phân hoá trong nội bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên dẫn đến Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (6/1929 – 2/1930)

3.2.2.1. Những tiền đề cơ bản có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

* Tình hình thế giới cuối những năm 20 của thế kỉ XX:

Ngày 12/4/1927, Tưởng Giới Thạch làm đảo chính ở Thượng Hải, tàn sát hàng loạt đảng viên cộng sản, giải tán các tổ chức cách mạng của quần chúng. Đối với cách mạng ở Việt Nam, hệ quả của việc di dời trụ sở Hội VNCOMTN đã làm cho mối liên hệ giữa Tổng bộ (Trung ương) với hệ thống tổ chức trong nước lỏng lẻo hơn, làm cho công tác chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước bị gián đoạn và gặp nhiều khó khăn. Nhưng, chính hành động phản bội của Quốc dân Đảng đã giúp những hội viên Hội VNCOMTN cùng người dân yêu nước Việt Nam nhận ra được bản chất của giai cấp tư sản bản xứ và nếu muốn cứu nước, GPDT thì không thể trao sự nghiệp cách mạng vào tay của lực lượng này.

Cũng thời gian này, ở Liên Xô: trong khi các nước tư bản lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng thì nhân dân Liên Xô vẫn tiếp tục phát triển nền kinh tế một

cách vững chắc. Bức tranh so sánh đó giữa hai hệ thống xã hội càng khẳng định sự ưu việt của chế độ Xã hội Chủ nghĩa, uy tín và địa vị quốc tế của Liên Xô ngày càng được tăng cường. Kết quả đó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Đại hội lần thứ VI của QTCS họp ở Mátxcova từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 11 tháng 9 năm 1928, đã bổ sung và phát triển những quan điểm lý luận về đường lối cách mạng ở các nước thuộc địa được trình bày ở các Đại hội của QTCS trước đó, nhất là ở Đại hội lần thứ II và thông qua “Đề cương về phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa”. Bên cạnh đó, tham luận của Nguyễn Văn Tạo - đại biểu Đông Dương trong Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp đọc tại Đại hội, càng làm cho các tổ chức cách mạng ở Việt Nam lúc đó có nhận thức đúng đắn hơn về vai trò giai cấp vô sản và sự thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương.

** Ở trong nước:*

Hệ thống tổ chức của cách mạng Việt Nam có những bước phát triển mới. Các chi bộ cơ sở của Hội VNCOMTN tiếp tục được thành lập tại các địa phương. Từ đó khẳng định vị trí quan trọng cũng như mở rộng tầm ảnh hưởng của Hội VNCOMTN trên khắp cả nước.

Tại số nhà 15, phố Hàng Nón, Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 1929, hội nghị đại biểu Công hội Đỏ Bắc Kỳ được tổ chức và quyết định thành lập Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ. Tiếp theo đó, các tổ chức đấu tranh của giai cấp công nhân được hình thành trên cả nước như: Tháng 7/1929, Tổng Công hội đỏ Nam Định thành lập, Công hội Vinh - Bến Thủy (11/1929), Tổng Công hội Đỏ Đà Nẵng (12/1929), Tổng Công hội Đỏ Sài Gòn, Chợ Lớn và Phú Riềng...

Dưới sự lãnh đạo của Hội VNCOMTN và Tổng Công hội Đỏ Bắc Kỳ, các cuộc đấu tranh của công nhân nổ ra liên tục ở nhiều xí nghiệp, có sự liên kết chặt chẽ giữa các cuộc đấu tranh của công nhân của xí nghiệp này với xí nghiệp khác trong cùng một địa phương, giữa các địa phương này với địa phương khác trong toàn xứ, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế của nông dân, bãi thị của tiểu thương, bãi khóa của học sinh...

** Về phía thực dân Pháp:* Nhân cơ hội có cuộc phản biến của Quốc dân Đảng (4/1927), đặc biệt là khi Nguyễn Ái Quốc chuyển vào hoạt động bí mật và đi Liên Xô, thực dân Pháp đã thắt chặt liên minh với Quốc dân Đảng để đàn áp những người cách mạng Việt Nam ở Hoa Nam. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Tổng bộ cùng một số đồng chí cốt cán của Hội VNCOMTN như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Duy Diêm, Trương Văn Lĩnh... bị lực lượng của Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam.

3.2.2.2. *Quá trình phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên*

* *Khởi nguồn sự phân liệt của Hội VNCMTN* là sự phát triển vượt trội của phong trào cách mạng ở Kỳ bộ Bắc Kỳ so với Kỳ bộ Trung Kỳ và Kỳ bộ Nam Kỳ, cụ thể:

Về chính trị - tư tưởng: chủ nghĩa Mác – Lênin đã xác lập vị trí là hệ tư tưởng chính thống với vai trò chủ đạo hình thành lập trường vô sản giai cấp trong xã hội; Giai cấp công nhân đã nhận thức được sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình đối với sự phát triển lịch sử dân tộc. Trên thực tế, chủ nghĩa Mác – Lênin đã kết hợp được với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Đó chính là một bước đi cần thiết đầu tiên cho sự ra đời của Đảng. Nhưng cũng vì thế, từ cuối năm 1928 đầu năm 1929, Hội VNCMTN ngày càng phân hóa.

Về tổ chức – cán bộ:

Kỳ bộ Nam Kỳ đã có 3 Thành bộ ở Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ và các Tỉnh bộ Long Xuyên, Sa Đéc, Gò Công, Vinh Long, Trà Vinh, Bến Tre và ở một số địa phương khác thuộc các tỉnh phía nam, tất cả có 19 chi bộ và 12 hội quần ở các tỉnh.

Đến đầu năm 1929, *Kỳ bộ Trung Kỳ* gặp khó khăn trước sự công kích, biệt lập của một bộ phận TVCMĐ, mặc dù hai bên đã có gặp gỡ trao đổi về hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động của Kỳ bộ Trung Kỳ vẫn phát triển xuống tận cơ sở ở các xí nghiệp, nhà máy.. cho đến có hệ thống tổ chức ở tỉnh bộ và toàn xứ.

Kỳ bộ Bắc Kỳ: là một kỳ bộ đông về số lượng, mạnh về chất lượng hội viên và hiệu quả về hoạt động thực tiễn. Đến năm 1929, Kỳ bộ có hơn 700 hội viên chính thức và 1.000 người cảm tình. Kỳ bộ Bắc Kỳ phát triển tổ chức ở khắp 17 tỉnh, thành phố; trong đó có 2 thành phố (Hà Nội, Hải Phòng), ba Tỉnh bộ (Thái Bình, Nam Định, Bắc Ninh). Đặc biệt, tháng 3/1929, những người tích cực trong Kỳ bộ Bắc Kỳ họp ở số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. “Chi bộ này gồm 8 người: Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trần Văn Cung, Trịnh Đình Cửu, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Phong Sắc, Dương Hạc Đỉnh và Nguyễn Tuân, do Trần Văn Cung làm Bí thư” [200, tr. 22].

Chi bộ thảo luận và thống nhất nhận định về phong trào của giai cấp công nhân và tổ chức đảng nhằm xác lập dần dần quyền lãnh đạo thật sự của giai cấp vô sản Việt Nam, một nhân tố quyết định thành công triệt để của cách mạng. Chi bộ khẳng định việc lập tổ chức cộng sản này chỉ là hạt nhân để xây dựng Đảng Cộng sản sau này, xác nhận rằng vai trò của tổ chức Việt Nam cách mạng thanh niên trước đây là cần thiết, nhưng đến giờ không còn đủ sức lãnh đạo phong trào nữa, do đó cần giải thể và thành lập một chính đảng duy nhất của giai cấp vô sản, đó là Đảng Cộng sản. Có thể nói, sự kiện chi bộ cộng sản thành lập ở Bắc Kỳ tháng 3/1929 là một thắng lợi đầu tiên về mặt tổ chức của xu

hướng cách mạng vô sản ở Việt Nam. Nó chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đang mạnh mẽ vươn lên giành quyền lãnh đạo cách mạng. Nó là cơ sở cho sự ra đời của ĐDCSĐ sau này.

Bên cạnh đó, thời điểm năm 1929, hầu hết các hầm mỏ, nhà máy, xí nghiệp, đồn điền... những nơi yếm hầu kinh tế của thực dân Pháp đều đã có hội viên của Kỳ bộ Bắc Kỳ sống, hoạt động và đấu tranh. Trong phong trào đấu tranh, có sự kết hợp chặt chẽ giữa hệ thống tổ chức cơ sở Hội và hệ thống tổ chức quần phong phú, rộng rãi với sự tham gia của tất cả các giai, tầng trong xã hội Việt Nam.

** Sự phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên diễn ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (5/1929)*

Sự mâu thuẫn và phân hóa trong Hội VNCMTN thể hiện rất rõ trong đại hội đại biểu đầu tiên (và cũng là cuối cùng) của Hội VNCMTN được tiến hành từ ngày 1 đến ngày 9 tháng 5 năm 1929 tại Hương Cảng với sự tham gia của 15 đại biểu (thuộc cả ba kỳ) và 3 đại biểu của cơ quan Tổng bộ là Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm và Lâm Đức Thụ.

Tại Đại hội, Đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ đã đưa ra đề nghị giải tán tổ chức *Thanh Niên* và thành lập ĐCSVN. Tuy nhiên, Lâm Đức Thụ phản đối chủ trương này. Đa số đại biểu không phản đối và còn tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản, nhưng cho rằng Hội VNCMTN không thể chuyển thẳng thành Đảng Cộng sản, vấn đề thành lập Đảng Cộng sản không thể đem bàn ở Đại hội. Do đề nghị thành lập Đảng Cộng sản không được chấp nhận, các đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ (trừ Dương Hạc Đỉnh) đã bỏ Đại hội ra về. Trước tình huống này, chủ trương của Hội VNCMTN vẫn là tiếp tục duy trì và kiện toàn tổ chức *Thanh niên*.

Sau này, ngày 4/10/1929, trong thư của *Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương gửi cho những người cộng sản An Nam ở Tàu*, (Đông Dương Cộng sản Đảng thành lập ngày 17/6/1929) phê phán *Thanh niên* là “ôm khur khur lấy cái chủ nghĩa cải lương của họ” khi cả Đại hội không ai dám phá bỏ *Thanh niên*, nhóm thì chủ trương cứ giữ *Thanh niên* như cũ, nhóm thì chủ trương cải tổ *Thanh niên*” [50, tr. 229]. *Quyết nghị của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Hội VNCMTN (9/5/1929)* mặc dù khẳng định: “Sự tổ chức một Đảng Cộng sản để lãnh đạo toàn cuộc c m ở An Nam là một sự nhu yếu đặc biệt” [50, tr. 126], nhưng đã phân tích rất rõ lý do không thể thành lập một Đảng Cộng sản tại thời điểm tháng 5/1929:

“a) Trình độ giác ngộ và sức đấu tranh của quần chúng còn non quá.

b) Trình độ lý luận và kinh nghiệm về chủ nghĩa, về chánh sách cộng sản của người c m còn non kém quá” [50, tr.126]

Đối với đoàn đại biểu Bắc Kỳ bỏ Đại hội ra về, Quyết nghị của Đại hội như sau:

1. Quốc Anh, Quyết, Kim Tôn (đại biểu Bắc Kỳ), trong khi khai hội, vì đề nghị đề án không đủ lý do để Đại hội thảo luận, khi chưa biểu quyết, đã vì tư ý tiêu khí vô cơ bỏ Đại hội mà ra, ấy là một cách cử động rất trẻ con, rất không hợp với tư cách người đại biểu và không đủ tư cách làm người Hội VNCOMTN [50, tr. 132].

2. Đại hội nhận định rằng trong một đoàn thể c m không thể dung thứ được những phần tử như thế, nên quyết nghị vĩnh viễn khai trừ [50, tr. 132].

Còn Tổng bộ và những đại biểu của Kỳ bộ Trung Kỳ, Nam Kỳ: Một điều cần được khẳng định là hầu hết Ban Chấp hành Tổng bộ Thanh niên (trừ Lâm Đức Thu) và các đại biểu của các Kỳ bộ Trung Kỳ, Nam Kỳ đều tán thành chủ nghĩa cộng sản và thấy cần thiết phải thành lập Đảng Cộng sản. Ý kiến bất đồng chủ yếu là từ phương pháp tiến hành, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

3.2.2.3. *Kết quả của quá trình phân hoá Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

* Kết quả của quá trình phân hoá Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên chính là sự ra đời các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam

- *Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời (6/1929)*

Ngày 17/6/1929, *Đông Dương Cộng sản Đảng* được thành lập tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), với sự tham dự của 20 đại biểu ưu tú của Kỳ bộ Thanh Niên Bắc Kỳ. Sau khi ra đời, *Đông Dương Cộng sản Đảng* cho công bố *Tuyên ngôn, Điều lệ*, và phát hành báo *Búa Liềm* làm cơ quan tuyên truyền của Đảng.

Bên cạnh đó, Đảng còn tích cực xây dựng và phát triển cơ sở ở các địa phương trong cả nước. Nhờ vậy, sau một thời gian ngắn, đến tháng 8 năm 1929, nhiều thành, tỉnh bộ *Đông Dương Cộng sản Đảng* đã lần lượt ra đời ở Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh. Tại Nam Kỳ, *Đông Dương Cộng sản Đảng* đã cử người đến các tỉnh để xây dựng và phát triển cơ sở đảng. Bởi vậy, khi đoàn đại biểu Kỳ bộ Nam Kỳ về tới Sài Gòn thì đã xuất hiện nhiều cơ sở của *Đông Dương Cộng sản Đảng*.

- *An Nam Cộng sản Đảng ra đời (8/1929)*

Trước ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của *Đông Dương Cộng sản Đảng*, Kỳ bộ Nam Kỳ do Châu Văn Liêm phụ trách đã quyết định giải tán Hội VNCOMTN và thành lập *An Nam Cộng sản Đảng* vào tháng 8 năm 1929 [50, tr. 360]. Có thể nói, việc thành lập *An Nam Cộng sản Đảng* là một phản ứng bị động của ban lãnh đạo Kỳ bộ Thanh Niên Nam Kỳ trước sự xuất hiện và hoạt động của *Đông Dương Cộng sản Đảng*. Nhưng đó là phản ứng tích cực, thể hiện bước tiến mới trong nhận thức tư tưởng của những người cách mạng Việt Nam.

- *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn thành lập*

Cùng với quá trình phân hoá trong Hội VNCOMTN dẫn tới sự ra đời của hai tổ chức cộng sản, các đại biểu tiên tiến của TVCMĐ đã nhóm họp vào tháng 9 năm 1929 tại Sài Gòn và đã ra *Tuyên đạt* chính thức tuyên bố thành lập ĐDCSLĐ [50, tr. 409 – 410]

Ngày 29 và 30 tháng 12 năm 1929, Đại hội thành lập ĐDCSLĐ đã được tiến hành. Đại hội đã quyết định: Không tán thành gia nhập Đông Dương Cộng sản Đảng theo các điều kiện do Đông Dương Cộng sản Đảng nêu ra. Bỏ tên gọi Tân Việt, đặt tên mới là ĐDCSLĐ. Cử cố Đảng, đưa ra Đảng những đảng viên yếu kém, bầu Ban lãnh đạo chung. Thường xuyên quan tâm đến cuộc vận động thống nhất các tổ chức cộng sản.

Sáng ngày 1 tháng 1 năm 1930, Đại hội chưa kết thúc nhưng phải di chuyển đến địa điểm họp mới vì sợ bị bại lộ, trong khi di chuyển các đại biểu đã bị địch bắt tại bến đò Trai, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Sự việc này xảy ra nhưng cũng có thể coi là đã hoàn tất quá trình thành lập ĐDCSLĐ.

** Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*

Tình hình cách mạng Việt Nam cuối năm 1929 đầu năm 1930: Sự xuất hiện và tăng cường hoạt động của ba tổ chức cộng sản vào nửa sau năm 1929 đã khẳng định bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, chứng tỏ hệ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc.

Tuy nhiên, ba tổ chức cộng sản không hoàn toàn thống nhất về mặt tư tưởng. Cũng vì vậy, giữa ba tổ chức diễn ra tình trạng tranh giành quần chúng, phê phán lẫn nhau. Tình trạng tranh giành đó gây tổn hại cho sự phát triển của phong trào cách mạng, nhưng trên một bình diện khác, nó cho thấy việc thành lập một đảng cộng sản duy nhất ở Việt Nam đã trở nên chín muồi. Nếu như tháng 5/1929, khi Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Hội VNCOMTN được tổ chức, “thành lập hay không thành lập Đảng Cộng sản” còn là vấn đề trung tâm trong những đấu tranh chính trị giữa những người yêu nước có khuynh hướng Marxist, thì chỉ khoảng nửa năm sau, thành lập một chính đảng vô sản duy nhất đã là một xu thế tất yếu.

Ngày 27/10/1929, QTCS gửi cho những người cộng sản Đông Dương một bức thư, trong đó nhận định “quá trình thành lập một Đảng Cộng sản là rất chậm so với sự phát triển của phong trào cách mạng ở Đông Dương” [50, tr. 614], yêu cầu các tổ chức cộng sản phải chấm dứt sự chia rẽ, công kích lẫn nhau đồng thời chỉ thị: “Nhiệm vụ quan trọng nhất và tuyệt đối khẩn trương... là phải thành lập một đảng cách mạng của giai cấp vô sản, nghĩa là một đảng cộng sản có tính chất quần chúng. Đảng ấy phải là một đảng thống nhất, một tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương” [50, tr. 614]. Trong bản tài liệu đó, QTCS còn đưa ra những nguyên tắc cơ bản và biện pháp xây dựng đảng Mác

- Lênin cùng hướng dẫn cách tiến hành hợp nhất các phần tử cộng sản thành Đảng Cộng sản Đông Dương.

Có thể nói, tài liệu trên của QTCS là một văn kiện chính trị quan trọng đối với những người Việt Nam lúc bấy giờ, góp phần giải quyết những mâu thuẫn nội bộ và chấm dứt sự chia rẽ bấy lâu nay trong hàng ngũ các nhóm cộng sản và thúc đẩy việc thành lập một đảng cộng sản thống nhất trong cả nước. Tuy nhiên, do bí mật gửi qua đường liên lạc của Đảng Cộng sản Pháp nên mãi đến tháng 2/1930, bản tài liệu mới tới được Sài Gòn và chuyển cho các đồng chí ở Nam Kỳ.

Trong thời điểm khó khăn, phức tạp ấy, tháng 11/1929, mặc dù chưa nhận được bức thư của QTCS nhưng với bản lĩnh cùng sự nhạy bén chính trị, Hồ Tùng Mậu cử và gửi thư cho Trương Văn Lĩnh sang Thái Lan báo cho Nguyễn Ái Quốc biết là Hội VNCOMTN tan rã, những người cộng sản chia làm nhiều phái. “Nhận được tin, Nguyễn Ái Quốc lập tức bí mật đi Trung Quốc và tới đó vào ngày 23/12” [50, tr.19]. Với tư cách là đại diện của QTCS, Nguyễn Ái Quốc tự tay viết thư gửi về nước mời đại diện các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông (Hương Cảng) để bàn việc hợp nhất. Ngay từ khi thành lập, Đông Dương Cộng sản Đảng luôn luôn tìm cách liên lạc với QTCS để được gia nhập nên khi nhận được giấy mời ký tên Vương, Đông Dương Cộng sản Đảng đã cử Trịnh Đình Cửu – “cây lý luận xuất sắc” và Nguyễn Đức Cảnh – “người lặn lội trong phong trào công nhân” sang dự. Cũng như các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng nhận được giấy triệu tập có chữ ký của đại biểu QTCS là cử người đi ngay. Hai đồng chí cán bộ chủ chốt được cử đi là Châu Văn Liêm (Việt) và Nguyễn Thiệu (Nghĩa).

Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản được tiến hành từ ngày 6/1/1930 đến trước ngày 8/2/1930 - khi các đại biểu lên đường về nước, tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng). Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tiến hành tại ngôi nhà của một gia đình công nhân, trong xóm thợ nghèo thuộc ngoại vi bán đảo Cửu Long, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tham dự hội nghị có:

“Hai đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng là Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức cảnh, hai đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng là Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu. Do chưa nhận được tin Đông Dương Cộng sản Liên đoàn mới được thành lập, nên lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc không triệu tập tổ chức này dự Hội nghị” [200, tr. 137]

“Trước khi vào đến hội nghị, nhóm nào cũng chuẩn bị ý kiến đấu nhau kịch liệt. Song khi gặp Nguyễn Ái Quốc, các ý kiến đó tiêu tan hết” [20, tr. 235], nhất là khi nghe Người phân tích cái đúng và cái sai của cả hai bên. Sau đó, Người đề nghị

đều phải tập trung vào việc bàn định ra công việc mới, để nhanh chóng về lãnh đạo cách mạng trong nước đang mong đợi chúng ta. Hội nghị bắt đầu bằng việc thông qua năm nội dung lớn do Nguyễn Ái Quốc đề nghị:

1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;
2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;
3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;
4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;
5. Cử một Ban Trung ương lâm thời gồm chín người, trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương [50, tr. 1]

Tại Hội nghị, các đại biểu đã nhất trí hợp nhất Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng thành một chính đảng của giai cấp vô sản lấy tên là ĐCSVN theo như đề xuất của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, tiêu biểu nhất là *Chính cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng*. Những văn kiện này hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Khẳng định mục tiêu và con đường của cách mạng Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [50, tr.2], “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến” [50, tr. 2]. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng về sau này, Đảng diễn đạt lại: Làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa cộng sản, mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội.

- Lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là ĐCSVN, “đội tiên phong của đạo quân vô sản”, “đội tiên phong của vô sản giai cấp”. “ĐCSVN tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản” [50, tr. 7].

Về lý luận dẫn đường, Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin. Trong Điều lệ, khi đặt ra “lệ vào Đảng”, vấn đề này được diễn đạt là phải “tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình Đảng và QTCS” [50, tr. 7].

Lực lượng cách mạng gồm toàn bộ những người Việt Nam yêu nước. Cụ thể:

- Công nhân, Đảng “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”, “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng” [50, tr. 4]

- Nông dân, “Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo” [50, tr. 4]

- Trí thức, tiểu tư sản, “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp” [50, tr.4], “Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản” [50, tr.4]

- Trung, tiểu địa chủ; tư bản bản xứ, “Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư sản bậc trung” [50, tr.4], “Đối với...tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập” [50, tr.4]

Về phương pháp cách mạng, Cương lĩnh khẳng định Đảng dùng phương pháp cách mạng bạo lực để đánh đổ ách xâm lược cũng như chế độ phong kiến tay sai.

Về xây dựng xã hội mới, Đảng chủ trương:

A- Về phương diện xã hội thì:

- a) Dân chúng được tự do tổ chức.
- b) Nam nữ bình quyền, v.v...
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa.

B - Về phương diện chính trị.

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra Chính phủ công nông binh;
- d) Tổ chức ra quân đội công nông.

C - Về phương diện kinh tế:

- a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.
- b) Thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý.
- c) Thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo (Người cày có ruộng).
- d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.
- e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp.
- f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ [50, tr. 3].

Về quan hệ quốc tế, Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng nêu rõ:

- “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp” [50, tr. 4-5]

- “Đảng phổ biến khẩu hiệu “Việt Nam tự do” và đồng thời Đảng liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp” [50, tr. 6].

Hội nghị thành lập Đảng kết thúc, ngày 8/2/1930, các đại biểu lên đường về nước. Nguyễn Ái Quốc bộc lộ tinh thần phấn khởi: “Trở ngại to lớn nhất là sự phân tán tư tưởng và tổ chức. Vậy mà chúng ta đã vượt qua” [78, tr. 177]. Có thể nói rằng, bằng sự nỗ lực không ngừng của các hội viên Hội VNCMTN cũng như sự nhạy bén, chủ động của Nguyễn Ái Quốc, từ “quả trứng” là Hội VNCMTN năm nào, đã nở ra “con chim non” cộng sản.

Như vậy, đầu năm 1930, dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, các hội viên của Hội VNCMTN đã xây dựng và phát triển tổ chức mình toàn diện trên các phương diện chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin đóng vai trò chủ đạo trong hệ tư tưởng dân tộc Việt Nam, đồng thời giúp phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chuyển từ tự giác sang tự giác. Thông qua phong trào “Vô sản hoá” của Hội VNCMTN, chủ nghĩa Mác - Lênin đã kết hợp với phong trào công nhân và cả phong trào yêu nước trên thực tế ở một nước thuộc địa - phong kiến, nơi mà giai cấp công nhân chỉ chiếm vài phần trăm trong toàn dân, chưa có truyền thống đấu tranh dài. Tuy ĐCSVN ra đời mới chỉ khoảng hơn 300 đảng viên, 40 chi bộ. Số lượng còn ít nhưng ngay từ những ngày đầu ĐCSVN mang rõ tính chất tiên phong, tính chất quần chúng, tính chất giai cấp. Những tính chất này của ĐCSVN được biểu hiện rõ nét, cụ thể:

(1) Phần đông đảng viên không phải là công nhân mà Đảng là Đảng của giai cấp công nhân vì trong Đảng từ Ban Chấp hành Trung ương lâm thời đến từng Đảng viên ở chi bộ đều thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư tưởng và hành động.

(2) Đảng là đội tiên phong vì trong mọi hoạt động chính trị cũng như trong mọi cuộc đấu tranh của công nông và nhân dân lao khổ, các đảng viên đều đi đầu, đều bất chấp khủng bố và hy sinh.

(3) Đảng bắt rễ rất sâu xa trong tất cả các tầng lớp nhân dân, nhất hô bá ứng, thiên vạn ứng, các khẩu hiệu của Đảng hợp với lòng dân, làm cho đảng viên và quần chúng đoàn kết, phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nguyễn Ái Quốc (Sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh).

“Từ nay với chính sách đúng, chúng ta có thể chắc rằng Đảng Cộng sản sẽ tiến bộ nhanh chóng, đưa cách mạng Việt Nam vượt qua mọi gian khổ thử thách” [78, tr.177]. Và, toàn bộ tiến trình lịch sử của ĐCSVN đã chứng minh điều đó.

Tiểu kết chương 3

Như vậy, quá trình chuyển biến tư tưởng của Hội VNCMTN từ một tổ chức có khuynh hướng cộng sản thành một tổ chức cộng sản với nhiều bước. Nếu như giữa năm 1925, Hội VNCMTN vẫn là một tổ chức có tính dân tộc chủ nghĩa và có khuynh hướng cộng sản thì đến năm 1926, với bản chương trình, điều lệ đầu tiên, tư tưởng chính trị của Hội đã ngã hẳn sang chủ nghĩa cộng sản. Sau phong trào vô sản hóa, Hội VNCMTN càng phân hóa về tư tưởng và tổ chức. Nếu như Kỳ bộ Bắc Kỳ chủ trương thành lập một đảng cộng sản thì những bộ phận còn lại, đặc biệt là tổng bộ vẫn muốn duy trì mô hình *Thanh niên* - một tổ chức có xu hướng cộng sản, nhưng chưa phải là chính đảng cộng sản. Nguyên nhân của hiện tượng này, có thể quy vào mấy điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, sự phát triển không đều của các Kỳ bộ Hội VNCMTN, trong đó xu hướng vô sản hóa mạnh mẽ nhất diễn ra trong Kỳ bộ Bắc Kỳ.

Thứ hai, có những khác biệt về tư tưởng giữa những người lãnh đạo Tổng bộ Hội VNCMTN và những nhà lãnh đạo Hội VNCMTN trong nước, đặc biệt là Kỳ bộ Bắc Kỳ. Tuy nhiên, đến cuối năm 1929, tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc, điều kiện thành một đảng cộng sản đã dần chín muồi, sự chuyển hóa từ Hội VNCMTN sang Đảng Cộng sản là một xu hướng không thể đảo ngược.

Nói tóm lại, lịch sử cách mạng Việt Nam đã có bước tiến quan trọng khi mà cùng với sự ra đời và chuyển hoá từ Hội VNCMTN thành tổ chức ĐCSVN là quá trình hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa xác lập vị trí chính thống trong lịch sử tư tưởng chính trị dân tộc. Ngày 8/2/1930: Các đại biểu quay trở về nước để tiến hành họp nhất các tổ chức ở trong nước như kế hoạch đã định trong hội nghị. Đến thời điểm này, với sự ra đời của chính đảng của giai cấp vô sản Việt Nam thì Hội VNCMTN hoàn thành sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM

4.1. Nhận xét

4.1.1. Đặc điểm về sự hình thành, phát triển, phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

* Về chính trị - tư tưởng: đó là quá trình Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác – Lênin.

“Không phải ý thức con người quyết định tồn tại của họ, trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” [114, tr. 15]. Và, ý thức xã hội sau khi sinh ra cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại tồn tại xã hội. Điều đó được minh chứng ở xã hội Việt Nam. Từ năm 1863, các nhà tư tưởng nhận thấy cần phải bỏ cần phải bỏ lối học tầm chương trích cú của Nho học, không thể chỉ dùng văn chương lý lẽ mà phải tiếp thu khoa học - kỹ thuật của phương Tây để thúc đẩy sản xuất, làm cho dân giàu, nước mạnh. Không chỉ vậy, các sĩ phu yêu nước tiến bộ đã chủ trương phải kết hợp cứu nước, cứu dân với duy tân tức là học hỏi theo văn minh tư sản phương tây, xây dựng một nước Việt Nam mới theo hình ảnh các nước tiên tiến bấy giờ. Tuy nhiên, mặc dù có bước tiến trong văn hoá – giáo dục nhưng những nhà tư tưởng vẫn nên có hệ thống chính trị với chế độ cai trị Phong kiến tồn tại – Giống như cách làm của Nhật Bản.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX, con đường canh tân đất nước là sự kết hợp của yếu tố phong kiến (biểu hiện là duy trì hệ thống chính trị vua quan phong kiến) với yếu tố dân chủ tư sản (biểu hiện là sự tiếp thu khoa học kỹ thuật cũng như học tập văn minh của các nước Tư bản chủ nghĩa) và yếu tố dân tộc (biểu hiện là mục tiêu của các cuộc đấu tranh là giành độc lập dân tộc).

Bước sang thế kỷ XX, sự thất bại của phong trào Cần Vương, rồi phong trào nông dân Yên Thế thất bại. Thêm vào đó, Cách mạng Tân Hợi thành công ở Trung Quốc năm 1911 đã đánh dấu chấm hết cho vai trò lịch sử của lực lượng phong kiến cùng hệ tư tưởng Nho giáo. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh là những đại diện cho các nhà tư tưởng có chuyển biến rõ nét và có tác dụng định hướng nhận thức của người dân Việt Nam theo hệ tư tưởng mới – tư tưởng dân chủ tư sản. Phan Bội Châu viết: “Chính thể Dân chủ cộng hòa là một chính thể rất tốt đẹp. Quang phục quân trong khi vừa đánh đuổi giặc Pháp, đồng thời cũng vừa xây dựng một nước Cộng hòa Dân chủ: Quyền bính của nước là của chung toàn dân do nhân dân quyết định” [26, tr.368]. “Chủ nghĩa dân chủ chính là một vị thuốc rất thần hiệu để chữa bệnh chuyên chế của nước ta vậy” [26, tr.784]. Thời điểm này, trong tư tưởng các bậc tiền bối đều đoạn tuyệt

triệt để với tư tưởng phong kiến, chỉ còn có sự song hành của yếu tố dân tộc (Vì mục tiêu của các cuộc đấu tranh là giành độc lập dân tộc) và yếu tố dân chủ tư sản (Vì mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước sau khi cách mạng thành công là đưa đất nước phát triển theo con đường chủ nghĩa tư bản).

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười – Nga thành công có tác động sâu sắc đến mọi quốc gia trên thế giới, châu Á và Việt Nam. Với tấm lòng yêu nước, những nhà tư tưởng như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh cũng như người dân Việt Nam... diễn ra sự đấu tranh của hai khuynh hướng tư tưởng: tư tưởng dân chủ tư sản đã đang tồn tại và tư tưởng cộng sản chủ nghĩa. Bên cạnh đó, tình hình cách mạng ở Việt Nam có những chuyển biến mau lẹ với sự phát triển từ tự giác lên tự giác của phong trào công nhân lại cộng thêm sự thất bại liên tiếp của các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản, đã khẳng định trên thực tế, hệ tư tưởng tư sản không thể đáp ứng yêu cầu GPDT ở Việt Nam. Từ đó, góp phần tạo sự chuyển biến trong tư tưởng những bậc tiền bối dần từ dân chủ tư sản sang chủ nghĩa Mác – Lênin, từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng vô sản. Đồng thời, trong những năm 20 của thế kỉ XX, sau khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp nhận, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng cộng sản chủ nghĩa (chủ nghĩa Mác – Lênin) vào Việt Nam. Qua đó, làm cho những yếu tố giai cấp cũng như nhân loại của Chủ nghĩa Mác – Lênin thúc đẩy tinh thần dân tộc trong sự vận động tư tưởng ở Việt Nam được kế thừa và kết hợp với chủ nghĩa yêu nước để nâng chủ nghĩa yêu nước lên tầm cao mới trở thành chủ nghĩa dân tộc.

Mùa xuân năm 1923, ở Quảng Châu, Hồ Tùng Mậu cùng Lê Hồng Sơn, Nguyễn Giảng Khanh, Đặng Xuân Hồng, Trương Quốc Huy, Lê Cầu và Nguyễn Công Viễn (tức Lâm Đức Thọ) đã thành lập tổ chức Tân Việt Thanh niên Đoàn, tức Tâm Tâm xã, “đây là nhóm đầu tiên mà tương lai có nhóm cộng sản Phương Đông sẽ xuất hiện” [27, tr. 5-9].

Trước tiên, đây là tổ chức mang tính chất dân tộc rõ nét bởi Tâm Tâm xã có nguồn gốc từ VNQPH (1912) và có điểm tương đồng khi chủ trương giành độc lập cho dân tộc nhưng có tư tưởng đi xa hơn, hướng tới mục tiêu giải phóng con người, giải phóng giai cấp, tôn chỉ của tổ chức thể hiện rõ nét điều đó: “Liên hiệp những người có trí lực trong toàn dân Việt Nam không phân biệt ranh giới đảng phái, miễn là có quyết tâm hy sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân đem tất cả sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người cho nhân dân Việt Nam” [47, tr. 319]. Qua tôn chỉ ấy cho thấy tư tưởng Nho giáo đã bị quét sạch. Không chỉ vậy, những người tổ chức Tâm Tâm xã đã nhìn thấy được kinh nghiệm từ những thất bại của đường lối cứu

nước do nhà cách mạng họ Phan đề ra. Nên, mặc dù nguồn gốc xuất thân của Tâm Tâm xã đều là trí thức tiểu tư sản yêu nước, nhưng trong nhận thức, họ không đi theo lập trường “quân chủ lập hiến” của Duy Tân hội (1904), hoặc “Cộng hòa dân quốc tư sản” của Quang Phục hội (1912). Thêm nữa, trong Điều lệ của tổ chức xác định: “Sau này chính thể đã lập ra như thế nào, đến lúc ấy sẽ do toàn thể đoàn viên và toàn quốc dân quyết định sao cho hợp với trào lưu thế giới và tình thế của nước ta mà được đại đa số tán thành” [49, tr.319]. Tuy chưa rõ ràng nhưng cũng thể hiện được xu hướng chủ động đón nhận, tiếp thu cái mới để vươn lên khi có điều kiện.

Có thể thấy, Tâm Tâm xã là một tổ chức yêu nước, có tính chất dân tộc, đang khát khao nắm bắt được một xu thế tư tưởng mới, nhưng không thể là tư tưởng dân chủ tư sản, vì bản thân Tâm Tâm xã là minh chứng cho sự vượt bỏ khỏi tư tưởng dân chủ tư sản. Hồ Tùng Mậu cùng những cộng sự đã xác định rõ ràng phải có đường lối mới, có tổ chức, có lãnh đạo phù hợp với dân tộc và thời đại thì mới giải quyết được mâu thuẫn dân tộc và tiền đề cách mạng mới tươi sáng được. Chính vì vậy, cùng với hoạt động được đề ra trong Điều lệ của tổ chức là “thời kỳ bước đầu, Đoàn đương lo tìm cách tiến hành khôi phục quyền làm người của người dân Việt Nam” [49, tr. 319] thì chỉ cần ánh sáng vô sản chạm vào nó thì nó sẽ lập tức phát triển trở thành một tổ chức mang bản chất giai cấp công nhân. Và người đem ánh sáng đó đến chính là Nguyễn Ái Quốc.

Qua lời giảng giải của Nguyễn Ái Quốc về những nội dung của tư tưởng cộng sản chủ nghĩa đã cung cấp thế giới quan và phương pháp luận, làm cho những thành viên của Tâm Tâm xã có những chuyển biến rõ ràng trong nhận thức. Họ tin và đi theo con đường cách mạng vô sản mà Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn. Theo đó, đầu năm 1925, trên cơ sở Tâm Tâm xã, nhóm Cộng sản đoàn hình thành trở thành lực lượng nòng cốt để đến tháng 6/1925, Hội VNCOMTN ra đời.

Có thể thấy, từ Tâm Tâm xã đến Hội VNCOMTN đã có những chuyển biến quan trọng trong tư tưởng cũng như tổ chức cách mạng khi truyền thống yêu nước tốt đẹp của dân tộc được kế thừa, phát triển và kết hợp một cách logic với chủ nghĩa Mác – Lênin trong thực tế. Chính vì vậy, ngay từ những ngày đầu mới thành lập, Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn *hệ tư tưởng vô sản – chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng cho hành động của tổ chức*. Thông qua hoạt động truyền bá và huấn luyện chính trị của Hội, hệ tư tưởng này đã phủ nhận hệ tư tưởng Nho giáo, đồng thời dần thay thế hệ tư tưởng dân chủ tư sản trước đó, để giữ vai trò chủ đạo trong hệ tư tưởng của dân tộc Việt Nam.

* Về vấn đề tổ chức: là quá trình Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đi từ tổ chức yêu nước đến tổ chức cộng sản (ĐCSVN)

Hội VNCOMTN là một tổ chức quá độ từ chủ nghĩa dân tộc chân chính đến chủ nghĩa cộng sản. Quá trình Hội VNCOMTN đóng vai trò là tổ chức tiền thân của ĐCSVN chính là hành trình giác ngộ của các hội viên - vốn chủ yếu xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản trí thức nói riêng và của mọi người dân Việt Nam yêu nước nói chung, đi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin. Hay nói cách khác, quá trình chuyển hoá của Hội VNCOMTN cũng như dân tộc Việt Nam về tư tưởng – chính trị để đi đến ĐCSVN chính là hành trình đón nhận và tiếp thu ánh sáng chủ nghĩa cộng sản của mỗi cá nhân. Họ đều phải trải qua quá trình kết hợp chặt chẽ giữa sự vươn lên về nhận thức lý luận với hoạt động thực tiễn trong phong trào đấu tranh. Chính qua các hoạt động của Hội, Có thể thấy rõ logic vận động của Hội VNCOMTN, cụ thể:

Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Lý Thụy (có lúc tên là Vương) đến Quảng Châu thực hiện nhiệm vụ QTCS giao cho, đó là xúc tiến mọi điều kiện để xây dựng một tổ chức cộng sản ở Đông Dương và giúp đỡ các đại biểu cách mạng ở các nước Đông Nam Á. Với mong muốn tập hợp những thanh niên Việt Nam ưu tú, giàu lòng yêu nước, khát khao con đường cứu nước đúng đắn, để xây dựng một tổ chức cách mạng, tại Quảng Châu, ngay sau khi được tiếp xúc với Phan Bội Châu và nhận được danh sách do đồng chí thân cận của Phan Bội Châu chuyển cho, Nguyễn Ái Quốc quyết định lập ra một nhóm bí mật làm hạt nhân cho một số rộng lớn sau này, thông qua một lớp huấn luyện về phương pháp tổ chức trong khoảng thời gian 3 tháng. Nguyễn Ái Quốc nhận thấy chỉ từ một nhóm người yêu nước tiến bộ trong Tâm Tâm xã mà thành lập luôn Đảng Cộng sản liệu có đảm bảo cách mạng thành công?

Vì vậy, Người đã lựa chọn một số thanh niên tích cực để lập ra một nhóm bí mật. Nhóm bí mật lấy tên là Cộng sản Đoàn, thành lập vào tháng 2 năm 1925. Trên cơ sở hoạt động của nhóm, tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc tiến hành lập một tổ chức có tính chất quần chúng rộng lớn hơn nhằm tập hợp các thanh niên yêu nước trong và ngoài nước và lấy tên là Hội VNCOMTN.

Hội VNCOMTN ra đời với mục đích: “Một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà dựng ra chính quyền độc tài của thợ thuyền, dân cày và binh lính; một mặt tham gia vào cuộc thế giới c m san trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới đang thực hiện chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 118].

Tại về thứ nhất trong mục đích của Hội: “Một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà dựng ra chính quyền độc tài của thợ thuyền, dân cày và binh lính” [49, tr. 118]. Đây chính là nhiệm vụ dân tộc nhằm giải quyết mâu thuẫn dân tộc theo khuynh hướng vô sản. Mâu thuẫn này chính là kết quả bởi sự tác động của việc thực dân Pháp xâm lược và du nhập phương thức sản xuất tư bản

chủ nghĩa vào Việt Nam. Không có sự xâm lược đó thì sẽ không có nhiệm vụ dân tộc đó, chưa có sự du nhập phương thức sản xuất tư bản, dẫn đến sự ra đời giai cấp công nhân Việt Nam, thì không có yếu tố vô sản trong Hội. Như vậy, điều kiện quốc tế gây ra sự biến đổi bên trong xã hội Việt Nam, làm xuất hiện mâu thuẫn trong xã hội. Đến lượt nó, mâu thuẫn này lại qui định nhiệm vụ của Hội. Nhiệm vụ ấy biểu hiện tính chất dân tộc của Hội.

Tại vế thứ hai của câu: “Một mặt tham gia vào cuộc thế giới c m san trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới đang thực hiện chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 118]. Nội dung này thể hiện rõ bản chất giai cấp công nhân và bản chất nhân loại của Hội.

Kết hợp hai vế trong câu diễn đạt mục đích của Hội, có thể thấy rõ Hội là tổ chức mang bản chất dân tộc có tính vô sản và tính nhân loại. Thông qua vận dụng quan điểm giai cấp công nhân vào các hoạt động của Hội VNCMTN, đã giúp Hội chuyển từ chủ nghĩa dân tộc chân chính đến chủ nghĩa Mác – Lênin. Song song với chuyển biến trong tư tưởng, về tổ chức, Hội VNCMTN chuyển từ tổ chức yêu nước sang tổ chức cộng sản. Hành trình thực hiện vai trò tiên thân của Hội VNCMTN đối với ĐCSVN đã chứng minh điều đó.

Bên cạnh đó, trong buổi đầu thành lập, Hội VNCMTN là tổ chức mang tính chất công nhân khá mờ nhạt. Cũng chính vì điều này mà Nguyễn Ái Quốc gọi Hội VNCMTN là “con chim non cộng sản”. Sự mờ nhạt của tính chất giai cấp công nhân thể hiện:

Thứ nhất, Hội viên chưa phải giai cấp công nhân, chưa được công nhân hóa (mà là trí thức) nên sau này mới phải vô sản hóa trí thức.

Thứ hai, hiểu biết về Chủ nghĩa Mác-Lênin của hội viên và quần chúng còn hạn chế, nên sau này phải mở lớp huấn luyện, ra báo *Thanh Niên* và tiến hành phong trào vô sản hóa.

Nguyễn Ái Quốc ý thức được sự non yếu này (vì thế Người chưa thành lập chính đảng vô sản do chưa có đủ cơ sở). Để tăng cường bản chất giai cấp công nhân trong Hội, phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc (tính chất dân tộc), để biến “con chim non cộng sản” thành “con chim cộng sản” trưởng thành, để biến Hội VNCMTN thành chính Đảng vô sản, Hội đã cùng Nguyễn Ái Quốc thực hiện những công việc quan trọng sau:

- Tổ chức những lớp huấn luyện cho hội viên với nội dung giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, lý luận Mác – Lênin, phương pháp cách mạng, tình hình thế giới...sau đó tung họ về nước hoạt động, truyền bá.

- Tổ chức phong trào vô sản hóa; để những người trí thức yêu nước trực tiếp trở

thành những người công nhân, đứng trên địa vị người công nhân; để có sự kết hợp lý luận Mác của những trí thức đang được vô sản hóa và công nhân trong các nhà máy xí nghiệp, để tuyên truyền chủ nghĩa Mác – Lê nin và tinh thần dân tộc Việt Nam trong công nhân và quần chúng.

- Ra báo *Thanh Niên* tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin, tinh thần yêu nước.

Chính những hoạt động đó, không chỉ đưa lại kết quả tinh thần dân tộc trong nhân dân được nâng lên, phong trào yêu nước phát triển, phong trào công nhân ngày càng tự giác, mà bản thân những hội viên của Hội, giai cấp công nhân cũng ngày càng giác ngộ. Sự biến đổi về lượng của tính chất dân tộc và đặc biệt là tính chất giai cấp công nhân đến một giới hạn nhất định (điểm nút) sẽ dẫn đến sự chuyển hóa về chất, đưa bản chất giai cấp công nhân lên một nấc thang mới, đưa sự giác ngộ chủ nghĩa Mác Lê nin lên trình độ mới.

Kết quả là, nếu như vào năm 1925, chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ là một trong nhiều học thuyết chính trị, kể cả của Gãndhi, Tôn Trung Sơn hay Pilsudski¹, du nhập vào Việt Nam, thì cuối năm 1927, đã trở thành một hệ tư tưởng hàng đầu với một tổ chức yêu nước có hệ thống khắp Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Mạng lưới bao vây bùng bít của đế quốc Pháp bị chọc thủng ở khắp cả nước khi chủ nghĩa yêu nước dân tộc cùng với chủ nghĩa cộng sản xác lập vị trí không thể thiếu trong tư tưởng mỗi người dân Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó chưa làm cho chính đảng của giai cấp vô sản đủ điều kiện để ra đời. Thực tế này dẫn tới hệ quả làm cho những cơ sở này chưa thực sự là tổ chức Cộng sản mà chỉ mới có xu hướng Cộng sản. Một khi “Chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam... mà không lan rộng vào công nhân, nông dân thì không thể hướng phong trào theo con đường cách mạng vô sản” [216, tr. 7] và càng không thể có Đảng Cộng sản vững chắc. Yêu cầu đặt ra lúc này là làm thế nào để tầng lớp này cải tạo được tư tưởng cá nhân, từ đó tự nguyện chiến đấu cho quyền lợi của giai cấp vô sản? Làm thế nào để họ trở thành người cộng sản chân chính khi mà trong họ có sẵn tinh thần yêu nước cũng như đã tiếp thu Chủ nghĩa Mác – Lênin?

Từ tháng 9/1928, một đợt sinh hoạt chính trị - tư tưởng được Hội VNCMTN phát động nhằm mục tiêu “kép”: Tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trong phong trào công nhân để xác lập vị trí chính thống của hệ tư tưởng chủ nghĩa dân tộc có tính chất vô sản trong cách mạng và đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về chính trị - tư tưởng. Qua đó, xuất hiện những tiền đề quan trọng để Hội VNCMTN có bước chuyển hoá về tổ chức, trong đó có nhiều thành viên của tổ chức Tân Việt sau khi tham gia học lớp ở Quảng Châu, khi về nước đã chuyển hẳn sang

¹ Józef Klemens Pilsudski (5/12/1867 - 12/5/1935) là nhà chính trị nổi tiếng người Ba Lan

Hội VNCOMTN. Tiếp theo, để tiến lên, Hội VNCOMTN có sự phân hóa thành những tổ chức cộng sản, mà trước tiên là sự ra đời của chi bộ cộng sản tại số 5D, Hàm Long, Hà Nội (3/1929). Đây là kết quả tất yếu của sự khủng hoảng trong quá trình trưởng thành của phong trào công nhân từ tự giác đến tự giác, từ giai cấp bị trị trở thành giai cấp lãnh đạo, không chỉ ở Việt Nam, mà còn ở nhiều nước trên thế giới, kể cả những nước công nghiệp tiên tiến. Các tổ chức cộng sản ra đời hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của tình hình và đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ, phù hợp với nguyện vọng, ý chí của toàn thể giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam đang đấu tranh để tự giải phóng mình khỏi ách áp bức bóc lột của đế quốc và phong kiến.

Sự xuất hiện và tăng cường hoạt động của ba tổ chức cộng sản vào nửa sau năm 1929 đã khẳng định bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, chứng tỏ hệ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc yêu nước.

Ngày 27/10/1929, QTCS đã gửi cho những người cộng sản Đông Dương một bức thư, chỉ thị: “Phải thành lập một đảng cách mạng của giai cấp vô sản... Đảng ấy phải là một đảng thống nhất, một tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương” [49, tr.618]. Bức thư nói trên đã thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình ra đời chính đảng vô sản của giai cấp công nhân.

Trên thực tế, đã có tới hai lần, các đại biểu của hai tổ chức Cộng sản gặp nhau bàn về việc thống nhất các tổ chức, thành lập Đảng Cộng sản, nhưng không thành công. Sau khi nhận được thư triệu tập có chữ ký của đại biểu QTCS là Nguyễn Ái Quốc, Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đều nhanh chóng cử đại diện đi tham dự hội nghị.

Thời điểm đánh dấu sự hoàn thành chuyển hóa về chất của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc)(2/1930).

Bắt đầu từ ngày 6/1/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam đã diễn ra tại Hương Cảng. Sau khi nghe Nguyễn Ái Quốc phân tích cái đúng và cái sai của cả hai bên, các ý kiến đấu tranh kịch liệt của đại diện Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đều tiêu tan hết. Tiếp theo, Người đề nghị phải tập trung vào việc bàn định ra công việc mới, để nhanh chóng về lãnh đạo cách mạng trong nước. Tại hội nghị, các đại biểu đã thảo luận, tham gia ý kiến vào các văn kiện và thống nhất tên gọi của Đảng là ĐCSVN. Đến ngày 8/2/1930, các đại biểu lên đường về nước.

Như vậy, quá trình chuyển biến tư tưởng của Hội VNCMTN từ một tổ chức chính trị có xu hướng cộng sản thành một tổ chức cộng sản trải qua nhiều bước. Nếu như giữa năm 1925, Hội VNCMTN vẫn là một tổ chức dân tộc chủ nghĩa có khuynh hướng cộng sản thì đến năm 1926, với bản chương trình, điều lệ đầu tiên, tư tưởng chính trị của Hội đã ngã sang chủ nghĩa cộng sản. Sau tháng 9/1928, xu hướng vô sản hoá diễn ra mạnh mẽ ở các Kỳ bộ của Hội VNCMTN. Đến cuối năm 1929, tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc, điều kiện thành lập một đảng cộng sản đã dần chín muồi, Kỳ bộ Bắc Kỳ chủ trương thành lập một đảng cộng sản nhưng lại không được Tổng bộ và các thành phần còn lại của Hội VNCMTN ủng hộ. Tuy nhiên, với sự phát triển vượt trội của Kỳ bộ Bắc kỳ cũng như sự nhạy bén cùng bản lĩnh tiên phong của những nhà lãnh đạo Hội VNCMTN trong nước, họ mạnh mẽ vượt đến với cái mới (Đảng Cộng sản) mà ít chịu sự ràng buộc cũng như tiếc nuối cái cũ (Hội VNCMTN). Đầu năm 1930, ĐCSVN ra đời tại Hương Cảng – Sự kiện này chính là “điểm nút”, đánh dấu sự phát triển trong nhận thức tư tưởng của giai cấp công nhân từ “tự giác” chuyển sang nấc thang cao hơn là “tự giác hoàn toàn”. Qua đó, khẳng định hành trình Hội VNCMTN chuyển hoá thành ĐCSVN chính là quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa dân tộc chân chính đến chủ nghĩa Mác – Lênin và từ tổ chức yêu nước phát triển lên thành tổ chức cộng sản (ĐCSVN). Hay nói theo cách khác, Hội VNCMTN ra đời là sự tiếp nối sự vận động logic của tư tưởng và tổ chức, trong đó có sự kế thừa tính chất dân tộc và mang bản chất giai cấp công nhân. Logic vận động của Hội VNCMTN chính là sự biến đổi về lượng của các tính chất trên, đặc biệt là tính chất giai cấp công nhân. Khi đạt tới điểm nút sẽ dẫn đến quá trình chuyển hóa Hội thành Đảng cộng sản.

Có thể thấy rất rõ ràng, Hội VNCMTN là tổ chức yêu nước duy nhất ở Việt Nam thời điểm 30 năm đầu của thế kỉ XX mang bản chất giai cấp công nhân, có tính dân tộc và tiệm cận tính nhân loại. Đó cũng chính là bản chất của ĐCSVN (ĐCSVN mang bản chất giai cấp công nhân, đồng thời là của nhân dân, dân tộc Việt Nam). Vì vậy, Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN là sự thật không thể phủ nhận được.

4.1.2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên là tổ chức tiền thân duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khi Hội VNCMTN được thành lập đến lúc ĐCSVN ra đời chính là quá trình Hội VNCMTN, dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, hoàn thành vai trò là tổ chức tiền thân của chính Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, cụ thể:

** Về tư tưởng – chính trị:*

Cách mạng chỉ vận động đúng hướng khi có lý luận cách mạng tiên phong dẫn đường và một khi lý luận thâm nhập vào quần chúng sẽ trở thành sức mạnh vĩ đại. Thời kỳ đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam, “hệ ý thức phong kiến” và “hệ ý thức tư sản” đều thất bại trước các nhiệm vụ lịch sử, nên ngay sau khi nhận ra “...Chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [121, tr. 289], Nguyễn Ái Quốc xác định cần phải cung cấp vũ khí lý luận thay vì trang bị súng ống, đạn dược cho những người yêu nước. Đây cũng là công việc đầu tiên mà Nguyễn Ái Quốc tiến hành sau khi Hội VNCMTN được thành lập (6/1925).

Ngay tại buổi học đầu tiên, Nguyễn Ái Quốc đặc biệt yêu cầu các học viên phải nhập tâm lời di huấn của Lênin: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong” [121, tr. 279]. Dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Ái Quốc, Hội VNCMTN đã lấy chủ nghĩa Mác – Lênin “làm cốt”. Điều này làm thay đổi “cục diện tư tưởng” của dân tộc Việt Nam thời điểm những năm đầu thế kỉ XX.

Sau khi kết thúc khoá học, các hội viên Hội VNCMTN trở về nước, thực hiện truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam. Thông qua hoạt động của từng hội viên, nội dung cơ bản của chủ nghĩa cộng sản đã đến được với quần chúng nhân dân. Lần đầu tiên, nhân dân ở một nước thuộc địa biết tới những khái niệm mới, nội dung mới của cuộc đấu tranh giành độc lập và hướng đi tới tương lai mới cho dân tộc Việt Nam. Nhờ đó, nhân dân hiểu rõ: “Muốn cứu nước và GPDT, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30], “ai là thù”, “ai là bạn”, trên con đường cách mạng ấy, cần có Đảng, cần có chủ nghĩa, cần liên minh các lực lượng, các tầng lớp xã hội trong nước và quốc tế trong một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc và phong kiến tay sai.

Đặc biệt, vì Hội VNCMTN lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt”, chứ không phải áp dụng một cách máy móc, nên đã chuyển hoá những thanh niên cách mạng trở thành những chiến sĩ cộng sản thực thụ, góp phần tạo sự chuyển biến về cả lượng và chất trong tổ chức Hội VNCMTN. Tháng 9/1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ phát động phong trào “Vô sản hoá”, giai cấp công nhân nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình. Các giai tầng trong xã hội được mở rộng tầm nhìn ra thế giới, biết rõ giai cấp vô sản và các dân tộc bị áp bức là những người bạn đồng minh tự nhiên trên mặt trận chống đế quốc và các thế lực phản động. Từ đó, xác lập vị trí chính trị, lập trường tư tưởng của giai cấp vô sản đối với cách mạng Việt Nam. Đồng thời, giá trị của chủ nghĩa Mác -

Lênin càng được khẳng định trong cuộc đấu tranh với những học thuyết lỗi thời, xa lạ như chủ nghĩa dân tộc tư sản của các nhà dân chủ cách mạng Pháp thế kỷ thứ XVII; quan điểm “Pháp -Việt đề huề” của Đảng Lập hiến; chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa dân tộc tiêu tư sản cải lương của các Hội Phục Việt, Hưng Nam hay chủ nghĩa Tam dân của Quốc dân Đảng Trung Quốc, kể cả cổ điển và canh tân mà VNQDD mượn về... Qua đó, củng cố niềm tin tất yếu sẽ giải phóng được dân tộc, giải phóng được giai cấp, sẽ đổi “kiếp người nô lệ” thành người làm chủ đất nước, được sống ấm no, tự do và hạnh phúc. Tháng 2/1930, ngay khi ĐCSVN được thành lập, từ trong nội dung Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng, có thể thấy ĐCSVN lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm kim chỉ nam cho hành động. Đến nay, trong Điều lệ Đảng (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19/1/2011) khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” [53, tr. 88].

Với tất cả những nội dung trên chứng tỏ Hội VNCMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN về tư tưởng - chính trị.

** Về tổ chức - cán bộ:*

Vì Hội VNCMTN là tổ chức yêu nước, hoạt động bí mật, lại bị kẻ thù đặt ra ngoài vòng pháp luật, nên Tổng bộ Thanh niên và Nguyễn Ái Quốc rất chú trọng đến nguyên tắc tổ chức và nguyên tắc sinh hoạt của Hội VNCMTN, cụ thể:

- Về nguyên tắc tổ chức: Hội được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình. Trong quá trình xây dựng Đảng Cộng sản (b) Nga, V.I.Lênin cũng đã triệt để áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ. V.I.Lênin cho rằng “Chúng ta chủ trương theo chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ” [98, tr. 185]. Đây chính là cách thức tổ chức của một đảng vô sản kiểu mới mà Nguyễn Ái Quốc đã học được khi Người tham gia Đảng Cộng sản Pháp và khi ở Liên Xô. Từ đó, Người đã áp dụng vào xây dựng tổ chức Hội VNCMTN và sau này là ĐCSVN.

- Về hệ thống tổ chức: Hệ thống tổ chức của Hội gồm năm cấp: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ, Huyện bộ và Chi bộ. Tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng, tuyệt đối giữ bí mật hoạt động. Hội quy định Chi bộ là đơn vị tổ chức cấp cơ sở, Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ Đại hội. Tổng bộ đầu tiên gồm Nguyễn Ái Quốc, Lâm Đức Thụ, Lê Hồng Sơn... Trên cơ sở bộ máy gồm 5 cấp, Hội còn tổ chức thành lập nhiều tổ, phường, hội theo tính chất ngành nghề khác nhau để

thu nhận hội viên như: Tổ tương tế, hội công ích, hội may quần áo, hội hiếu, hội hỷ, hội tập võ, hội đi thuyền, hội nông dân tương tế... Đặc biệt, ngày 8/2/1930, các đại biểu tham gia hội nghị thành lập Đảng quay trở về nước thực hiện chuyển nguyên khối hệ thống tổ chức cộng sản cũng như các thành viên của tổ chức Hội VNCOMTN vào ĐCSVN. Qua đó, mô hình về tổ chức Đảng vô sản kiểu mới về mặt tổ chức dần được hoàn thiện.

Bên cạnh đó, sự sắp xếp khoa học về tổ chức của Hội VNCOMTN đã giúp phát huy sức mạnh những chiến sĩ cách mạng, tạo ra khả năng liên kết không chỉ ở trong nước mà còn ở cả các phân hội ở hải ngoại, tạo ra ảnh hưởng to lớn với quần chúng nhân dân. Nhờ vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển rầm rộ, sôi nổi. Thực tế đó đã phản ánh vào nhận thức của những người tiên tiến nhất trong Hội VNCOMTN, nảy sinh yêu cầu thành lập Đảng Cộng sản. Những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ đi họp ở số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội tháng 3 năm 1929 để thành lập tổ chức chi bộ Cộng sản đầu tiên. Sau đó, trong nửa cuối năm 1929, ở Việt Nam xuất hiện ba tổ chức Cộng sản cùng hoạt động. Đây là điều có ảnh hưởng bất lợi cho phong trào, nên QTCS chỉ thị cần thành lập ở Đông Dương một Đảng Cộng sản. Nhiệm vụ đó được Nguyễn Ái Quốc chủ động thực hiện. Sau này, khi nhắc đến vai trò của Hội VNCOMTN với cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Hội chính là vườn ươm giống cho Đảng Cộng sản Đông Dương nở hoa kết quả về sau. Trên thực tế “trong tư tưởng của những người đứng ra tổ chức thì hội này sẽ là cơ sở cho một đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó” [50, tr. 32].

** So sánh với Tân Việt cách mạng Đảng và Việt Nam Quốc dân Đảng*

Nhìn vào thực tế lịch sử, có thể thấy, đầu thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam đã xuất hiện những tổ chức cách mạng bên cạnh Hội VNCOMTN như: Hội Phục Việt (1925) sau cải tổ thành TVCMĐ (1928), VNQDĐ (1927).

Bên cạnh đó, tính đến năm 1925, “phong trào cách mạng GPDT trên lập trường vô sản đã song song phát triển với phong trào GPDT trên lập trường tư sản” [36, tr.30]. Hai phong trào khác nhau về con đường đấu tranh và về mặt giai cấp lãnh đạo nhưng đều được xây dựng từ nền tảng tinh thần yêu nước, muốn cứu nước, lại cùng chung kẻ thù là đế quốc Pháp nên khi lịch sử đã chứng minh rằng chỉ có giai cấp vô sản “là giai cấp cách mạng triệt để duy nhất trong xã hội hiện đại” [97, tr.359]. Hơn nữa, có một sự thật là “nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới”, vậy nên “công nông là gốc Kách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn

Kách mệnh của công nông” [49, tr. 23]. Là nhân chứng của thời kỳ đó, nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu cũng khẳng định:

Vào cuối những năm 20, sự hỗn độn ban đầu bắt đầu tan đi, cải lương với cách mạng sẽ phân hoá rõ rệt chẳng những giữa hướng tư sản và hướng vô sản, mà cả trong tư tưởng dân tộc nói chung. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản sẽ ra đời, phân hoá xã hội, phân hoá chính trị, phân hoá tư tưởng tạo thành một tình thế sôi nổi mà sáng sủa trong đó các lực lượng tinh thần và vật chất tuy thi đua ra sức với nhau, đua ý chí và chính kiến với nhau. Không lúc nào mà tư tưởng và đấu tranh tư tưởng ở Việt Nam phong phú bằng lúc này [63, tr. 442]

Như vậy, sự xuất hiện của các tổ chức yêu nước tạo ra sự phong phú trong khuynh hướng đấu tranh của dân tộc. thời điểm những năm 20 của thế kỉ XX ở Việt Nam tồn tại phong trào đấu tranh của khuynh hướng vô sản và khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa có tính tư sản. Cả hai khuynh hướng này đều thúc đẩy các phong trào đấu tranh ở trong nước phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, suốt thời gian tồn tại cả TVCMĐ và VNQDDĐ đều có sự thay đổi trong hệ tư tưởng cùng lập trường chính trị, thậm chí có thời kỳ tổ chức không thể tự đề ra được tôn chỉ mục đích, dẫn tới chủ trương hành động đề ra chỉ là hình thức, không huy động được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân, đặc biệt còn xảy ra tình trạng hội viên của tổ chức chủ động thoát ly và tự nguyện gia nhập tổ chức tiên bộ khác... Toàn bộ hoạt động của TVCMĐ và VNQDDĐ trên thực tế đã diễn ra như vậy, cụ thể:

- *Đối với Tân Việt cách mạng Đảng:*

Từ khi ra đời với tên gọi là Hội Phục Việt (1925) cho đến khi một bộ phận tiên bộ của tổ chức tách ra thành lập ĐDCSLĐ (9/1929) thì TVCMĐ đã nhiều lần thay đổi tên gọi (Hội Phục Việt (1925) => Hội Hưng Nam (đầu năm 1926) => Việt Nam cách mạng Đảng (cuối năm 1926) => Việt Nam cách mạng đồng chí hội (7/1927) => Tân Việt cách mạng Đảng (1928) => ĐDCSLĐ (9/1929). Theo đó, tôn chỉ mục đích cũng như chủ trương hoạt động cũng có sự chuyển biến. Trong suốt quá trình tồn tại, ưu điểm nổi bật nhất của TVCMĐ đó là tinh thần yêu nước. Họ hăng hái, nhưng thiếu kinh nghiệm chính trị. Họ nhận định rằng chủ nghĩa cộng sản thì quá cao và chủ nghĩa Tam dân của Quốc dân Đảng thì quá thấp nên “họ chỉ muốn đấu tranh giải phóng Việt Nam, theo chủ nghĩa gì sau sẽ hay” [147, tr. 79]. Trên thực tế, trong hoạt động những ngày đầu của Hội Phục Việt dựa uy tín của Phan Bội Châu để kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân. Tài liệu tuyên truyền của tổ chức là các tác phẩm của Phan Bội Châu và các bậc tiền bối trong bộ phận trí thức Nho giáo. Điều đó cho thấy “vết tích” của tư tưởng

Nho giáo vẫn còn tồn tại trong hệ tư tưởng của Hội Phục Việt. Sau này, TVCMĐ có cử một số hội viên sang học lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu do Hội VNCOMTN và Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Khi hoàn thành khoá học, những hội viên đó quay trở về nước mang theo cả tư tưởng cộng sản chủ nghĩa cùng tài liệu học tập tiến bộ về giới thiệu, tuyên truyền cho ban lãnh đạo cũng như các hội viên còn lại của Hội. Ngày 14 tháng 7 năm 1928, Hội họp Đại hội tại Huế và quyết định đổi tên đảng thành TVCMĐ. Đại hội đã bầu Ban lãnh đạo mới gồm: Đào Duy Anh phụ trách Tổng Bí thư, Ngô Đức Diễm là ủy viên tổ chức và tài chính, Phan Đăng Lưu là ủy viên tuyên huấn. Tại Đảng Chương của TVCMĐ ghi rõ:

- Cách mệnh tôn chỉ: Liên hợp cả các đồng chí trong ngoài, trong thì dẫn đạo nông công binh, quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa đang kiến thiết một xã hội bình đẳng bác ái mới [49, tr. 143].

- Cách mệnh mục đích: Đồng thời phải cử hành chính trị cách mệnh để đánh đổ chính phủ và quân chủ, dựng lên chính phủ cộng hoà và xã hội, cử xã hội cách mệnh để phá bỏ các giai cấp, và kinh tế cách mệnh để duy trì quyền sinh hoạt của mọi người [49, tr. 143].

Đảng chương của Tân Việt cho thấy, Tân Việt đã gắn liền nhiệm vụ GPDT với nhiệm vụ cải tạo xã hội. Sau cách mạng, Chính phủ thành lập mang tên “cộng hoà xã hội” với nhiệm vụ “thi hành ước pháp vô sản chuyên chính”. Đó là một kiểu chính phủ mới. Bên cạnh đó, Đảng Tân Việt cũng chủ trương “*lấy võ lực*” để đánh đổ chế độ thực dân. Nhìn chung, chương trình, điều lệ của Tân Việt đã có bước tiến dài trong phát triển tư tưởng, qua đó thể hiện tính chất triệt để của một tổ chức cách mạng đang trong quá trình chuyển hoá theo xu hướng cách mạng vô sản. Thời điểm này, thành phần xã hội của Đảng Tân Việt chủ yếu gồm các phần tử thanh niên trí thức, học sinh, công chức, tiểu thương và công nông, đặc biệt là những người có học.

Tuy nhiên, con đường “vô sản hoá” của TVCMĐ cũng có những khúc quanh. TVCMĐ ra đời và phát triển trong thời gian thực dân Pháp tăng cường bắt giam, giết hại những người yêu nước nên tổ chức bị tổn thất lớn về lực lượng. Mặc dù có chuyển biến trong tư tưởng nhưng, trên thực tế, gần như Tân Việt không có quá nhiều hoạt động thể hiện điều đó. Cũng thời gian này, Hội VNCOMTN đang tiến hành phong trào “vô sản hoá” mạnh mẽ ở khắp nơi, tư tưởng chủ nghĩa cộng sản dần giữ vị trí quan trọng trong hệ tư tưởng dân tộc, nhiều đảng viên tiến bộ của Tân Việt đã tự nguyện tham gia vào phong trào “vô sản hoá” và trở thành hội viên của Hội VNCOMTN. Từ đó, làm cho nội bộ của TVCMĐ phân hóa thành 2 khuynh hướng rõ rệt: dân tộc tư

sản và dân tộc xã hội chủ nghĩa, trong đó những người trong Ban lãnh đạo Tổng bộ đều đứng trên lập trường dân tộc tư sản. Giữa năm 1929, những người theo khuynh hướng dân tộc tư sản trong Ban lãnh đạo Tổng bộ Tân Việt đã công bố đề án thành lập “Khởi quốc gia” với tinh thần: “Chúng ta không thể thành lập một đảng cộng sản và cũng không thể áp dụng đường lối cộng sản được” [39, tr. 386], “Đảng của chúng ta phải là một Đảng của nhân dân” [39, tr. 386-387]. Nội dung trên cho thấy mục đích quay lại xu hướng quốc gia, chống lại đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, phủ nhận sự tồn tại của giai cấp công nhân, phủ nhận đấu tranh giai cấp, không thừa nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tuyên ngôn thể hiện rõ bước thụt lùi và là một sai lầm đáng tiếc của những người lãnh đạo Tổng bộ Tân Việt trong chặng đường cuối cùng của quá trình tồn tại. Trước tình hình đó, những đảng viên tích cực, cấp tiến của Đảng Tân Việt, dưới ảnh hưởng tư tưởng cộng sản đã nhóm họp và tiến hành cuộc vận động thành lập một tổ chức cộng sản lấy tên là ĐDCSLĐ. Trong *Tuyên đạt* nói rõ lý do thành lập ĐDCSLĐ:

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng họ khỏi cảnh lầm than, nô lệ, mới đem lại độc lập hoàn toàn cho xứ Đông Dương, xoá bỏ chế độ người bóc lột người. Do tình hình trên, những người giác ngộ cộng sản chân chính trong TVCMĐ trịnh trọng tuyên bố cùng toàn thể đảng viên TVCMĐ, toàn thể thợ thuyền, dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra ĐDCSLĐ [49, tr. 409 - 410].

Những hội viên tiên bộ của TVCMĐ chủ trương “lấy chủ nghĩa cộng sản làm nền móng, lấy công, nông, binh liên hiệp làm đối tượng vận động cách mệnh để thực hành cách mệnh cộng sản trong xứ Đông Dương, làm cho xứ của chúng ta hoàn toàn độc lập, xoá bỏ nạn người bóc lột người, xây dựng chế độ công nông chuyên chính tiến lên chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 410]. Qua đó, thấy được sự chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng của hội viên ĐDCSLĐ, từ chủ nghĩa dân tộc chân chính tới chủ nghĩa cộng sản. Họ sẵn sàng “tiếp tục thương lượng với hai tổ chức cộng sản ở xứ Đông Dương để cho sức mạnh cộng sản vững chắc và duy nhất mới có thể thực hành cách mệnh cộng sản được” [49, tr.411].

Ngày 24 tháng 2 năm 1930, ĐDCSLĐ nộp đơn xin gia nhập ĐCSVN. Sau khi xem xét lời báo cáo của các đồng chí giao thiệp với đại biểu của ĐDCSLĐ và bản báo cáo của Liên đoàn, ĐCSVN ra Nghị quyết với nội dung: “ĐDCSLĐ tuy có nhiều điều khuyết điểm, song vì chỉ căn cứ ở tinh thần cộng sản nên đoàn thể này được gia nhập ĐCSVN” [50, tr. 27].

Tính đến năm 1930, thành phần tổ chức của ĐDCSLĐ có nhiều bộ phận khác nhau trong xã hội. Bên cạnh đó, tuy trong quá trình hoạt động, tổ chức đã chú ý phát triển tới nhiều đối tượng khác nhau (nông dân, học sinh, công nhân, sinh viên, tiểu thương..) nhưng hội viên xuất thân từ trí thức vẫn chiếm phần lớn trong tổ chức. Theo “*Bản án số 11 ngày 11-1-1930 kết tội các thành viên Tân Việt của Hội đồng phúc thẩm Trung Kỳ*, thì trong số 41 người bị chính quyền Pháp xử án, có 28 người là giáo viên và học sinh, còn lại là công nhân và tiểu thương, hai phần ba số đó ở độ tuổi từ 30 trở xuống” [89, tr. 108].

Như vậy, có thể thấy TVCMĐ là một tổ chức yêu nước. Vì yêu nước mà các thành viên của tổ chức có xuất thân khác nhau đã đoàn kết thành lập Hội Phục Việt. Vì yêu nước mà dù nhiều lần không thể hợp nhất được với Hội VNCMTN nhưng những hội viên của TVCMĐ vẫn kiên trì tìm kiếm nhiều biện pháp nhằm GPDT. Khi được ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin chiếu sáng, thông qua bài giảng tại lớp huấn luyện chính trị của Hội VNCMTN và Nguyễn Ái Quốc, trong tư tưởng của một bộ phận các hội viên tiến bộ của TVCMĐ đã chuyển từ chủ nghĩa dân tộc, hướng tới chủ nghĩa vô sản. Từ đó, một phần tự nguyện trở thành hội viên của Hội VNCMTN, một phần quyết định đoạn tuyệt với tổ chức TVCMĐ, trên nền tảng hệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản thành lập tổ chức mới mang tên ĐDCSLĐ để kề vai, sát cánh với anh chị em công - nông cả nước đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân. Thời điểm tháng 2 năm 1930, khi xin ra nhập vào ĐCSVN, mặc dù “ĐDCSLĐ chưa phải là một đoàn thể chân chính Bônsovích nhưng có tinh thần cộng sản; Chính cương mờ mờ; Tổ chức chưa có cơ sở; Công tác rất kém, không biết làm việc và chưa làm gì; Lực lượng chưa có gì” [50, tr. 26 – 27] nhưng ghi nhận tình yêu nước nhiệt thành cùng tinh thần cộng sản, ĐCSVN đồng ý để ĐDCSLĐ gia nhập. Như vậy, từ tổ chức ban đầu là Hội Phục Việt đến khi ĐDCSLĐ được thành lập, dù trải qua nhiều chuyển biến quan trọng thì tinh thần yêu nước luôn được những hội viên của tổ chức duy trì. Thậm chí, vào cuối năm 1926 đầu năm 1927, khi Hội VNCMTN đã đưa ra được Chính cương cho Hội: “Cương lĩnh đó được biểu hiện trong cuốn sách nhỏ có nhan đề “Đường Cách mệnh” của Nguyễn Ái Quốc và trong lời tựa một trang của Điều lệ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” [51, tr. 366] thì TVCMĐ “chấp nhận toàn bộ (hoàn toàn không có sửa đổi) Cương lĩnh của tổ chức ở Quảng Châu” [51, tr. 365], “Tân Việt Cách mạng Đảng không thể tự đề xuất Cương lĩnh chính trị và Điều lệ, và nó đã chép nguyên văn Cương lĩnh của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên” [51, tr. 366].

Có thể thấy, để làm cách mạng thành công và thành công tới nơi thì “cần có một lý luận tiên phong hướng dẫn” [96, tr. 30], “phải có đường lối chính trị đúng đắn...

còn phải biết cách tổ chức nữa” [46, tr. 69] nên chỉ căn cứ vào tình yêu nước thì ĐDCSLĐ chưa hội tụ đủ các yếu tố “cần” và “đủ” của một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản. Nhưng trên thực tế, Hội Phục Việt (sau này là TVCMĐ, ĐDCSLĐ) đã đóng góp nhiều hội viên ưu tú và xuất sắc, góp phần củng cố sức mạnh và tạo đà phát triển cho ĐCSVN ngay sau khi ĐCSVN ra đời là một sự thật không thể phủ nhận.

- *Đối với Việt Nam Quốc dân Đảng:*

+ Về chính trị - tư tưởng: Trong hơn hai năm tồn tại (1927-1930), VNQDD đã ba lần thay đổi điều lệ và hai lần thay đổi chương trình hành động nhằm làm rõ những vấn đề cơ bản trong đường lối chính trị của mình. Nhưng, sự cố gắng ấy lại càng chứng tỏ tính thiếu nhất quán trong quan điểm chính trị của VNQDD. Rất rõ ràng, đường lối chính trị của VNQDD là sự chấp vá, vay mượn từ các trào lưu tư tưởng khác nhau, trong đó có cả quan điểm lỗi thời, không đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Bên cạnh đó, nội dung được đề ra trong đường lối không rõ ràng, thậm chí, Đảng cũng không xác định chính xác được nền tảng hệ tư tưởng, từ “chủ nghĩa xã hội dân chủ”, sau được thay bằng khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” của cách mạng Pháp, tới chuyển thành chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Ngoài ra, VNQDD cũng không chú trọng tuyên truyền, huấn luyện. Hệ quả là chưa có sự thống nhất trong nhận thức tư tưởng của các hội viên. Trên thực tế, là sự phân hoá trong nội bộ đảng trước và sau tháng 2/1930 khi khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

+ Về tổ chức: VNQDD đã xây dựng được một hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở, nhưng vì nguyên tắc tổ chức của VNQDD không được thực hiện trên thực tế dẫn tới hệ thống tổ chức không chặt chẽ.

+ Về cán bộ: Công tác kết nạp đảng viên không được tiến thành cẩn trọng nên đã tạo cơ hội cho nhiều nội gián của thực dân Pháp trở thành hội viên của Đảng, làm cho hệ thống tổ chức của Đảng ở một số nơi nhanh chóng tan vỡ. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, một số hội viên tiến bộ của VNQDD đã nhận thức được con đường cách mạng mà VNQDD đang thực hiện là không đúng đắn, họ đã tự từ bỏ con đường chủ nghĩa quốc gia mà hướng tới chủ nghĩa cộng sản, họ bí mật tham gia Hội VNCOMTAN như Nguyễn Đức Cảnh... song có cũng có những người phải đấu tranh tư tưởng quyết liệt mới đến được với ĐCSVN. Phạm Tuấn Tài - một trong những người chủ trương Nam Đồng Thư xã và là người cùng với Nguyễn Thái Học sáng lập ra VNQDD, sau những năm tháng ở tù với những người cộng sản, trước khi qua đời đã ra “*Tuyên cáo đồng chí*”: “Chỉ có chủ nghĩa Mác-Lênin mới có thể phá tan được xã hội giai cấp mà dẫn nhân loại đến thế giới đại đồng [38, tr. 46]

Có thể thấy, trong khi VNQDD đi theo chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ trương “dùng bạo động để giành độc lập dân tộc”, thì các tổ chức theo khuynh hướng mác-xít ở Việt Nam cũng đã diễn ra sự phân hoá như TVCMĐ là một Đảng của trí thức tiểu tư sản ở Trung Kỳ cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của quá trình trên. Trong nội bộ đảng này đã diễn ra cuộc đấu tranh giữa tư tưởng cách mạng và tư tưởng cải lương để cuối cùng xu hướng cách mạng theo quan điểm vô sản chiếm ưu thế. Một số hội viên chuyển sang Hội *Thanh niên*, số còn lại xúc tiến tích cực thành lập một đảng mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Trường hợp của Tâm tâm xã cũng như vậy. Đây là tổ chức của trí thức tiểu tư sản yêu nước tiến bộ nhưng còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản. Đến khi phát triển lên thành Hội VNCMTN thì trong hệ tư tưởng của Hội đã có sự chuyển biến mang tính đột phá sang một hướng mới đang dần hình thành và khẳng định. Nói theo cách khác, trong suốt thời gian tồn tại, trong nội bộ *Thanh niên* diễn ra sự phân hoá tư tưởng sâu sắc nhất. Hội *Thanh niên* chưa phải là một Đảng Cộng sản mà chỉ là một tổ chức theo khuynh hướng yêu nước vô sản, là một tổ chức quá độ như lời người sáng lập xác định là “quả trứng sẽ nở ra con chim non-tức Đảng Cộng sản”. Nhưng vì có mục tiêu đấu tranh đúng đắn và xác định chỗ dựa chủ yếu là công nông nên Hội *Thanh niên* ngày càng lớn mạnh. Trên nền hiện thực “địa ngục trần gian” của chế độ thuộc địa “sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi” [120, tr. 40], Hội *Thanh niên* xuất hiện đáp ứng yêu cầu lịch sử đó.

Đến đầu năm 1930, khi TVCMĐ đã phân hóa sâu sắc, nhóm hội viên tiến bộ thành lập ĐDCSLĐ; VNQDD bị thất bại cùng với khởi nghĩa Yên Bái (2/1930), thì chỉ có Hội VNCMTN đã chứng tỏ được khả năng của mình. Ra đời từ chỗ nhỏ bé, sơ khai, Hội VNCMTN đã phát triển lớn mạnh và trở thành nhân tố chủ chốt, xương sống quyết định cho sự ra đời của ĐCSVN. Rõ ràng là nếu không có Hội VNCMTN thì không có sự xuất hiện các tổ chức cộng sản vào năm 1929 và không dẫn đến sự ra đời của ĐCSVN vào tháng 2 năm 1930. Sau này, khi nhắc đến vai trò của Hội VNCMTN với cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định Hội chính là vườn ươm giống cho Đảng Cộng sản Đông Dương nở hoa kết quả về sau và thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh điều đó.

4.1.3. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên

Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Lý Thụy (có lúc tên là Vương) đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, như một sắp xếp của lịch sử, qua tiếp xúc với những hội viên của Tâm Tâm xã (một tổ chức do những thanh niên yêu nước Việt Nam thành lập vào đầu năm 1923). Người nhận ra họ là những con người

thiết tha yêu nước và “quyết tâm đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam” [200, tr. 86]. Nhưng họ lại “không hiểu chính trị, và lại càng không hiểu việc tổ chức quần chúng” [200, tr. 86]. Trên cơ sở đó, Người nhận thấy những người yêu nước ở Quảng Châu cần được tổ chức lại ngay và phải giảng giải cho họ hiểu sự cần thiết của tổ chức cũng như sự vô ích của những hành động không cơ sở. Trong lúc này, đây là biện pháp duy nhất. Ngay lập tức sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tập hợp họ lại và huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. *Như vậy, vai trò đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội VNCOMTN là vai trò về công tác tổ chức.*

Theo đó, sau một thời gian sàng lọc, tháng 6/1925, Hội VNCOMTN được thành lập. Đáng chú ý ở đây, tổ chức cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc thành lập dừng ở mức độ là “Hội” chứ không phải là “Nhóm cách mạng” hay “Đảng Cộng sản”. Ở Việt Nam, việc thành lập Đảng Cộng sản là một thử thách thực sự khi điều kiện cho việc thành lập chính đảng ở một xứ thuộc địa nằm trong Liên bang Đông Dương, không có một chút tự do, dân chủ nào. Hơn nữa, số lượng công nhân Việt Nam hết sức ít so với toàn dân, cho tới đầu thế kỉ XX, công nhân Việt Nam chưa có truyền thống đấu tranh lâu dài, kể cả phong trào dân chủ tư sản cũng chưa có kết quả nào đáng kể. Từ Duy Tân hội đến Việt Nam Quang phục Hội, kể cả Đảng Lập Hiến đều thất bại. “Đó không phải là một đảng có tổ chức, đơn thuần chỉ là một vài nhà trí thức theo kiểu Pháp đặt tên Đảng. Những thủ lĩnh của đảng này là những người theo quốc tịch Pháp (có 250 người Nam Kỳ)” [121, tr. 11]. Rõ ràng, có thể thấy rằng dù thành lập hay chưa thành lập những tổ chức hay đảng kiểu đó cũng không thể lãnh đạo cách mạng, bởi vì nó thiếu đường lối chính trị đúng đắn, hội viên thì ít học, chưa có hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt lại không có cơ sở rộng rãi trong quần chúng, cho nên thất bại là điều khó tránh khỏi. Chính vì vậy, ở một đất nước có tới 95 % số dân mù chữ, lại chịu sự cai trị tàn bạo của thực dân – phong kiến, thì để làm cách mạng và đưa “cách mạng tới nơi” không cho phép Nguyễn Ái Quốc thành lập Đảng Cộng sản ngay. Bằng kinh nghiệm của bản thân: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã xây dựng tổ chức cách mạng theo khuynh hướng Mác – Lênin, trên cơ sở đó, tiến hành truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, để sau một thời gian hoạt động, sàng lọc và rèn luyện sẽ thành lập Đảng Cộng sản. Thời điểm này, đó là giải pháp đúng đắn, phù hợp. Tại Quảng Châu, tháng 6/1925, Người thành lập Hội VNCOMTN. Đây là quyết định thận trọng và đúng đắn bởi ở một đất nước mà không một ai biết cộng sản là gì? chủ nghĩa cộng sản có nội dung như thế nào? thì chỉ có thể thành lập được một tổ chức

chính trị - xã hội có tính chất dân tộc, sau đó các lãnh tụ của tổ chức này có nhiệm vụ dần dần đưa các hội viên đến với chủ nghĩa Mác.

Thực chất toàn bộ công việc của Nguyễn Ái Quốc là tổ chức lực lượng, đặt lực lượng đó trong một tổ chức cách mạng thích hợp để truyền bá chủ nghĩa cộng sản và chuẩn bị về tổ chức cho một đảng Mácxít tương lai. Nguyễn Ái Quốc đã thành công theo hướng đó. Toàn bộ sự vận động của Hội VNCMTN đã chứng minh tính đúng đắn của giải pháp và lộ trình nói trên. Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc cũng không thể chờ cho giai cấp công nhân Việt Nam phát triển đầy đủ về số lượng mới tổ chức Đảng Cộng sản, mà coi trọng chất lượng bằng việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm cho hai phong trào này hấp thụ chủ nghĩa Mác – Lênin, trở thành hành động cách mạng cụ thể của các giai tầng trong xã hội. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập một tổ chức tiền thân, để qua đó truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

Hơn nữa, Nguyễn Ái Quốc dùng tên “Hội” mà chưa sử dụng tên Đảng là có chủ ý, là bước chuẩn bị vững chắc tiến tới thành lập Đảng. Người đưa tổ chức cách mạng này vào quần chúng lao động một cách thuận lợi để quần chúng dễ chấp nhận cả về tổ chức, tôn chỉ, mục đích của “Hội”. Từ đó sẽ là cơ sở cho một đảng lớn hơn và tương lai đã chứng minh điều đó. Ngay sau khi được thành lập, Hội VNCMTN tiến hành ra báo *Thanh niên* - cơ quan ngôn luận của Hội. Đồng thời, Hội đề ra tôn chỉ, mục đích, chương trình hoạt động phù hợp với điều kiện đất nước lúc đó nên đã thu hút các lực lượng chính trị, các tổ chức cách mạng và có ảnh hưởng tích cực đến chương trình của các tổ chức chính trị khác cùng thời. Đến tháng 9/1928, phong trào “vô sản hoá” được triển khai, thực hiện trên phạm vi cả ba Kỳ bộ, đã làm “trí thức hoá công nhân”, “công nông hoá trí thức” và đến cuối năm 1929, trong hệ tư tưởng dân tộc, mọi người dân Việt Nam đều “hoá vô sản”. Chính lúc này, khi chủ nghĩa Mác – Lênin được kết hợp với phong trào công nhân, phong trào yêu nước trên thực tế thì các tiền đề đảm bảo cho chính Đảng vô sản thành lập đã xuất hiện đầy đủ. Như vậy, Hội VNCMTN đã hoàn thành vai trò là tổ chức tiền thân, tổ chức quá độ.

Trong hơn hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX, các Đảng Cộng sản Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... ra đời, còn ĐCSVN phải đến tháng 2/1930 mới được thành lập nhưng là một Đảng Mác - Lênin vững vàng về lý thuyết, già dặn về thực tiễn. Điều đó đảm bảo vững chắc cho mọi thắng lợi về sau này của cách mạng Việt Nam. Đánh giá về vai trò của Hội VNCMTN đối với sự ra đời của ĐCSVN, nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Trường Chinh viết: “Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội chỉ là một tổ chức quá độ để tiến lên Đảng

Cộng sản, vì những người cộng sản trong Hội này đã được tổ chức thành Cộng sản đoàn để chuẩn bị thành lập ĐCSVN” [47, tr. 10].

Thứ hai, vai trò của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện trong việc lựa chọn lực lượng nòng cốt.

Trong bối cảnh của xã hội tư bản đương thời (cuối thế kỷ XIX), theo C.Mác: “Do những quy luật phát triển khách quan của xã hội, thanh niên bao giờ cũng giữ vai trò quan trọng trong việc kế thừa và phát triển những thành tựu của người đi trước” [115, tr. 23]. Từ đó, Ph.Ăngghen khẳng định chính thế hệ trẻ sẽ là nguồn bổ sung dồi dào nhất cho Đảng. Kế thừa và phát triển những quan điểm ấy, V.I. Lênin nhận định: “nhiệm vụ thật sự xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa, chính là của thanh niên” [100, tr. 354]. Bên cạnh đó, bài học lịch sử từ các bậc tiền bối để lại như Phan Bội Châu dùng lời huyết lệ kêu gọi đồng bào cả nước đồng tâm đứng lên chống giặc với chủ trương “Mười hạng người đồng tâm” là phú hào, quan tước, thế gia, sĩ tịch, lính tập... riêng công nhân không nhắc đến. Lựa chọn học sinh đi Nhật du học, ông đề ra bốn tiêu chuẩn: con nhà quan, con nhà giàu, con nhà có thế lực, con em những nhà bị Pháp sát hại, cũng không thấy có con người lao động, nói gì đến giai cấp công nhân. Phan Châu Trinh có 14 năm sống ở Pari nhưng không hòa vào được phong trào đấu tranh thực tiễn của giai cấp công nhân Pháp, nên không đến được với chủ nghĩa cộng sản. Từ sau năm 1925, giai cấp tư sản Việt Nam đã lập ra một số đảng chính trị như TVCMBĐ (1928), VNQDDĐ (1927) và đã có một số hoạt động, kể cả phát động khởi nghĩa, nhưng do chưa xác định được lực lượng nòng cốt phù hợp, từ đó không phát huy được sức mạnh vô địch của quần chúng nhân dân nên kết quả đều thất bại.

Mặc dù rất khâm phục lòng yêu nước và đánh giá cao những cống hiến của các bậc cách mạng tiền bối cho sự nghiệp GPDT nhưng Nguyễn Ái Quốc không tán thành cách làm của họ. Do luôn bám sát vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, lại sớm hoà mình vào giới cần lao, nên đã giúp Người nhận ra muốn vận động nhân dân các nước thuộc địa đứng lên đấu tranh GPDT, trước hết cần giác ngộ thanh niên. Nếu thanh niên không được giác ngộ, không đủ nghị lực, ý chí thì dân tộc có nguy cơ diệt vong. Trong tác phẩm “Gửi thanh niên An Nam” (1925), Người đã cảnh báo: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại. Người sẽ chết mất nếu như đám thanh niên già cỗi của người không sớm hồi sinh” [121, tr.113]. Người phân tích rõ những âm mưu, thủ đoạn của đế quốc và phong kiến các nước thuộc địa để lừa bịp, mê hoặc cùng việc lợi dụng sự thiếu kinh nghiệm sống trong thanh niên của bọn đế quốc và phong kiến các nước thuộc địa; đồng thời xác định rõ vị thế của thanh niên trong bước đường tồn vong, hưng thịnh của đất nước. Trong quá trình xây dựng lực lượng cách mạng, Người luôn

coi thanh niên là lực lượng hùng hậu, trẻ, khoẻ, hăng hái nhiệt tình, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng của Đảng: “Tính trung bình, thanh niên chiếm độ 1 phần 3 tổng số nhân dân - tức là một lực lượng to lớn. Lực lượng lớn thì phải có nhiệm vụ lớn” [119, tr. 2]. Từ đó, Người cho rằng cần phải thức tỉnh thanh niên trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân, GPDT khỏi ách nô lệ. Vì vậy, ngay sau khi tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, trên hành trình rời Mátxcova về miền Nam Trung Quốc vào cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng tìm hiểu hoạt động của những người Việt Nam đang sinh sống tại đây. Người gặp nhóm thanh niên yêu nước “Tâm tâm xã”. Qua tiếp xúc, Người nhận thấy không có ai là công nhân hay bản nông nhưng đều yêu nước và “quyết tâm đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam” [200, tr. 86]. Tháng 2/1925, Người lập ra nhóm “Cộng sản đoàn” để làm hạt nhân cho một tổ chức cách mạng rộng lớn. Trên cơ sở đó, tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc tập hợp những thanh niên yêu nước, giàu nhiệt huyết, có chí khí cách mạng, đưa họ vào tổ chức quá độ là Hội VNCOMT. Đây là một quyết sách sáng suốt, phù hợp với đặc điểm đất nước đầu thế kỉ XX, giai cấp công nhân Việt Nam tuy đã ra đời, nhưng còn rất nhỏ bé (chiếm 1,2% dân số), nên để thành lập chính đảng của giai cấp vô sản thì đảng viên sẽ bao gồm cả những người xuất thân từ những thành phần xã hội ngoài công nhân, đó là điều dễ hiểu. Trong khi đó, hệ tư tưởng - chủ nghĩa Mác – Lênin lại là yếu tố quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vì thế, Người đã tích cực giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng lực lượng thanh niên, giác ngộ giai cấp cho họ, đưa họ từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, theo con đường mà Người đã trải qua, bằng hoạt động thực tiễn của mình – Từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản.

Từ đầu năm 1926 đến giữa năm 1927, 75 học viên từ ba lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách giảng dạy, sau khi hoàn thành chương trình tập huấn, một số người vào học tại Trường Quân Chính Hoàng Phố, một số ít ở lại tham gia đấu tranh cách mạng cùng Đảng Cộng sản Trung Quốc, còn lại thì được đưa về nước hoạt động gây dựng cơ sở cho cách mạng Việt Nam. Họ cùng những thanh niên ở khắp các Kỳ bộ nhanh chóng trưởng thành trong học tập và thực tiễn đấu tranh, trở thành lực lượng nòng cốt của cách mạng Việt Nam như: Nguyễn Văn Cừ (15 tuổi); Nguyễn Đức Cảnh (19 tuổi); Ngô Gia Tự (19 tuổi); Võ Nguyên Giáp (16 tuổi); Nguyễn Thị Minh Khai (17 tuổi); Trường Chinh (20 tuổi); Phạm Văn Đồng (21 tuổi); Trần Phú (23 tuổi); Hà Huy Tập (21 tuổi); Lê Duẩn (20 tuổi); Lê Hồng Phong (25 tuổi); Lê Hồng Sơn (28 tuổi); Hồ Tùng Mậu (31 tuổi)... Họ xung kích đi vào các hầm mỏ, xí nghiệp để cùng ăn, cùng sống, cùng lao động, cùng chiến đấu với công nhân và

các tầng lớp nhân dân. Qua đó, chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá sâu rộng vào xã hội Việt Nam. Nhiều chi bộ công nhân được hình thành, nhiều phong trào đấu tranh diễn ra trên khắp cả nước với nhiều hình thức và phương pháp đấu tranh phong phú.

Như vậy, trên mảnh đất của chủ nghĩa yêu nước đã chuẩn bị sẵn, Nguyễn Ái Quốc thực hiện sứ mệnh là người gieo những hạt giống của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong đó, những thanh niên yêu nước - hội viên Hội VNCMTN là lực lượng sẵn sàng tiếp nhận những điều mới mẻ nhất, tích cực nhất, cách mạng nhất trong hoạt động của mình. Qua đó, góp phần quan trọng vào quá trình Hội VNCMTN chuyển biến trở thành tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

Thứ ba, vai trò của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện trong việc Người xác định cho Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên con đường cách mạng đúng đắn và phương pháp thực hiện con đường cách mạng đó.

Trải qua một hành trình độc lập suy nghĩ, học tập, nghiên cứu, khảo nghiệm trong phong trào đấu tranh của công nhân quốc tế, nhất là sau khi Người giác ngộ chủ nghĩa Mác – Lênin, trở thành một trong những người sáng lập của Đảng Cộng sản Pháp và là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên, Người đã khẳng định: “Muốn cứu nước và GPĐT không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30], con đường mà Cách mạng Tháng Mười Nga đã đi qua, con đường mà QTCS đã chỉ dẫn, con đường chủ nghĩa Mác – Lênin. Vì “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hoà bình, hạnh phúc...” [120, tr. 496]. Theo đó, ngay trong buổi đầu thành lập, Hội VNCMTN đã xác định tôn chỉ và mục đích là “một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà dựng ra chính quyền độc tài của thợ thuyền, dân cày và binh lính; một mặt tham gia vào cuộc thế giới c m san trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới đang thực hiện chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 118]

Ngay sau khi chỉ rõ con đường cách mạng cần phải thực hiện, được sự giúp đỡ bí mật của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chính phủ cách mạng ở Quảng Châu, từ đầu năm 1926 đến tháng 4/1927, Nguyễn Ái Quốc cùng Tổng bộ Hội VNCMTN tổ chức mở các huấn luyện chính trị cách mạng cho hội viên của Hội và những thanh niên ưu tú là người Việt Nam tại trụ sở số nhà 13 và 13B đường Văn Minh (nay là số nhà 248 và 250) [200, tr. 86] nhằm giác ngộ cho hội viên Hội VNCMTN và người yêu nước Việt Nam lý thuyết về lý luận và thực hành về cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc tham gia trực tiếp giảng dạy tại các lớp huấn luyện chính trị. Thông qua những

bài giảng trên lớp, học viên được trang bị những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về kỹ năng thực hành công tác vận động quần chúng, về nguyên tắc hoạt động bí mật, quan niệm về cách mạng, xác định lực lượng cách mạng, động lực cách mạng, vấn đề đoàn kết để tạo nên sức mạnh cách mạng và sự cần thiết phải có một chính đảng cách mạng. Những nội dung này, về sau được tập hợp trong cuốn *Đường cách mệnh* do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản năm 1927. Bên cạnh đó, Người còn cho phát hành báo *Thanh niên* - cơ quan ngôn luận cho Hội. Số đầu tiên được xuất bản ngày 21/6/1925. Cho đến tháng 2-1930, báo *Thanh niên* ra được tất cả 208 số [200, tr. 91]. Báo *Thanh niên* tuyên truyền những vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam cũng như lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Ngoài ra, còn có các ấn phẩm khác có phạm vi bạn đọc hẹp hơn như tờ *Công Nông*, *Lính Cách mạng*, *Việt Nam tiền phong*... góp phần quan trọng vào công cuộc giác ngộ chính trị cho hội viên của Hội cũng như người dân ở trong nước.

Từ những phương tiện tuyên truyền trên, cùng phương pháp tuyên truyền đa dạng và phù hợp với đặc điểm nhận thức của nhân dân một nước thuộc địa – phong kiến, thông qua Hội VNCMTN, Nguyễn Ái Quốc đã truyền bá thành công chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam. Đặc biệt, tháng 9/1928, phong trào Vô sản hoá do Hội VNCMTN phát động trên cả nước đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và lập trường tư tưởng của tất cả hội viên Hội VNCMTN nói riêng và quần chúng nhân dân yêu nước ở Việt Nam nói chung. Qua đó, tạo ra sự chuyển biến về chất trong hệ tư tưởng dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX, biểu hiện rõ nét nhất đó là hệ lập trường, tư tưởng chủ nghĩa cộng sản dần thay thế cho hệ tư tưởng Nho giáo và hệ tư tưởng chủ nghĩa quốc gia. Theo đó, góp phần thúc đẩy Hội VNCMTN phát triển từ tổ chức yêu nước tiệm cận dần tới tổ chức cộng sản.

Thứ tư là sự chủ động, tích cực của Nguyễn Ái Quốc góp phần giúp Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên hoàn thành sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều này được thể hiện ở một số hoạt động sau:

(1) Trước tình trạng thiếu bình tĩnh và không cân nhắc kỹ, một số hội viên nhiệt tình cách mạng của Kỳ bộ Bắc Kỳ đã làm “rạn nứt” tổ chức Hội VNCMTN. Hành động đó, tuy có tạo ra “tiền đề” tích cực, nhưng việc xuất hiện các tổ chức cộng sản vào nửa cuối năm 1929 đã đặt cách mạng Việt Nam trước một thách thức mới: phải vượt qua tình trạng phân liệt, mất đoàn kết để đi tới sự thống nhất. Mặc dù những “người trong cuộc” như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Duy Điểm, Châu Văn Liêm... đã cố gắng để vận động... nhưng các Hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản

đều thất bại. Với trách nhiệm của người gây dựng, tổ chức phong trào cách mạng Việt Nam, mặc dù không được Quốc tế Cộng sản ủy nhiệm trực tiếp nhưng Nguyễn Ái Quốc đã chủ động rời Thái Lan, triệu tập các đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, để chủ trì tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cách mạng ở trong nước (Tại Hương Cảng – Trung Quốc, tháng 2/1930) nhằm hàn gắn “vết nứt phong trào” cách mạng. Theo Hà Huy Tập, công lao to lớn của Nguyễn Ái Quốc là đã tập hợp được các lực lượng cộng sản phân tán lại thành một khối, nhờ đó mà đã đưa lại cho những người lao động Đông Dương một đội tiên phong chiến đấu và kiên quyết cách mạng.

(2) Với uy tín và kinh nghiệm của mình, những sự phân tích thấu tình đạt lý của Nguyễn Ái Quốc về vai trò, trách nhiệm của những người cộng sản trước vận mệnh dân tộc nhận được sự nhất trí của các đại biểu, Nguyễn Ái Quốc đã đoàn kết được những người cộng sản Việt Nam, hướng họ tới một mục tiêu chung. Các đại biểu dự hội nghị đã nhất trí hợp nhất hai tổ chức cộng sản thành ĐCSVN, thông qua “Chính cương vắn tắt”, “Sách lược vắn tắt” và “Điều lệ vắn tắt” và “Chương trình tóm tắt” của Đảng, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Sự kiện thành lập Đảng đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam, đồng thời việc thông qua Cương lĩnh Chính trị đầu tiên đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam. Sự kiện này cũng ghi nhận sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cộng sản ngay từ buổi đầu tổ chức còn manh nha, trứng nước. Những bất đồng có tính cục bộ giữa những người cộng sản đã được dẹp bỏ để tất cả cùng hướng tới mục tiêu chung là đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Tại “Báo cáo gửi Quốc tế cộng sản” sau Hội nghị (ngày 18/2/1930), Nguyễn Ái Quốc viết: “Từ nay, với chính sách đúng và với sự thống nhất, chúng tôi có thể chắc rằng, Đảng Cộng sản sẽ tiến bộ nhanh chóng” [122, tr. 15]. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh nhận định đúng đắn đó.

(3) Trong việc đặt tên ĐCSVN cũng thể hiện sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Sau khi nói rõ lý do Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc đại diện của Quốc tế Cộng sản đã đề nghị các đại biểu tiến hành thảo luận về “việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một đảng cộng sản chân chính” [122, tr. 8] và bàn “kế hoạch thành lập tổ chức đó” [122, tr. 8]. Qua cách trình bày khúc triết, dễ hiểu của Nguyễn Ái Quốc cùng tinh thần thiện chí và ý thức trách nhiệm cao, các đại biểu đã đi đến hoàn toàn tán thành ý kiến của Nguyễn Ái Quốc hợp nhất các nhóm cộng sản thành một “Đảng duy nhất mới” lấy tên là “ĐCSVN” [122, tr. 8].

Tại sao lại sử dụng tên “ĐCSVN”? Có lẽ điều đầu tiên vì chủ đề lớn nhất của Hội nghị là thống nhất các tổ chức cộng sản nên phải tránh lặp lại tên gọi “Đảng Cộng

sản Đông Dương” vốn trùng với một trong các tổ chức cộng sản. Chắc chắn, về khía cạnh tâm lý sẽ khó chấp nhận đối với nhóm An Nam Cộng sản Đảng và sau này là Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Nhưng còn một lý do quan trọng hơn, hẳn là trong tư duy của Nguyễn Ái Quốc lúc này có phần nào khác với đường lối và chỉ đạo của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản. Người chủ trương giải quyết vấn đề Đảng trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương. Theo Nguyễn Ái Quốc, mặc dù Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp nhưng Liên bang Đông Dương gồm có các thành viên là Việt Nam, Lào, Campuchia sinh sống. Mỗi quốc gia có lịch sử lâu đời, có phong tục tập quán, nền văn hóa riêng; phong trào cách mạng ở từng quốc gia đó cũng có khác biệt. Đặt tên như thế là phù hợp với thực tế lịch sử. Hơn nữa, quán triệt và tôn trọng nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết của Lênin thì tên “ĐCSVN” là phù hợp. Sau này, nhà nghiên cứu Trần Văn Giàu đã khẳng định việc đặt tên ĐCSVN của Nguyễn Ái Quốc cũng là một “sáng tạo lý luận” [64, tr. 163].

Đầu năm 1930, với sự kiện hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập ĐCSVN diễn ra thành công dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc đã đánh dấu hoàn thành quá trình chuyển hoá về chất của Hội VNCMTN trên các phương diện: chính trị, tư tưởng và tổ chức khi từ chủ nghĩa yêu nước phát triển lên chủ nghĩa cộng sản và từ tổ chức yêu nước chuyển hoá thành tổ chức cộng sản (ĐCSVN). Hay nói theo cách khác, với sự ra đời của ĐCSVN đầu năm 1930, dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, Hội VNCMTN hoàn thành sứ mệnh lịch sử là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.

Nhìn lại toàn bộ quá trình hình thành, phát triển, chuyển hoá của Hội VNCMTN trong tiến trình lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử ĐCSVN nói riêng, có thể thấy rất rõ ràng mối quan hệ biện chứng giữa Nguyễn Ái Quốc và Hội VNCMTN. Nếu như Nguyễn Ái Quốc luôn song hành với Hội VNCMTN từ khi Hội ra đời cho đến khi hoàn thành sứ mệnh là tổ chức tiền thân của ĐCSVN, thì kết quả từ quá trình phát triển, chuyển hoá của Hội VNCMTN thành ĐCSVN cũng chính là quá trình hình thành và kiểm chứng những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam trên thực tế. Đặc biệt, sự kiện ĐCSVN ra đời là minh chứng thuyết phục nhất khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng GPDT ở một nước thuộc địa – phong kiến như Việt Nam – Một mảnh ghép quan trọng trong kho tàng lý luận cách mạng GPDT mà chủ nghĩa Mác – Lênin còn đang thiếu. Qua đó, giúp cho học thuyết khoa học này hoàn thiện hơn, đầy đủ hơn, đúng đắn hơn trên phạm vi toàn thế giới. Đồng thời cũng khẳng định trong quá trình hình thành và phát triển ĐCSVN, bên cạnh yếu tố chủ nghĩa Mác – Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước thì yếu tố Hồ Chí Minh là yếu tố không thể thiếu.

4.2. Một số kinh nghiệm

4.2.1. Xây dựng lập trường tư tưởng đúng đắn và xác định con đường đấu tranh phù hợp để giành độc lập dân tộc.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (năm 1848), C.Mác và Ph.Ăngghen nêu rõ về sự cần thiết giai cấp vô sản phải đại biểu cho phong trào dân tộc, giai cấp vô sản không chỉ giải phóng mình mà còn giải phóng những người bị áp bức, bóc lột trên thế giới. V.I.Lênin đã nghiên cứu sâu sắc và chỉ ra con đường giải phóng các dân tộc bị áp bức:

Điều quan trọng nhất trong chính sách của QTCS về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa phải là làm cho vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gần gũi ấy mới bảo đảm việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản, nếu không có chiến thắng đó thì không thể thủ tiêu được ách áp bức dân tộc và tình trạng bất bình đẳng [100, tr. 200]

Bên cạnh đó, trong “*Báo cáo của các tiểu ban về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*”, dựa trên kinh nghiệm đầu tiên của Đảng Bôn-sê-vích (b) Nga rút ra qua công tác tại các nước Cộng hòa Xô viết ở Trung Á, V.I.Lênin đưa ra nhận định rằng: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [100, tr. 295]. Nội dung trên đã giúp Hội VNCMTN cùng Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ ràng rằng, muốn cứu nước và GPDT không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản, con đường mà Cách mạng Tháng Mười đã vạch ra.

Thực tế cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX đã cho thấy, vấn đề GPDT là một nội dung căn bản. Đặc biệt, trên cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn lịch sử lúc bấy giờ, vấn đề dân tộc luôn luôn gắn liền với vấn đề giai cấp, được mỗi giai cấp nhìn nhận và giải quyết xuất phát từ lập trường và lợi ích của chính giai cấp đó. Trong khi VNQĐĐ - một tổ chức yêu nước có thành phần xã hội nòng cốt là tư sản và trí thức tiểu tư sản, VNQĐĐ đã đứng trên lập trường của giai cấp tư sản dân tộc để giải quyết vấn đề dân tộc. TVCMĐ – một tổ chức yêu nước có thành phần chủ yếu là trí thức tiểu tư sản, những người có học thức, nông dân... Từ những ngày đầu thành lập, Hội Phục Việt (Sau đổi tên thành TVCMĐ) trên nền tảng chủ nghĩa quốc gia (về sau, thông qua sự giác ngộ của Hội VNCMTN, TVCMĐ dựa trên hệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản) để giải quyết vấn đề dân tộc. Thì Hội VNCMTN - một tổ chức yêu nước có thành phần xã hội nòng cốt là

công nhân, trí thức tiểu tư sản, nông dân... Hội VNCOMTN đã đứng trên lập trường của giai cấp công nhân để giải quyết vấn đề dân tộc.

Đến năm 1930, khởi nghĩa Yên Bái thất bại đã chứng tỏ sự non yếu cả về thế lực kinh tế lẫn địa vị xã hội cũng như kinh nghiệm chính trị của VNCOMĐ. TVCOMĐ thì ngay trong nội bộ có sự phân hoá sâu sắc. Qua đó, khẳng định bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam hay trí thức tiểu tư sản đều không có đủ năng lực đại diện cho dân tộc và không thể đảm nhiệm được vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam. VNCOMĐ hay TVCOMĐ không thể giải quyết triệt để vấn đề dân tộc độc lập, do đó không đáp ứng được đòi hỏi khách quan của sự nghiệp GPDT của cách mạng Việt Nam. Hội VNCOMTN (sau này là ĐCSVN) đã không ít lần thẳng thắn chỉ ra những hạn chế lịch sử này của VNCOMĐ và TVCOMĐ.

Trong thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, sự nghiệp GPDT ở Việt Nam muốn thắng lợi phải đi theo con đường của cách mạng vô sản và vấn đề dân tộc phải được giải quyết trên lập trường của giai cấp vô sản. Chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ năng lực lãnh đạo cách mạng dân tộc vì lợi ích của nó phù hợp với lợi ích chung của dân tộc. Vì giai cấp vô sản là những người “tay không, chân rỗng, nếu thua thì họ không mất gì cả, nếu được thì họ sẽ được cả thế giới” [121, tr. 288]. Bởi vậy, “muốn cứu nước và GPDT, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr. 30].

Xuất phát từ nhận thức đúng đắn trên, đứng trên lập trường của giai cấp vô sản, Hội VNCOMTN ngay từ đầu đã xác định tôn chỉ, mục đích của mình là Hội VNCOMTN phụ trách tổ chức và lãnh đạo cuộc cách mạng ở Việt Nam, hết sức phấn đấu để thu phục lấy đại bộ phận thợ thuyền, dân cày và binh lính, dẫn đạo cho quần chúng lao khổ bị áp bức ấy liên hiệp với vô sản giai cấp thế giới để “một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà dựng ra chính quyền độc tài của thợ thuyền, dân cày và binh lính; một mặt tham gia vào cuộc thế giới c m sản trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới đang thực hiện chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 118]

Trong các bài giảng cho hội viên Hội VNCOMTN tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nhắc nhở các học viên đã hi sinh làm cách mạng, thì nên làm cho đến nơi và “... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” [121, tr. 289], vì vậy, Người đặc biệt yêu cầu “ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy” [121, tr. 289]. Bởi để làm cách mạng lật đổ sự thống trị của chủ nghĩa thực dân áp bức dân tộc thì phải đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Lênin, phải hiểu thực tế sự phát triển của thời đại và đặc điểm lịch sử của dân tộc, hiểu được ai là

bạn ta, ai là thù ta và phải đi theo con đường Cách mạng Vô sản Tháng Mười Nga. Đến Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN cũng vạch rõ tính chất, mục tiêu của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [50, tr. 2]. Đó là đường lối cách mạng triệt để đúng đắn của giai cấp vô sản, phản ánh được yêu cầu lịch sử và thực tiễn của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Thất bại của VNQDD hay phái Tổng bộ của TVCMĐ về thực chất là sự thất bại của đường lối theo quan điểm tư sản và chủ nghĩa quốc gia để GPDT. Chính từ sự thất bại đó đã góp phần khẳng định tính chất đúng đắn của đường lối cách mạng dân tộc dân chủ kiểu mới do Hội VNCMTN (sau này là ĐCSVN) xác định và chỉ đạo. Đó là con đường đúng đắn, phù hợp nhất đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

4.2.2. Xây dựng và tiến hành hoạt động tổ chức phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tiễn, tạo tiền đề thuận lợi để thành lập Đảng cộng sản.

Trong quá trình xây dựng hệ thống tổ chức cần chú trọng phát triển tổ chức Đảng các cấp, đồng thời đảm bảo sự gắn kết giữa tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng.

Vị trí, vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng được C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ rằng nếu các chi bộ buông lỏng về mặt tổ chức, sẽ làm cho Đảng mất chỗ dựa vững chắc và duy nhất. Phát triển tư tưởng đó, trong quá trình xây dựng và lãnh đạo Đảng Bôn-sê-vích Nga - Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, Lênin đã xây dựng và kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, làm nơi rèn luyện, phân công công tác, quản lý, sàng lọc đảng viên, biến mỗi chi bộ thành trung tâm hạt nhân của các hiệp hội công nhân, là điểm tựa để tiến hành công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức thực hiện mọi chủ trương đường lối lãnh đạo của Đảng trong quần chúng. Tiếp thu tinh thần đó, Nguyễn Ái Quốc xác định: “Chi bộ là gốc rễ của Đảng” và “Chi bộ là đòn lẩy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng” [125, tr. 268]. Giống như một cây không thể thiếu gốc rễ, một ngôi nhà không thể thiếu nền tảng, điều đó đủ nói lên vị trí, vai trò cực kỳ quan trọng của mỗi chi bộ với tư cách là tổ chức cơ sở. “Đảng mạnh là do các chi bộ mạnh” [125, tr. 268] và “các chi bộ mạnh tức là Đảng mạnh” [125, tr. 268]. Như vậy, “Tác dụng của chi bộ là cực kỳ quan trọng, vì nó là sợi dây chuyền để liên hệ Đảng với quần chúng” [125, tr. 268], “Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị, cầu nối giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở” [13, tr. 2].

Tháng 6/1925, Hội VNCMTN được thành lập với hệ thống tổ chức gồm năm cấp độ: Tổng bộ ⇔ Kỳ bộ ⇔ Tỉnh (thành) bộ ⇔ Huyện bộ ⇔ Chi bộ. Cuối năm 1926, sau khi được huấn luyện, các học viên về nước xây dựng cơ sở ở Hà Nội, Vinh, Sài Gòn. Năm 1927, Hội VNCMTN liên tục tổ chức các đoàn từ trong nước sang Quảng Châu dự các lớp huấn luyện của Tổng bộ; Những cơ sở đầu tiên được xây

dựng ở trong nước là lập Kỳ bộ ở cả ba kỳ, một số tỉnh bộ được hình thành. Trong hai năm 1927 và năm 1928, Hội VNCMTN đã xây dựng được hệ thống tổ chức ở trong nước từ Kỳ bộ xuống Tỉnh bộ và Chi bộ. Tất cả các Kỳ bộ đều đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Tổng bộ. Đến cuối năm 1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ phát động phong trào “vô sản hoá” đẩy mạnh hoạt động, phát triển tổ chức vào đội ngũ công nhân. Hàng loạt cán bộ, hội viên trong cả nước đi vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền để cùng lao động và sinh hoạt với công nhân. Đến giữa năm 1929, tổ chức Hội VNCMTN nhanh chóng phát triển ở các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, khu công nghiệp. Các chi bộ nhà máy lần lượt được thành lập, hoạt động thống nhất từ trên xuống dưới. Qua đó, hình thành hệ thống tổ chức của Hội VNCMTN chặt chẽ, thống nhất ở tất cả các cấp độ.

Đối với một nước là thuộc địa – phong kiến, lạc hậu, chậm phát triển, nhân dân có truyền thống đấu tranh yêu nước lâu đời, tuy còn là nơi có số lượng giai cấp công nhân ít ỏi, nhưng đã có mối quan hệ chặt chẽ với phong trào yêu nước. Mặt khác, “Kinh nghiệm trong nước và các nước tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong” [123, tr. 335]. Sức mạnh của Đảng Cộng sản là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. “Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết” [123, tr. 278]. Bởi vậy, “một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng” [123, tr. 325]. Nên, song song với công tác giác ngộ cách mạng, những hội viên của các chi bộ bí mật xây dựng nhiều tổ chức đoàn thể quần chúng. Các hội viên đã dựa vào tính chất nghề nghiệp của các tầng lớp lao động cơ bản để tổ chức ra các đoàn thể và với các tổ chức nghề nghiệp sẽ phát triển và củng cố cuộc đấu tranh kinh tế và các tổ chức nghề nghiệp ấy sẽ trở thành trợ thủ đắc lực cho việc cổ động chính trị hàng ngày. Ở bất kỳ nơi nào có người đi “vô sản hóa” thì ở đó nhân dân được tuyên truyền những điều phải và các tổ chức *Thanh niên*, công hội đỏ, hội tương tế, hội cứu tế, hội đọc sách báo... được thành lập. Đến đầu 1929, tổ chức Công hội ra đời, thay thế cho hội tương tế, công hội được thành lập tại một số xí nghiệp lớn ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Quảng Trị, Quảng Nam – Đà Nẵng. Riêng ở Xiêm, các chi bộ xây dựng tổ chức quần chúng dưới hai hình thức: “Hội Hợp tác” và “Hội Thân ái”. Trong các hình thức tồn tại của tổ chức quần chúng thì công hội là tổ chức đạt được kết quả hơn cả. Mặc dù bị mạng lưới thống trị và do thám dày đặc của đế quốc theo dõi, tổ chức quần chúng của Hội VNCMTN đã giúp Hội thoát khỏi mô hình “Hội kín” trước đây. So sánh với tất cả các tổ chức yêu nước trước kia và cả VNQDD sau này, đều không có sự chăm lo tổ chức và không biết cách tổ chức lực lượng quần chúng như Hội VNCMTN đã làm. Có thể thấy, Hội VNCMTN đã tổ chức liên tục và đều khắp

việc huấn luyện, bồi dưỡng, giác ngộ, tổ chức đấu tranh cho người dân Việt Nam (là hội viên trong các chi bộ Hội VNCMTN hay hội viên trong các tổ chức quần chúng), không chỉ tạo nên sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong nội bộ, tăng thêm sức mạnh của tổ chức, thống nhất về các hình thức và phương pháp tổ chức, mà còn trang bị cho hội viên và nhân dân những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin để từ đó làm cho hệ tư tưởng vô sản được thiết lập vững chắc trong lập trường tư tưởng mọi người dân Việt Nam, qua đó góp phần làm cho phong trào yêu nước có những bước tiến lớn trong thời gian tiếp theo.

Trong quá trình phát triển hệ thống tổ chức cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng, hội viên Hội VNCMTN luôn *đảm bảo nguyên tắc sinh hoạt tổ chức tập trung, dân chủ*. Vì là tổ chức cách mạng mang khuynh hướng cộng sản, hoạt động bí mật lại bị kẻ thù đặt ra ngoài vòng pháp luật, nên Tổng bộ Hội VNCMTN luôn chú trọng đến nguyên tắc tổ chức và nguyên tắc sinh hoạt. Theo đó, Hội được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiểu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình. Trong quá trình xây dựng Đảng Cộng sản (b) Nga, V.I.Lênin cũng đã triệt để áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, V.I.Lênin cho rằng “Chúng ta chủ trương theo chế độ tập trung dân chủ. Nhưng cần phải hiểu rõ rằng chế độ tập trung dân chủ, một mặt, thật khác xa chế độ tập trung quan liêu chủ nghĩa, và, mặt khác, thật khác xa chủ nghĩa vô chính phủ” [98, tr. 185]. Đây chính là cách thức tổ chức của một đảng vô sản kiểu mới mà Nguyễn Ái Quốc đã học được khi Người tham gia Đảng Cộng sản Pháp và khi ở Liên Xô, để từ đó, Người đã giảng dạy cho các học viên trong lớp huấn luyện chính trị. Sau khi trở về nước, họ áp dụng vào xây dựng tổ chức Hội VNCMTN và sau này là ĐCSVN.

Cùng với nguyên tắc tập trung dân chủ, các hội viên của Hội VNCMTN còn thực hiện *nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong tổ chức*, cụ thể:

Về công tác đoàn kết, thống nhất tổ chức cách mạng, C.Mác và Ph.Ăngghen chỉ rõ: “Sự thành công của phong trào công nhân trong mỗi nước chỉ có thể được bảo đảm bằng sức mạnh của sự thống nhất và sự có tổ chức” [111, tr. 168]. Kế thừa tư tưởng đó, theo V.I.Lênin, để có thể làm tròn vai trò đội tiên phong của giai cấp cách mạng, thì về mặt tổ chức phải được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực hiện nguyên tắc này sẽ tạo nên sự đoàn kết thống nhất trong tổ chức, làm cho tổ chức vững chắc và phát huy được sức mạnh vô địch. Từ đó, V.I.Lênin khẳng định:

Sự thống nhất là cần thiết cho giai cấp công nhân. Chỉ có một tổ chức thống nhất – một tổ chức mà nghị quyết của nó được tất cả những công nhân giác ngộ chấp hành không phải vì sợ hãi, mà vì lương tâm - mới

có thể thực hiện được sự thống nhất. Thảo luận một vấn đề, phát triển và lắng nghe những ý kiến khác nhau, tìm hiểu quan điểm của đa số những người mác-xít có tổ chức, phản ánh quan điểm đó trong một nghị quyết chính xác và trung thực chấp hành nghị quyết ấy, – đó là cái mà trên khắp thế giới, trong tất cả những người có lý trí, người ta gọi là sự thống nhất [98, tr. 241 – 242].

Như vậy, đoàn kết thống nhất tức là trong nội bộ không có các phe nhóm, là sự bàn bạc, thảo luận dân chủ mọi công việc của tổ chức đó, khi nghị quyết ban hành theo đa số của những người có ý thức tổ chức thì mọi thành viên phải tự giác chấp hành vô điều kiện. Có làm được như vậy mới đảm bảo thắng lợi cho phong trào công nhân ở mỗi nước và trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, thực tiễn lịch sử đã chứng minh, chỉ khi nào toàn dân tộc đoàn kết, thống nhất một lòng thì dân tộc sẽ trường tồn, phát triển. Trên cơ sở đó cùng với việc tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về đoàn kết, thống nhất tổ chức cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc xác định rất rõ ràng: đoàn kết thống nhất là nguồn gốc của sức mạnh, là then chốt của thành công.

Cuối năm 1929, đầu năm 1930 là thời điểm những người yêu nước Việt Nam (bao gồm cả những thành viên trong ĐDCSĐ, ANCSĐ, ĐDCSLĐ) nói chung, Nguyễn Ái Quốc nói riêng đứng trước thử thách thật sự to lớn khi phong trào cách mạng dân tộc đặt ra yêu cầu cần đoàn kết, thống nhất tổ chức. Thời điểm này, phong trào cộng sản Việt Nam đang trong tình trạng phân tán. Trong một nước nhưng lại có nhiều tổ chức cách mạng tự nhận là tổ chức cộng sản chân chính và là một chi bộ của QTCS. Trong tuyên truyền và vận động quần chúng, họ tìm mọi cách tranh giành ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân. Từ đó, dẫn tới sự không thống nhất trong tư tưởng cũng như hành động và sẽ làm yếu phong trào cách mạng, cho nên việc thống nhất các tổ chức cộng sản đã trở thành một yêu cầu khách quan và cấp bách của phong trào cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Vì vậy, sau khi nhận được tin từ đồng chí của mình về thực tiễn cách mạng lúc này là những người cộng sản chia thành nhiều phái, mâu thuẫn nhau, lập tức Nguyễn Ái Quốc đi Trung Quốc, triệu tập các đại biểu của 2 nhóm (Đông Dương và An Nam).

Ngày 6/1/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản được diễn ra ở Hương Cảng. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, đồng thời, rút kinh nghiệm từ hai cuộc gặp gỡ không thành trước đó, Nguyễn Ái Quốc bày tỏ quan điểm: “Vô sản các nước còn phải liên hiệp lại, hướng chi vô sản trong một nước. Vì vậy nước Việt Nam không thể có ba đảng Cộng sản” [42, tr. 56], “Chúng ta phải đoàn kết

giai cấp, đoàn kết toàn dân đấu tranh GPDT, giải phóng giai cấp. Để đạt mục đích ấy, phải thống nhất tổ chức” [42, tr. 57]. Trước những lập luận sắc bén và thuyết phục của Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu nhất trí “Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương” [25, tr. 2]. Qua đó, ghi nhận sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cộng sản ngay từ buổi đầu tổ chức còn manh nha trũng nước. Những bất đồng có tính cục bộ giữa những người cộng sản đã được dẹp bỏ để tất cả cùng hướng tới mục tiêu chung cao cả là đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, giành hạnh phúc cho nhân dân.

Trong Hội nghị hợp nhất, sau khi khẳng định Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng, các đại biểu cũng nhất trí Đảng cần phải thu phục đại bộ phận giai cấp nông dân, đồng thời “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c. m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập” [121, tr. 195]. Luận điểm cơ bản này từ đây trở thành một bộ phận đặc biệt quan trọng trong đường lối cách mạng của ĐCSVN, mở đường cho quá trình vận động, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đúng như nhận định của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác” [130, tr. 611].

4.2.3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận và thực tiễn để trở thành chiến sĩ Cộng sản tiên phong.

C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Muốn thực hiện tư tưởng thì cần có những con người sử dụng lực lượng thực tiễn” [111, tr. 181]. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [123, tr. 309] và “Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [123, tr. 280]. Người chỉ rõ: “Đảng phải sử dụng cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây quý báu” [123, tr. 313], “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” [123, tr. 309]. Với nhãn quan chính trị của một nhà cách mạng có kinh nghiệm dày dặn, Người sớm nhận ra đây là vấn đề cốt lõi của mọi vấn đề. Nhưng không phải cứ dán lên trán chữ “cộng sản” là được quần chúng yêu mến. Muốn đi làm cách mạng, cán bộ phải có tầm trí tuệ cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tức là cán bộ phải là người “đủ đức, đủ tài”, trong đó đức là “gốc”.

Khi người cách mạng thấm nhuần đạo đức cách mạng rồi thì mọi khó khăn, vướng mắc khác sẽ gỡ ra được. Vì vậy, ngay tại các lớp huấn luyện của Hội VNCOMTN ở Quảng Châu, Người đặt vấn đề hàng đầu là tư cách của người cách mạng. Nội dung đó là: trước hết, tự mình phải cần kiệm; biết sửa lỗi mình; làm việc cẩn thận, nhẫn nại; chịu khó học hỏi, nghiên cứu, xem xét; chí công vô tư (vị công vong tư); không hiếu danh, không kiêu ngạo; nói đi đôi với làm; giữ chủ nghĩa cho vững; dám hy sinh vì nghĩa lớn, ít lòng ham muốn về vật chất; giữ bí mật trong công tác. Đối với người: khoan thứ, biết xem xét, có lòng giúp đỡ, hướng dẫn người. Với đoàn thể thì nghiêm: trong khi làm việc phải xem xét hoàn cảnh kỹ càng; dám quyết đoán; dũng cảm; có ý thức phục tùng đoàn thể. Cuối chương trình học, Nguyễn Ái Quốc nhắc nhở làm cách mạng phải có Đảng lãnh đạo, nhưng Đảng phải từ trong quần chúng mà tổ chức ra. Các học viên học xong về nước hoạt động để sau này sẽ tổ chức Đảng. Theo sắp xếp của Nguyễn Ái Quốc, sau khi học xong, các học viên đã tỏa theo nhiều hướng để nhân lên những hạt nhân cách mạng cho phong trào đấu tranh ở Việt Nam. Đặc biệt, năm 1928, phong trào “Vô sản hóa” do Hội VNCOMTN phát động đã làm cho phong trào công nhân có sự chuyển hóa về chất, thúc đẩy phong trào yêu nước cũng chuyển biến theo. Qua phong trào, một đội ngũ cán bộ được tôi luyện trong thực tế, đã tạo ra sự chuyển biến về chất trong nhận thức của họ. Thông qua lao động và thực tiễn hoạt động, những người tiểu tư sản trí thức thấy được lực lượng thực hiện lý tưởng khoa học cho mình là giai cấp công nhân; còn giai cấp công nhân thì tìm thấy được những người thầy tuyệt vời và tâm huyết là lực lượng trí thức cùng với đó là học thuyết khoa học nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Mác – Lênin.

Trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin và lẫn lộn với cuộc sống lao động, thấy được tình cảnh khổ cực của người thợ, các cán bộ xuất thân từ tiểu tư sản thấu hiểu một cách sâu sắc “vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết” [121, tr. 288], nên công nhân là người đại diện cho phương thức sản xuất tiên bộ, cũng là lực lượng có khả năng xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng xã hội tương lai tốt đẹp hơn xã hội cũ. Từ đó, các hội viên quyết định rời bỏ lập trường phi vô sản, chuyển hẳn sang lập trường giai cấp vô sản, nguyện suốt đời phục vụ giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhờ có những người tiểu tư sản, trí thức yêu nước, cách mạng và tiên tiến đi “vô sản hóa” mà chủ nghĩa Mác – Lênin được truyền bá trực tiếp vào giai cấp công nhân. Đồng thời, chủ nghĩa Mác – Lênin gặp được cơ sở xã hội phù hợp nên đã đi vào thực tiễn chiến đấu, củng cố được cơ sở xã hội mà không bị đóng khung trên lý thuyết.

Có thể thấy, từ lớp huấn luyện chính trị đến phong trào vô sản hoá đã giúp những thanh niên trí thức “Tây học” từ chủ nghĩa yêu nước phát triển thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Qua hoạt động, lăn lộn với thực tiễn phong trào cách mạng, họ học hỏi, đúc rút kinh nghiệm, tu dưỡng, rèn luyện để từ người yêu nước trở thành chiến sĩ cách mạng chân chính, suốt đời hy sinh, phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, cho mục tiêu, con đường đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mặc dù chỉ diễn ra trong khoảng thời gian không quá dài nhưng rõ ràng công tác đào tạo cán bộ thông qua hoạt động huấn luyện chính trị và phong trào “Vô sản hóa” của Hội VNCMTN tỏ ra rất phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam vào những năm 20 của thế kỷ XX. Qua đó, đào tạo được một thế hệ các cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên” phục vụ “tận tâm”, “tận lực” cho cách mạng. Đây chính là sự chuẩn bị tất yếu cho những thắng lợi về sau này của cách mạng Việt Nam.

Bài học kinh nghiệm của Đảng về đào tạo cán bộ cách mạng cũng là minh chứng rõ nét của việc hiện thực hoá quan điểm lý luận gắn liền với thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc. Theo học lớp huấn luyện chính trị chính là tiếp thu lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin. Tình hình Việt Nam những thập kỉ đầu của thế kỉ XX chính là thực tiễn. Quá trình các học viên của Hội VNCMTN trở về nước, đi vào quần chúng để tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản, giác ngộ họ, tổ chức họ đấu tranh thực hiện GPDT chính là quá trình lý luận gắn liền với thực tiễn. Đó cũng là sự đúc kết của Nguyễn Ái Quốc về sự kết hợp lý luận với thực tế:

Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính. Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi [123, tr. 273 – 274].

Nói theo cách khác là: “...Phải đem lý luận áp dụng vào công việc thực tế... Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung cũng như không có tên” [123, tr. 274 – 275].

Đó là bài học quý báu cho công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ. Đảng viên phải vừa chăm học tập lý luận, đồng thời phải vừa lăn lộn, dấn thân vào hoạt động thực tiễn.

“Lịch sử là những vấn đề muôn năm cũ. Nhưng bài học được đúc rút từ lịch sử thì luôn luôn tươi mới” [164, tr. 32]. Bài học đó chính là giá trị văn hóa của dân tộc, của Đảng. Khi đã trở thành giá trị văn hóa thì rất cần được các thế hệ cán bộ, đảng

viên hiện nay và mai sau giữ gìn, phát huy, biến giá trị văn hóa đó thành động lực thôi thúc Đảng phát triển lớn mạnh hơn. Thiết nghĩ, trong bất kỳ thời đại nào, đất nước muốn phát triển “đàng hoàng hơn”, “to đẹp hơn”, ngoài việc trau dồi lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, luôn vun đắp tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, để có cán bộ cách mạng chuyên nghiệp, thì nguồn cán bộ cần phải hòa mình vào hoạt động thực tiễn xã hội, bởi như chính Lênin đã nói: “chỉ khi nào cùng lao động với công nhân và nông dân, người ta mới trở thành một người cộng sản chân chính được” [100, tr.376].

4.2.4. Kinh nghiệm về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, hướng tới mục tiêu thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về đại đoàn kết dân tộc:

Đối với dân tộc Việt Nam - một dân tộc đặc biệt khi mà thời gian “giữ nước” dài hơn thời gian “dựng nước” thì vấn đề đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết các lực lượng nhân dân, tạo thành một khối vững chắc luôn được nêu cao. Vì vậy, trong *Báo cáo Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ*, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước” [120, tr. 511], “Người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên cái động lực vĩ đại, và duy nhất trong đời sống của họ” [120, tr. 513] và “Nhờ đại đoàn kết mà trong bao nhiêu thế kỷ, nhân dân Việt Nam đã bảo vệ được độc lập tự do của mình” [126, tr. 272]. Nên, muốn cứu nước và GPDT thì phải “đoàn kết nhau mà làm cách mệnh” [121, tr. 283].

Từ nửa sau thế kỷ XIX, thử thách đặt ra trước dân tộc Việt Nam khi kẻ thù xâm lược mới là đại diện của phương thức sản xuất cao hơn - phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa, cho một nền văn minh xa lạ - văn minh phương Tây, và cho một thế lực quốc tế - tức là Chủ nghĩa thực dân phương Tây. Để có thể lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ đánh lớn, lấy yếu đánh mạnh, nhu cầu bức thiết đặt ra là phải tối đa hoá sức mạnh dân tộc, thay đổi thế và lực của dân tộc Việt Nam, từ đó làm thay đổi tương quan so sánh lực lượng giữa dân tộc Việt Nam và kẻ thù. Nhiều lãnh tụ yêu nước Việt Nam trước Nguyễn Ái Quốc cũng đã nhận thấy chừng nào toàn dân tộc chưa thực sự đồng tâm, nhất trí, đồng sức, đồng lòng, tập trung dưới một ngọn cờ thì chưa thể chiến thắng đế quốc, thực dân. Phan Bội Châu đưa ra lời kêu gọi “đồng tâm”, nhưng thiếu cơ sở lý luận, thiếu phương thức thực hiện nên khối đại đoàn kết dân tộc không hội tụ được dưới lá cờ yêu nước của ông. Vì vậy, trước năm 1930, giải pháp tối ưu nhất là *phát huy tối đa sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc* để chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Từ định hướng ấy, khi về hoạt động ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã lập ra Hội VNCOMT, đồng thời xuất bản báo *Thanh Niên* để tuyên truyền, vận động và tổ chức quần chúng, thức tỉnh mọi giới đồng bào cùng đứng lên đoàn kết làm cách mạng. Trong

bài viết đăng báo *Thanh Niên* số ra đầu tiên, ngày 21 tháng 6 năm 1925, cùng với việc nêu rõ nguyên nhân “vì thiếu đoàn kết” nên “cách mạng nhiều năm rồi mà chưa thành công”, Hội VNCOMTN đã chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của những người cách mạng:

Để dẫn dắt nhân dân làm một sự nghiệp vĩ đại cần phải có một sức lãnh đạo, sức lãnh đạo đó không phải có một vài người thôi, mà phát sinh từ sự hiệp lực của hàng ngàn vạn người. Muốn cho hàng ngàn hàng vạn người ấy đoàn kết với nhau thì... những người cách mạng phải đoàn kết với nhau để thực hiện sự nghiệp đó [117, tr. 175].

Nội dung này cũng được Hội VNCOMTN cùng Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh trong phần mở đầu của tác phẩm *Đường cách mệnh*: “Cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người” [121, tr. 283], cần phải tập hợp, giác ngộ và từng bước tổ chức quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao. Trong một nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề, vì vậy cần phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, cần phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng: “Công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông” [121, tr. 288]. Muốn có thực lực để ra sức cách mạng thì “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi” [121, tr. 289], Đảng ấy phải đoàn kết, thống nhất trên cơ sở đường lối, chính sách chung và “ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo...” [121, tr. 289]. Nội dung đoàn kết dân tộc này đã theo các học viên về nước và được họ thực hiện trong phong trào “Vô sản hóa”. Kết quả là trong những năm 1925-1928, các cơ sở cách mạng được thành lập và phát triển mạnh ở 17 tỉnh thành Bắc Kỳ; thành lập được 5 tỉnh bộ: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình và kết nạp được gần 1.000 hội viên [40, tr.191]; các tổ chức xã hội theo giới, nghề nghiệp đã được thành lập ở các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền. Phong trào công nhân cùng phong trào yêu nước ngày càng phát triển và được mở rộng mạnh mẽ với lực lượng có ý thức chính trị ngày càng rõ rệt, hành động ngày càng thống nhất. Đến đầu năm 1930, khi các yếu tố cần thiết cho sự ra đời một chính Đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam đã chín muồi, Nguyễn Ái Quốc cùng những người học trò xuất sắc của mình tiến hành Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản thành lập ĐCSVN.

Về đoàn kết quốc tế.

Ở Việt Nam, trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, nhìn từ thực tiễn lịch sử cho thấy, các phong trào yêu cầu đều nhận thức được rằng “có đoàn kết quốc tế mới mau thắng lợi”. Ngay nhà yêu nước Phan Bội Châu, mặc dù thất bại nhưng ông cũng rút ra được kinh

nghiệm là “phải liên kết với những người đồng bệnh”, tức là những dân tộc cùng bị thực dân, đế quốc áp bức, bóc lột như mình. Nhưng liên kết như thế nào, dựa vào ai, liên minh với ai? Ai là bạn gần, ai là bạn xa? Đây đều là những câu hỏi mà các nhà lãnh đạo phong trào yêu nước thời bấy giờ còn rất mơ hồ.

Kế thừa và phát huy những lời chỉ dạy của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác: “Những người cộng sản ở mọi nơi đều phấn đấu cho sự đoàn kết và sự liên hợp của các đảng dân chủ ở tất cả các nước” [112, tr. 646]. Mở rộng và phát triển quan điểm của C.Mác, Ăng ghen về vấn đề đoàn kết lực lượng cách mạng, QTCS và V.I. Lênin đã đưa ra khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!” [100, tr. 198-199]. Ngay từ sớm, Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ trong thời đại mới, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, cần đứng về phía mặt trận cách mạng thế giới, đoàn kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản các nước, đấu tranh cho lợi ích chung và lợi ích chính đáng của các dân tộc. Bởi theo Người: “sức mạnh, sự vĩ đại và bền bỉ của nhân dân Việt Nam cơ bản là ở sự đoàn kết của nhân dân Việt Nam và ở sự ủng hộ của nhân dân thế giới” [126, tr. 675].

Vì vậy, sau khi Hội VNCMTN thành lập, dưới sự chỉ đạo và kết nối của Nguyễn Ái Quốc, Hội VNCMTN đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình về tinh thần của quần chúng công nhân, binh lính và nhân dân Quảng Châu, đã nhận được sự giúp đỡ về vật chất của chính phủ Tôn Dật Tiên và của phái đoàn M.M.Bô-rô-đin, Liên Xô (từ việc bố trí ăn, ở, đi lại cho các học viên, in sách báo, tài liệu mà còn cả trong huấn luyện và giảng dạy). Ngoài ra, Hội và Nguyễn Ái Quốc còn nhận được từ chính phủ và Việt kiều ở Xiêm những sự giúp đỡ cả về tinh thần lẫn vật chất, đặc biệt là sự đùm bọc, che chở của nhân dân Xiêm. Chính từ đây mà Hội VNCMTN đã triển khai được rất nhiều hoạt động trọng yếu nhằm đào tạo cán bộ cách mạng, tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin về nước và chuẩn bị lực lượng thành lập đảng cộng sản, lãnh đạo phong trào GPDT Việt Nam.

Bên cạnh đó, Hội viên của Hội VNCMTN hiểu rõ: Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, “các đế quốc chủ nghĩa liên lạc với nhau để đè nén các dân tộc hèn yếu (Pháp liên lạc với Tây Ban Nha để đánh lấy Việt Nam; liên lạc với Nhật để giữ Việt Nam...)” [121, tr. 305]; “các tư bản liên lạc với nhau để tước lục thợ thuyền (tư bản Anh, Mỹ, Pháp liên lạc với tư bản Đức để tước lục thợ thuyền Đức)” [121, tr. 305]; cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc gắn kết chặt chẽ với nhau và diễn ra gay go, quyết liệt. Từ đó, Hội VNCMTN coi trọng giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản, bởi vì sự đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế vô sản là điều kiện rất quan trọng đối với sự thành công của cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: “Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư

bản (như Hội Công nhân quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đệ tam Quốc tế)” [121, tr. 305]. Để biểu đạt tình đoàn kết quốc tế, Hội lấy những sự kiện quan trọng trong lịch sử để vận động quần chúng thị uy. Chẳng hạn như ngày đế quốc Pháp nổ súng xâm lược nước Việt Nam (1/9), ngày hội của nhân dân lao động thế giới (1-5), ngày Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ (7-11), ngày Quốc tế phụ nữ (8-3), ngày kỷ niệm Lênin, Lépnhêch, Lúcxămbua, ngày Công xã Pari (18-3), ngày kỷ niệm Công xã Quảng Châu (11-12)... Bằng cách kích thích tinh thần cách mạng trong các tầng lớp lao động cơ bản, tiến tới liên kết trong một phong trào chung, thống nhất với quy mô ngày càng lớn nhằm làm thay đổi tương quan lực lượng; làm cho kẻ thù của giai cấp, của dân tộc ngày càng “nhỏ bé”. Qua đó, góp phần giúp cho nhân dân thấm nhuần tình bè bạn, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng đúng đắn của Hội VNCOMTN dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc.

Với nhân dân lao động Pháp, cách mạng Pháp và mối quan hệ giữa cách mạng Pháp và cách mạng Việt Nam, Hội VNCOMTN khẳng định đó là đồng minh của cách mạng Việt Nam, cách mạng Việt Nam cũng phải liên minh với cách mạng Pháp, có thể thành công trước cách mạng Pháp và mang lại tác động tích cực đối với cách mạng Pháp. Vì “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do. Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau” [121, tr. 284 – 285]

Như vậy, về đoàn kết quốc tế và tập hợp lực lượng của cách mạng Việt Nam, Hội VNCOMTN xác định: *Một là*, cách mạng Việt Nam phải đứng về phía phong trào công nhân và phong trào GPDT trên toàn thế giới mới có thể “đạp đổ” tất cả chủ nghĩa đế quốc trên toàn thế giới, trong đó “Công nhân là nền cách mệnh”; *Hai là*, xác định rõ mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc của cách mạng Việt Nam khi liên minh với phong trào cách mạng thế giới; giữa quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế của cách mạng Việt Nam; sự thống nhất biện chứng của các mối quan hệ đó; *Ba là*, xác định rõ mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc là mối quan hệ có tác động qua lại, trong đó, cách mạng thuộc địa sẽ không “thụ động ngồi chờ” cách mạng chính quốc.

Với những luận điểm trên đã góp phần làm cho Hội VNCOMTN hoàn thành trách nhiệm quốc tế trong giai đoạn trước khi ĐCSVN thành lập. Đồng thời đặt nền móng vững chắc cho sự đoàn kết bền chặt giữa cách mạng Việt Nam đối với các tổ chức cách mạng, Đảng Cộng sản trên thế giới. Qua đó “góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình” [130, tr. 613].

Tiểu kết chương 4

Song hành suốt quá trình phát triển của Hội VNCMTN là các hoạt động cách mạng bền bỉ và không mệt mỏi của Nguyễn Ái Quốc. Dưới sự chỉ đạo của Người, Hội VNCMTN vừa đào tạo cán bộ vừa truyền bá những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về GPDT, làm cho đồng bào thấm nhuần con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam; trên cơ sở “công – nông là gốc cách mệnh”, tập hợp hết thảy mọi lực lượng nhằm đánh đuổi chủ nghĩa thực dân Pháp, xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến, đưa lại hầm mỏ, nhà máy cho công nhân, ruộng đất cho nông dân, các quyền tự do làm ăn cho các tầng lớp khác; xây dựng đời sống, ấm no, dân chủ cho nhân dân. Với hệ thống tổ chức của Hội VNCMTN gồm năm cấp độ được bố trí chặt chẽ như vậy, thì ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, chỉ duy nhất Hội VNCMTN làm được. Ngoài ra, Hội còn phát triển các cơ sở đoàn thể quần chúng khắp Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Theo đó, đường dây liên lạc phát triển khắp cả nước, thậm chí còn vươn tới cả các Đảng Cộng sản một số nước như Trung Quốc, Pháp... và QTCS.

Chính những hoạt động đó, không chỉ đưa lại kết quả tinh thần dân tộc trong nhân dân được phát huy, phong trào yêu nước phát triển, phong trào công nhân ngày càng tự giác, mà bản thân những hội viên của Hội, giai cấp công nhân cũng ngày càng giác ngộ. Sự biến đổi về lượng của tầng chất dân tộc và đặc biệt là tầng chất giai cấp công nhân đó đến một giới hạn nhất định (điểm nút) sẽ dẫn đến sự chuyển hóa về chất, đưa bản chất giai cấp công nhân lên một nấc thang mới, đưa sự giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin lên trình độ mới. Thời điểm dẫn đến quá trình chuyển hoá về chất đó chính là sự phân hóa Hội thành những tổ chức cộng sản (do sự giác ngộ lý luận Mác được nâng cao và do yêu cầu của phong trào cách mạng dưới tác động của những hoạt động của Hội...). Thời điểm đánh dấu sự hoàn thành chuyển hóa về chất lên bậc thang mới là sự kiện thành lập ĐCSVN ngày 3/2/1930. Sự kiện này cũng đánh dấu Hội VNCMTN và Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện xuất sắc công tác chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cần thiết cho sự ra đời của ĐCSVN. Nói theo một cách khác, dưới sự dẫn dắt của Nguyễn Ái Quốc, Hội VNCMTN đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử với tư cách là tổ chức tiền thân của ĐCSVN trong sự nghiệp cách mạng dân tộc. Song song với đó, quá trình vận động của Hội VNCMTN từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, từ tổ chức yêu nước chân chính đến tổ chức Cộng sản (ĐCSVN) chính là hành trình hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam. Qua đó, góp phần xây dựng cơ sở nền tảng tư tưởng vững chắc, dẫn đường chỉ lối các hoạt động cách mạng cho ĐCSVN kể từ khi Đảng ra đời. Đặc biệt,

thời điểm Hội VNCMTN hoàn thành sứ mệnh “tiền thân” khi chuyển hóa thành công thành ĐCSVN đã chứng minh giá trị lý luận cũng như sự sáng tạo, tính đúng đắn trên thực tế của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa – phong kiến. Từ đó, bổ sung, phát triển kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin làm cho học thuyết khoa học này không chỉ đúng ở châu Âu, châu Á mà còn đúng trên toàn thế giới.

KẾT LUẬN

Cuối thế kỉ XIX, sau khi hoàn thành quá trình xâm lược và bình định Việt Nam, thực dân Pháp ráo riết thực hiện sứ mệnh “khai hóa văn minh” An Nam bằng hàng loạt các chính sách. Hệ quả là một xã hội thuộc địa - phong kiến đã được hình thành, nhiều giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện. Việt Nam trở thành nơi cung cấp nguồn nguyên, nhiên liệu dồi dào, thị trường rộng lớn cho tư bản chính quốc và cả nguồn nhân lực làm bia đỡ đạn cho đế quốc Pháp ở khắp các chiến trường trên thế giới. Những chuyển biến ấy làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai trở nên gay gắt. Nhận thấy không có gì “hiện đại hóa” trong con đường cứu nước của các bậc tiền bối, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm một giải pháp mới cho quê hương. Người đi qua nhiều quốc gia, làm nhiều nghề khác nhau để kiếm sống, học tập và khảo nghiệm. Tháng 7 năm 1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.Lênin và tìm ra được “cẩm nang” để GPDT: “Muốn cứu nước, GPDT không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [127, tr.30] tức là: “Muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất” [99, tr. 340]. Hơn nữa, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải việc của một hay hai người, nên muốn tiến hành GPDT theo phạm trù cách mạng vô sản thì phải thức tỉnh tích cực cách mạng của quần chúng lao động, dù trình độ của họ thế nào, làm cho họ có được tinh thần chủ động, biết tổ chức nhau lại để hoàn thành những nhiệm vụ thực tế cần phải hoàn thành. Ngay khi lựa chọn Quảng Châu (Trung Quốc) là điểm đến tiếp theo trong hành trình cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã nghĩ đến phương sách thích hợp để xây dựng một Đảng cách mạng theo chủ nghĩa Mác – Lê nin ở Việt Nam, nên khi rời Mátxcova về miền Nam Trung Quốc vào cuối năm 1924, Lý Thụy (bí danh của Nguyễn Ái Quốc) nhanh chóng tìm hiểu hoạt động của những người Việt Nam đang sinh sống tại đây. Tháng 2/1925, trên cơ sở nhóm Tâm Tâm xã, Người đã chọn một số thanh niên tích cực, thành lập ra nhóm Cộng sản đoàn và đến tháng 6/1925 Nguyễn Ái Quốc thành lập một tổ chức cách mạng có tính chất quần chúng rộng lớn hơn, lấy tên là Hội VNCOMT. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc cùng những thanh niên yêu nước cấp tiến hướng cách mạng Việt Nam thực hiện “để một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến và chủ nghĩa tư bản mà dựng ra chính quyền độc tài của thợ thuyền, dân cày và binh lính; một mặt tham gia vào cuộc thế giới c m san trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới đang thực hiện chủ nghĩa cộng sản” [49, tr. 118]. Điều mà không một lực lượng yêu nước nào thời điểm những năm 20 của thế kỉ XX làm được.

Vì là người sáng lập nên Hội VNCOMTN, nên song song với quá trình Hội VNCOMTN thực hiện sứ mệnh là tổ chức tiền thân của ĐCSVN, là các hoạt động vô cùng cần trọng và bền bỉ của Nguyễn Ái Quốc: vừa sử dụng những phương tiện có thể truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin trong quần chúng, vừa tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng trên khắp đất nước, đồng thời đào tạo ra đội ngũ các chiến sĩ cách mạng chân chính, chuẩn bị đầy đủ những điều kiện cần thiết cho sự ra đời ĐCSVN. Với sự sắp xếp khoa học của Nguyễn Ái Quốc đã giúp Hội VNCOMTN phát huy sức mạnh của những chiến sĩ cách mạng, tạo ra khả năng liên kết không chỉ ở trong nước mà còn ở cả các phân hội ở hải ngoại, tạo ra ảnh hưởng to lớn với quần chúng nhân dân. Đặc biệt, phong trào “vô sản hóa” do Hội xây dựng và tổ chức giai đoạn 1928-1929 đã tích cực đưa các hội viên vào các đồn điền, hầm mỏ, nhà máy, nông thôn để rèn luyện, học tập nâng cao lập trường giai cấp công nhân, đồng thời trực tiếp tuyên truyền giác ngộ và tổ chức quần chúng đấu tranh. Số hội viên của Hội giai đoạn đỉnh điểm đã lên tới hơn 1.700 người, nhờ vậy, phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân ngày càng phát triển rầm rộ, sôi nổi, đã tạo nên sự chuyển biến về lượng, sự biến đổi về chất cho Hội VNCOMTN nói riêng và cách mạng Việt Nam nói chung.

Đầu năm 1930, ĐCSVN ra đời đánh dấu kết thúc quá trình chuyển hoá thành công của Hội VNCOMTN từ một tổ chức yêu nước với hệ tư tưởng là chủ nghĩa yêu nước đã phát triển, chuyển hoá thành Đảng Cộng sản Việt Nam với hệ tư tưởng là chủ nghĩa Mác – Lênin. Kết quả này không chỉ có ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam mà còn có ý nghĩa đối với thế giới, cụ thể:

Đối với cách mạng Việt Nam: ĐCSVN ra đời là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Từ đây, trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, ĐCSVN – Đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam tiến hành lãnh đạo các tầng lớp nhân dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm nên những kỳ tích vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đóng góp xứng đáng vào phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vì hoà bình và tiến bộ của nhân loại.

Đối với thế giới: ĐCSVN ra đời là minh chứng thuyết phục nhất cho tài năng, trí tuệ và bản lĩnh của Nguyễn Ái Quốc trong việc chủ động áp dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin về GPDT vào một nước thuộc địa – phong kiến. Qua đó, góp phần làm cho học thuyết khoa học này hoàn thiện và chính xác hơn, không chỉ

đúng với cách mạng ở Châu Âu mà còn phù hợp với cả các nước thuộc địa, nửa thuộc địa ở Châu Á và trên toàn thế giới.

Năm trôi qua, tháng trôi qua, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN đã giành được nhiều thành tựu quan trọng trên con đường đổi mới toàn diện đất nước. Điều đó khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho dân tộc Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc cùng Hội VNCOMTAN (sau nay là ĐCSVN) đến nay vẫn đúng đắn và phù hợp với quy luật khách quan, dựa trên điều kiện thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Với sự khiêm tốn, chúng ta có thể nói rằng: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” [54, tr. 25].

Tóm lại, với tất cả những cống hiến của Hội VNCOMTAN và Nguyễn Ái Quốc cho sự đời, phát triển của ĐCSVN trên các phương diện: chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, thì không có một cá nhân nào hay tổ chức yêu nước đầu thế kỉ XX nào thực hiện được. Vì vậy, yếu tố Hồ Chí Minh là yếu tố không thể thiếu trong sự ra đời, phát triển của ĐCSVN. Đồng thời, Hội VNCOMTAN là tổ chức tiên thân duy nhất của ĐCSVN là sự thật không thể phủ nhận.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2020), *Thanh niên với trách nhiệm xã hội: Lịch sử-Hiện tại và sự kỳ vọng trong tương lai*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Trách nhiệm xã hội của thanh niên, sinh viên - Lý thuyết, thực tiễn và những vấn đề đặt ra, ISBN: 978-604-315-485-6, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 65 – 74.
2. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2021), *Nguyen Ai Quoc's methods of propagating marxism – leninism into vietnam in the early years of the twentieth century*, International Journal of Progressive Research and Innovative Ideas in Education, 7 (3), pp. 903 - 907 IJARIE [Online]. Available at:
https://ijarie.com/AdminUploadPdf/NGUYEN_AI_QUOC'S_METHODS_OF_PROPAGATING_MARXISM_LENINISM_INTO_VIETNAM_IN_THE_EARLY_YEARS_OF_THE_TWENTIETH_CENTURY_ijarie14300.pdf (Accessed: May 27, 2021)
3. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2022), “*Góp phần tìm hiểu phong trào “Vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên*”, Tạp chí Lịch sử Đảng, ISSN: 0936-8477, Số 379 tháng 6/2022, Hà Nội, tr. 87-92.
4. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2023), *From Nguyen Ai Quoc political training class in Guangzhou (China) to lessons for innovation in current teaching methods*, European Journal of Social Sciences Studies, [S.l]; ISSN 25018590. Available at:
<https://oapub.org/soc/index.php/EJSSS/article/view/1562/2139>
<https://doi.org/10.46827/ejsss.v9i2.1562>
5. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2023), *Góp phần tìm hiểu lớp huấn luyện chính trị của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu – Trung Quốc (1926 – 1927)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, ISSN: 2815 - 6382, Số 395 tháng 10/2023, Hà Nội, tr. 77-82.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng việt

1. Alain Ruscio (2019), *Hồ Chí Minh - Những bài viết và những cuộc tranh đấu*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
2. Đào Duy Anh (1992), *Nhớ nghĩ chiều hôm (Hồi ký Đào Duy Anh)*, NXB. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Phạm Ngọc Anh (2014), *Hồ Chí Minh với việc vận dụng, phát triển và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin thời kỳ ở Quảng Châu (1924 - 1927)*, Tạp chí Lý luận Chính trị, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang (2022), *Tóm tắt lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang (1927 - 2005)*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (1926-2010)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An (1998), *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An – Tập I (1930 – 1954)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2017), *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Bến Tre (1930 - 2015)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1930 – 1945)*, Bình Định.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước (2017), *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Bình Phước (1930 - 2015)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cần Thơ (2013), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cần Thơ- Tập 1 (1929 – 1945) (Sơ thảo)*, Tỉnh uỷ Cần Thơ, Cần Thơ.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1997), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (1930 - 1954)*, NXB. Đồng Nai, Đồng Nai.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2020), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1927 - 2000)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Ban Chấp hành Trung ương (2022), Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 tại Hội nghị Lần thứ Năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII *Về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2019), *Lịch sử Đảng bộ Tỉnh Quảng Ngãi (1930 - 1975)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Bình (1999), *Lịch sử đảng bộ tỉnh Thái Bình tập 1 (1927 – 1954)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá – Tập I (1930 -1954)*, NXB. Thanh Hoá, Thanh Hoá.
17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2013), *Lịch sử Báo Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1930 – 2010)*, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình (1995), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình, Tập 1 (1930 - 1954) (Sơ thảo)*, Tỉnh Quảng Bình.
19. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị (2022), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị, tập I (1930-1954)*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội.
20. Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng (2014), *Đi theo Đường khách mệnh (Hồi ký cách mạng)*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
21. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Ninh Bình (2013), *Đồng chí Tạ Uyên – Người chiến sỹ cộng sản ưu tú của Đảng*, Đảng bộ Tỉnh Ninh Bình, Ninh Bình.
22. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Phú Yên (2023), *Chuyên đề lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên (Dùng để bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, hội viên cơ sở theo Quyết định số 2448-QĐ/BTGTW, ngày 26/5/2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương)*, Phú Yên.
23. *Báo Nhân Dân* số 4062, ngày 18-5-1965
24. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương (nay là Viện Lịch sử Đảng) (1984), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo), Tập I (1920 - 1954)*, NXB. Sự thật, Hà Nội
25. *Báo Thanh niên*, số 63, ra ngày 3/10/1926, Bảo tàng cách mạng Việt Nam, Hà Nội.
26. Phan Bội Châu (1973), *Phan Bội Châu niên biểu (Hồi ký của Phan Bội Châu)*, Nhóm Nghiên cứu Sử - Địa xuất bản, Sài Gòn.
27. Trung Chính (1970), *Tâm Tâm xã là gì?*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 134 (9-10), Hà Nội.
28. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Nguyễn Văn Cừ - Nhà lãnh đạo xuất sắc - một tấm gương cộng sản mẫu mực*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
29. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Phùng Chí Kiên – tiểu sử*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Hồ Tùng Mậu - Tiểu sử*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2016), *Lê Hồng Phong – Chiến sỹ cộng sản quốc tế kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Nguyễn Phong Sắc – tiểu sử*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam (2015), *Ngô Gia Tự– tiểu sử*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. E. Cô -bê-lép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, NXB. Thanh Niên, Hà Nội.
35. Trần Văn Cung (*Hồi ký*), lưu tại Phòng Tư liệu Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
36. Lê Duẩn (1960), *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, NXB. Sự Thật, Hà Nội.
37. Lê Duẩn (1976), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, NXB. Sự thật, Hà Nội
38. Đinh Trần Dương (1997), *Sự chuyển hoá của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925 – 1930*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 4. 1997, Hà Nội
39. Đinh Trần Dương (2006), *Tân Việt Cách mạng Đảng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
40. Đinh Trần Dương (2015), *Vai trò lịch sử của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
41. Kinh Quốc Dương (2005), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội
42. Daniel Hémerly (2004), *Hồ Chí Minh, từ Đông Dương đến Việt Nam*, NXB. Phụ nữ, Hà Nội. DOI: doi.org/10.20495/seas.2.3_527
43. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (2000), *Hội thảo khoa học Kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 – 3/2/2000)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
44. Đại học Huế (2021), *Hội thảo quốc tế giáo dục Pháp-Việt cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX*, NXB. Đại học Huế, Thành phố Huế.
45. Hoàng Văn Đào (1964), *Việt Nam Quốc dân đảng - lịch sử đấu tranh cận đại (1927-1954)*, Giang Đông xuất bản, Sài Gòn.
46. Thanh Đạm (1997), *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, NXB. Nghệ An – NXB. Trẻ, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương (1977), *Các tổ chức tiền thân của Đảng – Văn kiện*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Đà Nẵng, Tập 1 (1925 - 1954) (Sơ thảo)*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 01*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng – Toàn tập, Tập 02*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (1999), *Văn kiện Đảng – Toàn tập, Tập 04*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng – Toàn tập, Tập 12*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
55. *Đảng Cộng sản Việt Nam – 80 năm xây dựng và phát triển* (2010), NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. *Đầu nguồn (Hồi ký về Bác Hồ)* (1977), NXB. Văn học, Thành phố Hồ Chí Minh.
57. *Đường khách mệnh – Giá trị lý luận và thực tiễn* (2007), NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.
58. G. Boudarel (1997) (Chương Thu, Hồ Song dịch), *Phan Bội Châu và xã hội Việt Nam ở thời đại ông*, NXB. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
59. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Trần Văn Giàu (1957), *Giai cấp công nhân Việt Nam, sự hình thành và sự phát triển của nó từ giai cấp “tự mình” đến giai cấp “cho mình”*, NXB. Sự thật, Hà Nội.
61. Trần Văn Giàu (2011), *Hồ Chí Minh – Vĩ đại một con người*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
62. Trần Văn Giàu (2019), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng Tháng Tám*, Tập 1, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
63. Trần Văn Giàu (2019), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Tập 2, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
64. Trần Văn Giàu (2019), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Tập 3, NXB. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
65. Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Thị Hồng Dung (2022), *Hồ Chí Minh - Hành trình vì độc lập dân tộc (1911 - 1945)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

66. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
67. Lê Mậu Hãn (2001), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Lê Mậu Hãn (2010), “Học thuyết cách mạng và sự chủ động, sáng tạo của Hồ Chí Minh với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Hội thảo khoa học Kỷ niệm 70 năm thành lập ĐCSVN (3/2/1930 – 3/2/2000)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
69. Nguyễn Duy Hạnh (2008), “Sự ra đời và phát triển Đảng bộ tỉnh Hà Nam từ năm 1930 đến năm 1965”, *Luận án tiến sĩ lịch sử*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
70. Nguyễn Thị Bích Hạnh – Nguyễn Văn Khoan (2001), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và mặt trận dân tộc thống nhất*, NXB. Lao Động, Hà Nội.
71. Trương Thị Bích Hạnh (2015), “Sự vận động tư tưởng trong các đảng phái chính trị ở Việt Nam thời cận đại”, *Luận án tiến sĩ lịch sử*, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
72. Ngô Văn Hoa, Dương Kinh Quốc (1978), *Giai cấp công nhân Việt Nam trước những năm thành lập Đảng*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
73. Trần Thị Hoa (2023), *Tư tưởng canh tân ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và hàm ý chính sách đối với nước ta hiện nay (Sách chuyên khảo)* NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
74. Trần Thị Thu Hoài (2015), *Sự biến đổi chính trị ở Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 (Sách chuyên khảo)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
75. Hoàng Văn Hoan (1986), *Hồi Ký*, bản đánh máy lưu tại Viện Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, kí hiệu HC/18, Hà Nội.
76. Nguyễn Văn Hoan (1970), *Tìm hiểu phong trào "vô sản hóa" năm 1930*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 134, Hà Nội.
77. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy Hà Tĩnh (2006), *Hà Huy Tập – Một số tác phẩm*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
78. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng - Hội đồng Lý luận Trung ương (2020), *Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
79. Nguyễn Văn Hồng (2001), *Mấy vấn đề lịch sử Châu Á và lịch sử Việt Nam, một cách nhìn*, NXB. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
80. Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thâu (2013), *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, NXB. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

81. Nguyễn Thế Huệ (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh với Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 3 năm 1985, Hà Nội.
82. Đỗ Quang Hưng (2004), *Công hội Đỏ Việt Nam*, NXB. Lao động, Hà Nội
83. Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Văn Khoan (2011), *Dấu Ấn Của Nhà Báo Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh Trong Cách Mạng Giải Phóng Dân Tộc*, NXB. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
84. Đỗ Quang Hưng (Chủ biên - 2000), *Lịch sử Báo chí Việt Nam 1865 – 1945*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội,
85. Đỗ Quang Hưng (2019), *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, NXB. Đại Học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội.
86. Nguyễn Văn Khánh (1999), *Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
87. Nguyễn Văn Khánh (2019), *Việt Nam 1919 – 1930 – Thời kỳ tìm tòi và định hướng*, NXB. Trí thức, Thành phố Hồ Chí Minh.
88. Nguyễn Văn Khánh (2019), *Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
89. Nguyễn Văn Khánh (2020), *Trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc*, NXB. Trí Thức, thành phố Hồ Chí Minh.
90. Nguyễn Văn Khoan – Nguyễn Tiên (Đồng chủ biên) (2005), *Bác Hồ ở Xiêm (1928 – 1929)*, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội.
91. Nguyễn Văn Khoan (2018), *Những chặng đường lịch sử Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội.
92. Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa Thế kỉ XX*, Công ty phát hành Nhã Nam cùng NXB. Thế giới phát hành vào tháng 9/2014, Hà Nội.
93. Đinh Xuân Lâm (1976), *Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
94. Đinh Xuân Lâm (1998), *Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, một số vấn đề nghiên cứu*, NXB. Thế giới, Hà Nội.
95. Đinh Xuân Lâm (2015), *Phong trào chống chủ nghĩa thực dân ở Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội
96. V.I.Lênin (2005) *Toàn tập, Tập 06*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
97. V.I.Lênin (2005) *Toàn tập, Tập 20*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội
98. V.I.Lênin (2005) *Toàn tập, Tập 36*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
99. V.I.Lênin (2005) *Toàn tập, Tập 39*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
100. V.I.Lênin (2005) *Toàn tập, Tập 41*, NXB. Chính trị Quốc gia -Sự Thật, Hà Nội.

101. Trần Huy Liệu – Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2003), *Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh – Bộ sách Lịch sử Tám mươi năm chống Pháp*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
102. Đỗ Hoàng Linh (2013), *Người đi tìm hình của Nước (Giai đoạn 1911 - 1930)*, NXB. Hồng Bàng, Gia Lai.
103. Phạm Bá Linh, Phạm Sang, Bua Khăm (2005), *Hồ Chí Minh với nhân dân Lào, nhân dân Lào với Hồ Chí Minh*, NXB. Công an nhân dân, Thanh Hoá.
104. Louis Marty (1933), *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française, Vol. No.1 - Le Tan Viet Cach Mênh Đảng ou Parti révolutionnaire du jeune Annam (1925-1930)*, Gouvernement général de l'Indochine, Direction des affaires politiques et de la Sûreté générale, Hanoi. (Bản dịch: *Tân Việt Cách Mệnh Đảng (1925 – 1930)*, Nguyễn Ngọc Cư dịch, Tập san Sử - Địa, Năm thứ VI, Số 22, tháng 4 – 6 – 1971; *Tân Việt Cách Mệnh Đảng (1925 – 1930)*, Nguyễn Ngọc Cư dịch, Tập san Sử - Địa, Năm thứ VIII, Số 25, tháng 1 – 3 – 1973, Nhà sách Khai Trí bảo trợ, Sài Gòn)
105. Louis Marty (1933), *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française, Vol. No.2 - Le Viet Nam Quoc dan dang ou Parti national annamite au Tonkin (1927-1932)*, Gouvernement général de l'Indochine, Direction des affaires politiques et de la Sûreté générale, Hanoi. (Bản dịch: *Việt Nam Quốc dân Đảng (1927 – 1932)*, Long Điền dịch, Tập san Sử - Địa, Số 6, Tháng 4, 5, 6 – 1967, Nhà sách Khai Trí bảo trợ, Sài Gòn)
106. Louis Marty (1933), *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française, Vol. No.3 - Le Viet Nam Quoc dan dang ou Parti national annamite des émigrés en Chine (1930-1933)*, Gouvernement général de l'Indochine, Direction des affaires politiques et de la Sûreté générale, Hanoi. (Bản dịch: *Việt Nam Quốc dân Đảng tại Hải ngoại (1930 - 1933)*, Nguyễn Huy dịch, Tập san Sử - Địa, Năm thứ ba, Số 11, Tháng 7, 8, 9 – 1968, Nhà sách Khai Trí bảo trợ, Sài Gòn)
107. Louis Marty (1933), *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de L'Indochine Française, Vol. No.4 - Le Dong Duong Cong san dang ou Parti communiste indochinois (1925-1933)*, Gouvernement général de l'Indochine, Direction des affaires politiques et de la Sûreté générale, Hanoi (bản dịch: *Đông Dương Cộng sản Đảng – Nguyễn Huy dịch, Tập san Sử - Địa, Năm thứ IV, Số 14 & 15, tháng 4 – 9 – 1969, tr. 176 - 202; Đọc tài liệu của sở Mật Thám Đông Dương về Đông Dương Cộng sản Đảng, Bàn Thống và Đông Tùng (dịch), Tập san Sử - Địa, Năm thứ V, Số 17 & 18 tháng 1 đến 6 – 1970, tr. 177- 197, Nhà sách Khai Trí bảo trợ, Sài Gòn)*

108. Hồ Thị Tố Lương (2001), “Mối quan hệ của Quốc tế Cộng sản với Đảng Cộng sản Đông Dương”, *Luận án Tiến sĩ lịch sử*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
109. Hồ Thị Tố Lương (2007), Đề tài khoa học cấp bộ *Ảnh hưởng của Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
110. Đinh Xuân Lý (2015), *Những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tạp chí Lịch sử Đảng - Số 1 (290), Hà Nội.
111. C.Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập, Tập 02*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
112. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 04*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
113. C. Mác và Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập, Tập 07*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
114. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, Tập 13*, NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
115. C.Mác - Ph.Ăngghen (1995), *Tuyển tập, tập 36*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
116. Mary Somers Heid Hues (2007), *Lịch sử phát triển Đông Nam Á*, NXB. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
117. *Chủ tịch Hồ Chí Minh: Tiểu sử và sự nghiệp* (1978), NXB. Sự Thật, Hà Nội.
118. Hồ Chí Minh (1960), *Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, Báo Nhân dân, Thứ tư, ngày 6/1/1960, Hà Nội
119. Hồ Chí Minh (1995), *Nhiệm vụ của thanh niên ta*, báo Nhân Dân, ngày 20/12/1955, Hà Nội.
120. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 01*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
121. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 02*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
122. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 03*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
123. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 05*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
124. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 07*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
125. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 08*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
126. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 11*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
127. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 12*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
128. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 13*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
129. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 14*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội.
130. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 15*, NXB. Chính trị Quốc gia-Sự Thật, Hà Nội
131. Lương Ninh (Chủ biên) (2008), *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

132. Nguyễn Nghĩa (1964), *Công cuộc hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở trong nước sau hội nghị Hương Cảng và việc tổ chức Ban Trung ương Lâm thời đầu tiên*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 62 (Tháng 05/1964), Hà Nội.
133. Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2007), *Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX*, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
134. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng (2009), *Lịch sử thế giới cận đại*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
135. Trần Thanh Nhân (2008), “Quan hệ giữa các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam với nước ngoài đầu thế kỉ XX (1904-1929)”, *Luận án Tiến sĩ lịch sử*, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
136. Paul Doumer (2016), *Xứ Đông Dương*, NXB. Thế giới, Hà Nội.
137. Pierre Brocheux & Daniel Hémery (2022), *Đông Dương – Một nền thuộc địa nhập nhằng*, NXB. Thế giới, Hà Nội.
138. Hoàng Phê (Chủ biên) – Viện Ngôn ngữ học (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB. Hồng Đức, Hà Nội.
139. Đào Duy Quát, Đỗ Quang Hưng, Vũ Duy Thông (2010), *Tổng quan lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam (1925-2010)*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
140. Dương Kinh Quốc (1999), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1918)*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
141. Phạm Quỳnh (2007), *Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp trong thời gian 1922-1932*, NXB. Tri thức, Hà Nội .
142. Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, NXB. Giáo dục, Hà Nội.
143. Shiraishi Masaya (2000) (người dịch Nguyễn Như Diễm, hiệu đính Chương Thâu), *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á: Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
144. Sophie Quinn – Judge (2002), *Ho Chi Minh: The Missing Years 1919 - 1941* (Bản dịch: *Hồ Chí Minh: Những năm tháng chưa được biết đến*; Dịch giả: Diên Vỹ & Hoài An) Nguồn: Diễn đàn www.xcafevn.org
145. Solokov A. A. (1999), *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
146. Trần Đức Tài (2015), *Làng báo Sài Gòn 1916 – 1930*, NXB. Trẻ, Hà Nội (Dịch từ *The Birth of Vietnamese Political Journalism Saigon 1916-1930* của Philippe M.F.Peycam)

147. Trần Dân Tiên (1995), *Những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB. Trẻ, Hà Nội
148. Tỉnh uỷ Nam Định (2001), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Nam Định 1930-1975*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
149. Tỉnh uỷ Quảng Ninh (1985), *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ninh – Tập 1 (1928 – 1945) (Sơ thảo)*, Nhà máy in Tiên Bô, Hà Nội.
150. Tỉnh uỷ Nghệ An – Bộ Quốc phòng (2009), *Phùng Chí Kiên – Người Công sản mẫu mực, kiên trung, nhà chính trị, quân sự song toàn*, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
151. Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế (2005), *Địa chí Thừa Thiên Huế- Phần Lịch sử*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
152. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (2008), *Nguyễn Đức Cảnh – Người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất*, NXB. Lao động, Hà Nội.
153. Nguyễn Anh Thái (Chủ biên) (1999), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945*, Quyển A, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
154. Nguyễn Anh Thái (Chủ biên)(1999), *Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1945*, Quyển B, NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
155. Nguyễn Thành (1984), *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội
156. Nguyễn Thành (chủ biên) (1985), *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội*, NXB. Thông tin lý luận, Hà Nội.
157. Song Thành (Chủ biên) (2006), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội.
158. Song Thành (Chủ biên) (2018), *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924 – 1927)*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội
159. Thành uỷ, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Hải Phòng (2021), *Lịch sử Hải Phòng tập III (Từ năm 1888 đến năm 1955)*, NXB. Chính trị Quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.
160. Đinh Ngọc Thạch (2008), “*Đông Kinh Nghĩa Thục trong dòng chảy của tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*”, Một trăm năm Đông Kinh Nghĩa Thục, NXB. Trí thức, Hà Nội.
161. Trịnh Văn Thảo (2009), *Nhà trường Pháp ở Đông Dương*, NXB. Thế Giới, Hà Nội.
162. Trịnh Văn Thảo (2013), *Ba thế hệ trí thức người Việt (1862-1954) - Nghiên cứu lịch sử xã hội*, NXB. Trí Thức, Hà Nội.
163. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh - Con người của sự sống*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

164. Mạch Quang Thắng (2022), *Bài học kinh nghiệm xây dựng Đảng từ hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ*, Tạp chí Lý luận chính trị số 533 (7-2022), Hà Nội.
165. Phạm Văn Thắng (2007), *100 câu hỏi – đáp về Gia đình – Sài Gòn- Thành phố Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Bộ*, NXB. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
166. Chương Thu, Hồ Song, Ngô Văn Hoà, Nguyễn Văn Kiệm, Đinh Xuân Lâm (1999), *Lịch sử Việt Nam 1897-1918*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
167. Trần Trọng Thơ (2020), “Tinh tất yếu sự ra đời của Đảng và yếu tố Hồ Chí Minh trong thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Đảng Cộng sản Việt Nam - Trí tuệ, bản lĩnh, đổi mới vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (Kỷ yếu Hội thảo khoa học)*, tr. 7-20.
168. Phạm Đào Thịnh (2020), *Bước chuyển tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Giá trị và bài học lịch sử*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
169. Tạ Thị Thúy (2007), *Công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ hai của người Pháp (1919-1930)*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (7), Hà Nội
170. Tạ Thị Thúy (2005), *Về vấn đề đầu tư của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (7), Hà Nội.
171. Nhung Tống (1945), *Tân Việt cách mệnh đảng*, Việt Nam thư xã, Hà Nội.
172. Phạm Hồng Tung – Trần Viết Nghĩa (biên soạn) (2022), *Lịch sử Hà Nội cận đại 1883-1945*, NXB. Hà Nội.
173. Phạm Tuyền (1985), *Tìm hiểu những yếu tố cấu thành Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB. Thông tin Lý luận, Hà Nội.
174. Huỳnh Văn Tuyết (2018), “*Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng Quảng Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930*”, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
175. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (2008), *Giáo trình thể chế chính trị Việt Nam*, NXB. Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội
176. Hoàng Tranh (1987), *Hồ Chí Minh với Trung Quốc*, NXB. Giải phóng quân, Bắc Kinh, (bản dịch Tiếng việt, lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Hà Nội).
177. Thu Trang (Công Thị Nghĩa) (1991), *Nguyễn Ái Quốc tại Paris (1917 – 1923)*, Viện Văn hoá nghệ thuật Việt Nam.
178. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập, Tập 3*, NXB. Đà Nẵng
179. Thế Văn (2004), *Ngô Gia Tự - Người Cộng sản lỗi lạc*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

180. Đặng Huy Vận (2019), *Phong Trào Yêu Nước Chống Thực Dân Pháp Xâm Lược Của Nhân Dân Việt Nam Cuối Thế Kỷ XIX - Đầu Thế Kỷ XX*, NXB. Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
181. Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, *Đảng cộng sản Pháp đối với cách mạng Việt Nam*, tài liệu tham khảo của Phan Văn Ban, ĐHTH HN, ký hiệu tài liệu: H28C.I/ 19.
182. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Báo cáo của Désiré về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc 1920-1923*, ký hiệu tài liệu: H20 C15/11.
183. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Désiré báo cáo của mật thám phương Đông về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ngày 5.11.1924*, ký hiệu tài liệu: H21C1/2.
184. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Báo cáo của Di-ri-re ngày 13.10.1923*, ký hiệu tài liệu: H20C13/10.
185. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Chú thích về Nguyễn Ái Quốc của Sở thanh tra và bảo trợ người bản xứ của thuộc địa Pháp*, ký hiệu tài liệu: H21C3/14.
186. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh (1989), *Hồ Chí Minh-Những sự kiện*, Thông tin lý luận, Hà Nội.
187. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Thư của Nguyễn Ái Quốc viết từ Mátxcova gửi Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp 7.1923*
188. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Thư của Tổng Bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên gửi hội viên ở các đồng chí ở ba Kỳ 25.7.1929*
189. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Thư của Quốc tế Cộng sản gửi các Đảng Cộng sản Pháp, Tàu, Ấn Độ về việc công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là một chi bộ của Quốc tế Cộng sản.*
190. Viện lịch sử Đảng, *“Các hội chống Pháp và phong trào cộng sản ở Đông Dương”*, báo cáo của mật thám Đông Dương về các sự kiện xảy ra trong tháng 12.1929, chủ yếu về Việt Nam cách mạng thanh niên hội, ký hiệu tài liệu: P/29.3.
191. Viện lịch sử Đảng, *Những hội chống Pháp ở Đông Dương và việc tuyên truyền cộng sản, báo cáo của mật thám Đông Dương ngày 23.10.1929*, ký hiệu tài liệu: P/29.10.
192. Viện lịch sử Đảng, *Báo cáo bổ sung cho báo cáo số 2083/SG ngày 23.10.1929, báo cáo của mật thám Đông Dương ngày 19.11.1929 về Đảng Thanh niên và Đảng Tân Việt*, ký hiệu tài liệu: P/29.2.
193. Viện lịch sử Đảng, *Về vấn đề tờ báo “Le Paria” (Người cùng khổ), báo cáo của mật thám Pháp tháng 3.1924*, ký hiệu tài liệu: D1/ 14.3.
194. Viện lịch sử Đảng, *Bản ghi của mật thám Pari về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 27.8.1922 về tên những người Việt Nam yêu nước tại Marseille*, ký hiệu tài liệu: D1/13.6.

195. Viện lịch sử Đảng, *Bác Hồ ở Pháp*, Đào Nhật Vinh kể, ký hiệu tài liệu: D1b/4-2.
196. Viện lịch sử Đảng, *Tập tài liệu của mật thám gửi tổng đốc Thanh Hoá, Công sứ Thanh Hoá, Chánh mật thám trung kỳ ở Huế về việc theo dõi Lê Mạnh Trinh từ 1928-1929*, ký hiệu tài liệu: P/28.1.
197. Viện lịch sử Đảng, *Báo cáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 13.2.1930*, ký hiệu tài liệu: D1/39.4.
198. Viện lịch sử Đảng, *Thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 19.12.1924*, ký hiệu tài liệu: D1/33.37.
199. Viện Lịch sử Đảng (2021), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Biên niên Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tập 1 (1930 – 9/1945)*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
200. Viện Lịch sử Đảng (2018), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930 - 1954) – quyển 1 (1930 - 1945)*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
201. Viện Lịch sử Đảng (2018), Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1 (1930 - 1954) – quyển 2 (1945 - 1954)*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
202. Viện Sử học (2007), *Lịch sử Việt Nam – Tập VIII -1919 -1930*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
203. Trần Thị Vinh (2008), *Lịch sử thế giới*, Khoa Lịch sử Đại học Sư phạm, Hà Nội.
204. Vladimir N. Kolotov (2018), “Hệ tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng (12/2018)* – Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
205. *Vô sản hóa (Hồi ký cách mạng)*, (1972), NXB. Thanh Niên, Hà Nội.
206. Tầm Vu (1978), “Thanh niên”- Tờ tuần báo đầu tiên của vận động truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin trên đất nước Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 178 (Tháng 1/1978), Hà Nội
207. Đức Vượng (1985), “Tìm hiểu quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh – Từ chủ nghĩa yêu nước đến Chủ nghĩa Mác – Lênin”, *Luận án Phó tiến sĩ khoa học chuyên ngành Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại*, Viện Sử học, Hà Nội.
208. Đức Vượng, Nguyễn Văn Khoa (1990), *Hành trình cứu nước của Bác Hồ*, NXB. Sự Thật, Hà Nội.
209. Đức Vượng (2010), *Hồ Chí Minh đào tạo cán bộ và trọng dụng nhân tài*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
210. William J. Duiker (2001), *Hồ Chí Minh, một cuộc đời*, NXB. Hyperion, New York, America. (Bản dịch phòng biên dịch – Bộ Ngoại giao).

211. Phạm Xanh (1990), *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá Chủ nghĩa Mác – Lênin ở Việt Nam (1921 - 1930)*, NXB. Thông tin lý luận, Hà Nội
212. Phạm Xanh (2001), *Tôn Dật Tiên với một số nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam*, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (12), Hà Nội.
213. Phạm Xanh (2005), *Thanh niên – Tờ báo khởi nguồn cho dòng báo chí cách mạng Việt Nam*, *Tạp chí Lịch sử Đảng* – số 6, Hà Nội
214. Phạm Xanh (2006), *Trường Đại học Phương Đông một nơi đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam*, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Hà Nội.
215. Phạm Xanh (2009), *Về việc đào tạo đội ngũ cán bộ quân sự cách mạng đầu tiên của Việt Nam*, *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, Hà Nội.
216. Lê Văn Yên (2005), *Vai trò của Hồ Chí Minh trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, *Tìm hiểu vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam*, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Tài liệu tiếng nước ngoài.

217. Alexandre Woodside (1976), *Community and Revolution in Modern Vietnam*, East Asia Research Center, Harvard University
218. Buttinger J. (1968), *Vietnam A Political History*, Frederick A. Praeger, New York.
219. Duiker, W. J. (1972), *The Revolutionary Youth League: Cradle of Communism in Vietnam*. *The China Quarterly*, 51, pp. 475–499.
<http://www.jstor.org/stable/652485>
220. Duiker, W. J. (1976), *The Rise of Nationalism in Vietnam 1900-1941*, NXB. Đại học Cornell. ISBN 0801409519.
<https://archive.org/details/riseofnationalis0000duik/page/n7/mode/2up>
221. Duiker, W. J. (1981), *The Communist Road to Power in Vietnam*, Boulder Co., Westview Press.
222. HanyaThip Sripana (2013), *Tracing Hồ Chí Minh's Sojourn in Siam*, *Southeast Asian Studies*, Vol. 2, No. 3, December, pp. 527–558, DOI: doi.org/10.20495/seas.2.3_5 https://englishkyoto-seas.org/wp-content/uploads/SAS_2-3.pdf
223. Hue Tam Ho Tai (1992), *Radicalism and the Origins of Vietnamese Revolution*, Harvard University Press.
224. Huỳnh Kim Khánh (1986), *Vietnamese Communism, 1925-1945*, NXB. Đại học Cornell, ISBN 0801493978.
225. Megan Cook (1977), *The Constitutionlist Party in Cochinchina: The year of decline, 1930-1942*, Centre of Southeast Asian Studies, Monash University, Australia

226. Paul Mus (1952), *Vietnam: Sociologie d'une guerre*, Édition du seil, Paris.
227. Phillippe Devillers (1952), *Histoire du Vietnam de 1940-1952*, Édition du seil, Paris
228. François Guillemont (2012), *Dai Viet independance et revolution au Vietnam, l'échec de la troisième voie (1938-1955)*, Les Indes Savantes, Paris.
229. Sophia Quinn-Judge (2001), "The Communist International and the Vietnamese Communist Movement, 1919-1941" (Nguyễn Ái Quốc, Quốc tế Cộng sản và Phong trào Cộng sản Việt Nam, 1919-1941), *Luận án Tiến sĩ lịch sử*, Đại học SOAS Luân Đôn, Vương quốc Anh
(DOI: <https://doi.org/10.25501/SOAS.00028517>)
230. Sudhir Kumar Singh (2009), Ho Chi Minh and Vietnam's struggle for freedom, *Proceedings of the Indian History Congress*, 70, pp. 795–801.
<http://www.jstor.org/stable/44147726>
231. R.B.Smith (1969), "Bùi Quang Chiêu and the Constitutionalist Party 1917-1930", *Modern Asia Studies* (2), Cambridge, London, pp. 131-150
Website
232. <https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-ti%E1%BB%81n%20th%C3%A2n>
233. https://vi.wiktionary.org/wiki/ti%E1%BB%81n_th%C3%A2n
234. <https://www.informatik.uni-leipzig.de/~duc/Dict/>